Đ 812 N

HUỲNH NGỌC TRẢNG-TRƯƠNG NGỌC TƯỜNG - HỒ TƯỜNG

VĂN HÓA DÂN GIAN CỔ TRUYỀN

ĐÌNH NAM BỘ
TÍN NGƯỠNG VÀ NGHI LỄ

THƯ - VIỆN
TỈNH
ĐỒNG - NAI
Đ/95/VV: 32662

2018/ĐC/VV 00001263

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1993

H
của
phá
đổi
nhũ
luật
lại l
tàn
khá
thốn
thịn
động
thàn
tất c
vượt
R
làm
Nếu
đếm
thời

LỜI NÓI ĐẦU

Đình, từ lâu, đã trở thành một trong những thành tố của thiết chế văn hóa làng xã truyền thống. Lịch sử luôn phát triển, theo đó, truyền thống văn hóa cũng phải biến đổi để đáp ứng yêu cầu văn hóa của từng thời đại. Đình và những tập tục hữu cơ của nó cũng không thoát khỏi quy luật này. Trong thực tế, sự nhìn nhận về cái đình từng lúc lại hoàn toàn khác nhau. Một quan điểm cho rằng đình là tàn tích đã lỗi thời nên cần phải dẹp bỏ, và một quan điểm khác cho rằng đình là một dạng thức văn hóa truyền thống cần được bảo vệ. Có dạo quan điểm đầu tiên được thịnh hành và đình đã bị dẹp bỏ, trưng dụng cho các hoạt động công ích và rồi vài năm nay, quan niệm thứ hai lại thành thời thượng, đình được trùng tu, tôn tạo và phục hồi tất cả những gì vốn có của nó, kể cả những gì đã bị lịch sử vượt qua.

Rõ ràng cả hai quan điểm - cơ sở chỉ đạo cho hai cách làm trên - đều dẫn đến những sai lầm cực đoan đáng tiếc. Nếu một quan điểm đã phủ định sạch trơn quá khứ, không đếm xỉa gì đến việc thừa kế truyền thống văn hóa trong thời hiện đại thì quan điểm khác lại bảo thủ truyền thống

một cách không biết chọn lọc và như vậy có thể dẫn đến những tác hại làm cản trở sự tiến bộ.

Nguyên nhân chính của những sai lầm trên là do việc đánh đồng mê tín và tín ngưỡng. Có lúc đánh đồng những tập tục tín ngưỡng với mê tín để phê phán, đánh đổ và ngược lại, có lúc đánh đồng tập tục tín ngưỡng lẫn mê tín với văn hóa truyền thống để phát huy, để phục hồi...

Hiển nhiên là để có một định hướng đúng đắn về một việc nào đó buộc phải nghiên cứu tường tận về nó nhằm xác định cái gì lạc hậu nên gạt bỏ, hạn chế; cái gì nên bảo vệ, phát huy. Tất nhiên, để làm việc này, cũng cần phải có những định hướng vĩ mô về văn hóa làm nền tảng cho sự đánh giá, chọn lọc. đó là vấn đề lớn. Ở đây, việc biên soạn tập sách này, chúng tôi chỉ giới hạn mục đích vào việc giới thiệu một số những tư liệu cơ bản về đình Nam bộ, đặc biệt chú trọng đến phần tín ngưỡng và nghi lễ như chúng đã từng tồn tại trong quá khứ. Kỳ vọng của chúng tôi là cung cấp cho bạn đọc một tài liệu tham khảo, họa may có thể giúp ích cho việc tiến hành các hoạt động cụ thể ở đình.

Trong quá trình biên soạn tập sách này, ngoài kết quả điều tra thực tế, chúng tôi đã được nhiều nhà nghiên cứu, các bậc trưởng thượng cho phép sử dụng những tài liệu riêng. Nhân đây chúng tôi xin được bày tỏ lòng tri ơn đến các hội đình, các hội quí tế, các cơ quan chính quyền và đoàn thể quận, huyện, phường, xã mà chúng tôi đề cập đến trong sách này. Đặc biệt, chúng tôi xin tỏ lòng biết ơn đến:

nghệ sĩ nhân dân Thành Tôn, nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường, ông Phạm Văn Nhứt (nhóm nhạc lễ Gò Vấp), bà Phạm Thị Hảo (giảng viên môn Hán văn - giúp chúng tôi hiệu đính các bản phiên âm và dịch nghĩa sắc thần)...

Chúng tôi biết rõ rằng đình là đối tượng nghiên cứu phức tạp, do đó, tập sách này chắc chắn là còn nhiều thiếu sót. Rất mong được bạn đọc đóng góp ý kiến bổ khuyết.

Giao thừa Tết Quý Dậu (1993)
NHÓM BIÊN SOẠN

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ CỦA ĐÌNH LÀNG NAM BỘ

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐÌNH LÀNG NAM BỘ

I. KHẨN HOANG VÀ DỰNG ĐÌNH:

1. Khẩn đất lập làng:

Sông Cửu Long là thủy đạo quan trọng nên từ nhiều thế kỷ trước đã có một số người biết đến vùng đất này khi họ đi qua nó để đến vương quốc Chân Lạp. Sử ghi vào đời nhà Nguyên (1260-1367) ông Châu Đạt Quan là một quan Trung Quốc đã vâng lệnh triều đình theo đường thủy lên tận Angkor. Ông đã gặp nhiều kiều dân Trung Quốc. Có lẽ trong đoàn ông có nhiều người Hoa thiên cư, được ông giúp đỡ nên ông Châu Đạt Quan được một số người tôn làm "Ông Bổn", đồng nghĩa với Thổ Địa, cũng có nghĩa là thủy tổ di dân. Hiện nay, tại đường Nguyễn Trãi (quận 5 thành phố Hồ Chí Minh), người Phước Kiến có lập miếu thờ ông, gọi là Nhị Phủ Miếu. Sau đó, vào khoảng 1516-1550, có nhiều đoàn thám hiểm Bồ Đào Nha đến cửa Tiểu, cửa Đại. Họ định chiếm Mỹ Tho để lập một thương cảng, nhưng sao đó phải bỏ ý định vì vùng này gần như không có dân. Rải rác Nam bộ còn nhiều địa danh như: Bàu Xiêm (Mỹ Tho), giồng Nhật Bản (Bến Tre), xóm Bà Ba, xóm Cù Là... Phải chăng, nơi đây đã có dấu chân của

người Thái Lan, người Nhật, người Java, người Miến Điện...?

Do chiến tranh tranh giành ảnh hưởng của hai tập đoàn phong kiến Trịnh-Nguyễn, một số người Việt (thời đó gọi là Thuận Hóa-Quảng Nam đẳng xứ) đã vào Nam lập nghiệp. Bên cạnh số người Việt, còn có một số người Chiêm Thành, người Tày... và có cả người Minh Hương. Giống như cha ông họ ngày xưa đã vượt cửa Càn (Quỳnh Lưu, Nghệ An) từ miền Bắc vào miền Trung, đám lưu dân này đã dùng ghe bầu nan vượt bao sóng gió bão bùng. Họ nhìn theo rặng Trường Sơn, cuối rặng Trường Sơn là Vũng Tàu. Năm 1776, Lê Quý Đôn đã gặp Trùm Châm, người thôn Chính Hòa, châu Nam Bố Chính (vùng Thuận Hóa), là một thuyền trưởng, đã vào Nam buôn bán hơn mười lần. Ông Trùm nhà ta cho biết, muốn vào Nam phải đi vào khoảng tháng chín, tháng mười năm trước và trở về khoảng tháng tư, tháng năm năm sau. Khi lãnh giấy phép rồi thì ra cửa biển, thuyền đến Vũng Tàu, là chỗ đầu xứ Gia Định, vùng ven biển có dân cư, hỏi thăm dân địa phương nơi nào được mùa thì tới đó buôn bán. Thường thì vào cửa trên có cửa Cần Giờ, giữa có cửa Soai Rạp, dưới có cửa tiểu, cửa Đại... (*Phủ Biên Tạp Lục*).

Giữa năm Kỷ Mùi (1679), một số di thần nhà Minh không thần phục nhà Thanh, bỏ xứ sang nước ta tị nạn. Nhóm này khoảng 3.000 người. Nhóm Trần Thắng Tài được chúa Nguyễn cho định cư vùng Biên Hòa. Nhóm Dương Ngạn Địch định cư vùng Mỹ Tho. Sau đó, nhóm

Mạc Cửu ở Hà Tiên cũng xin sát nhập vào bản đồ. Chúa Nguyễn đặc ân cho Dương Ngạn Địch mở chín trường để thu thuế nhóm người Hoa này. Chín trường (kho) ấy rải rác ở Nam bộ, có tên là: Qui An, Qui Hóa, Bả Canh, Tam Lạch, Thiên Mụ, Hoàng Lạp, Giản Thảo, và Tân Thạch. Năm 1789, lúc Nguyễn Ánh đã lên ngôi chúa, ra lịnh giải tán chín trường và cho phép những người Hoa này lập làng Thanh Hà hoặc làng Minh Hương. Theo một số tư liệu thành văn còn lại thì làng Thanh Hà hay làng Minh Hương giống như chế độ lãnh sự ngày nay. Làng này có đình (hay miếu thay đình) nhưng không có đất đai canh tác. Thông thường thì họ phải ở đậu trên làng người Việt. Đặc biệt làng này trực thuộc tỉnh (không trực thuộc phủ, huyện, tổng như làng Việt). Dân làng không tập trung, cư trú lẫn lộn với người Việt, miễn sao cuối năm đóng đủ số thuế qui định.

Đồng thời chúa Nguyễn cũng đã cho một số người Việt do Xá Sai Văn Chiêu và Tướng Thần lại Văn Trinh đứng đầu theo hộ tống số người Minh tị nạn. Xá Sai và Tướng Thần lại là những chức vụ quản lý lương thực thuế vụ của một dinh (tỉnh); do vậy, có lẽ ở vùng này đã có đông người Việt khai hoang lập nghiệp. Thực tế, theo sử Kampuchia thì vào năm 1623 vua Cao Miên đã chấp nhận cho chúa Nguyễn lập một đồn thuế tại Prei-Nokor (Sài Gòn). Điều đó cho thấy rằng lưu dân Việt đã tới khẩn hoang lập ấp vùng Sài Gòn từ lâu. Sài Gòn khi ấy đã trở thành một tụ điểm đông đúc nên chúa Nguyễn mới có ý định lập đồn

thu thuế. Và đến đầu năm Kỷ Mùi (1679), trước mấy tháng khi đám quan quân Minh Hương đến, chúa Nguyễn Phúc Tần đã lập đồn dinh Tân Mỹ. (Theo *Đại Nam nhất thống chí* ghi chép thì đồn này ở khoảng ngả tư Cống Quỳnh - Nguyễn Trãi, thuộc địa phận quận I thành phố Hồ Chí Minh hiện nay). Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí* cũng xác nhận lúc ấy "sai tướng vào khai thác phong cương ở nơi bằng phẳng rộng rãi, tức là chỗ chợ Điều Khiển, xây cất đồn dinh làm chỗ cho quan Tham mưu cư trú. Lại đặt dinh Tân Thuận, tức nay là lân Tân Thuận, có cất nha thự cho quan Giám quân, Cai bạ và Ký lục ở. Lại có trại hộ vệ ngăn ra từ khu rào, ngoài thì chia cho dân trưng chiếm, chia lập làng xóm phố chợ". Như thế vùng Sài Gòn - Chợ Lớn từ năm 1679 đã có làng xã, nên năm 1698, Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh vâng lịnh chúa Nguyễn vào Nam tổ chức các đơn vị hành chính, sát nhập chính thức vùng đất này vào bản đồ nước Đại Nam, tạo cơ sở cho phong trào khai hoang lập ấp sau này.

Từ miền Trung vào Nam tìm đất sống nhưng sống được không phải dễ dàng. Thiên nhiên khắc nghiệt, thú dữ như cọp, voi, heo rừng, trăn, rắn, sấu...đầy rẫy. Lại thêm trộm cướp khá nhiều, mà con người đi khai hoang thì gần như lẻ loi...Có nhiều gia đình ở hai ba đời mà không định cư. Có nhiều làng phải xiêu tán rồi lập lại nhiều lần. Do đó tên làng có thay đổi. Hiện nay, mỗi khi lễ Tết, đồng bào Nam bộ có tục bày một mâm cúng vong hồn "xiêu mồ lạc mã" là muốn tưởng nhớ những người phiêu bạt ấy.

Theo quy chế nhà Nguyễn thì làng nhỏ (tiểu thôn) gọi là *lân, ấp, trại, trang*... (nếu ở đô thị gọi là *phố, phường*...). Làng trung bình (trung thôn) thì gọi là *thôn*. Làng lớn (đại thôn) thì gọi là *xã*. Làng lớn có ba bốn thôn, mỗi thôn có ba bốn ấp. Làng nhỏ có vài ba ấp. Thậm chí có làng nhỏ chỉ có một ấp duy nhất. Mô hình phổ biến là "thôn - ấp". Ít thấy mô hình "xã-thôn-ấp".

Làng xã Nam bộ được thành lập từ động lực kinh tế nên các thành viên đầu tiên đều có quan hệ huyết thống, thân thuộc. Có nhiều hình thái, đại khái:

- Làng nhỏ có một ấp do một cá nhân hay một dòng họ khai khẩn.

- Làng nhỏ có một ấp do tập thể nhiều cá nhân hay nhiều dòng họ khai khẩn.

- Làng có nhiều ấp, mỗi ấp do nhiều cá nhân hay nhiều dòng họ khai khẩn.

- Làng lớn có nhiều ấp (có khi có 10-15 ấp), mỗi ấp nhỏ do một cá nhân hay một dòng họ khai khẩn.

Mỗi triều đại đều có ban hành qui chế khai hoang lập ấp. *Minh điều hương ước* (Qui chế đồn điền ban hành năm 1852) qui định phải có 200 dân đinh trở lên, khẩn từ 100 mẫu trở lên thì mới được phép lập một xã; phải có 50 - 200 dân đinh, khẩn từ 50 mẫu trở lên thì mới được phép lập một thôn; phải có 10-50 dân đinh, khẩn 10 mẫu trở lên thì mới lập một ấp. Trước đó, qui định còn rộng rãi hơn. Thí dụ vào năm Canh Tuất (1790), Nguyễn Phúc Ánh qui định chỉ cần có 40 dân đinh là được phép lập một thôn.

Qua số đơn xin lập làng còn sót lại, chúng ta thấy qui định này còn rộng rãi hơn nữa. Vào đời Gia Long, có đơn chỉ có 17-20 dân đinh đứng tên lập một thôn. Do chú trương quản lý bằng "thuế khoán" nên sinh ra nhiều việc tùy tiện. Có nơi đất rộng người đông, nhưng dân nghèo, chỉ được phép lập một ấp hoặc một thôn. Trái lại, có trường hợp đất hẹp, người giàu thì được phép lập một xã (như xã Minh Hương).

Tên làng thường do dân làng đề nghị, và hay dựa vào tên làng bên cạnh. Do đó, mỗi khu vực tên làng thôn thường có một hệ thống giống nhau chữ đầu hay chữ cuối. Tên làng là ước vọng của dân làng nên thường là những từ tốt đẹp nhất như: Phú, Quí, Bình, An, Hòa, Thạnh. (Ở Nam bộ ít làng có tên Nôm). Thông thường những làng có tên khác lạ, không theo hệ thống, là những làng tối cổ. Kế đó là những làng khởi đầu bằng từ: Vĩnh, Bình, Long, An, Mỹ, Phú... và cuối cùng bằng chữ Tân. Cụ thể như theo *Monographie de province de Gia Định* (1902), xã Hanh Thông lập năm 1679, xã Bình Hòa lập đầu thế kỷ XVIII. Chúng ta cần chú ý những ý kiến này chỉ có giá trị tương đối. Vì một làng bắt đầu từ chữ Tân ở những nơi khác nhau có thể chênh lệch nhau một vài thế kỷ.

2. Đình và thiết chế văn hóa tín ngưỡng làng:

Thoạt đầu, người đi khai hoang lẻ loi, công cụ lao động thuở ấy còn quá thô sơ nên phải chọn những giồng đất cao ráo dọc hai bên sông rạch để làm nơi định cư sinh sống, rồi mới lần lượt mở rộng dần địa bàn cư trú và diện tích

canh tác, theo cách lấn chiếm. Nhờ sáng tạo ra kỹ thuật "đào mương, lên liếp", họ mở rộng địa bàn sinh sống và sản xuất xuống vùng đất trủng thấp. Tiến trình của việc xác lập đơn vị cư trú đầu tiên là xóm, sau đó mới phát triển thành ấp, rồi mới lập làng. Muốn lập làng phải làm đơn, trong đơn phải kê rõ số dân đinh, diện tích đất đai đã khai khẩn, ranh giới cụ thể. Quan trên xác minh tường tận, rồi mới cáo bẩm về triều đình. Khi có lịnh của triều đình, làng mới tách khỏi làng cũ.

2018/ĐC/VV 00001263

Làng mới luôn luôn đòi hỏi những cơ sở công ích. Trước hết là lập chợ, sau đó là xây cầu, đắp lộ. Đồng thời thiết chế văn hóa đình, chùa, miễu, võ là nhu cầu tinh thần cơ bản của một làng. Những người có công khai hoang lập làng lúc sống được cử làm hương chức, khi chết được tôn làm "Tiền hiền khai khẩn", còn người có công khai thị, tu kiều, bồi lộ được tôn làm "Hậu hiền khai cơ". Đặc biệt người có công tái lập làng hay tách làng thành lập làng mới được tôn làm "Hậu hiền khai khẩn". Tiền hiền và Hậu hiền luôn được thờ ở đình nhằm thủ nghĩa "báo bản tư nguyên" theo đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Con cháu bậc Tiền hiền mỗi dịp cúng đình đều được kiếng lễ miếng thịt vai của con heo tế thần, miếng thịt ngon nhất này của con heo được nhuộm đỏ, gọi là "*cẩm địa*", do vậy mà, có nơi gọi "*Tiền hiền cẩm địa*". Ở một số đình đến nay ở bàn thờ thờ Tiên hiền chỉ viết gọn hai chữ Hán "cẩm địa" trang trọng là vậy, như nhiều đình tại huyện Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh): đình Phong Phú (xã Tăng Nhơn Phú), đình

THƯ - VIỆN
TỈNH

Phú Thọ (xã Phước Long), đình Mỹ Thành, đình Long Hòa (xã Long Thạnh Mỹ), đình Tân Nhơn (xã Tân Phú).

Theo *Minh điều hương ước*, chỉ có xã và thôn mới được phép lập đình và võ (võ: nghĩa là *cái nhà*, dân gian còn gọi là dỏ, là nhà vuông) là một thứ "công sở" của thôn, là *điếm canh* của "đội dân phòng" và nơi thờ Tiên Sư, hiểu là nơi thờ bậc thầy của nghề làm hương chức. Còn các thần linh dân dã thì thờ ở *miễu* (chữ Hán đọc là *miếu*). Có nơi thiết chế này còn có thêm miếu cô hồn thờ các vong hồn không người cúng giỗ, đặc biệt bỏ thây vì nạn cọp, sấu hay tai nạn sông biển trong thời khai hoang. Lại có cư dân người Hoa, người Minh Hương nên làng có chùa Ông thờ Quan Công, chùa Bà thờ Thiên Hậu và phối tự các thần linh Trung Hoa. Chùa làng cũng được thành lập để thỏa mãn nhu cầu yên ổn tâm linh hơn là tu học giáo thuyết nhà Phật.

Trong thiết chế văn hóa của làng, đình là cơ sở tín ngưỡng có tính chất chính thống. Việc ông Thần Thành Hoàng của làng được vua phong sắc là việc quan trọng vì sắc thần tự nó được coi là sự công nhận chính thức của nhà nước về sự hợp pháp của làng. Nạn ăn cắp sắc thần còn tồn mãi về sau này, đã chỉ ra nhu cầu nói trên về sự công nhận của người đứng đầu nhà nước phong kiến, đồng thời cũng chú trọng về ý niệm thần là bộ hạ, là đại diện cho thiên tử theo quan niệm "thiên tử phong bách thần" hơn là một vị thần linh cụ thể vốn đã có uy linh đối với dân làng như trường hợp các thần linh dân dã khác. Địa

điểm này đã chỉ ra sự khác biệt cơ bản của Thần Thành hoàng, của đình làng Nam bộ nói chung, so với các miền khác của đất nước, đặc biệt là đình miền Bắc.

Một trong những đặc điểm riêng của đình Nam bộ so với đình ở các vùng đất khác là tính chất đa chức năng của nó: công sở hành chánh của làng, nơi trú của khách lỡ đường (và đám "ăn quán ngũ đình"), là nhà hát, là nơi thờ thần Thành hoàng và trú sở của các thần linh khác. Thực ra tính chất đa chức năng của đình Nam bộ là những thành tố cơ bản của ngôi đình Việt Nam chỉ mới định hình từ thế kỷ XVI, còn trước đó chức năng của ngôi đình trong từng thời kỳ lịch sử lại hoàn toàn không như vậy.

Đả động đến vấn đề này buộc phải lưu ý đến bản chất của đình. Đại thể các nhà nghiên cứu về đình, khởi đi từ đầu thế kỷ XX trở lui đến gần đây, đều cho rằng đình là ngôi nhà làng như nhà rông của các dân tộc Tây Nguyên tức có nguồn gốc bản địa. Đình được coi là nhà công cộng của làng, có chức năng là nơi hội họp, hội lễ của dân làng, theo đó, đình đảm nhận chức năng hành chánh xã hội của cái gọi là chế độ tự trị của làng xã, một kiểu dân chủ của thời công xã nguyên thủy được duy trì mãi về sau, khi chế độ xã hội này đã bị lịch sử vượt qua.

Những kết luận về chức năng nguyên thủy của đình như trên được nhiều nhà nghiên cứu nêu ra hoặc mặc nhiên tán thành. Tuy nhiên, từ những năm 20-30 của thế kỷ này, Ngô Tất Tố trong các thiên phóng sự *Tập án cái đình* đã bác bỏ nguồn gốc xa xưa bản xứ của đình. Theo

ông, đình vốn được đặt ra từ thời Tần Hán bên Trung Quốc, cứ 5 dặm một cái nhỏ, 10 dặm một cái lớn, để cho khách nghỉ chân và là chỗ cung ứng cho việc đưa tiễn. Trong văn chương cổ điển Trung Quốc và Việt Nam đầy rẫy những chứng dẫn như vậy. Cái đình kiểu này đã thâm nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc.

Cùng với khảo hướng của Ngô Tất Tố, Tạ Chí Đại Trường trong bài nghiên cứu *Một trú sở Việt của thần linh: cái đình làng* đã dựa vào những cứ liệu lịch sử xác thực để xem xét tường tận về sự biến đổi của cái đình trong lịch sử Việt Nam.

Theo Tạ Chí Đại Trường, đình có chức năng nguyên ủy là đình trạm và còn là hành cung của nhà vua; những tục thờ cúng ở đình là bắt đầu từ thời Lý, khi nhà vua ban lịnh bắt dân phải dựng tượng Phật để thờ ở trong đình. Tác giả bài nghiên cứu này đã đưa ra nhiều cứ liệu lịch sử sau đây để xem xét tỉ mỉ hơn về sự phát triển của đình làng Việt Nam.

Tài liệu thư tịch ghi nhận từ "đình" - hiểu theo nghĩa *đình trạm* - xuất hiện vào đầu đời Trần (1231). *Đại Việt sử ký toàn* thư cho biết đình trạm lập ra dọc đường vào đời nhà Lý là để người ta nghỉ ngơi, tránh mưa nắng. Bia chùa Linh Xứng, dựng năm 1126, có ghi: "Kế sông có cái đình nhỏ. Thường thuyền bè qua lại dừng đó để nghỉ ngơi". Chức năng kép - trạm dừng chân và thờ Phật của đình xuất hiện. Đình là cái chùa không có sư trụ trì kéo dài mãi về sau này.

Tờ lịnh ban hành năm Hồng Đức thứ 5 (1474) có đề cập đến một tệ trạng liên quan đến đình có những điều đáng chú ý: lệ lập "hậu thần" và "hậu Phật". Theo tờ lịnh này thì nhà giàu bỏ tiền ra làm đình và làm "dịch vụ lập hậu" cho thế nhân nhưng lại gian trá, tổ chức lễ giỗ kị chiếu lệ không tươm tất nên con cháu người mua hậu phản đối kiện cáo.

Một tờ tâu khác, 20 năm sau lịnh trên, cho biết đình thuộc quyền quản lý cá thể, chớ không phải là sở hữu tập thể của làng xã (theo *Hồng Đức thiện chính thư*, Nguyễn Sĩ Giáo dịch, Sài Gòn, 1959, trang 147). Do vậy, tệ nạn mua hậu, bán hậu ở đình kéo dài, và đến năm 1496, một tờ lịnh khác buộc các xã chịu trách nhiệm việc thờ cúng ở đình, tức chuyển đình từ sở hữu cá thể thành sở hữu tập thể của làng xã: "*Ta thấy trong nước nhiều người không đủ vốn dựng đình, không đủ tiền trả tô thuế, bèn đứng ra nhận tiền của người khác làm của riêng, nhận đề nghị của người khác bằng khế ước, rồi lần lữa giảm bớt cúng tế và thôi không cúng tế nữa. Từ nay, các xã phải trông coi việc thờ cúng ở đình... trước sau không được thay đổi*" (theo R.Deloustal: La Justice dans l'ancien Annam (*Code des Lê*), trang 308). Lập hậu chùa là biện sự của nhà Phật, còn lập hậu đình là tập quán của Đạo giáo. Như vậy, đình cuối thế kỷ XV vẫn còn giữ ít nhiều tín ngưỡng của thế kỷ XI, nhưng đối tượng tín ngưỡng đã thay đổi và từ đây đình là một bộ phận thuộc sở hữu tập thể của làng xã. Tất nhiên sự biến đổi theo lịnh vua còn đòi hỏi phải có một

thời lượng nhất định mới có thể biến đổi hoàn toàn theo kiểu cách mới. Nói cách khác, chức năng "đình trạm" vẫn còn tiếp tục duy trì và tồn tại đồng thời với các chức năng mới: trú sở của thần linh và công sở của làng xã. Rõ ràng chức năng là công sở, trụ sở hành chánh của đình càng lúc càng được tăng cường, khi nhà Lê thi hành chính sách quân điền, theo đó, làng xã có được trách nhiệm và quyền hạn mới thống thuộc hệ thống quyền lực hành chánh của quốc gia phong kiến. Xã có chức Xã quan và Nông trưởng - coi việc nông tang; thôn có thôn trưởng. Cả hai đều làm việc trực tiếp với quan chức cấp phủ, huyện, châu trong việc làm sổ bộ... Như vậy hương chức ở làng xã có nhu cầu về một trụ sở để làm việc là điều dễ hiểu.

Trong tài liệu thư tịch, đình được nhà nước công nhận rất muộn. Chúng ta bắt gặp cái đình với ý nghĩa này trong một tờ lịch cuối năm 1663: buộc mỗi cửa đình dành tiền thưởng cho gánh hát ngày vào đám (*Lê triều chiếu lịnh thượng chính thư*, Nguyễn Sĩ Giáo dịch, S., 1961, tr.305). Qui định về "tiền cửa đình", "tiền thẻ hát ở đình" trả cho các giáo phường thấy muộn hơn: 1712, 1713, 1723. Chữ "*đình*" vẫn dùng chung trong các lịnh về thuế của đình năm 1730, 1736, 1739; nhưng trong lịch 1645 cho phép các xã tự tế các thần mới xin phong sắc và lịnh năm 1652 thì vẫn dùng chữ "*tự thừa*" mà không dùng từ "*đình*", mặc dù việc làng xin phong sắc cho thần đã chỉ rõ là đình làng.

Nói tóm lại, sự biến đổi của làng xã Đại Việt đã khiến cho ngôi đình được định hình với những chức năng căn bản từ thế kỷ XVI và từ đây chỉ phát triển về lượng mà không biến đổi về chất nữa. Đình làng miền Nam, Nam bộ nói riêng, thành lập sau khi chúng đã định hình ở miền Bắc và đặc biệt là được khuôn đúc theo điển lệ chính thống của triều đại phong kiến nhà Nguyễn nên có những chuẩn mực đặc biệt nghiêm nhặt.

II. ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐÌNH NAM BỘ:

1. Kiến trúc và bài trí:

Cuộc sống cư dân Nam bộ gắn liền với sông nước nên làng xã thường nằm dọc theo sông, rạch lớn. Đình miếu là trung tâm văn hóa của địa phương nên thường được xây trên những gò đất cao ráo, nơi có phong cảnh đẹp. Đặc biệt là phải ở ngả ba, ngả tư sông để dân làng tới lui thuận tiện. Khi xây đình chắc chắn người ta có chú ý đến yếu tố phong thổ, tuy nhiên, người ta cũng thực dụng nên du di quan niệm "thanh long, bạch hổ" để dựa vào những con rạch, con đường. Để tôn tạo phong cảnh xung quanh, đình được trồng thêm các loại cây: sao, dầu, da (đa)... là những loại cây thích hợp với vùng đất thấp hay bị ngập lụt. Bóng cây tỏa mát suốt năm, đó cũng là quan niệm "huyền vũ" của quan niệm phong thủy.

Ở Nam bộ, đình, chùa và chợ thường ở gần nhau. Thông thường đình miễu được xây trước chùa nên trong dân gian có câu "trước miễu sau chùa".

Nhà Nguyễn ban hành quy chế khắc khe nên ban đầu ở Nam bộ không có ngôi đình nào qui mô. Đại khái chỉ có một ngôi chánh điện, võ ca, võ qui, và một vài gian nhà phụ bán kiên cố. Thuở đó, đình làng còn lợp lá. Đặc biệt chỉ có một vài nơi lợp ngói âm dương. Đình làng lợp ngói là trường hợp hiếm hoi nên ở Nam bộ có tục: người dân dù giàu đến đâu cũng không được lợp ngói, mặc dù có những ngôi nhà được chạm trổ khá tinh vi.

Đa số đình miếu ở Nam bộ được trùng tu vào đầu thế kỷ này. Bấy giờ có bày thêm nhiều phần kiến trúc phụ nhưng nhìn chung vẫn không qui mô bằng đình làng Bắc bộ. Điều này chứng tỏ qui định cũ vẫn được tuân thủ. Nhưng điều cốt lõi là vì dân số mỗi làng quá ít, xây dựng qui mô tốn kém quá khả năng đóng góp.

Nhìn chung, đình làng Nam bộ gồm một quần thể gồm nhiều nhà vuông có bốn cột cái, gọi là *tứ trụ* hay *tứ tượng*. Loại nhà này có diện tích mở rộng ra bốn phía bằng bộ *kèo đâm* và *kèo quyết* đều nhau vuông vức, thường chỉ làm nơi thờ tự (đình, chùa, miếu), chớ không để ở. Có ý kiến cho rằng đó là dạng nhà *stupa* (tháp) đặc trưng. Có nơi đình gồm hai, ba *stupa* ghép song song nhau theo kiểu sắp đọi (chén, bát-từ cổ Việt Nam). Cá biệt có vài đình chánh điện trở đòn dông dọc như nhà thờ Thiên chúa. Cũng có nơi dân đông, thay vì làm kiểu tứ trụ thì làm theo kiểu ba gian hai chái. Nhìn chung, lối kiến trúc phức tạp, có sáng tạo, không theo một khuôn khổ cố định.

Đình Sắc tứ Linh (Chiểu) Tây (Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh)

Đình Trường Thọ (Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh)

Lân đá (đình Nghĩa Nhuận
Lân đá (đình Nhiêu Lộc - TP. Hồ Chí Minh)

Cây da và cổng đình (đình Nam Chơn - Q1. TP. Hồ Chí Minh)

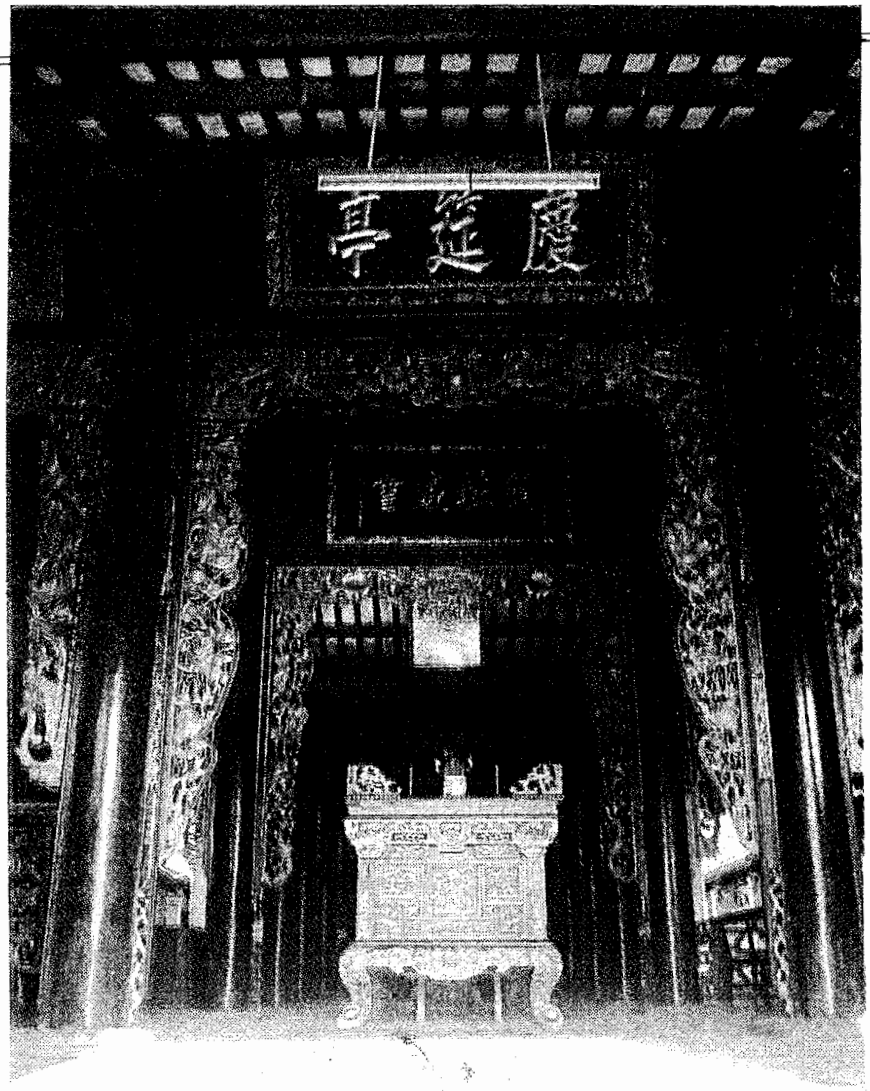

Hoành phi, bao lam, hương án và dàn cột đình Khánh Diên

(đình Nghĩa Nhuận - Q5, TP. Hồ Chí Minh)

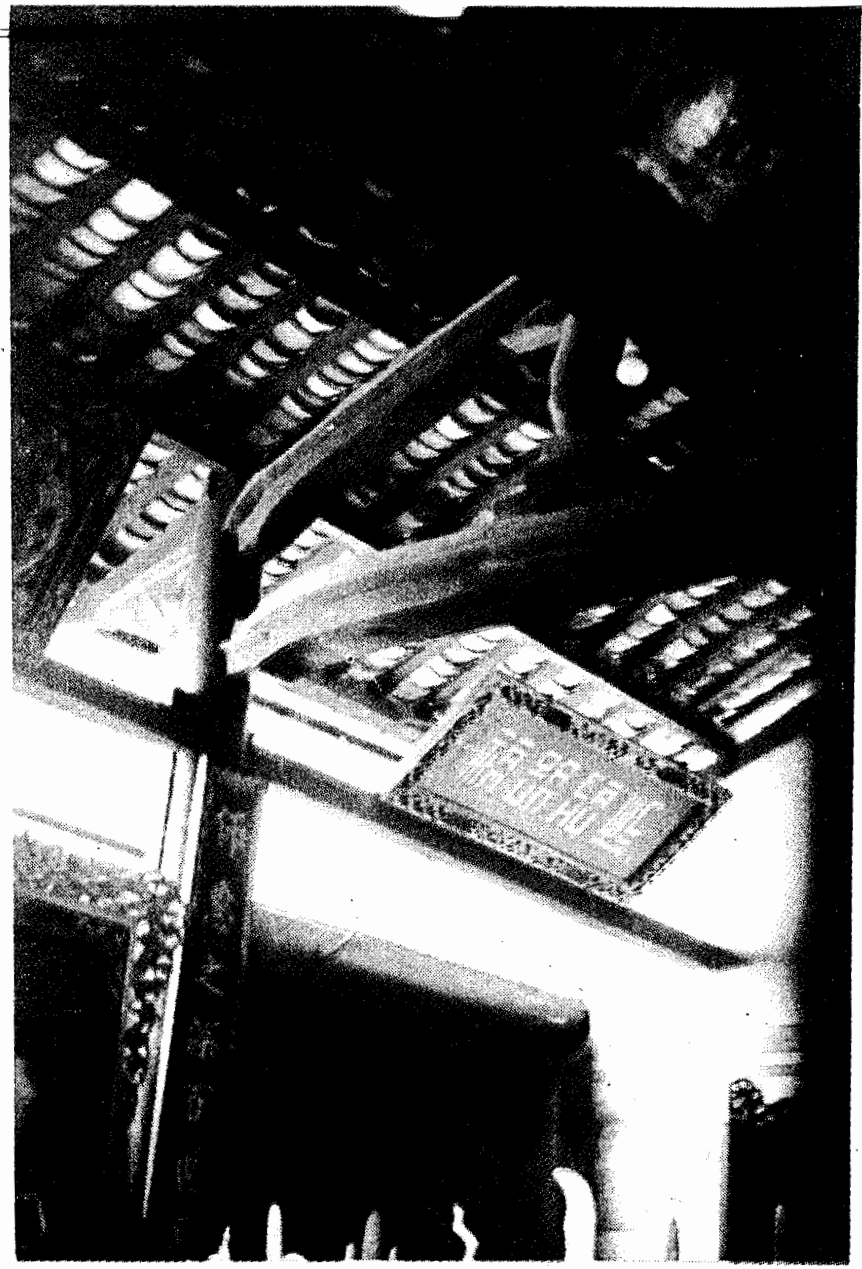

Bộ giàn trò đình Phú Nhuận (TP. Hồ Chí Minh)

(Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh)

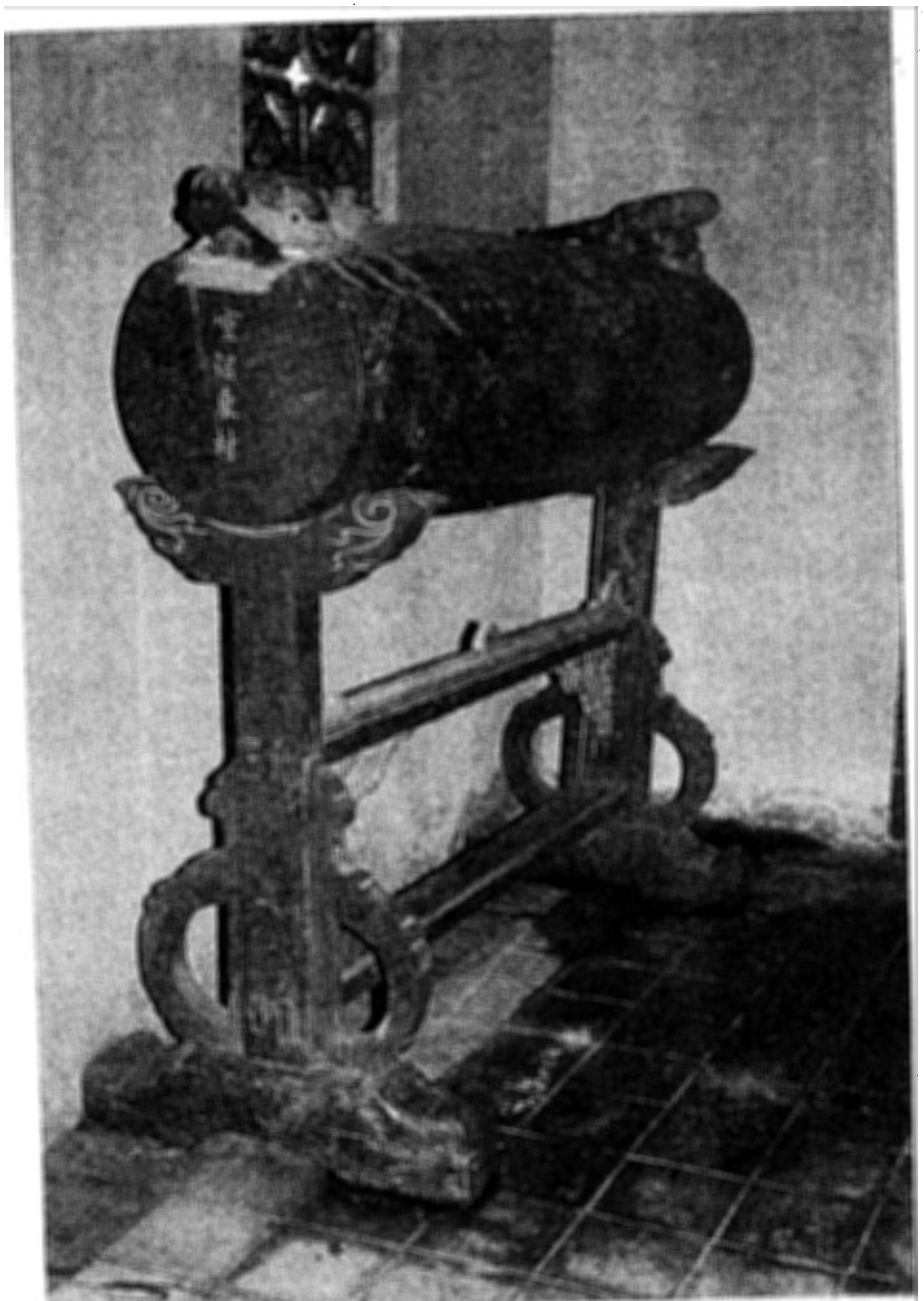

Bình phong chạm gỗ tứ linh bát tiên thất hiền

Chạm gỗ hương án đình Phong Phú (Thủ Đức - Tp. Hồ Chí Minh)

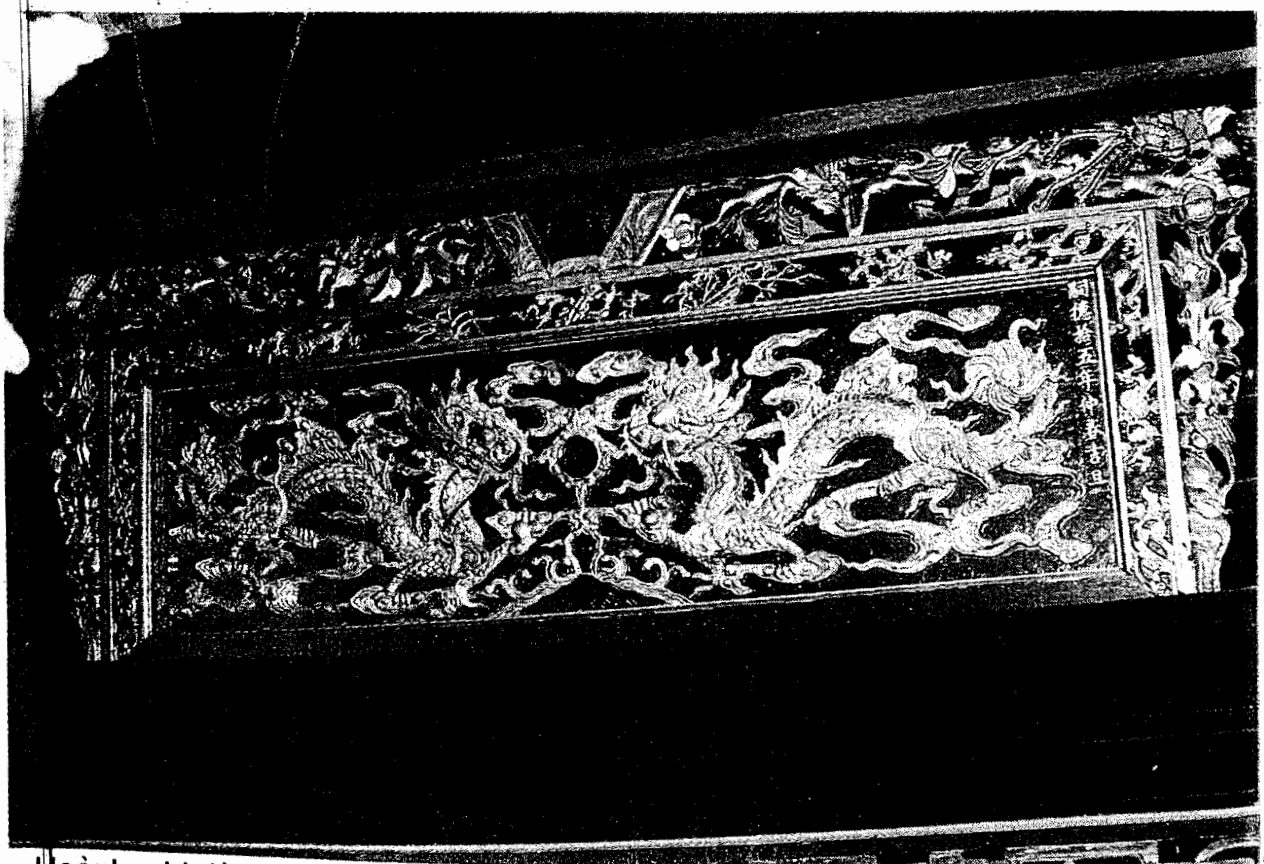

Hoành phi đời vua Tự Đức (đình Linh Đông - TP. Hồ Chí Minh)

(Q5 - TP. Hồ Chí Minh) trong Lê Kỳ yên

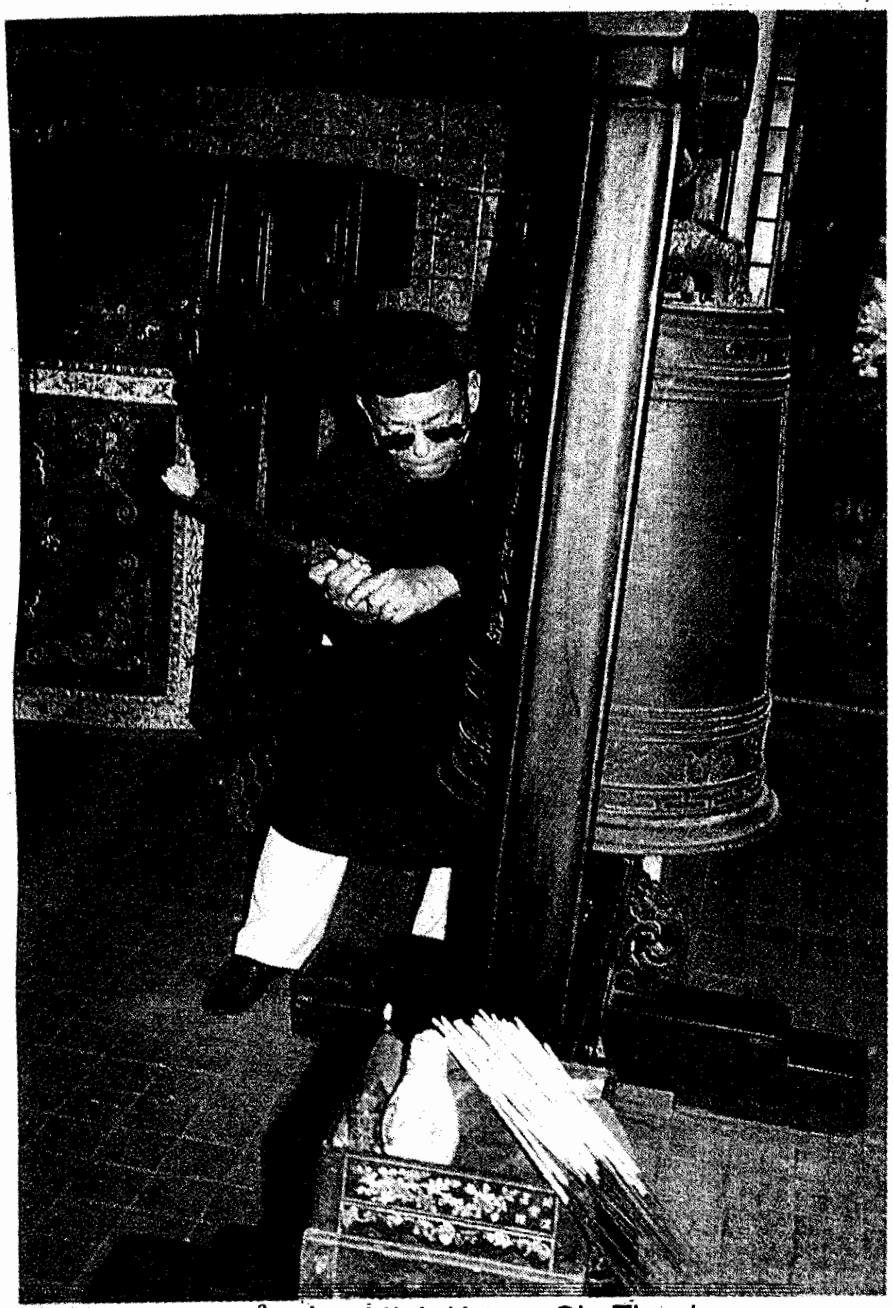

Đánh chuông ở đình Minh Hương Gia Thạnh

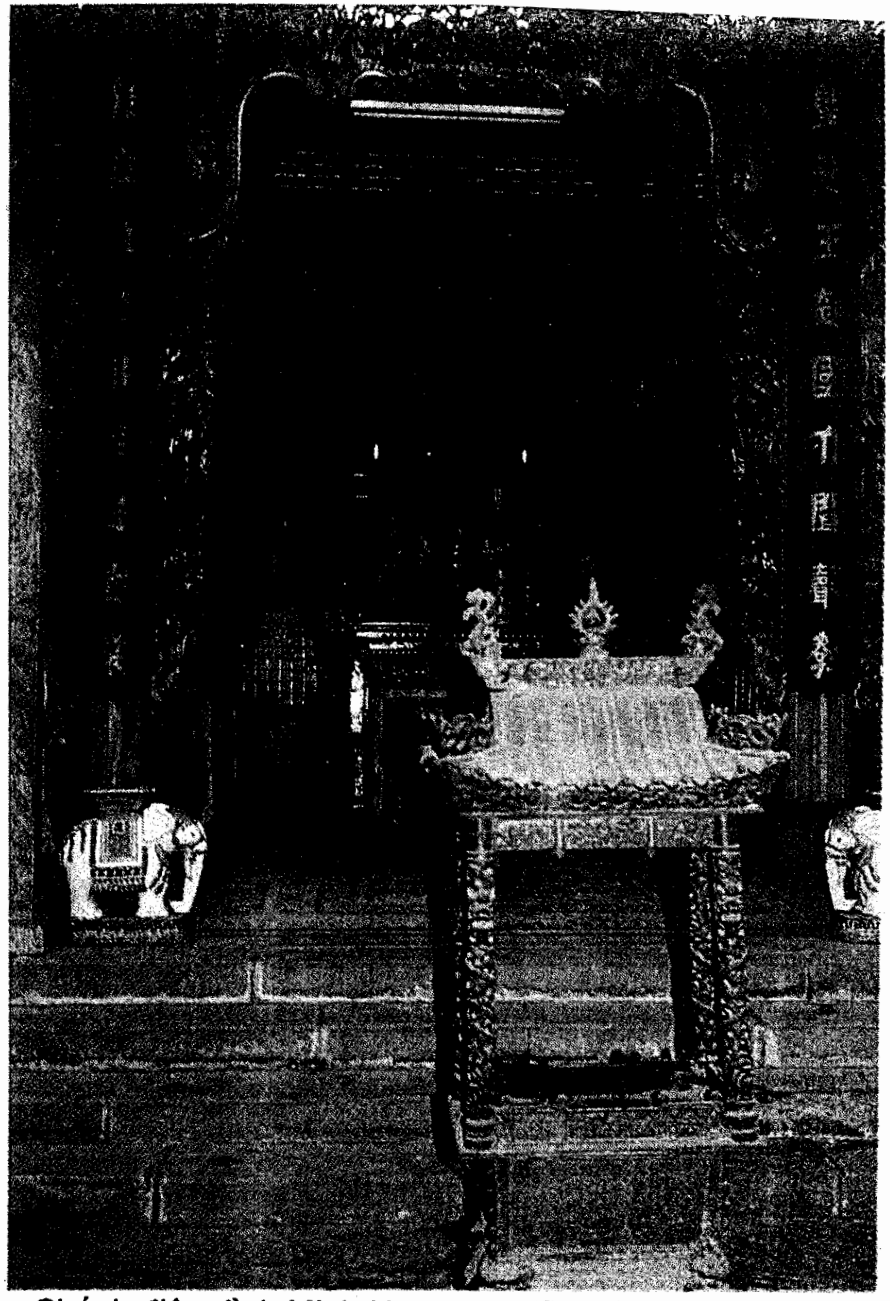

Chánh điện đình Minh Hương Gia Thạnh (Q5 - TP. Hồ Chí Minh)

Sắc thần đời vua Tự Đức (đình Vĩnh Hội - TP. Hồ Chí Minh)

Vào thời điểm xuất hiện phong trào trùng tu thì ngôi đình đã vượt qua phạm vi của một làng. Thế nên làng nào có người giàu có và có thế lực hoặc có ban quí tế giỏi dang thì tài chánh dồi dào. Chú ý là ở Nam bộ, khi xây dựng tái thiết những công trình văn hóa thường có những Mạnh thường quân. Thí dụ như bà Lê Thị Ngỡi, đại điền chủ ở Ba Tri (Bến Tre), đã xuất tiền trùng tu trên 200 đình, chùa, miễu, võ. Có làng lại qui định mỗi hương chức trong một nhiệm kỳ phải hiến cúng vào đình một lễ vật. Thế nên đình Bình Hòa (Giồng Trôm, Bến Tre) có đến mấy chục bộ bao lam, mấy chục câu đối. Đình Tân Qui Đông (Sa Đéc) có hàng trăm bộ lư đồng. Theo những người từng trải thì ở Nam bộ có ba ngôi đình đồ sộ nhất là: đình Bà Lụa (thôn Phú Cường, nay thuộc xã Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé), đình Mỹ Trà (Cao Lãnh) và đình Tân Hựu (Sa Đéc). Đình Bà Lụa đã được chánh quyền thực dân Pháp làm mô hình trưng bày hội chợ các nước thuộc địa ở Pháp. Đình Mỹ Trà có bộ cột long trụ rất đẹp, được nhà chụp hình Nandal lấy ảnh làm bưu thiếp giới thiệu nhiều nước. Đình Tân Hựu qui mô to lớn nên tục ngữ địa phương có câu "ngồi chình ình như cột đình Tân Hựu".

Bộ giàn trò thường bằng danh mộc như: trai, sao, sến (thường lệ dân gian không dùng cất nhà ở). Giàn trò bên trong thường theo kiểu "vỏ đậu, đùi ếch", tuy có chạm trổ tinh vi nhưng đơn giản hơn bộ vì kèo ở miền Bắc. Vì làm kèo vỏ đậu nên mái đình phải ngắn. Muốn diện tích bên

trong rộng rãi bắt buộc phải ghép những ngôi nhà liền nhau theo kiểu "trùng thềm điệp ốc". Đình Sơn Định (Chợ Lách) chồng đến ba lớp, qui mô độc đáo.

Mái đình lợp ngói âm dương hoặc ngói ống kiểu Trung Quốc. Những ngôi đình trùng tu sau năm 1920 thường lợp ngói vảy cá (kiểu Pháp). Trên nóc đình thường gắn những hình sành tráng men màu như: lưỡng long tranh châu, chim phượng ngậm cuốn thư, lân mẹ dạy lân con, cá hóa long, bát tiên, ông mặt trời, bà mặt trăng, con nạ (loài thủy quái mặt người nhưng không có thân- nay còn từ mặt nạ, tương truyền lúc vua Vũ trị thủy thì tất cả loài thủy tộc đều đến chầu nhưng chỉ riêng con nạ hổ phận mình nên chỉ ló mặt lên khỏi mặt nước, do đó hành cung đón tiếp vua thường dùng hình ảnh con nạ để trang trí), tượng trưng âm dương hòa hợp, sung túc no đủ và thiêng liêng.

Từ cổng bước vào, giữa sân đình có bệ gạch gọi là đàn xã tắc. Xã là thần đất. Tắc là thần lúa nếp, tức là Thần Nông. Đàn xã tắc ở nông thôn là một dạng thu gọn đàn xã tắc và đàn tiên nông ở kinh đô. Thuở ấy cha ông ta rất kính trọng đàn xã tắc. Sơn hà gắn liền với xã tắc. Đây là ý niệm về "đất nước", trước khi chúng ta có ý niệm "Tổ quốc" do phương Tây đưa đến.

Khi đắp đàn phải lấy đất tinh khiết đưa vào. Nhiều nơi người ta tin có "*đất thơm*", một loại đất xốp màu mỡ gà, không pha tạp chất. Nếu lấy đất ấy đắp đàn xã tắc thì thôn xóm ấm no hạnh phúc. Hàng năm, ngoài các nghi lễ

tế tự, không một người dân nào dám cho tre con va gia súc đến lãng vãng gần đàn xã tắc. Không ai dám làm chuồng trại hoặc hố xí, thậm chí không bao giờ hướng về đàn xã tắc mà phóng uế.

Tục thờ thần đất và thần lúa gắn liền với nông nghiệp, thế nên phía sau đàn, tức hướng ngoài cổng bước vô có vẽ cảnh rồng vờn cọp, tượng trưng cho âm dương hòa hợp, mưa thuận gió hòa. Hai bên thường có câu đối:

Hổ cứ sơn lâm phù xã tắc

Long du nguyệt điện tráng sơn hà

(Cọp chiếm sơn lâm phò xã tắc

Rồng chơi nguyệt điện giúp sơn hà).

Có nơi đã đơn giản, chỉ có hình ảnh một chúa sơn lâm từ trên núi bước xuống rất oai vệ. Gần đây có nhiều ngôi đình lọt vào nội ô thành phố, đất đai chật hẹp nên đã phá bỏ nền xã tắc, chỉ còn thấy tấm bình phong trước cửa như đình Minh Phụng (quận 11, thành phố Hồ Chí Minh). Trước cảnh phố xá xe cộ, hình ảnh chúa sơn lâm này đối với những người thoát ly nông nghiệp là lá bùa trấn yểm tà ma. Có người cho đó là thân hổ. Sự thật Cả Cọp được nhiều nơi thờ nhưng đó không phải là chánh thần nên không ai đặt trước đình trung.

Chánh tẩm nằm phía sau là ngôi nhà tứ trụ, xung quanh có tường bao bọc. Chánh tẩm chỉ mở cửa khi có hội hè, hàng ngày muốn vào bên trong để thắp nhang, đốt đèn chỉ hé một cánh cửa nhỏ bên hông. Ngoài cùng là một ngôi nhà trống, gọi là võ ca vì nơi đây có sân khấu để diễn

hát bội và nghi lễ cúng thần. Giữa có một căn nhà, không được dừng vách, nối liền võ ca thành một quần thể kiến trúc, gọi là *võ cua* hay *võ qui*. Người ta giải thích rằng vì ngôi nhà này mái ngắn khum khum như mai con cua hay mai con qui. Nhưng câu giải thích có vẻ hợp lý nhất là nơi đây thường được làm hậu trường khi có hát xướng (*võ qui*: nơi đội ca múa tụ tập; *võ cua*: nói trại từ *võ cư*, cũng có nghĩa tương tự). Vùng Gò Vấp, Hóc Môn (thành phố Hồ Chí Minh) đặc biệt làm khu võ qui này nhỏ hẹp hơn các nơi khác, gọi là *nhà chầu*, có nghĩa là ngôi nhà dành riêng cho người cầm chầu mỗi khi có diễn xướng hội hè. Chẳng hạn như đình Thông Tây Hội (ở phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh), đình Khánh Diên ở thị trấn Hóc Môn (huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh)... vẫn còn gìn giữ tương đối nguyên vẹn khu vực "nhà chầu" này.

Khu vực võ ca thường được trang trí đẹp đẽ. Trước sân khấu có nhiều hoành phi câu đối liên quan đến nghệ thuật sân khấu. Tương truyền có nhiều câu của Đào Tấn do các nghệ sĩ Bình Định đưa vào:

Nhân bất dư nhàn, tạm hướng man trung tầm thiểu hạ
Sự đô như hí, khả tương dã cuộc tiểu phi chân.

(Người chẳng dư nhàn tạm hướng về cái giả dối để tìm chút yên lặng. Sự đời như giỡn nên cần sân khấu để có cái cười không thật).

(Đình Mỹ Trà - Cao Lãnh).

Trong nhiều câu đối cũng có những câu mang nội dung phóng khoáng, biếm nhẽ:

- Lục lễ vị giao thành phu phụ

Ngũ kinh bất học đắc trạng nguyên.

(Chưa có sáu lễ cũng thành vợ chồng

Chẳng học năm kinh cũng đậu trạng nguyên).

- Tam tứ xích: quốc gia thiên hạ

Thất bát nhân: phụ tử quân thần

(Quốc gia thiên hạ vòng quanh ba bốn thước

Quân thần phụ tử gồm bảy tám người).

Đặc biệt vùng Trảng Bàng (Tây Ninh) và vùng Hóc Môn (thành phố Hồ Chí Minh), người ta thường xây lầu chuông, lầu trống hai bên góc võ ca. Có lẽ ảnh hưởng lối kiến trúc dinh thự có "chung lâu, cổ lâu" của đất Thần Kinh.

Phần chánh tẩm ngó ra võ qui cũng được trang trí đẹp đẽ. Tại đây có một biển hiệu, nhiều hoành phi, câu đối ca tụng thuần phong mỹ tục:

- Tứ hải bổn đồng phùng Thuận Trị

Nhất phương phong hóa hảo Điều Hòa

(Gặp đời thuận trị, dầu bốn phương hỗn tạp cũng hòa đồng

Nhưng chỉ có một phương phong hóa đẹp như Điều Hòa).

(Câu đối của Thượng thư Cao Xuân Dục tặng làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho).

- Càn lạp khôn khai, cử chỉ nhất thôn tôn cổ điển

Thượng hòa hạ mục, qui mô tam ấp hiệu tiền nhân

(Trời đóng, đất mở, cử chỉ một thôn tuân lệ cũ.
Trên hòa, dưới kính, qui mô ba ấp học đòi người xưa).

(*Đình Mỹ Trang - Cai Lậy*).

Đặc biệt tại đình Phú Mỹ (Long Thành- Đồng Nai) trước mắt địch suốt mấy chục năm trời vẫn tồn tại ba tấm hoành phi ca tụng Bác Hồ. Ba câu này dựa theo ý một bài thơ trong Kinh Thi:

- *Hồ nhiên nhi thiên* (Bầu trời rộng lớn thay - Tác giả cố tình viết sai chính tả: dùng chữ Hồ là họ thay chữ hồ là chữ tán thán).

- *Chí tại cao sơn* (Chí tại núi cao)

- *Minh hoài hậu đức* (Nhớ rõ đức này).

Ba tấm hoành phi treo nơi trang trọng nhất, khoán thủ chữ Hồ Chí Minh, đọc lên ai cũng hiểu.

Ngoài phần kiến trúc chánh, những làng giàu có còn xây thêm:

• *Nhà tiền vãng*: nơi thờ tiên sư, tức những hương chức quá vãng, và cũng là nơi gia đình ông từ cư ngụ.

• *Nhà túc* (nhà túc yết): nơi chuẩn bị lễ vật và sửa soạn y phục trước khi tế lễ.

• *Đông lang và Tây lang*: hai dãy nhà khách cất nối vào hai bên chánh điện.

• *Nhà trù*: nhà bếp.

• *Nhà cối*: nhà kho

Giữa chánh tẩm là một hương án, chạm trổ sơn son thếp vàng rực rỡ. Phía sau có bàn thờ cao lớn, gọi là bàn

Hội Đồng, thờ chung các vị thần linh. Nguyên thủy có lẽ nơi này dành riêng cho vua chúa nên xung quanh có nhiều hoành phi, câu đối mang nội dung chúc tụng triều đình như: "Hoàng đồ vĩnh cố", "Quốc thái dân an". Câu đối mà các nơi thích nhất là khoán thủ, khoán tâm hiệu bốn vị vua nhà Nguyễn:

GIA nghiệp MINH quân, THIỆU thuật TỰ thừa nhất thống;

LONG hưng MẠNG đế, TRỊ bình ĐỨC hiển thiên thu.

Sát vách hậu là bàn thờ chánh. Đình làng Nam bộ truyền thống không thờ tượng mà chỉ thờ một chữ "Thần". Chữ "Thần" biểu hiện văn hóa một làng. Dân làng rất hãnh diện và quí trọng khi làng mình có chữ của những tay "thần bút" như: Phùng Quốc Tài, Mặc Trai- là những tay bút thếp người Hoa Chợ Lớn hay của những danh nho khoa bảng người miền Bắc,miền Trung tị nạn văn thân vào Nam dạy học. Vài chục năm gần đây, một số đình ở quận 8 và huyện Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh) lại có tạc tượng thần bằng gỗ, thạch cao hay xi măng để thờ.

Trên bàn thờ chánh, ngoài các tự khí thông thường, đặc biệt có một cổ ngai, trên bày từ một đến ba chiếc mũ thờ. Những đình ở miền Tây (vùng đất mới này ít làng được sắc phong) thì có một bài vị khắc mỹ tự của Thần Thành Hoàng. Nguyễn Hữu Cảnh, một công thần chúa Nguyễn, có công dẫn dân đi khai hoang đến tận miền biên giới Châu Đốc bị bệnh bất ngờ, về đến Rạch Gầm (Châu Thành, Tiền Giang) thì mất. Ngày nay, dân làng Vĩnh

Kim tôn thờ ông với một bộ quần áo theo quan niệm "y quan trủng" của Trung Quốc.

Hai bên bàn thờ chánh còn có thờ từ bốn đến tám bàn thờ:

- Tả ban, hữu ban: các vị thần linh cận vệ thần Thành Hoàng.

- Tiền hiền hậu hiền: những người có công qui dân lập ấp và những người có công xây dựng, kiến thiết những công trình đặc biệt trong làng.

- Những bàn thờ các vị Thần theo tín ngưỡng dân gian.

Vì những vị thần này tương đối nhiều, mặc dầu có bàn thờ ba bốn vị, nhưng nhiều nơi vẫn không đủ chỗ thờ, phải đem thờ trong những ngôi miếu con ở giữa sân, đâu mặt vào đàn xã tắc.

Chánh tẩm là khu vực quan trọng nhất nên tập trung nhiều tác phẩm mỹ thuật như: bao lam, hoành phi, câu đối chạm trổ tinh vi, vàng son rực rỡ. Đề tài trang trí thường là: tứ linh, cá hóa long, long hổ, bát tiên, tứ quí, mây hạc. Đặc biệt ở ngôi đình đã biến thể Nghĩa Nhuận hội quán (quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) có ba bức phù diêu đặt trước hương án chánh trong chánh điện chạm gỗ rất mỹ thuật với các đề tài: *Trưng Nữ Vương khởi nghĩa, Lê Lợi khởi nghĩa,* và *Lục quốc phong tướng*, có thể xem là những tác phẩm chạm gỗ đẹp và tiêu biểu cho đất Nam bộ.

Bốn cột đình thường trang trí hình rồng nên gọi là long trụ. Nhiều nơi, long trụ chạm rời bên ngoài ốp vào. Nhưng

cũng có nơi, như đình Long Sơn (Tân Châu- Châu Đốc) giống như miếu Tả Quân Lê Văn Duyệt (quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh), long trụ được trổ một khối nguyên. Công trình buộc chúng ta tưởng tượng hàng chục nghệ nhân ngồi đục đẽo suốt năm. Cái khéo léo là một tác phẩm tuy đồ sộ như thế nhưng tạo dáng sinh động. Chắc chắn đời sau khó có thể có được những tác phẩm đẹp đẽ như thế. Có thể kể thêm hai cột đá chạm rồng nguyên khối từ dưới đất lên tới mái đình ở cửa chánh của Nghĩa Nhuận hội quán (hội đình biến thể) cũng thuộc vào loại độc nhất vô nhị ở các đình làng Nam bộ vậy.

Hai bên hương án có đôi hạc đứng trên lưng rùa cao lớn. Cạnh đó, bày la liệt lọng, tàn và lỗ bộ. Ở Nam bộ, tầng lớp quan lại và bình dân có thể sử dụng lọng trong ngày cưới gả và tang ma, nhưng tuyệt nhiên không bao giờ sử dụng tàn. Vì tàn chỉ dành riêng cho vua chúa, thánh thần. Nhà Nguyễn có qui định sử dụng lọng tại đình miếu. Thần thượng đẳng được sử dụng bốn lọng vàng, 20 bông bèo (vải kết hình tai bèo treo dưới sườn lọng, số lượng bông bèo và màu vải biểu hiện ngạch trật của chủ nhân), chóp thếp vàng. Thần trung đẳng dùng bốn lọng vàng, có 16 bông bèo. Thần hạ đẳng dùng bốn lọng xanh, có 12 bông bèo. Thực tế thì qui định này không được thi hành nghiêm túc. Trong đình sử dụng lọng tàn la liệt, đủ màu sắc và cũng không ai chú ý đến cái chóp lọng, cái bông bèo bao giờ.

Đặc biệt đình miếu Nam bộ thường ít sử dụng các loại cờ như ở miền Trung, miền Bắc. Có lẽ thời Pháp thuộc mọi người sợ chánh quyền đô hộ nghi ngờ theo dõi. Tuy nhiên, theo nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Thành Tôn (hát bội) thì ở một số đình miệt Vĩnh Long vào những 1928-1930 có sử dụng loại cờ hình vuông màu đỏ, chân rít vàng, thêu bốn chữ lớn "Thiên hạ thái bình" màu đen ở giữa nền cờ. Cờ này được treo trện cột cờ cao ở trước sân đình mỗi khi đình tổ chức lễ kỳ yên hay tết nhất.

Lỗ bộ sử dụng trong đình miếu là loại nghi trượng vừa biểu hiện quyền lực của thánh thần, vừa tạo ra cái vẻ uy nghiêm nơi thờ tự.

Có hai loại lỗ bộ:

- Loại bằng gỗ nhẹ, dùng làm nghi trượng rước xách. Loại này không có qui định cụ thể, thường có 8 cặp:

- Một cặp biển khắc chữ "Tĩnh túc" và "Hồi tị" dùng để dẫn đầu đám rước, dấu hiệu bắt buộc mọi người phải nghiêm và tránh đi nơi khác.

- Một cặp phủ việt (búa vàng) tượng trưng uy quyền.

- Một cặp tay văn, tay võ tượng trưng tài trí.

- Một cặp chùy, một cặp gươm tượng trưng sức mạnh.

- Một cặp gậy đầu rồng, một cặp cờ tiết mao tượng trưng ân huệ của triều đình.

Có nơi bày thêm: một cặp kích, một cặp giáo, một cặp hèo, một cặp mác... có khi đến 15 cặp.

• Có loại bằng thau gồm tám cặp võ khí như: kích, đinh ba, giáo, xà mâu, tay văn (tay võ), siêu, búa, mác. Loại võ khí lỗ bộ này cũng không qui định cụ thể.

2. Thần Thành Hoàng và các đối tượng phối tự trong đình.

a. Sự thờ phụng của đình Nam bộ trong lịch sử:

Đình miếu Việt Nam thờ Thần Thành Hoàng và Phúc Thần. Thành là thành lũy. Hoàng là hào lũy. Phúc thần là những nhân thần, sanh tiền là một danh nhân có công với dân tộc hoặc một địa phương. Cũng có thể đó là một biểu tượng thần linh được mọi người tôn thờ. Như thế ở Trung Quốc, tín ngưỡng thành hoàng là sinh hoạt văn hóa thị dân, bao gồm kinh thành, tỉnh thành và quận, huyện thành. Nhưng ở xứ ta, tín ngưỡng thành hoàng là sinh hoạt văn hóa của làng, nơi không hề có thành hoàng (hào lũy) bảo vệ. Đặc biệt nhất là gắn liền với truyền thống những gia đình hậu duệ những người đi tiên phong khai mở đất đai.

Đình Nam bộ thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có: Thần Thành Hoàng, Phúc Thần, Thần Linh và những danh nhân sanh tiền có công xây dựng, kiến thiết địa phương ...rất phức tạp.

Tạm thời chúng ta có thể chia ra làm bốn nhóm:

⊡ Nhóm thứ nhất là nhóm Thần Thành Hoàng và Phúc Thần do những người đi khai hoang đem từ quê hương cũ vào thờ. Đặc biệt là vì đi khai hoang bằng đường

biển nên bất cứ đình (và miếu) nào cũng phải thờ một vị thần phò hộ người đi biển. Có thể gọi những vị thần này là "người chủ" đầu tiên của đình (miếu) Nam bộ nên còn mang sắc thái miền Trung, cá biệt có nơi mang cả dấu ấn của miền Bắc hay pha tạp với văn hóa các dân tộc anh em nữa. Hiện nay, các vị thần này không có sắc phong. Có một vài nơi có hiện tượng đã được chúa Nguyễn phong sắc nên dù ở những địa phương khác nhau nhưng danh hiệu thần là một mỹ tự giống nhau. Điều nầy chỉ đạo sự thống nhất "dân phong". Có thể vì các vị thần ít nhiều ảnh hưởng nhà Lê, mà các vua nhà Nguyễn thì không muốn nhân dân Nam bộ hướng về nhà Lê, nên đã thu hồi.

Nguyên thủy ở Nam bộ có đình thờ một vị thần, có nơi thờ ba vị thần, có nơi thờ hàng chục vị. Vị Thần Thành Hoàng thờ khá phổ biến là *Đô đại Thành hoàng* tức Thành hoàng kinh đô. Những ngôi đình thành lập trong triều nhà Nguyễn (như đình Mỹ Quí Tây, nay là Phú Quí-Cai Lậy), *Đô đại Thành hoàng* phải hiểu là Thành hoàng kinh đô Huế. Trước đó, thời Trịnh Nguyễn lại được hiểu là Thành hoàng kinh đô Thăng Long. Trong giai đoạn này, đất nước bị chia đôi, lưu dân theo chúa Nguyễn vào Nam tìm đất mới mà vẫn tôn thờ biểu hiện chung của cả nước, phải chăng đây là ý chí thống nhất đất nước? Cá biệt có nơi xác nhận *Đô Thành hoàng* là Kỷ Tín đại vương. Có người cho rằng Kỷ Tín là người trung thành, chết thay cho Hán Cao Tổ, nên được nhà Hán phong Đô Thành hoàng. Những người Minh Hương theo dân Việt khai

hoang lập ấp đã đem Kỹ Tín đại vương thờ, như ở đình Trà Tân (Cai Lậy), đình Tân An (Cần Thơ). Đó là một cách giải thích nhưng chưa có chứng cớ xác minh cụ thể.

Đình Bình Phú (Cai Lậy) không thờ Đô Thành hoàng, nhưng thờ ba vua: *Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông* của nhà Lê với danh xưng Hoàng Đế. Các chúa Nguyễn từ Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Thuần, kể cả thủy tổ họ Nguyễn là Nguyễn Kim, cha Nguyễn Phúc Ánh là Nguyễn Phúc Luân cũng được thờ với tước Vương. Đình Xuân Sơn (Cai Lậy) không thờ ba vua Lê mà tôn thờ các chúa nhà Nguyễn với tước vị vua Lê phong cho như *Đại Nguyên Soái Tổng Quốc Chính*. Đình Tân Hương cũng không thờ ba vua Lê, chỉ thờ các chúa Nguyễn với danh xưng *Hoàng Đế*. Qua sự kiện trên, chúng ta thấy các chúa Nguyễn được đem danh hiệu từ Quảng Nam vào Xuân Sơn. Còn lại đình Bình Phú thì thờ các chúa Nguyễn lúc Nguyễn Ánh còn bôn ba (tức khoảng năm 1775 đến 1802). Và đình Tân Hương chỉ thờ sau năm 1805 khi Nguyễn Ánh đã truy tôn tổ tiên mình lên ngôi vị hoàng đế. Mỹ tự các chúa Nguyễn như sau:

- *Chúa Nguyễn Hoàng:*

- Thái Úy, Đoan quốc công tặng Đạt Lý Cẩn nghĩa Hiển hựu Gia dũ thái vương (đình Xuân Sơn).

- Liệt tổ, Triệu cơ Thùy thống Khâm minh Cung ý Cẩn nghĩa Hiển ứng Chiêu hựu Diệu linh Gia dũ thái vương (đình Bình Phú).

- Liệt tổ, Triệu cơ Thùy thống Khâm minh Cung ý Cẩn nghĩa Đạt lý Hiển Ứng Chiêu hựu Diệu linh Gia dũ hoàng đế (đình Tân Hương).

• *Chúa Nguyễn Phúc Nguyên:*

- Đại Đô thống Trấn Nam phương Tổng quốc chính Hiếu văn vương (đình Xuân Sơn).

- Tuyên tổ Hiển mô Quang liệt Ôn cung Minh huệ Dực thiện Tuy du Hiếu văn hoàng đế (đình Tân Hương).

- Tuyên tổ Hiển mô Quang liệt Ôn cung Minh huệ Dực thiện Tuy du Hiếu văn vương (đình Bình Phú).

Nơi nào thờ các chúa Nguyễn thì có thờ một số công thần chúa Nguyễn, những người có công giúp dân, khai phá xứ Đàng Trong, như:

- *Đoan nhã công thần Khâm sai Cai phủ Phó cương hầu Bùi Quận Công* (tức Bùi Tá Hán).

- *Khâm sai Bắc quân Đô đốc phủ Chưởng phủ sự tặng Thái Bảo thụy dịch nghị Uy vọng Huân đức tôn Thần (Bùi Tá Hán?)*

- *Trấn Nam doanh Dương võ công thần Mai Quí phủ tặng Thái Bảo tôn thần (?)*

- *Thủy bộ chư doanh đô đốc Hào quận công* (tức Nguyễn Phúc Diễn, con thứ tư của Nguyễn Hoàng).

- *Tiền hữu phủ Khánh quận công (?)*

- *Quảng đàm hầu Mai quí phủ (?)*

- *Võ Công Lương quận công* (tức Lương Văn Chính)

Nhiều nơi có thờ: Kiên Lộc Hầu Đào Duy Từ, Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, Tân minh hầu Nguyễn Cư Trinh...

Nơi nào có thờ các công thần, nhất là có thờ các vị đế vương nói trên thì có tục phải tế tam sanh (trâu, dê, lợn) trong kỳ lễ chánh.

Tiến sĩ Nguyễn Phục người xã Tùng Giang, huyện Gia Phước, tỉnh Thanh Hóa, thi đậu Tiến sĩ khoa Quí Dậu (1453) đời Lê Nhân Tông (nhưng không hiểu vì sao từ miền Trung vào Nam đều ghi ông đậu khoa Kỷ Mùi?). Ông là thầy của hoàng tử Tư Thành (tức Lê Thánh Tông). Ông có tài chánh trị, ngoại giao, được nhà Lê ba lần cử đi sứ Trung Quốc. Ông từng làm Đô chỉ huy sứ đội quân Cẩm Y (Cẩm Y Vệ) bảo vệ kinh thành. Khi vua Lê đánh Chiêm Thành, ông được cử làm chức Phi Vận tướng quân; trông lo hậu cần lương thực. Chẳng may đoàn thuyền lương đến cửa biển Tư Dung (Thanh Hóa) thì bị bão. Quân sĩ nài nỉ ra khơi thì ông nói: "Thà để mình ta đem thân chịu hình phạt chớ không nỡ để sinh mạnh các người và số lương thực hiếm hoi kia vùi chôn trong bụng cá!". Ông ra lệnh neo thuyền lại đợi khi hết bão mới đi. Đến nơi thì đã trễ hẹn. Thấy quân đói, vua Lê tức giận bắt ông, lại thêm bị nịnh thần dèm pha, ông bị tội chết chém. Sau Lê Thánh Tông tỉnh ngộ, ông được phục hồi quan chức. Con vua Lê Thánh Tông là Lê Hiển Tông phong tặng ông là "Văn trung chánh nghị chi thần". Tổ tiên chúng ta vào Nam bằng đường biển nên ông được xem là vị thần biển và được thờ nhiều nơi. Sách *Gia Định thành thông chí* của

Trịnh Hoài Đức cho biết, đời Gia Long, Phi Vận tướng quân Nguyễn Phục là vị thần đứng đầu bách thần ở Nam bộ. Nhiều nơi ông được thờ với mỹ tự của vua Lê Hiển Tông (1497-1504), tức con vua Lê Thánh Tông, phong tặng. Đình Trà Tân (Cai Lậy) có mỹ tự của một vua Lê, sau Lê Hiển Tông không xa, phong tặng. Đình Tân Hương (Châu Thành- Tiền Giang) có mỹ tự rất dài gồm 36 từ, do vua Gia Long phong tặng. Có thể dẫn ra các mỹ tự phong cho Phi Vận tướng quân:

- Kỷ Mùi khoa tiến sĩ, Phi Vận tướng quân, Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ, Tùng giang Văn trung Chánh nghị Hiển hóa tôn thần (đình Hòa Lộc).

- Kỷ mùi khoa tướng sĩ Phi Vận tướng quân, Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ, Tùng giang Văn trung Chánh nghị Hiển hóa tôn thần (đình Trà Tân- Cai Lậy).

- Kỷ mùi khoa tiến sĩ Phi Vận tướng quân, Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ Đô ty, Tùng giang Văn trung Chánh nghị Minh đạt Hoằng nhân Phổ đức Anh nghị Công trực Chương thành, Ý túc Quang đại Linh thông Hoằng mô Đạt hiến Chiêu Ứng tiên sinh tôn thần (đình Bình Phú).

- Kỷ mùi khoa tiến sĩ Phi Vận tướng quân, Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ. Tùng giang Văn trung Chánh nghị Tuyên hiến Thuần đức Gia phước Hoằng nhân phổ tế tiên sinh tôn thần (đình Tân Hương)

- Kỷ mùi khoa tiến sĩ Phi Vận tướng quân Tùng giang Văn trung tôn thần (đình Hưng Phú - Bến Ba Đình, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh).

Phi vận tướng quân Nguyễn Phục đã hy sinh tánh mạng để cứu người, được dân Ngũ Quảng xem như một vị thần biển và được đem vào thờ dọc theo sông Tiền. Nguyễn Phục chết vì gươm đao nên nơi thờ ông thì có tục "tỉnh sanh", tức là khuya đem con heo còn sống, nhốt trong củi đến trước bàn thờ thần tế. Người ta không giết heo vì không muốn nhắc lại đến cái chết đau lòng của ông.

Hai hoàng tử con Lý Thái Tổ là *Đông Chinh Vương* và *Dực Thánh Vương* được thờ khá nhiều nơi. Vào năm 1026, lúc vua cha băng hà, hai ông hoàng này cùng *Võ Đức Vương* phản đối thái tử Phật Mã (tức Lý Thái Tông) lên ngôi. Lê Phụng Hiểu bảo vệ tân vương, giết Võ Đức Vương chết nên hai ông hoàng này xuôi tay cầu hòa. Lý Thái Tông phong thực ấp, hai ông được xem như thủy tổ khai hoang và việc thờ tự hai vị này được đem từ miền Bắc vào miền Trung, sau đó lại vào miền Nam. Các chế độ phong kiến chê Đông Chinh Vương và Dực Thánh Vương là "bất trung, bất hiếu" nên không gia phong mỹ tự. Thời Nguyễn không cấp sắc phong. Trừ trường hợp Đông Chinh Vương và Dực Thánh Vương lưu lạc theo dân xiêu tán, được thờ phụ theo các Thần Thành hoàng khác thì không có tục "hèm". Còn những nơi dân trực tiếp đem Đông Chinh Vương và Dực Thánh Vương vào làm thần Thành hoàng chính thì đều có hèm không được hát bội, vì hát bội phải đề cao trung hiếu, điều mà hai ông không muốn nhắc đến, như đình Hòa Lộc (Cái Bè), đình Phú Long (Cai Lậy), đình Thông Tây Hội (phường 11, quận Gò Vấp, thành phố

Hồ Chí Minh), đình Hanh Thông (phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh)...

Đình Mỹ Hòa (thành phố Mỹ Tho) thờ *Tống Thiên quốc sư đại vương tôn thần*, có lẽ là một nhà sư. Đình Xuân Sơn (Cai Lậy) cũng thờ *Tống Thiên quốc sư đại vương*, lại còn *Tô Đại vương*, *Nhị đại vương*, và *Duân cương Hữu luật Đông càn Bái sóc đại vương*. Nhiều nghiên cứu cho rằng đây là một dòng văn hóa chảy từ Bắc Ninh vào xứ Quảng rồi vào đất Nam bộ (dưới bài văn tế làng Xuân Sơn có câu: "Quảng Nam xứ đẳng đẳng chư tôn thần đồng lai phối hưởng". *Sóc đại vương* là *Phù Đổng thiên vương* được thờ tại Sóc Sơn. *Tô đại vương* có lẽ là *Tô Hiến Thành*. *Nhị đại vương* có lẽ là *Đông Chinh Vương* và *Dực Thánh Vương*. Như thế, *Tống thiên quốc sư đại vương* có lẽ là *Quốc sư Tống Huệ Sinh* hay một ông sư vào đời nhà Lý được phong thần. Nhà Lý phát tích từ đất Bắc Ninh, một triều đại Phật giáo cực thịnh, có nhiều nhà sư được tôn làm thần Thành hoàng.

Một số biểu tượng khí thiên sông núi cũng được tôn là thần Thành hoàng, như: *Cao Các đại vương* (thần núi Tản Viên), *Bạch hạc đại vương* (thần sông Bạch hạc), *Điện Sơn đại vương* (thần núi Điện?), đã được nhiều nơi tôn làm thần Thành hoàng chính. Cũng có nơi thờ phụ sau nhiều vị thần Thành hoàng khác. Đặc biệt những nơi có thờ các vị thần núi, những bậc tiên hiền đều từ vùng núi di cư vào và khi lập làng họ đều lấy tên có chữ "Sơn", tức vẫn còn

mang hơi hám miền núi. Mỹ tự Cao Các đại vương ghi nhận ở một số đình như sau:

- Bổn xứ Cao Các tôn thần (đình Phú Sơn, gần Cái Bè. Chú ý, nếu so với các nơi sau thì Cái Bè là vùng đất cổ).

- Cao Các Quảng Độ đại vương chi thần (đình Xuân Sơn, Mỹ Thạnh Tây, Kim Sơn vùng Cai Lậy).

- Cao Các Quảng hựu Đô Thành hoàng đại vương (đình Quới Sơn, Bến Tre).

- Cao Các Mục Tỉnh Thành hoàng đại vương (đình Giao Long, Bến Tre).

- Cao Các Gia Ứng Mục Hoàng đại vương (đình Trà Tân).

- Cao Các Phổ độ Quảng huệ Đại vương chi thần (đình Hòa Sơn).

- Cao Các Quảng Độ Hoằng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu Phu Hữu Trạc Dương Trác Vĩ thượng đẳng thần (đình Nam Chơn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh).

Thành Cảnh đại vương, bốn vị đại vương là Châu võ vương, Giản võ vương, Thiệu võ vương và An hóa hiếu túc vương (có khi là Hiếu thuận vương) được thờ nhiều nơi, nhưng nguồn gốc không rõ.

Trong nhóm người khai hoang đầu tiên có những người thuộc các dân tộc anh em như: Minh Hương, Chàm, Khmer, Mường... nên đình làng thờ những vị thần Thành hoàng ngoại lai cho họ cúng bái. Nhiều nơi đã thờ *Đại Càn thánh nương*, tức thái hậu họ Dương và ba công chúa triều Nam Tống. Năm 1279, quân Mông cổ diệt nhà Tống

ở Nhai Sơn (Quảng Đông), bốn bà này nhảy xuống biển tử tiết, xác trôi rạt tấp vào cửa Cờn (hay cửa Càn, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ an) được nhân dân chôn cất và lập miếu thờ. Sau đó, một số di thần nhà Tống chạy sang nước ta tị nạn và giúp ta đánh quân Nguyên Mông xâm lược. Muốn tranh thủ nhân dân, vua Trần giả danh đã nằm mộng và phong bốn bà này danh hiệu Đại Càn thánh nương. Hoa kiều và đồng bào ta xem Đại càn thánh nương là thần biển. Năm 1679, sau khi nhà Thanh vào diệt nhà Minh, có một số người Minh do Mạc Cửu, Trần Thắng Tài và Dương Ngạn Địch sang nước ta tị nạn. Lúc bấy giờ nhà Thanh phong cho thần biển mà người Trung Hoa tôn thờ danh hiệu Thiên Hậu thánh mẫu. Vua chúa nước ta muốn tranh thủ những người Minh Hương nên nhiều lần gia tăng Đại Càn thánh nương. Chẳng hạn mỹ tự của Đại Càn thánh nương được phong ở đình Tân An (quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) như sau: Vi hợp Hoằng quang Đại chí Đức phổ Hiển hóa Trang huy Dực bảo Trung hưng thượng đẳng thần.

Nhiều nơi khác thờ *Ma Ha Cẩn* là một người Chàm có công với dân tộc Việt, như đình Phú Nhuận (quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh). Cá biệt có đình thờ tướng *Chu Du* thời Tam Quốc với danh hiệu *Chu Du Thành hoàng đại vương* (đình Giao Hòa, Bến Tre).

Trong một làng, nếu một trong những sắc tộc vừa kể chiếm vai trò quan trọng thì chắc chắn văn hóa của họ sẽ chiếm ưu thế hơn. Các vị thần vừa kể sẽ được tôn làm

thần Thành hoàng chính. Ngược lại, trong làng nếu có những lực lượng dân tộc anh em nhưng chỉ chiếm số ít thì các vị thần trên cũng được tôn làm thần Thành hoàng, nhưng phải thờ phụ sau một hoặc nhiều vị thần Thành hoàng khác.

▣ Nhóm thứ hai được thờ trong đình là những vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian như: *Thổ công* (Thần đất), *Ngũ hành* (Kim, Mộc,Thủy, Hỏa, Thổ), *Bạch mã thái giám* (Thần ngựa trắng, có lẽ là thần Kalkyavatara đấu ngựa của đạo Bà La Môn mà người Chàm thờ và bị Việt Nam hóa?).

Những làng có người làm nghề đồng bóng thì thờ *Thiên Y A Na, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, cậu Trài* (còn gọi là Tài hay Chài) *cậu Quí, cô Hồng, cô Hạnh*.

Những làng chuyên nghề ruộng rẫy thì ngoài việc thờ *Xã Tắc, Vũ sư, Phong bá*, còn thờ *thần Chăn trâu* (Mục đồng chi thần).

Làng thợ mộc thì thờ *Lỗ Ban tiên sư, Cửu thiên huyền nữ*.

Làng ở vùng đất cao, có khu phố thì thờ *thần cửa, thần giếng* (môn đương hộ đối tỉnh táo chi thần).

Làng làm nghề đánh cá thì thờ *Nam Hải Tướng Quân* (cá ông voi). Làng ven biển, nước sinh hoạt khó khăn thì thờ thần ao, thần giếng (*Thủy Long*).

Làng gần rừng thì thờ *Mộc Trụ dương thần* (cây to), *Sơn Quân* (Cả cọp), *Bạch nha hổ lang chi thần* (thần hổ

lang), *Tam đầu nhà cầm, tứ đầu nhà lang* (chim ba đầu, sói bốn đầu).

Thần Chàm có *Trầm hương kỳ nam tướng quân, chúa Lồi, chúa Sắt.*

Thần Kampuchia có *Á Rặc, Tả trà viên tướng quân* (trà viên tức là tà viên, là thần vườn ruộng), *Hữu trà viên tướng quân, Tả chi y nữ, Hữu chi y nữ, Nặc non vương* (tức Norodom).

Những nơi có chiến trận lẫy lừng như đình Giao Long (Bến Tre) thờ *Tiền trận, Hậu trận*. Đình Kim Sơn (nơi xảy ra trận Rạch Gầm- Xoài Mút) thờ *Lịch đại Nam thiên phù suy dực vận Bảo quốc hộ dân liệt vị công thần*.

Những loại tín ngưỡng dân [illegible]g phú nhiều lúc đã phân thân chuyển hóa phức tạp. Thí dụ trong đạo Bà La Môn có nữ thần Uma mà người Chàm người Khmer thờ. Nhưng trong văn hóa Chàm, nữ thần Uma biến thành Thiên Y A Na. Người Việt đã chuyển thành Ngung mang nương, chúa Xứ, chúa Ngọc, chúa Tiên... được nhiều thành phần xã hội tôn thờ trong những trường hợp khác nhau.

Đối với chúng ta ngày nay thì những loại hình tín ngưỡng này có lắm điều dị đoan. Thời đó chắc chắn cũng có người không tán thành xuyên tạc nên có phong trào bênh vực rằng Cọp đã từng làm Hương Cả, Rái Cá từng có công giúp Nguyễn Ánh nên được tôn thờ. Chế độ phong kiến cũng làm ngơ khôn khéo, ít khi ban sắc tức là không chính thức nhìn nhận. Mà dầu có ban sắc cũng phong "hạ

đẳng" như Rái Cá. Ngay cả những vị "Thiên thần" hay "Thổ thần" như Thiên Y A Na, Bạch mã thái giám theo qui định phải phong "thượng đẳng" nhưng cũng chỉ thờ một bên.

Trong khi đó, Bổn Cảnh Thành Hoàng tuy chỉ là thần "hạ đẳng" nhưng lại được thờ nơi bàn chính. Phải chăng đây là một "sách lược" văn hóa, chấp nhận những dị đoan phức tạp, đôi khi ngoại lai, để tập hợp sức mạnh khai phá vùng đất hoang vu? Và trong quá khứ ở Nam bộ, lịch sử đã chứng minh rằng áp dụng thành công.

Khi còn bôn ba, Nguyễn Ánh vẫn theo đường lối của các chúa Nguyễn, tức là ở mức độ nào đó Nguyễn Ánh vẫn tôn thờ nhà Lê. Nhưng khi thắng lợi, Gia Long đã tìm cách loại trừ ý thức hệ đó.

Việc phong tặng "bách thần" bắt đầu chuẩn bị từ năm Gia Long thứ ba (1804). Gia Long chia thần Thành hoàng ra làm ba loại: thượng, trung, hạ đẳng. Ngoài ra, để ổn định trật tự, Gia Long qui định chữ để phong tặng, tục gọi là mỹ tự:

- Chữ "Thác cảnh" dùng để tặng cho thần thượng đẳng.
- Chữ "Quang ý" dùng để tặng cho thần trung đẳng.
- Chữ "Linh phù" dùng để tặng thần linh dị.

Nhưng suốt hai triều Gia Long và Minh Mạng chỉ chú trọng đến một vài nhân vật có công với nhà Nguyễn như: Mạc Cửu được phong *Thọ công Thuận nghĩa trung đẳng thần*, Mạc Tử Sanh được phong *Đạt Nghĩa chi thần*, Tống Phước Hiệp được phong *Phù chánh Viên trạch trung đẳng*

thần, em là Tống Phước Hòa cũng được phong *Quảng ân Thực đức trung đẳng thần*.

Năm 1840, Minh Mạng thứ 20, nhân lễ Ngũ tuần khánh tiết, nhà vua tổ chức lễ Đàm Ân (tức lễ phong tặng bách thần nhân triều có khánh hạ), đồng loạt phong tặng cho "bách thần", nhưng ý đồ chưa thực hiện thì Minh Mạng đã mất.

Ngay khi Thiệu Trị vừa mới nối ngôi, năm thứ nhất (1840), nhà Nguyễn lại tấn công vào quá khứ bằng cách ra lệnh bỏ các chữ: Đại Vương, Công Hầu, Quí Phủ, Thánh Phi, Công Chúa trong danh hiệu bách thần. Và đến tháng 11 và tháng 12 năm Thiệu Trị thứ năm (1845) bắt đầu ban sắc thần.

Đến năm Tự Đức thứ ba (1850) lại qui định thêm một số mỹ tự đầu:

- Chữ "*Tuy mục*" dùng để tặng cho thiên thần.
- Chữ "*Hàm quang*" dùng để tặng cho thổ thần.
- Chữ "*Tuấn vĩnh*" dùng để tặng cho sơn thần.
- Chữ "*Doanh hợp*" dùng để tặng cho thủy thần.
- Chữ "*Trác vĩ*" dùng để tặng cho nam thần.
- Chữ "*Trang huy*" dùng để tặng cho nữ thần.

Theo qui định đó, vào tháng 11 năm Tự Đức thứ ba (1850) và tháng 11 năm Tự Đức thứ năm (1852) lại cấp sắc phong một lần nữa.

Theo lệ thời phong kiến, mỗi lần gia tặng bách thần thì lấy danh hiệu đặt thêm vào hai hoặc bốn mỹ tự. Thế nên

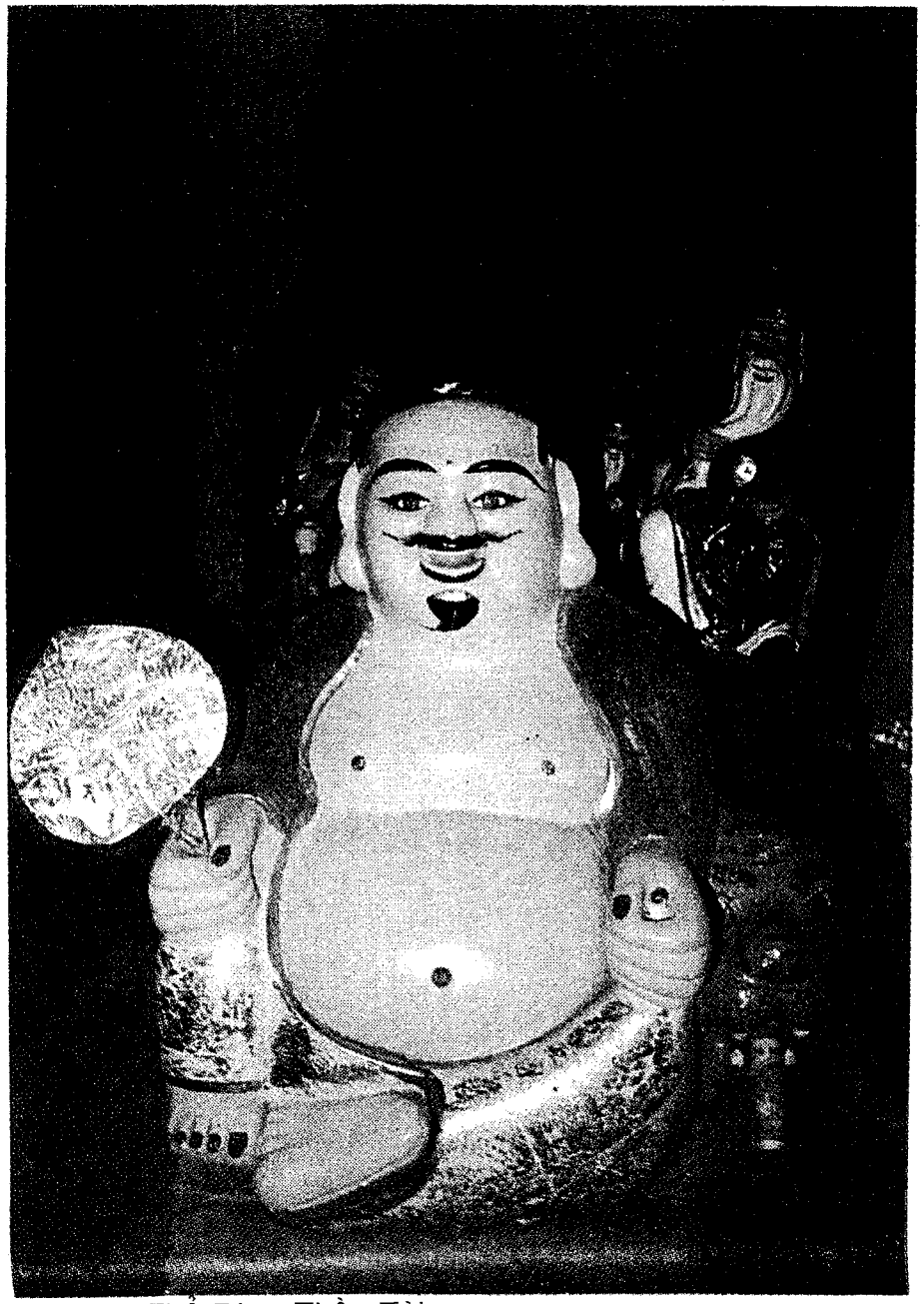

Tượng Thổ Địa - Thần Tài

Tượng Thần Thành hoàng Bổn cảnh

Ngai thờ, hộp sắc thần và kiếm lệnh ở hương án thờ thần

Ngai thờ Thần ở đ[illegible] Sắc từ Linh (Chiêu) TÂY

...Tp. Hồ Chí Minh)...

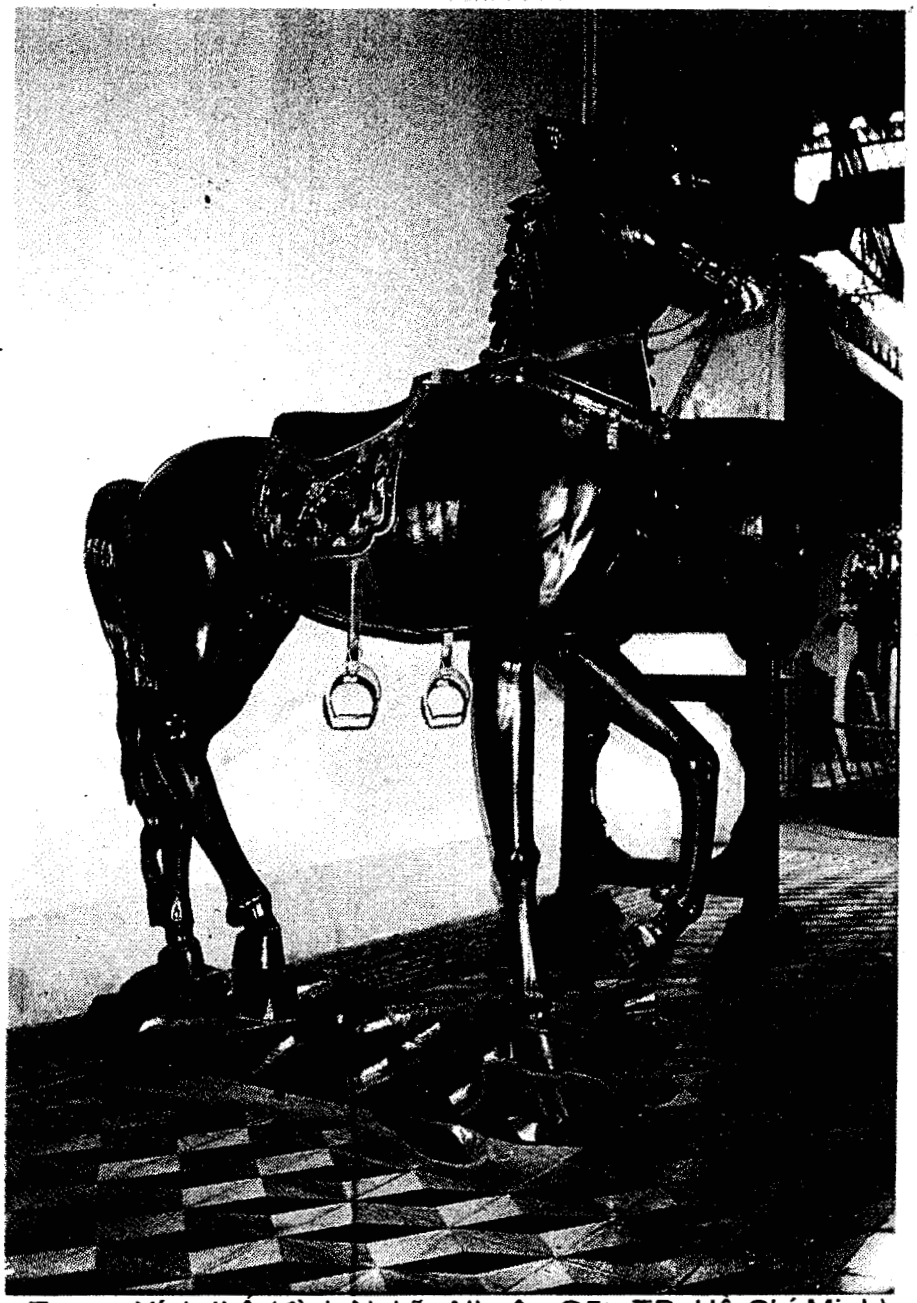

Tượng Xích thố (đình Nghĩa Nhuận Q5 - TP. Hồ Chí Minh)

Đình Minh Hương Gia Thạnh (Q5 - TP. Hồ Chí Minh)

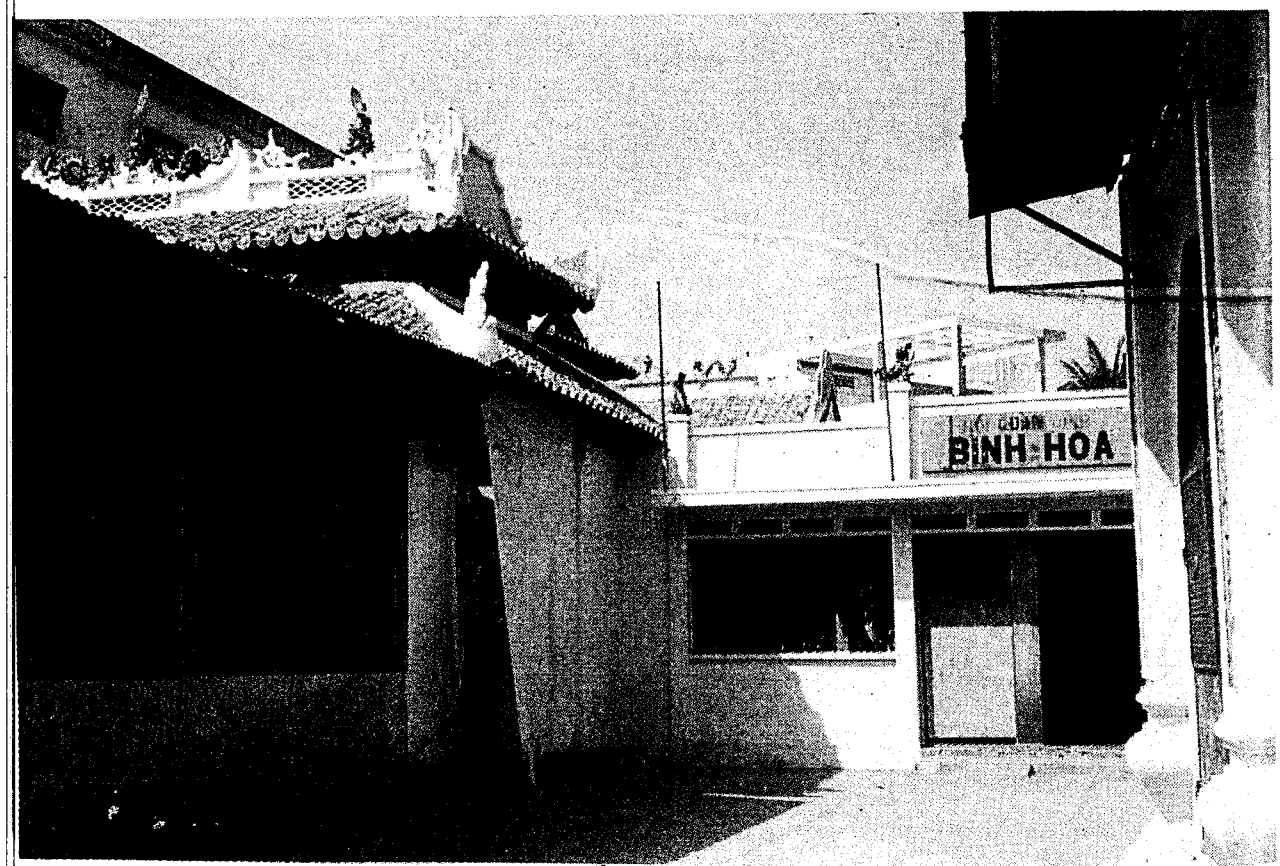

Đình Thông Tây Hội (Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh)

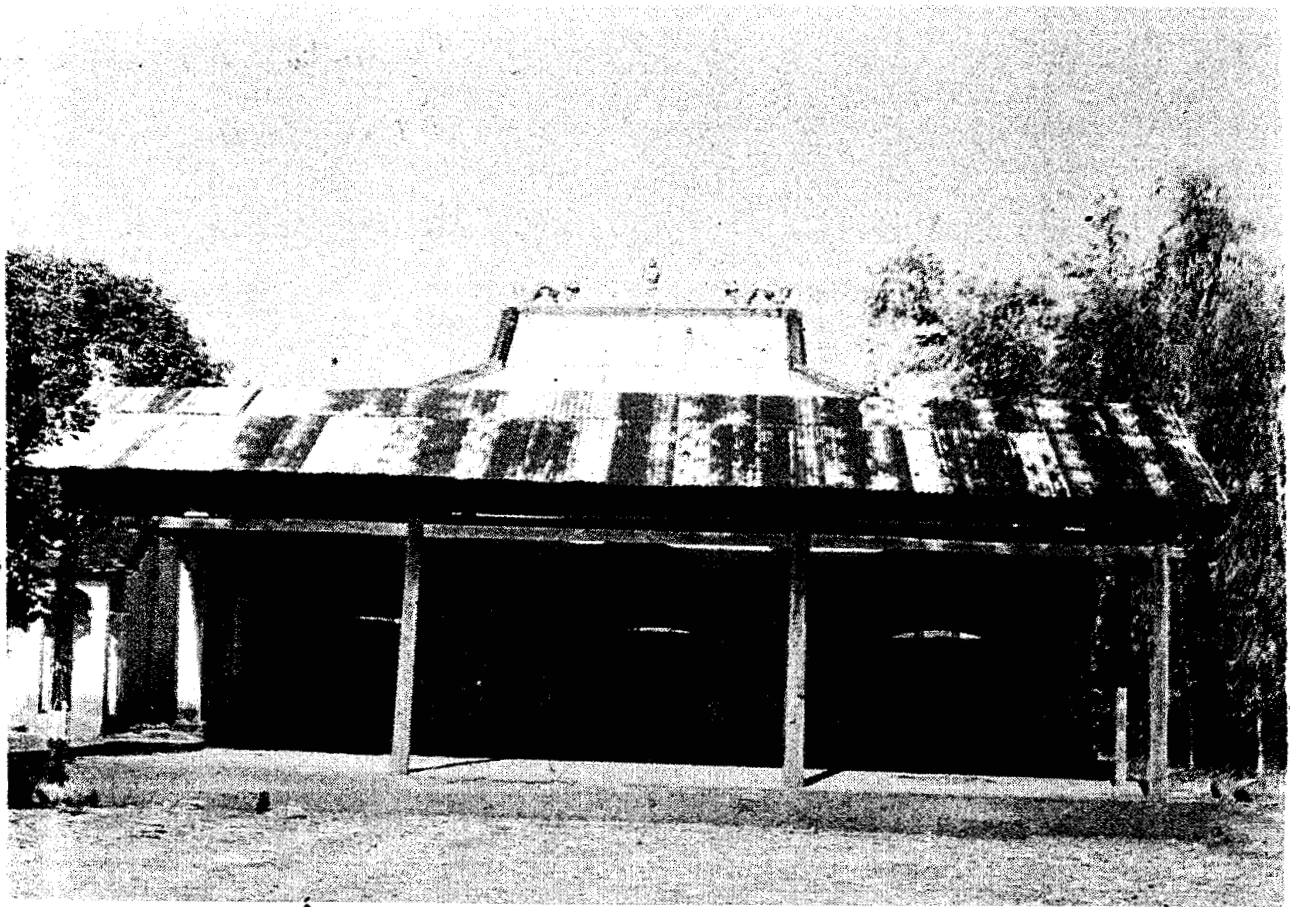

Đình Tân Phong (Ấp Tân Phong, xã Xuân Tân, Huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai)

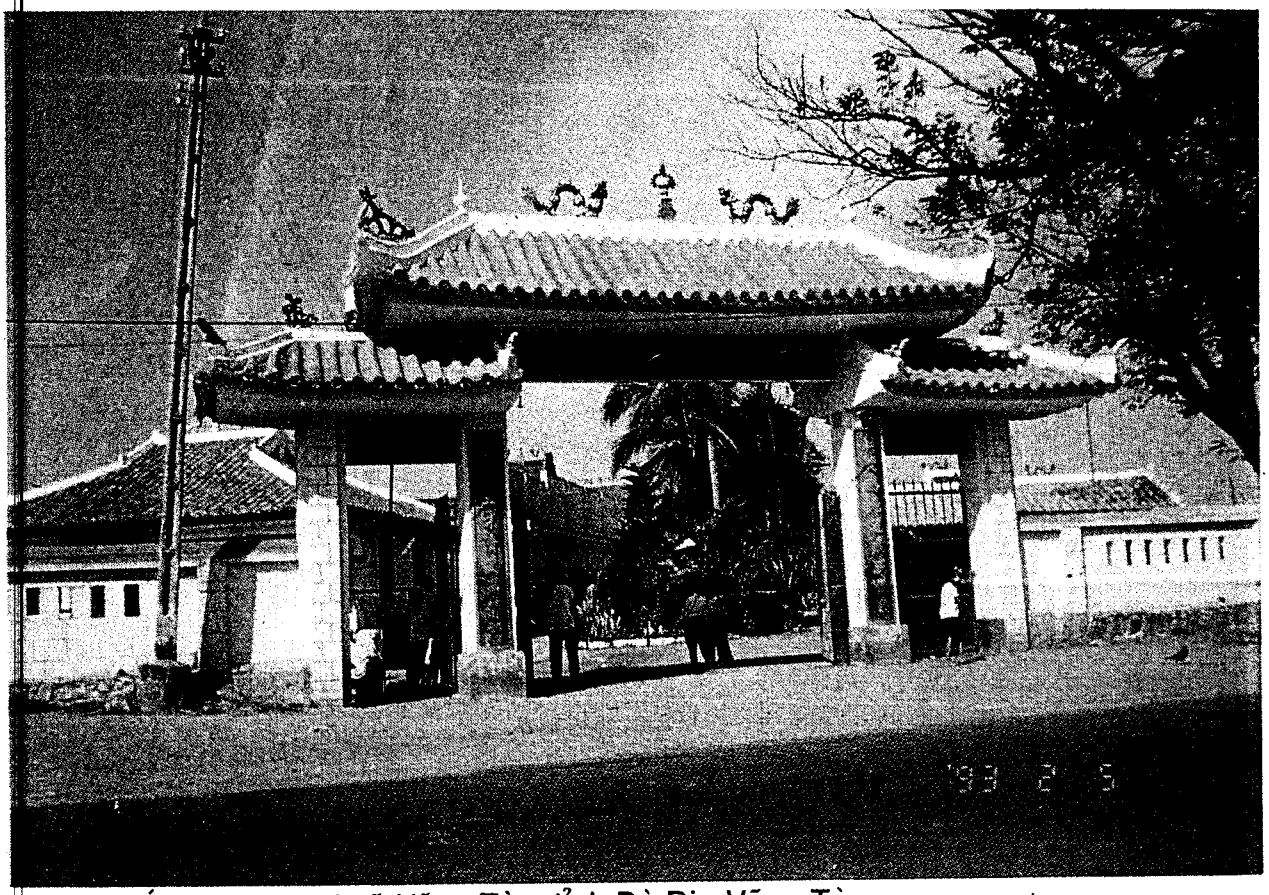

Đình Thắng Tam - Thị xã Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

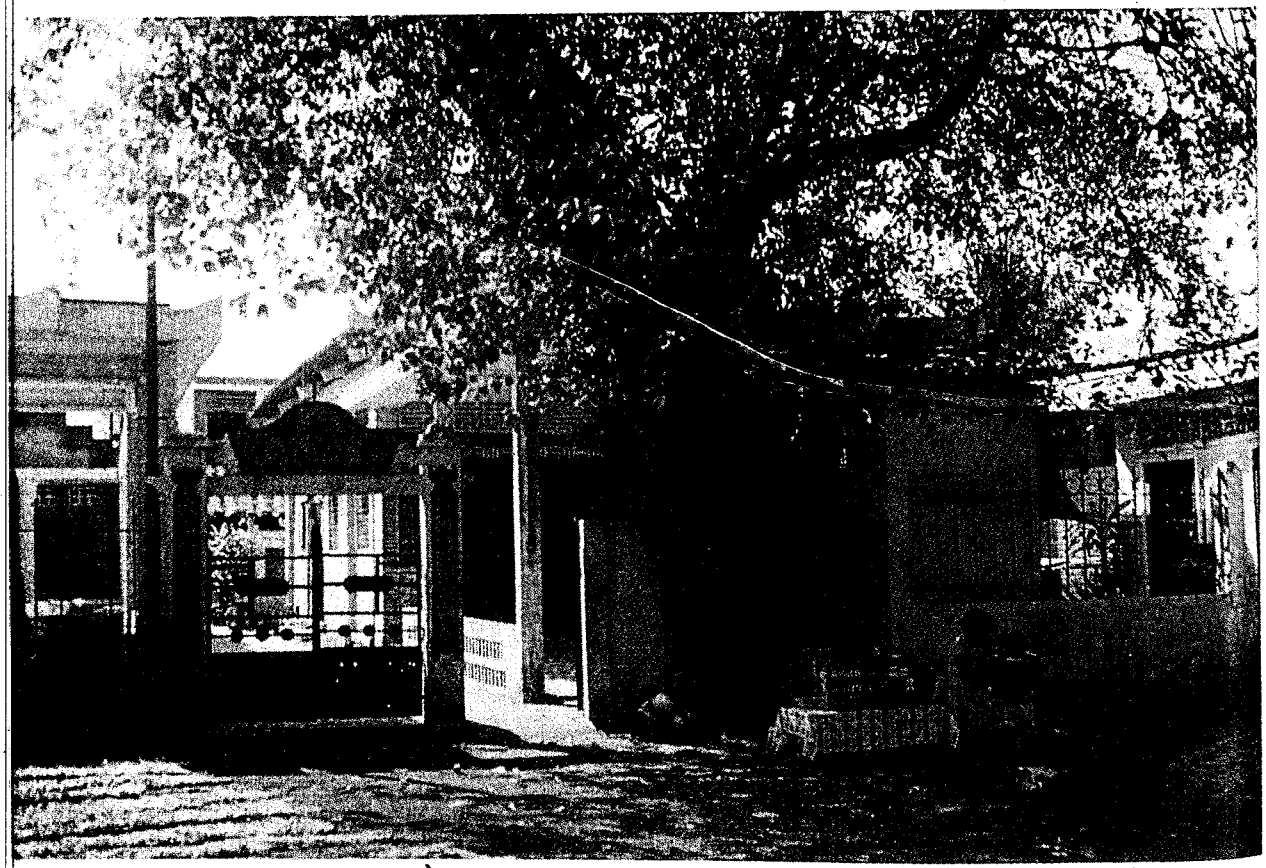

Đình Bà Lụa - Xã Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một, Sông Bé.

Đình An Trạch - Thị xã Bạc Liêu, Minh Hải

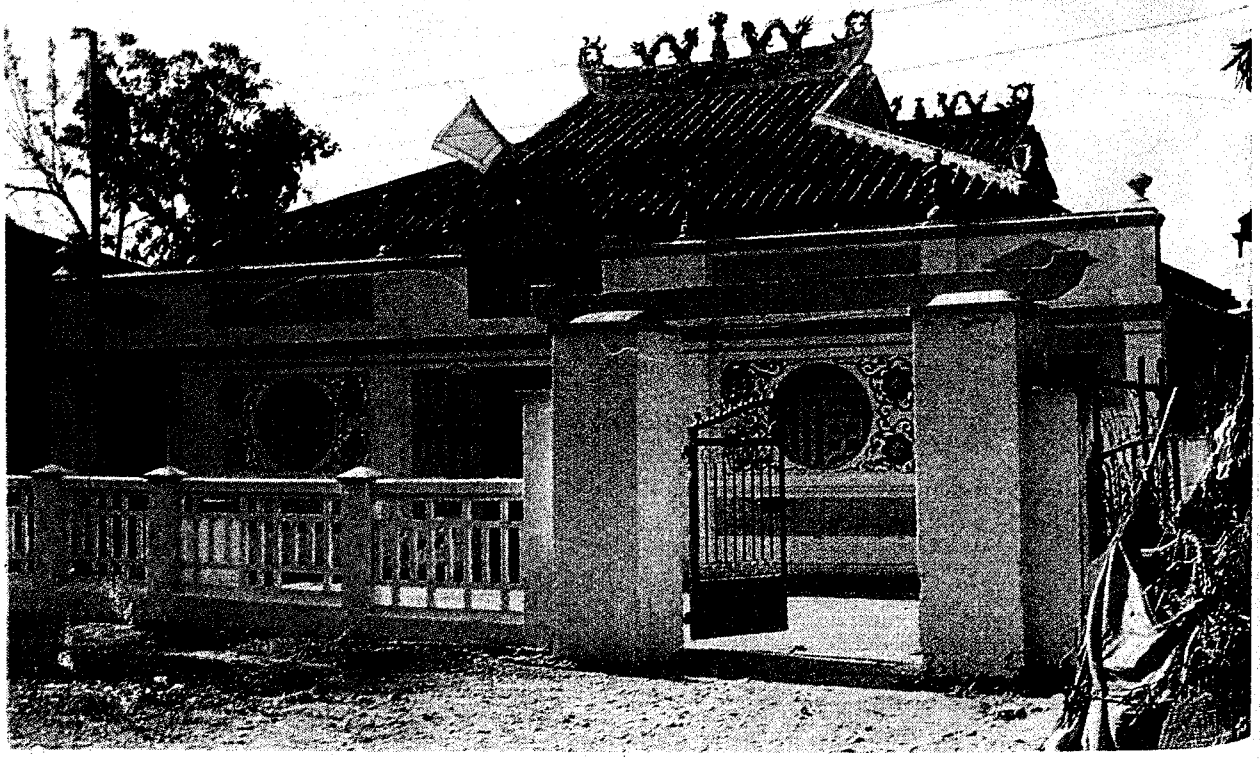

vị thần Thành hoàng nào được nhiều ân sủng thì danh hiệu càng dài. Hai vị thần Thành hoàng đời Lý là Đông chinh vương và Dực thánh vương bị phong kiến kết án, không hề phong tặng, nên danh hiệu rất đơn giản là: "*Tả Đông chinh Thành hoàng đại vương*" và "*Hữu Dực thánh Thành hoàng đại vương*". Trong khi đó, Lý Thường Kiệt cũng đồng thời với hai nhân vật này mà danh hiệu dài đến 258 chữ, nếu tính đến năm Tự Đức thứ 29- tức năm 1876.

Đầu tiên, hai triều đại Thiệu Trị và Tự Đức đã chọn thí điểm là những miếu Hội Đồng (miếu thờ chung các vị phúc thần trong tỉnh). Nhân dịp này, các vị thần Thành hoàng của các tỉnh cũng được phong tặng.

Mỗi miếu Hội đồng thờ khoảng hàng trăm vị phúc thần. Miếu Hội đồng tỉnh Vĩnh Long (nay gọi là miếu Công thần) đến nay còn giữ được 85 sắc phong. Tỉnh Định Tường (cũ) còn giữ được khá nhiều. Một số phân chia ra cho các địa phương không thống kê được. Riêng số tập trung khoảng 40 lá, phân loại như sau:

- Một số sắc phong cho những công thần các chúa Nguyễn giúp dân khai hoang lập ấp. Rất nhiều vị được phong thượng đẳng thần.

- Một số sắc phong cho công thần tướng tá của Nguyễn Ánh đã bị tử trận. Chỉ có một vài vị được phong trung đẳng, còn đa số chỉ được phong hạ đẳng.

- Một số sắc phong là biểu tượng khí thiêng (ở địa phương) đều được phong thượng đẳng thần.

- Một số sắc phong cho các vị thần theo tín ngưỡng dân gian, chỉ trừ các vị Long vương được phong trung đẳng thần, còn tất cả chỉ được phong hạ đẳng.

Riêng các địa phương, mỗi làng chỉ được cấp hai đạo sắc cho một đợt: một đạo sắc phong thượng đẳng cho vị phúc thần hoặc thần linh theo tín ngưỡng dân gian (loại thiên thần). Nhà Nguyễn lại trừu tượng hóa các vị thần Thành hoàng cũ lại bằng các danh hiệu chung chung là "Thần Bổn cảnh Thành hoàng" và cấp cho một đạo sắc phong hạ đẳng. Cũng có trường hợp không có sắc phong thần Thành hoàng mà có sắc phong một thần linh hạ đẳng.

Hiện nay, ở Nam bộ, mỗi làng có từ một đến khoảng 12 sắc phong. Thông thường:

- Những làng ven biển nhỏ, do lưu dân từ miền Trung vào khai phá, ảnh hưởng văn hóa Chàm rõ nét. Ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ năm (1852), *Bạch mã thái giám* được phong "*Dương uy Ngự vũ Bảo chướng Kiện thuận Hòa nhu Hàm quang thượng đẳng thần*". (Chữ Hàm quang, theo qui định năm 1850, thì Bạch mã thái giám là một dạng thổ thần).

Cũng tháng ấy, thần Bổn cảnh Thành hoàng được phong "*Bảo an chánh trực hựu thiện đôn ngưng chi thần*".

- Những làng vùng đồng bằng sông Cửu Long do hỗn hợp dân Việt và Minh Hương khai phá thì đến ngày 27 tháng 11 năm Thiệu Trị thứ năm (1845), *Đại Càn*

Quốc gia Nam Hải Hàm Hoằng quang đại chí đức tứ vị thượng đẳng thần được gia phong hai chữ *Phổ bác*.

Ngày 26 tháng 12 năm Thiệu Trị thứ năm (1845) gia phong hai chữ *Hiển hóa* cho vị thần trên.

Ngày 8 tháng 11 năm Tự Đức thứ ba (1850) vị thần Đại Càn lại được gia phong hai chữ *Trang huy*.

Và đến ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ năm (1852), danh hiệu của thần Đại Càn là : "*Đại càn Quốc gia Nam Hải hàm Hoằng quang Đại Chí đức phổ bác Hiển hóa Trang huy tứ vị thượng đẳng thần*. (Chữ Trang huy, theo qui định năm 1850, xác minh là nữ thần).

Giống như Đại càn Thánh nương, qua bốn lần gia phong, *thần Bảo an Thành Hoàng* được danh hiệu "*Bảo an Chánh trực Hựu thiện Đôn ngưng chi Thần*".

• Cá biệt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long có nơi như làng Tân Hương (Tiền Giang) do ông Dương Tấn Huyên (một người Minh Hương) đứng qui dân thành lập. Đình Tân Hương tuy có thờ rất nhiều thần Việt Nam (trong số đó có các chúa Nguyễn), nhưng chỉ có hai vị thần gốc Hoa là Đại càn Thánh nương và Thần Rái cá được phong sắc. Đình Tân Hương có 8 đạo sắc phong (có lẽ là đình có sắc phong nhiều hàng thứ nhì ở Nam bộ, sau đình Thắng Tam ở Vũng Tàu đứng hàng đầu với 12 sắc phong). Tám đạo sắc phong của đình Tân Hương gồm: *Đại càn Thánh nương* được bốn lá sắc, qua 4 lần gia phong, danh hiệu như đã nêu ở trên và *Dũng mẫn Đông nam sát hải nhị đại tướng quân* (hai thần Rái cá) được bốn sắc phong.

Riêng thần Rái cá, ngày 27 tháng 11 năm Thiệu Trị thứ năm (1845) gia phong hai chữ *Nghiêm dực*.

Ngày 26 tháng 12 năm Thiệu Trị thứ năm (1845) thần này lại được gia phong hai chữ *Hằng nghị*.

Ngày 8 tháng 11 năm Tự Đức thứ ba (1850) vị thần này được gia phong hai chữ *Trừng trạm*.

Và đến ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ năm (1852) thần có danh hiệu là : "*Đông nam Sát hải Dũng mẫn Nghiêm dực Hằng nghị Từng trạm chi thần*".

(Đối với dân khai hoang, Rái cá là một điềm lành. Nơi nào có rái cá thì có thể định cư lập nghiệp. Theo quyển *Ngọc Thu cổ tích* - thần phả làng Ngọc Thu - thì rái cá có công canh giữ xác *Đại càn* [illegible]ic tấp vào cửa Càn (Quỳnh Lưu, Nghệ An) khiến [illegible] dân địa phương cảm thấy linh dị nên chôn cất và lập miếu thờ. Thế nên nơi nào thờ *Đại càn Thánh nương* thì thờ *Lang thát nhị đại tướng quân*. Sự xác tín trong *Ngọc Thu cổ tích* được chứng minh ở Tân Hương đã bác bỏ huyền thoại rái cá vì có công xóa vết chân in trên bãi cát, cứu Nguyễn Ánh thoát nạn Tây Sơn nên được nhà Nguyễn phong thần. Nói cách khác huyền thoại này đã dựa trên tín ngưỡng dân gian có trước đó).

- Những làng di dân từ miền Đông xuống miền Tây khai phá, thành lập đầu thế kỷ 19 thường chỉ có một sắc *Thần Bổn Cảnh Thành Hoàng* cấp năm Tự Đức thứ 5 (1852) giống như những làng trên.

• Đặc biệt những nơi in dấu chân của Nguyễn Hữu Cảnh như làng Kiến Thạnh (nay là Long Kiến, Chợ Mới, Long Xuyên), làng Châu Phú (Châu Đốc) từ trước nhân dân đã lập miếu thờ nhưng không sắc phong. Cũng trong đợt phong sắc tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1852), Nguyễn Hữu Cảnh được phong "*Thác Cảnh Uy viễn Chiêu ứng Thành cảm Hiển linh Trác vĩ thượng đẳng thần*" (mỹ tự đúng qui định năm 1850)

Đồng thời một số nơi làm nghề đồng bóng, đợt tháng 11 năm này, Thiên Y A Na được mỹ tự : "Hoằng ân Phổ tế, Diệu thông Mặc tưởng Trang huy thượng đẳng thần" và Thổ địa cũng được mỹ tự : "Tịnh trấn Quảng thi Bác huệ Đôn ngưng chi thần".

Sắc phong được viết trên giấy kim tiến màu vàng, có đóng dấu "Sắc mạng chi bảo" của vua. Chỉ trừ một vài trường hợp sắc phong được viết tay. Còn hầu hết do chủ trương cấp đồng loạt nên phải theo lối "hoạt tự", chừa trống chỗ và đóng tên địa phương nhận lãnh vào, mới đáp ứng đủ yêu cầu. Thế nên tất cả sắc phong được cấp cho các đình làng ở miền Nam gần như giống nhau từng câu từng chữ.

Riêng khoảng năm 1852, hình như Tự Đức linh cảm thấy trước việc thực dân Pháp thôn tính Nam bộ, nên ban sắc cho toàn bộ các làng còn sót nhằm xác lập chủ quyền của nhà nước Đại Nam trên tất cả các làng xã. Chủ trương này thực hiện vội vã. Giấy kim tiến không đẹp bằng lần trước. Ngay sắc phong thượng đẳng cho Nguyễn

Hữu Cảnh cũng dùng giấy bản thông thường. Vội vã đến nỗi triều đình đã sao chép nguyên văn danh hiệu đợt phong 1850, không kịp ngồi bàn chọn mỹ tự mới.

Tiếp theo, năm Tự Đức thứ sáu (1853), triều đình lại qui định việc khen thưởng và kỷ luật bách thần. Thần nào cầu cúng thấy linh dị thì được gia phong. Một vài trường hợp đặc biệt thì thần ở đẳng trật thấp có thể thăng lên đẳng trật cao hơn. Thần nào tầm thường, nhảm nhí, không công trạng, hay sanh tiền phục vụ Tây Sơn thì bị cấm thờ!

Nhưng qui định này không áp dụng ở miền Nam triệt để vì sau đó mấy năm thì thực dân Pháp đã đến.

Thực dân Pháp bắt đầu bình định, chúng nghiên cứu khai thác triệt để c[illegible]nhân dân ta. Nhằm ý đồ xóa sạch truyền thống văn hóa, chúng qui định hễ làng nào có người khởi nghĩa chống lại chúng thì chúng sẽ giải tán làng đó. Đất đai bị cắt xẻ nhập vào làng khác. Đình chùa miếu mạo bị phá hủy. Và để trả công cho những người cộng tác, chúng cho bọn cường hào tự do lập làng mới. Do qui định này mà ở nông thôn có khi vì lúc đình đám tranh nhau lạy trước, có khi vì miếng thịt kiếng, mà bọn cường hào cấu xé và sinh ra cát cứ. Đồng thời do những vụ đàn áp đẫm máu của thực dân Pháp, một số nghĩa quân ở miền trên phải chạy xuống miền dưới tìm đất lập nghiệp. Vì thế cho nên trong khoảng từ năm 1862 đến 1900 có khá nhiều làng mới thành lập. Nhưng tất cả đình miếu của những làng này đều không có sắc phong.

Quan niệm dân gian hễ có làng thì phải có đình có sắc. Làng có sắc thần là làng có truyền thống. Thế nên ở những làng có tệ cát cứ thì thường xuyên tranh chấp sắc thần. Còn những làng giàu có mới lập vùng Bạc Liêu - Cà Mau đã xây dựng được những ngôi đình qui mô đồ sộ, nhưng lại bị mặc cảm là làng được thành lập do một quyết định của chính quyền thực dân. Do đó có nhiều làng bỏ tiền ra mua sắc cũ đem về thờ. Mặc dầu những lá sắc này không phải cấp cho địa phương mình, nhưng vì tập tục kiêng kỵ việc "khán sắc" làm cho không mấy ai kiểm tra được nên cũng phần nào xóa được mặc cảm. Trước đó, vào năm Tự Đức thứ 6 (1853) có qui định hễ làng nào để mất sắc phong thì không được tái cấp mà hào lý và người giữ sắc còn bị đòn. Tất nhiên họ bị dân làng chê trách. Nay sinh thêm nạn ăn cắp sắc nên họ càng cố gắng gìn giữ bảo vật này. Quan niệm cho rằng sắc thần là thần linh, có quyền phép thiêng liêng nên có nơi không dám mở ra. Có nơi trước khi mở phải có nhang đèn. Khi phơi sắc phải có lễ bộ, nghi trượng, có hương chức khăn áo đứng hầu... Đều là những biện pháp ngăn ngừa trộm đạo.

Sau đại chiến thứ nhất, triều đình Huế chỉ còn là một cơ quan của chính quyền đô hộ. Vua quan phải thò tay nhận lương của chính quyền đô hộ cấp phát. Thấy yêu cầu của một số địa phương Nam bộ có thể tạo thêm nguồn tiền tiêu pha, nên triều đình Huế được phép của chính quyền đô hộ, đã tổ chức bán sắc phong. Thời bấy giờ bất cứ địa phương nào có yêu cầu thì cứ viết đơn kèm mandat 2 đồng

bạc gởi theo bưu điện. Trong đơn có thể đòi hỏi triều đình phải phong tặng cho những vị thần mà địa phương mong muốn. Thế nên có một vài trường hợp con chuáu phải bỏ tiền ra để mua chuộc triều đình Huế phải phong cho tổ tiên mình làm thần Thành hoàng. Và vì đồng tiền, triều đình An Nam đã làm việc đó. Đây là một trò khôi hài do triều đình Huế và một số hào lý trình diễn mà khán giả chính là chính quyền thực dân đô hộ. Thực tế danh nghĩa thì đất Nam kỳ của Pháp thì đâu còn chủ quyền mà trình diễn màn kịch khôi hài ấy.

Về mặt hình thức thì sắc phong bách thần của triều đình Huế cấp phát trong thời Pháp thuộc rất đẹp. Cũng giấy kim tiên vẽ rồng, chữ viết tay, dấu ấn rõ ràng, màu sắc phân biệt. Điểm rất [illegible] được phong tặng đều có tên họ, chức vụ, danh hiệu cụ thể.

Khải Định và Bảo Đại dùng mỹ tự "*Dực bảo trung hưng*" mà Đồng Khánh (1886 - 1888) qui định. Đa số sắc phong đều phong tặng một số công thần giúp nhà Nguyễn trung hưng hoặc một số nhân vật tăm tiếng ở giai đoạn Pháp Việt giao thời. Một nhân vật được thần thánh hóa cao độ như vợ chồng ông Đỗ Công Tường, người có công lập chợ và đã tình nguyện chết thay cho đồng bào Cao Lãnh bị dịch bệnh vào năm 1820, được Bảo Đại phong danh hiệu: "*Dực bảo Trung hưng Linh phù chi thần*". Tương tự, năm 1936, *Linh Sơn thánh mẫu* tức nữ thần núi Bà Đen cũng được phong danh hiệu y như ông chủ chợ Cao Lãnh. Phải nhìn nhận là những lá sắc của Bảo Đại

tuy có tính chất khôi hài nhưng đã giúp một số địa phương phát triển lễ hội theo dạng ... kinh doanh văn hoá.

Số lượng sắc phong không nhiều nhưng cũng phức tạp. Nhiều làng cổ đã có đình, có sắc phong. Nhưng do yêu cầu của một số người nào đó nên được sắc nữa, bắt buộc phải cất thêm một nơi thờ khác. Có khi vì tiền triều đình Huế cấp sắc cho một ngôi miếu thờ Thần Nông của một xóm. Việc phong sắc cho Thần Nông là trái qui định. Vì theo quan niệm của phong kiến thì Thần Nông là một thánh vương, vua chúa đời sau chỉ tôn thờ, không dám phong tặng. Vì đây là việc làm chưa có tiền lệ nên không có mỹ tự qui định sẵn. Lá sắc trở thành một tờ giấy chứng nhận khôi hài.

Chủ trương phong sắc tương đối có hệ thống. Thì dụ như tháng 8 năm Bảo Đại thứ 8 (1933) làng Thành Phố (Gò Công) thờ Võ Tánh thì được sắc *Thác cảnh Dực bảo Trung hưng thượng đẳng thần*. Sau đó gần 10 năm, năm Bảo Đại thứ 17 (1942), làng Long Thạnh (Gò Công) Võ Tánh cũng được sắc phong với danh hiệu đó. Chúng ta nên lưu ý hai làng này là làng cổ, đã có sắc từ trước. Những lá sắc do Bảo Đại cấp đã hạ bệ các vị thần cũ.

Nhưng đôi lúc cũng có sự trùng lập. Thí dụ danh hiệu *Đoan túc Dực bảo Trung hưng tôn thần* vào năm 1924 mà Khải Định đã phong cho Thoại Ngọc Hầu, nhưng đến năm 1933 Bảo Đại lại lấy phong cho Phan Thanh Giản. Thế nên đến năm 1943, Thoại Ngọc Hầu lại được thăng lên Trung đẳng thần và đổi danh hiệu lại là *Quang Ý Dực bảo*

Trung hưng, được thờ tại đình làng Thoại Sơn và Vĩnh Tế ở Châu Đốc. Còn Phan Thanh Giản được thờ tại làng Long Hồ (Vĩnh Long). Tất cả đều là làng cổ.

Vì thích quan niệm "sanh vi tướng, tử vi thần", một số tên Việt gian như Trần Bá Lộc, mặc dầu theo đạo Thiên chúa, nhưng khi mất vẫn còn căn dặn bọn đàn em phải lập miếu thờ tại Ngã Sáu (Cái Bè). Trắng trợn hơn, sau đại chiến thứ nhất, một số cường hào nịnh bợ đã cho tạc bài vị thờ sống tên Tham biện Lafontain tại Gò Công. Hoặc trước đệ nhị thế chiến, một số đình ở miền Tây phải thờ thống chế Pétain của chính phủ Vichy thân Hitler.

Nhưng đồng bào Nam bộ đã chống đối quyết liệt. Nếu có những nơi tạc bài vị thờ những tên ngoại xâm thì ở làng Kim Sơn (Châu Thành [illegible] bài vị thờ ông Lê Công Giám. Sanh tiền, ông này có công qui dân lập làng. Tuy làm chức lớn trong làng nhưng ông rất thanh liêm, đi họp xách trầu xách nước theo. Khi ông mất, cả làng tôn ông làm "thần cả" và cử tên ông, gọi là "Dím". Làng Phú Sơn (gần Cái Bè) tạc bài vị thờ thiền sư Từ Lâm (tục danh là Hồ Văn Quang) và em ruột là Hồ Văn Huy, là hai người có công lớn với nhân dân địa phương. Làng Bình Thủy (Cần Thơ) thờ ba vị thần Thành hoàng là Đinh Công Chánh, Trầm Hương công chúa và Huệ Cô công chúa. Hai bên thờ thần Triệt Lộ và thần Phong Thủy. Các vị thần này thường giáng cơ dạy điều họa, phước, mang hơi hám đạo Lão. Làng Bình Thủy có dạo đổi tên thành làng Long Tuyền và đình làng được trùng tu trong giai

đoạn có phong trào Duy Tân và Đông Du. Trong làng có Long Khê Lão sư là người chủ trương sửa đổi cách thờ tại đình Long Tuyền để hoạt động. Một số anh hùng hi sinh vì dân tộc như Trương Định (ở Gò Công), Thủ Khoa Huân (ở Mỹ Tho), Nguyễn Trung Trực (ở Rạch Giá), Tứ Kiệt (ở Cai Lậy) được lập miếu thờ và xem như vị thần cai quản một tỉnh, một huyện. Lúc đầu, do bộ máy kềm kẹp của địch theo dõi, đồng bào phải núp dưới chiêu bài thờ tiền hiền trong đình thần hoặc trong miếu Quan Công. Có nơi đồng bào thờ các vị anh hùng này dưới dạng thờ Cô Hồn hay thờ Cá Ông Voi. Trường hợp Nguyễn Trung Trực sau khi ông hi sinh, ở Rạch Giá, có ông Noustour là một người Pháp nhưng rất ghét Pháp. Noustour đem về một sắc phong, lập trang thờ và tung tin Nguyễn Trung Trực đã thành thần, nên được Tự Đức ban sắc. Việc làm của ông tạo điều kiện tôn thờ Nguyễn Trung Trực. Sự thật đó là sắc phong thần Thành hoàng bổn cảnh cấp năm 1852, trước khi Nguyễn Trung Trực hi sinh.

b. Cơ cấu tín ngưỡng của đình Nam bộ:

Như đã nói ở trên, đình làng Nam bộ, do những điều kiện lịch sử cụ thể của nó nên đã dung nạp một cơ cấu thần linh khá đa tạp. Bên cạnh thần Thành hoàng, là các đối tượng thờ phụng chính yếu, còn có đến chín, mười thậm chí đến ba, bốn chục đối tượng khác được thờ phụng ở trong đình, trong khuôn viên đình.

1. *Nhóm thứ nhất* là tập hợp các thần linh thuộc đối tượng tín ngưỡng chính thống của đình. Đứng đầu là *thần*

Thành hoàng và các đối tượng phối tự - được coi là bộ hạ của thần: *Bạch mã thái giám, Tả ban, Hữu ban...*

Thần Thành hoàng được thờ phụng nơi tôn nghiêm nhất trong chánh điện. Phần lớn các ngôi đình ở Nam bộ đều chỉ thờ Thành hoàng bằng một chữ "Thần" viết bằng chữ nho đặt trên một hương án, với các đồ tự khí như: hộp đựng sắc thần, ngai thờ, bộ lư hương chân đèn, một cặp rùa đội hạc, một long vị ghi tước hiệu được sắc phong của thần, một lục bình cắm hoa, một dĩa trái cây đặt trên cái chò gỗ, một dĩa nhỏ trên có ba chung rượu, một cái nhạo rượu đế, một đôi hia, một chiếc áo ngự, một cái mão... Cá biệt nhiều ngôi đình ở huyện Thủ Đức và một vài ngôi đình ở quận Tám (thành phố Hồ Chí Minh) lại thờ thần Thành Hoàng bằng cốt tượng hoặc bằng gỗ, hoặc bằng thạch cao hay bằng xi măng.

Qua điều tra thực tế, một số rất ít đình Nam bộ có sắc phong thần của vua Minh Mạng (1820 - 1840). Một số ít đình khác có sắc phong thần của các triều muộn hơn, như : Thiệu Trị (1841-1847), Thành Thái (1889-1907), Duy Tân (1907-1916), Khải Định (1916-1925), Bảo Đại (1926-1945). Còn lại hầu hết các đình Nam bộ lưu giữ được sắc phong vào đời vua Tự Đức năm thứ năm (tức năm 1852), với tước hiệu: Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh, nghĩa là: vị thần Thành hoàng của một vùng đất này. Thực ra, thần Thành hoàng Bổn cảnh đây chỉ là một khái niệm mơ hồ mang tính chất "hữu danh vô thực" không chỉ rõ vị thần Thành hoàng nào được sắc phong là ai cả, mà là người đại

diện cho thiên tử để bảo hộ cho dân làng. Mục đích của việc phong sắc là nhằm xác định quyền lực của triều đình trung ương đối với làng xã vùng đất mới!

Trong tâm thức người dân Nam bộ, vị thần Thành hoàng Bổn cảnh vốn là vị thần bảo hộ của cộng đồng dân cư ở thôn làng mình. Ngài ngự trị tại đình làng, chứng kiến đời sống, sinh hoạt của toàn dân trong làng, bảo vệ mọi người, phù hộ cho dân làng được an khang, thịnh vượng. Ngài đại diện cho Ngọc Hoàng xem xét công tội của dân làng, và hàng năm đến ngày 25 tháng chạp âm lịch, ngài về trời tấu trình mọi lẽ. Những người hiền lương thường được ngài phù trợ. Những kẻ độc ác, hung dữ thế nào rồi cũng bị ngài trừng phạt. Luật lệ của ngài chính là luật lệ của dân làng. Những điều ngài cấm, dân làng đều kiêng kị. Ngài là hiện thân của kỷ cương, thưởng phạt. Người ta tin rằng chính ngài sẽ thưởng hay phạt kẻ nào tuân theo hay xúc phạm uy linh của ngài. Tóm lại, thần Thành hoàng là nhân cách hóa uy quyền tối cao, mà uy quyền tối cao này bắt nguồn và lấy sức mạnh từ trong chính xã hội thôn làng. Hơn thế, ngài còn liên hệ với tất cả phần tử trong toàn thể cộng đồng, cấu kết lại thành một khối, thành một thứ nhân cách tinh thần mà tất cả thuộc tính cốt yếu hiện thấy ở mỗi cá nhân trong thôn làng nơi thần ngự trị.

Trong một số trường hợp, các thần linh khác có sắc phong (hoặc không có sắc phong) được đồng tự với thần Thành hoàng. Không ít trường hợp các thần đồng tự này

có đẳng trật cao hơn thần Thành hoàng. Song trong thực tế, nếu đình có sắc phong thần Thành hoàng riêng thì dân chúng vẫn coi thần Thành hoàng là vị thần chủ yếu, và trong một số trường hợp khác thì các vị thần có danh tính cụ thể được coi là thần Thành hoàng bổn cảnh của làng.

Các thần linh là các nhân thần hoặc các nhiên thần được nhân cách hoá, trong đó, các nhân vật lịch sử chiếm đa số: Bắc Quân Đô Đốc Phủ Chưởng Phủ Sự tặng Thái Bảo tôn thần (tức Bùi Tá Hán - đình Nam Chơn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh), Phó Tướng Mai Quí Phủ tôn thần (đình Nam Chơn), Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng, Trần triều hiển thánh Hưng Đạo đại vương (đình Nhơn Hòa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh), Cao Các Quảng Độ tôn thần (đình Nam Chơn, quận 1), Nguyễn Hữu Cảnh (đình Minh Hương Gia Thạnh, quận 5), Phi Vận tướng quân Nguyễn Phục (đình Hưng Phú, Bến Ba Đình, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh), Đại Càn Quốc gia Nam hải Tướng quân (tức cá voi - đình Phú Hòa, quận 1 và đình Lý Nhơn, quận 4), Nguyễn Huỳnh Đức (đình Ưu Long, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn văn Giờ (đình Hòa Lục, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh), Phạm văn Chí (đình Bình Hoà, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh), Đông chinh vương, Dực thánh vương (đình Hanh Thông và đình Thông Tây Hội, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh), Tối linh Ngọc nữ công chúa, Bổn cảnh Trung hỏa Phước đức Vương thổ chính thần (đình Hanh Thông)...

Trong các vị thần linh kể trên, chúng ta thấy nhiều vị từng cống hiến cho đất nước nhiều công trạng. Từ Hưng Đạo đại vương với chiến công bình Nguyên vào thế kỷ 13 đến Bùi Tá Hán rạng danh với công bình trị và khai phá vùng đất Quảng Nam vào thế kỷ 17, rồi Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Huỳnh Đức của triều Nguyễn đã góp công khai phá, bình định vùng đất Nam bộ từ chúa Nguyễn đến các vua triều Nguyễn, và những Nguyễn Ngọc Thăng, Nguyễn Văn Giờ, Phạm Văn Chí anh dũng kháng Pháp trên mảnh đất địa đầu Nam bộ vào cuối thế kỷ 19. Bên cạnh đó, còn có Đông Chinh Vương, Dực Thánh Vương là hai hoàng tử đời Lý toan cướp ngôi vua của thái tử Lý Phật Mã khi vua cha vừa băng hà, nhưng đã bị trừng trị bằng cách đày vào Quảng Bình, Quảng Trị qui dân lập ấp, đoái công chuộc tội; một Hoa Nương, cô gái mười sáu tuổi của vùng đất Thanh Hoá đã tuẫn tiết khi bị ép phải tống cung cho một vua nhà Lý rồi trở nên linh hiển được nhân dân xưng tụng với mỹ tự "Tối linh Ngọc nữ công chúa", và một Kỷ mùi khoa Tiến sĩ Nguyễn Phục bị chết oan khi đảm nhiệm chức vụ Phi Vận tướng quân dưới triều Lê thánh Tông...

Còn đình Mỹ Hòa ở xã Tân Xuân, huyện Hốc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, có hương án thờ những người yêu nước hoạt động chống Pháp như: Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực, Hoàng Diệu, Hàm Nghi, Phan Đình Phùng, Cao Thắng, Đinh Công Tráng, Hoàng Hoa Thám, Tống Duy Tân, Nguyễn Thiện Thuật, Kỳ

Đồng, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Quyền, Duy Tân, Lương Ngọc Quyến, Trịnh Văn Cấn, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Thị Giang, Nguyễn Khắc Nhu, Nguyễn An Ninh, Đội Cung..., với hình ảnh phác họa chân dung cùng với sơ lược tiểu sử từng người.

Thần linh thuộc tín ngưỡng các dân tộc Hoa, Chăm như: Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi tôn thần, Quan thánh Đế quân, Dương phi phu nhân hay Đại càn Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương (đình Nam Chơn, đình Tân An, quận 1 và đình An Nhơn, quận Gò Vấp,thành phố Hồ Chí Minh).

- *Tả Ban, Hữu Ban:*

Trong đình làng Nam bộ, [illegible]ái bên trái và phải của hương án thờ Thần là hai hương án thờ Tả Ban và Hữu Ban.

Tả Ban, Hữu Ban được hiểu là những vị có nhiệm vụ túc trực để bảo vệ Linh thần, bởi Tả Ban và Hữu Ban là hai quân hiệu thuộc Cấm quân (tức là quân đội nơi cung cấm, bảo vệ triều đình) do vua Trần Duệ Tông (1373-1377) đặt ra vào năm Long Khánh thứ hai (1374).

Hương án thờ phụng Tả Ban và Hữu Ban được bày biện trang nghiêm với những đồ tự khí như: một cái mão, bộ lư nhang chân đèn, cặp rùa đội bạc, lục bình cắm hoa, chân chò với dĩa trái cây... Hai chữ Tả Ban và Hữu Ban được viết bằng chữ nho trên một mặt đứng đặt ở trong cùng hương án.

Bạch mã thái giám:

Theo giải thích dân gian thì cho rằng đây là một loại ngựa thần có trách nhiệm phục vụ sự di chuyển của vị thần linh được thờ tại đình. Người ta tin rằng con ngựa thần này có lông trắng và không có giống, rất hiển linh và chỉ dùng các thực phẩm như: cỏ, rơm, thóc, lá tre, nước ...

Thường thì Bạch Mã thái giám được thờ phụng bằng cốt tượng to như một con ngựa thật, làm bằng gỗ hay xi măng, đặt trên một cái đế cùng chất liệu, có bốn bánh xe để tiện việc di chuyển. Tuy nhiên cũng không ít ngôi đình thờ Bạch mã thái giám bằng bốn chữ nho (Bạch mã thái giám) ở một hương án đặt trong chánh điện của ngôi đình hoặc trong một ngôi miếu nhỏ trước sân đình. Có nơi, ngoài Bạch mã, còn có tượng Hồng mã, hay một tượng ngựa sơn màu khác, đặt đối xứng với Bạch mã.

- *Hoàng Đế:*

Trong một vài đình ở Nam bộ, như đình Bình Trưng ở Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh), có hương án thờ Hoàng Đế đặt ngay trước bàn thờ thần trong chánh điện và trên cao có bức hoành phi "Thánh thọ vô cương".

Đây là hương án thờ các vị vua tại triều, mang ý nghĩa tôn xưng nhiều hơn là tín ngưỡng.

- *Ngũ Cốc:*

Nhiều đình ở huyện Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh) có hương án thờ Ngũ Cốc đặt ngay bên phải bàn thờ linh thần trong chánh điện.

Ngũ cốc gồm: đạo (lúa gạo), mạch (lúa mì), tắc (kê), thử (một loại kê) và túc (rau). Đây là nguồn thực phẩm của người Việt Nam. Tín ngưỡng thờ Ngũ Cốc là một trong những tín ngưỡng nông nghiệp.

Hương án thờ Ngũ Cốc thường gồm hai chữ nho "Ngũ Cốc" và các đồ thờ. Tuy nhiên, cũng cần nói thêm, một số các cụ kỳ lão kể lại rằng trước đây hương án Ngũ Cốc có thờ thêm vỏ lúa nữa.

- *Đối tượng thờ đặc biệt:*

Ngoài ra, có một đối tượng khá đặc biệt cũng được thờ tại rất nhiều đình: chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhiều đình đã thờ phụng chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong chánh điện của đình, ở ngay hương án đặt trước bàn Hội Đồng. Hình thức thờ [illegible] là ảnh chân dung của chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với các đồ tự khí tôn nghiêm khác.

2. *Nhóm thứ hai* bao gồm các bậc tiền bối hữu công của làng như: tiền hiền, hậu hiền, các anh hùng liệt sĩ, các chiến sĩ trận vong, các hội viên quá vãng và tổ các nghề: tiên sư, tổ hát bội, tổ nhạc lễ ...

- *Tiền hiền, Hậu hiền:*

Trong đình làng Nam bộ phổ biến đều có hương án thờ phụng Tiền hiền và Hậu hiền. Đây là các bậc tiền bối từng bỏ công sức, tiền của để gây dựng làng xã hay đình làng trong những ngày đầu thành lập. Đặc biệt có những vị đã đóng góp nhiều công lao to tát, quan trọng thì được đời sau gọi là Tiền hiền cẩm địa hay Cẩm địa (cẩm địa

nguyên là miếng thịt vai của con heo cúng, loại thịt ngon nhất, sau khi cúng tế ở đình, sẽ kiếng cho các vị Tiền hiền này hay con cháu của các vị).

Thường thì hương án phụng thờ Tiền hiền hay Hậu hiền đặt trong chánh điện của ngôi đình được giải thích rằng các vị tiền hiền, hậu hiền này vốn trước kia đã từng góp công sức xây dựng, trùng tu, phát triển ngôi đình qua nhiều thế hệ. Còn hương án thờ Tiền hiền, Hậu hiền được đặt ở nhà hậu của ngôi đình, bên cạnh bàn thờ Tiên sư, được giải thích là các vị này đã từng đóng góp công sức khai khẩn, phát triển làng mạc, chợ búa, cầu đường từ những ngày khai phá cho đến hiện tại.

Đình Linh Đông ở thị trấn Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh), bên cạnh việc thờ Tiền hiền, Hậu hiền ở chánh điện, còn phụng thờ ông Dương Tự Minh là người đã có công lập chợ Linh Chiểu Đông mà ngày nay gọi là chợ Thủ Đức. Đình Khánh Diên ở thị trấn Hốc Môn (thành phố Hồ Chí Minh) ngoài hương án thờ Tiền hiền, Hậu hiền là người có công sức xây dựng ngôi đình, còn có hương án thờ phụng hai ông Phạm Văn Quỳnh và Cao Đức Lân, là hai người đã có công khai phá thành lập chợ búa, đình miếu của làng Tân Thới Nhì bao gồm cả khu vực thị trấn Hốc Môn ngày nay...

Riêng đình Tân Kiểng (Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) có hương án thờ ông tăng Ân, người đã có công đánh con cọp dữ tại vùng Tân Kiểng giúp dân, vào mùa Xuân năm Canh Dần 1770. Hương án này ở ngay trong

chánh điện, bên phải của bàn thờ Thần (mà dân gian đã tôn vinh thành "em của linh thần").

Việc bày biện đồ tự khí trên hương án thờ Tiền hiền và Hậu hiền cũng giống như bàn Tả Ban, Hữu Ban. Duy chỉ khác là ở hương án thờ Tiền hiền, Hậu hiền thì có viết chữ nho "Tiền hiền" hay "Hậu hiền".

- *Tiên sư:*

Có một số đình Nam bộ thờ Tiên sư ở ngay chánh điện, nhưng hầu hết đều thờ vị này ở nhà hậu.

Tiên sư có nghĩa là bậc thầy dạy nghề cho dân chúng trong làng từ buổi đầu lập làng cho đến ngày nay, kể cả nghề làm hương chức trong làng nữa. Tiên sư là đối tượng thờ tự của hương chức xã thôn, võ -dỏ- mỗi thôn ấp.

Hương án thờ Tiên sư có hai chữ "Tiên sư" viết bằng chữ nho, cùng với các đồ tự khí quen thuộc.

- *Anh hùng liệt sĩ, Chiến sĩ trận vong:*

Đa số các đình Nam bộ hiện nay đều có hương án thờ Anh hùng liệt sĩ hay Chiến sĩ trận vong. Có đình thờ trong các miếu trên sân đình, nhưng cũng đã có nhiều đình đưa hương án này vào thờ ngay trong chánh điện của ngôi đình.

Việc thờ phụng Anh hùng liệt sĩ và Chiến sĩ trận vong thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, luôn ghi nhớ công ơn của những người đã bỏ mình cho tổ quốc. Cũng thủ nghĩa này, đình Bàu Tre (xã Tân An Hội, huyện Củ

Chi, thành phố Hồ Chí Minh) còn lập thêm hương án thờ "Đồng bào tử nạn" trong hai cuộc kháng chiến vừa qua.

Hương án thờ Anh hùng liệt sĩ, Chiến sĩ trận vong, ngoài đồ thờ tự, còn có bài vị viết chữ Nho hay chữ Việt bốn chữ "Anh hùng liệt sĩ" hay "Chiến sĩ trận vong".

Trong các dịp cử hành lệ vía các nữ thần được thờ tại đình, luôn có nghi thức cúng tế ở hương án thờ Anh hùng liệt sĩ. Riêng đình Cầu Sơn (quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) hằng năm đều có lệ cúng Anh hùng liệt sĩ vào ngày 27 tháng 7 dương lịch hằng năm, là ngày Thương binh lệt sĩ của nước ta hiện nay.

- *Tổ Hát Bội:*

Hát bội, từ lâu đã tích hợp vào hội lễ của đình, trở thành một bộ phận của nghi lễ cúng tế của đình và võ ca đình trở thành nơi biểu diễn của nhiều đoàn hát bội. Cho nên ở một số đình, ngày nay, vẫn còn sự hiện hữu của hương án thờ Tổ hát bội, với hai chữ "Tổ sư" viết bằng chữ nho.

Tổ hát bội tương truyền là ba vị hoàng tử lần lượt mang các tên: Càn, Chơn, Chất; trong đó, hoàng tử Càn đam mê hát bội, giúp đỡ hát bội,chết vì trốn sự lùng bắt của vua cha khi ông theo hát bội.

Tổ Nhạc Lễ:

Cũng có đình dành cho Tổ Nhạc Lễ một hương án khá trang trọng trong chánh điện, với hai chữ "Nhạc Sư" viết bằng chữ nho. Một số người cho rằng Tổ Nhạc Lễ là Mạnh Phủ Lăng Quân, người đời Đường, là một phú hào, đã

sáng chế ra các loại nhạc khí: đàn tì bà, đàn sến, phệt gõ, mõ sừng, tum đồng, đàn cò ống tre, chụp bạc, lục lạc thau... cũng đồng thời đặt ra ngũ cung (hò, xang, xê, cống, líu). Nhạc cụ nổi tiếng nhất của ông được vua Đường khen tặng là cây đàn tranh mười sáu dây. Giỗ của ông vào ngày 12 tháng 2 âm lịch hằng năm.

- *Táo quân:*

Đây là vị thần trông nom về việc bếp núc, lửa củi, cho nên thường được thờ nơi nhà hậu của đình, gần với khu vực nhà trù (bếp).

Hương án thờ Táo quân được viết các chữ nho: hoặc là "Táo quân" hoặc là "Định phúc Táo quân", hoặc là "Đông trù Tư mệnh", bên cạnh các đồ [illegible] ường thấy.

Hằng năm, hương chức của đình tổ chức lễ đưa và rước Táo quân tại hương án này, với các nghi thức và lễ vật cổ truyền.

3. *Nhóm thứ ba* gồm những đối tượng thuộc tín ngưỡng truyền thống và dân gian như: Thần Nông, Thổ Địa, Thần Tài, Thần Hổ, Chúa Xứ nương nương, Thanh Long, Ngũ Hành nương nương, Quan Thánh Đế Quân, Linh Sơn thánh mẫu, Cửu Thiên huyền nữ, Thiên Hậu thánh mẫu, Bà Mẹ thai sanh, Nhị vị công tử, Thủy long thần nữ, Hà bá, Thập loại cô hồn.

- *Thần Nông:*

Dân gian cho rằng Thần Nông là vị thần phù hộ cho nhân dân nghề nông được mưa thuận gió hòa hầu gặt hái một vụ mùa tươi tốt. Ngoài ra, theo truyền khẩu, Thần

Nông cũng đã từng dạy cho con người làm nhà nóc bằng để tránh mưa nắng. Tuy nhiên, ngôi nhà kiểu này vẫn không đạt yêu cầu bằng ngôi nhà có hai mái hình tam giác mô phỏng từ thế đứng chống nạnh của bà Cửu Thiên huyền nữ khi bà này dạy cho con người làm một kiểu nhà mới. Thế là mọi người đều làm nhà theo lời dạy của bà Cửu Thiên huyền nữ vì tránh được mưa nắng khá tốt! Thần Nông giận, từ đó, quyết định chỉ ở ngoài trời, chớ không vào nhà cất theo sự chỉ dẫn của bà Cửu Thiên vì như vậy là sống dưới nách đàn bà! Câu chuyện trên được dùng để giải thích việc các bàn thờ Thần Nông không bao giờ đặt trong đình hay bất cứ ngôi nhà nào khác, mà chỉ đặt trước sân đình, đối mặt với bàn thờ Thần, không mái che, chỉ gồm một bệ đất (ngày nay hầu hết là bục gạch tô xi măng), trên có bày các đồ tự khí và sau là một bức bình phong có hình long hổ... Ngày nay ở một ít ngôi đình quận 8 và huyện Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh) thờ Thần Nông bằng cốt tượng xi măng, trông khá uy nghi! Tuy nhiên, do quá trình đô thị hóa mà hiện nay nhiều ngôi đình ở các thị trấn, thị xã, thành phố không còn bàn thờ Thần Nông nữa, thay vào đó là bức bình phong long hổ tồn tại dưới dạng bia ông hổ, tức trở thành bàn thờ thần Hổ!

Tại bàn thờ Thần Nông của các ngôi đình Nam bộ,lễ hạ điền, lễ cầu bông và lễ thượng điền hằng năm được tổ chức khá long trọng.

- *Thổ Thần (Thổ Địa):*

Nhiều đình Nam bộ có hương án thờ Thổ Thần đặt ngay trong chánh điện hoặc trong các miếu thờ trên sân đình.

Thổ Thần được hiểu là thần cai quản đất đai, bảo hộ sự an lành người cư ngụ trên vùng đất đó.

Trong thực tế, Thổ Thần được thờ với nhiều mỹ tự khác như: Ông Bổn (đình Tân Thành, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh), Ngũ Thổ (đình Linh Đông, huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh), Ngũ phương ngũ thổ long thần, Bổn cảnh Vương hỏa Phúc đức chánh thần (đình Hạnh Thông, đình Thông Tây Hội, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh); và trong nhiều trường hợp vị thần Đất này lại bị nhầm lẫn với ông Địa (và thần Tài) mà các gia đình buôn bán thường [illegible] tiệm...

Bài vị thờ Thổ Thần gồm hai chữ "Thổ Thần" hay "Thổ Địa" viết bằng chữ nho (nơi nào chịu ảnh hưởng văn hoá Hoa thì tôn xưng là "Phúc đức chánh thần") cùng các đồ thờ tự thông dụng. Một số nơi thờ Thổ Thần bằng tranh vẽ trên kiếng hay thờ Ông Địa với các cốt tượng bằng đất xốp, thạch cao hay sành sứ, có sơn màu lòe loẹt.

Thần Tài:

Nhiều đình chịu ảnh hưởng văn hoá Hoa hay ở khu vực thương mãi phát triển có thêm nơi thờ Thần Tài. Bàn thờ Thần Tài gồm hai chữ nho "Tài Thần", cốt tượng Thần Tài (bằng đất xốp, sơn màu đỏ, vàng, đen, trắng) cùng với các đồ thờ tự. Thông thường thì Thần Tài hay thờ chung với ông Địa.

Dân gian tin rằng Thần Tài là vị thần mang lại tiền bạc, của cải cho mọi người biết kính trọng, thờ phụng ngài.

- *Thần Hổ:*

Đất Nam bộ vốn là rừng rậm có nhiều thú dữ, trong đó có chúa sơn lâm thường hay gây hại cho mọi người. Cho nên tín ngưỡng thờ Thần Hổ (với các tên gọi khác nhau: Thần Bạch Hổ, Chúa Sơn Lâm, Sơn Quân Mãnh Hổ...) được lưu tồn trong đình làng cho đến ngày nay.

Thường thì miếu thờ thần Hổ có bài vị hay viết bằng chữ nho thẳng vào vách miếu danh hiệu thần Hổ, một số nơi thì vẽ hình hổ, cùng bày biện các đồ thờ tự.

- *Thanh Long:*

Một số ít đình ở Nam bộ có hương án thờ Thanh Long, tức rồng xanh, với các chữ nho "Thanh Long" hay tranh vẽ rồng xanh uốn khúc trên những cụm mây. Nếu có thờ Thanh Long thì thường là thờ bên đối diện với bàn thờ Bạch Hổ.

Có người cho rằng việc thờ Thanh Long biểu tượng cho việc phụng thờ giống nòi "con rồng, cháu tiên", nhưng đó chẳng qua là thờ thế đất "tả thanh long, hữu bạch hổ" theo quan niệm phong thủy.

- *Ngũ Hành nương nương:*

Đây là vị thần phối tự được thờ nhiều nhất ở các đình Nam bộ. Một số đình thờ thần này ngay trong chánh điện, nhưng hầu hết các đình khác ở Nam bộ đều có miếu thờ riêng các nữ thần này ở ngoài sân đình.

Ngũ Hành nương nương là năm vị nữ thần lần lượt mang các tên như sau: Kim Đức thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi. Dân gian tin rằng các vị này có quyền năng trong các lãnh vực liên quan đến: vàng bạc (kim), gỗ cây (mộc), sông nước (thủy), củi lửa (hỏa) và đất đai (thổ).

Trước kia, hương án thờ Ngũ Hành nương nương chỉ có vỏn vẹn bốn chữ như "Ngũ Hành nương nương" với mấy món đồ thờ. Ngày nay, nhiều đình thờ Ngũ Hành nương nương với cốt tượng (bằng: gỗ, đất xốp, thạch cao ...) hay với tranh lộng kiếng vẽ hình năm Bà với các màu áo :xanh, đỏ, tím, vàng và lục.

Hằng năm, lễ vía Ngũ [illegible] thường diễn ra khá long trọng, với các nghi [illegible] huật diễn xướng dân gian: chầu mời, thỉnh [illegible], dâng bông, dâng mâm, bán lộc, an vị và hát chặp Địa Nàng...

· *Quan Thánh Đế Quân:*

Nhiều đình ở Nam bộ cũng thờ Quan Thánh Đế Quân, hoặc ở ngay bàn thờ Hội đồng ngoại đặt trong chánh điện, hoặc trong ngôi miếu con trên sân đình.

Quan Thánh Đế Quân còn gọi là Quan Công, Quan Công xích đế, đức Quan Đế, Quan Vân Trường hay Quan Vũ. Ông là một nhân vật lịch sử sống vào thời Tam Quốc, cuối đời nhà Hán. Ông sinh năm 162 và mất năm 219, sau công nguyên, người đất Hà Đông (Trung Quốc).

Dân gian thờ ông vì ông tượng trưng cho danh dự, lòng chung thủy, sự hi sinh, độ lượng, can đảm, lòng tốt, sự

công minh chánh trực, sự dũng cảm... Ngoài ra, cũng vì người ta tin rằng ông đã hiển thánh và ông "độ" cho giới đàn ông.

Hương án thờ Quan Thánh Đế Quân ở đình Nam bộ luôn có bốn chữ nho "Quan Thánh Đế Quân" cùng các đồ tự khí hết sức trang nghiêm. Cũng có nhiều đình thờ cốt tượng của ông bằng thạch cao, đất xốp hay sành sứ, hoặc bằng tranh vẽ lộng kiếng. Chân dung ông là hình ảnh một người mặc triều phục màu xanh sẩm. Mặt ông đỏ, có năm chòm râu dài đến ngực. Đằng sau ông là hai người con nuôi của ông: Quan Bình - cùng chết với ông khi ông bị bắt, và Châu Xương - đã tự cắt cổ chết theo ông. Ông này tay cầm thanh long đao - một võ khí lừng danh của Quan Thánh - trong khi Quan Bình cầm một cái hộp nhỏ trong có đựng cái ấn "Hán Thọ Đình Hầu" tước hiệu của Quan Công.

Cũng như việc thờ phụng Ngũ Hành nương nương, hằng năm, các hội đình có thờ Quan Thánh Đế Quân đều tổ chức lễ vía sanh và vía tử khá trọng thể vào ngày 13 tháng giêng hay ngày 24 tháng sáu âm lịch.

- *Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương:*

Chúa Ngọc, Chúa Tiên đều chỉ là Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, tức thần Mẹ xứ sở của dân tộc Chăm, là Po Inư Nagar. Dân gian tin rằng bà này độ mạng cho giới nữ, giống như Quan Thánh độ cho giới nam. Tuy là cùng một gốc, song hai nữ thần này đã trở thành hai vị nữ thần khác nhau.

Miễu thờ các nữ thần này hoặc ở trong chánh điện của đình hoặc ở trong các miếu trên sân đình. Ngoài bài vị chữ nho ghi danh hiệu của bà, ngày nay thường thờ thêm cốt tượng bằng xi măng, thạch cao hay các tranh vẽ lộng kiếng.

- *Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn thánh mẫu:*

Đình Nam bộ nhiều nơi lại thờ Bà Chúa Xứ hay Linh Sơn thánh mẫu, tức các vị nữ thần được thờ ở núi Sam (Châu Đốc, An Giang) và ở núi Điện Bà (Tây Ninh). Nơi thờ trong chánh điện hay trong miễu ở sân đình như nhiều vị thần phối tự khác.

Miếu thờ thường [illegible] chữ nho "Chúa Xứ nương nương" hay "Linh Sơn thán[illegible] tranh vẽ trên kiếng hay cốt tượng bằng gỗ, [illegible]ạch cao hay xi măng.

Cũng như các vị nữ thần phối tự ở đình, Chúa Xứ nương nương và Linh Sơn thánh mẫu có lệ vía hằng năm với các nghi thức giống lệ vía các vị nữ thần khác.

- *Cửu Thiên Huyền Nữ:*

Dân gian tin rằng vị nữ thần này có quyền năng cai quản chín tầng trời là: quân thiên, thượng thiên, biến thiên, huyền thiên, u thiên, hiệu thiên, chu thiên, viêm thiên và dương thiên. Bà cũng độ cho giới nữ, đồng thời là tổ các nghề thủ công (thợ mộc, thợ may...). Thần tích bà được các thợ thủ công coi là tổ chỉ nói bà dạy con người làm nhà hai mái tam giác.

Cửu Thiên huyền nữ thấy thờ ở các miếu ngoài đình hay ngay trong chánh điện của đình, với bốn chữ "Cửu Thiên Huyền Nữ" viết bằng Hán tự, cùng với các đồ tự khí thường thấy, có nơi thêm tranh thờ vẽ trên kiếng.

- *Thiên Hậu thánh mẫu:*

Các đình ở khu vực có đông người Hoa cư ngụ thường thờ Thiên Hậu thánh mẫu ngay trong chánh điện, với tượng thờ bằng gỗ, thạch cao, xi măng hay giấy bồi và các đồ tự khí.

Bà sinh năm 960 đời nhà Tống, trong một gia đình sống bằng nghề buôn bán đường biển ở Phúc Kiến. Năm 987 bà mất khi chưa lập gia đình, sau đó hiển linh cứu giúp nhiều người đi biển, được các triều vua Trung Quốc ban tặng nhiều danh hiệu.

Vì Thiên Hậu là nữ thần nên người ta tin rằng bà cũng "độ mạng" cho giới nữ, ngoài chức năng phù hộ cho người đi biển. Thậm chí, có nhiều người cho rằng bà Thiên Hậu là chị em với Linh Sơn thánh mẫu (được thờ ở Tây Ninh) và Chúa Xứ nương nương (được thờ ở Châu Đốc).

- *Bà Mẹ Thai Sanh:*

Các đình ở khu đông dân cư người Hoa còn thờ thêm Bà Mẹ Thai Sanh (hay: Bà Mẹ Sanh, Kim Hoa thánh mẫu) trong đình. Đây là vị nữ thần trông nom về việc sinh tạo con người. Thường thì Bà Mẹ Thai Sanh được thờ dưới hình thức cốt tượng cùng với mười hai tượng nữ thần khác biểu tượng cho mười hai bà mụ. Những người hiếm muộn

cầu xin vị nữ thần này, người ta tin rằng sẽ được toại nguyện.

- *Nhị vị công tử:*

Hương án thờ Nhị vị công tử thường gồm các chữ nho "Nhị vị công tử" hoặc tranh vẽ lộng kiếng hai thanh niên mặc áo dài, vẻ mặt vui tươi, hai tay ôm gà đá, cùng các đồ thờ.

Đây là hai con trai của bà Chúa Tiên, chết trẻ nên rất linh ứng. Một người tên là cậu Tài, người kia là cậu Qúi - đều là những mỹ tự mà mọi người đều ước muốn: tiền bạc (tài) và phú qúy.

Có nhiều đình ở gần sông nước cò ng hai vị này có khả năng phù hộ cho dân làm nghề sông nước, vì âm "Tài" trong trường hợp này thường đọc trại thành "Chài" và hai công tử này cũng được gọi là "cậu Chài, cậu Qúi".

- *Thủy Long thần nữ:*

Những làng xã ở gần sông nước, kinh rạch thường thấy có hương án thờ Thủy Long thần nữ trong đình, gồm các đồ thờ tự và tấm bản viết bốn chữ nho "Thủy Long thần nữ". Vì nữ thần này vốn là thần giếng, song trong dân gian tin rằng đây là một vị nữ thần cai quản sông nước, kinh rạch.

- *Hà Bá:*

Một số đình gần sông nước lại thờ thêm vị thần Hà Bá, là vị thần ở dưới nước hay làm hại người ta. Nơi thờ phụng vị thần này có bài vị gồm bốn chữ nho "Hà Bá chi thần" và các đồ thờ thông thường.

Thập loại cô hồn:

Bài vị thờ Thập loại cô hồn thường đặt trong miếu nằm ngoài sân đình, chớ không được bố trí trong đình.

Ngoài bốn chữ "Thập loại cô hồn" bằng chữ nho, còn có các đồ tự khí. Hằng năm, vào dịp rằm tháng bảy âm lịch, các đình thường tổ chức cúng cô hồn tại nơi thờ này.

Các đối tượng thuộc cơ cấu thần linh thờ tự ở đình được trình bày giản lược trên đây, đã cho thấy rằng đình Nam bộ là một trú sở của các thần linh thuộc nhiều dạng tín ngưỡng khác nhau. Các thần linh được thờ ở đình có những mối quan hệ khác nhau. Nếu các thần linh là các thần có sắc của vua phong hoặc các danh nhân lịch sử được dân phong làm thần là những thần linh *đồng tự* thì các thần linh truyền thống và dân gian khác lại có mối quan hệ *phối tự* hoặc *tòng tự* với thần Thành hoàng.

Trong thực tế, tùy theo đặc điểm lịch sử xã hội và nguồn gốc dân cư, các tín điều cụ thể về các đối tượng thờ tự ở đình của mỗi làng lại khác nhau. Cá biệt có nơi thờ Quốc tổ Hùng Vương ở trên khánh thờ thần Thành hoàng, có nơi đưa Phật Quan Âm vào thờ ở vị trí trung tâm của điện thờ các nữ thần, và lại không ít nơi đưa bộ tượng tam thế Phật thờ ở bàn thờ Hội đồng ngoại (còn gọi là bàn thờ công đồng) và phía trước chánh điện đình có cả bàn thờ Hộ Pháp và Tiêu Diện đại sĩ (ông Tiêu)...Nói chung, cơ cấu thần linh ở đình Nam bộ, nhất là vùng đô thị hóa, càng ngày càng đa tạp hoặc theo hướng đa thần hóa của tín ngưỡng dân gian, hoặc theo hướng Phật giáo hóa. Điều này đã chỉ ra rằng tính chất truyền thống của tín ngưỡng đình đã không còn nghiêm nhặt nữa.

THẦN

本境城隍之神

左班

TẢ BAN

右班

HỮU BAN

THẦN THÀNH HOÀNG BỔN CẢNH

白馬太鑑

BẠCH MÃ
THÁI GIÁM

皇帝 五穀

HOÀNG ĐẾ NGŨ CỐC

先師

TIÊN SƯ

前賢

TIỀN HIỀN

後賢

祖師

TỔ SƯ

樂師

NHẠC SƯ

英雄烈士

ANH HÙNG LIỆT SĨ

定福灶君

ĐỊNH PHÚC TÁO QUÂN

神農

THẦN NÔNG

土地

THỔ ĐỊA

財神

THẦN TÀI

五行娘娘

NGŨ HÀNH NƯƠNG NƯƠNG

CHÚA TIÊN

主仙娘娘

九天玄女

CỬU THIÊN HUYỀN NỮ

主玉娘娘

CHÚA NGỌC

天后聖母

THIÊN HẬU THÁNH MẪU

主處娘娘

CHÚA XỨ NƯƠNG NƯƠNG

金花聖母

KIM HOA

靈山聖母

LINH SƠN

關聖帝君

青龍 白虎

THANH LONG CH HỔ

QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

二位公子

NHỊ VỊ CÔNG TỬ

河泊

HÀ BÁ

十類孤魂

THẬP LOẠI
CÔ HỒN

水龍神女

THỦY LONG
THẦN NỮ

3. Hội hương - Hội đình - Ban quý tế:

Vào giai đoạn đầu, di dân phải nổ lực vào việc khai hoang, lập ấp. Triều đình hỗ trợ bằng cách cho họ quyền tự trị, tự quản. Mãi cho đến năm Tự Đức thứ năm (1852), công việc khai hoang đã cơ bản hoàn tất, triều đình mới ban hành tập *Minh điều hương ước*, sắp xếp lại bộ máy hành chánh nông thôn. Theo qui định này, đại khái cũng mô phỏng theo bộ máy hành chánh ở miền Bắc: sinh hoạt đình miếu vẫn gắn liền với sinh hoạt hành chánh. Thời bấy giờ, mỗi làng xã có khoảng từ hai đến ba chục hương chức. Một nhóm làm công việc hành chính quản trị. Một nhóm phục vụ việc đình đám. Nhóm này được chia làm ba loại:

- Loại do lý lịch xuất thân, tức là những người thuộc dòng dõi những ai đi tiên phong trong việc khai hoang như: Kế hiền, Chánh bái, Bồi bái, Cai đình, Tri đình, Hương sự, Hương ẩm.

- Loại do phú hào xuất thân, tức là những người giàu có, hào hiệp: Hương ẩm.

- Loại do văn tự xuất thân, gồm có: Biện đình, Hương văn, Hương Lễ.

Chúng ta thấy những qui định này đầu tiên rất hợp lý, có nghiên cứu kỹ lưỡng. Nhưng rất tiếc qui chế này chỉ thực hiện được mấy năm thì bị ngoại xâm, phải chuyển hướng.

Thời Pháp thuộc, bọn thống trị muốn phá vỡ truyền thống nông thôn, chủ trương tách rời tín ngưỡng ra khỏi

hành chánh. Chúng rút kinh nghiệm sau cuộc khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân, có rất nhiều hương chức tham gia, nên đã đưa ra chủ trương này nhằm ý đồ hạn chế bớt quyền lực của bộ máy chính quyền nông thôn. Tuy không có văn bản chính thức, nhưng đại khái chia ra làm ba loại hương chức:

- Hương chức loại 1 (tục gọi là Hương chức Hội chánh): là những người chính thức phục vụ đình miếu.

- Hương chức loại 2 (tục gọi là Hương chức Hội tề): là những người chuyên lo việc hành chánh, quản trị.

- Hương chức loại 3 (tục gọi là Hương chức Hội hương hay ngoại hội tề): là những người giúp việc đình miếu.

Trong ba loại hương chức chỉ có hương chức Hội tề đương nhiên được chính quyền cấp trên nhìn nhận. Còn hai loại kia may mắn lắm là được cấp một văn bằng tượng trưng. Theo qui định thời Pháp thuộc, một người phải khỏi chức Hương Cả (tức chức vụ Hội tề lớn nhất) mới được phép bước lên chức vụ Chánh bái, là chức vụ nhỏ nhất trong Hội chánh.

- *Hương chức Hội Chánh gồm có:*

- *Kế biền*: tương đương hội trưởng.

- *Chánh bái, Phó bái, Bồi bái*: ba chức vụ ngoại vụ.

- *Tiền bái*: người giữ sắc thần.

- *Chánh tế, Phó tế, Bồi tế*: ba chức vụ nội vụ.

- *Hương chức Hội Hương gồm có:*

- *Giáo sư*: cố vấn mọi mặt.

- *Hương quan*: cố vấn nghi lễ, tục lệ.

- *Hương lễ*: chỉ huy ban lễ sinh (học trò lễ).

- *Hương nhạc*: chỉ huy ban nhạc lễ.

- *Hương văn*: soạn thảo văn tế.

- *Hương ẩm*: chỉ huy tổ chức tiệc tùng đình đám.

- *Thủ bổn*: lo sổ sách tài chánh và kiểm tra lễ vật.

- *Thủ từ*: giữ đình, lo việc đèn nhang hàng ngày.

Đại khái ban hội chánh và hội hương chỉ có mấy chức vụ vừa kể.Nhưng vì ở Nam bộ có lệ khi tổng kết lễ hội nếu thu mà không đủ chi thì hương chức phải dang tay gánh vác. Tuy nhiên cũng khó bổ sung vào ban qúi tế những người hằng sản, hằng tâm vì phải chờ [illegible] khuyết chân. Đó là lý do khiến các địa phương tự bày ra thêm nhiều chức vụ:

- Chức vụ cố vấn hội trưởng: *Cựu hiền, Thượng hiền, Cổ hiền, Chơn hiền.*

- Chức vụ phó hội trưởng: *Phó kế hiền, Kế thuật, Thuật hiền.*

- Phụ tá ngoại vụ: *Kế bái, Tiếp bái, Hương bái.*

- Phụ tá các chức vụ cố vấn: *Hương nghị, Hương sự, Hương huấn, Hương biện, Hương luận.*

- Phụ tá hương lễ: *Tri lễ.*

- Phụ tá hương nhạc: *Tri nhạc.*

- Phụ tá hương văn: *Tri văn.*

- Phụ tá hương ẩm: *Hương thỉnh, Hương khách, Tri khách, Hương việc, Tri thỉnh, Tri việc.*

- Phụ tá thủ bổn: *Hương bổn, Hương biện, Hương kiểm.*

- Cố vấn và phụ tá thủ từ: *Cai đình, Hương đình, Cai hương.*

- Mạnh thường quân: *Hương hộ.*

- Những người có hằng sản, hằng tâm: *Hương trợ, Hương bảo, Hương tá.*

- Và những chức vụ linh tinh mà khi nhận lãnh chẳng ai rõ bổn phận, nhiệm vụ: *Hương điền, Hương viên, Hương nhất, Hương nhì, Hương ba, Hương tư...*

- Ngoài ra, ở một xã xưa có một phù thủy nổi tiếng cao tay ấn còn bày ra *Hương pháp, Kế pháp.*

- Ông Lê Tâm Quảng là một thầy thuốc nổi danh và giàu có ở Cao Lãnh, được mọi người tín nhiệm, nhưng ông không chịu nhận một chức vụ nào cả. Cuối cùng hương chức phải họp bàn và cử ông làm *Hương y*. Đây có lẽ là sự kiện duy nhất ở Nam bộ.

Một điều khác lạ ở Nam bộ là trong làng nếu có người đỗ đạt làm quan hay làm công chức, dù to đến đâu, nếu họ không được cử làm hương chức, cũng chỉ được xem là khách quí khi về cúng đình. Họ không được phép thay mặt dân làng chủ tế. Khi tế xong họ có thể được ưu tiên lạy trước các hương chức nhỏ. Phần thịt tế, nếu có, cũng chỉ là phần biếu chớ không phải là phần kiếng theo truyền thống. Tuy nhiên, để tránh hậu quả không tốt về sau, thường người ta hay cử những chức cố vấn cho những vị quan công vụ xa quê hương. Ngoài ra, những vị quan về hưu cũng được cử những chức vụ xứng đáng. Ví dụ như cử

nhân Nguyễn Duy Quang, án sát Vĩnh Long thời Tự Đức, khi về hưu được cử chức Kế Hiền làng Hòa Sơn (Cai Lậy).

Ngoài ra, có nhiều người được cử làm hương chức lớn ở nơi mà họ không thường xuyên cư trú. Có thể nơi đó là nơi chôn nhau cắt rún của họ. Có thể nơi đó họ có mồ mả của tổ tiên hoặc có cơ sở kinh doanh. Do đó có trường hợp một người làm hương chức ở hai ba làng khác nhau.

Một điều lạ nữa là ở Nam bộ không hề phân biệt dân cố cựu và dân ngụ cư. Dân mới cư ngụ đôi ba năm trong trường hợp khuyết chân hương chức cũng có thể được bổ sung. Không hề có trường hợp bắt họ phải làm "thằng mõ" như ở nơi khác.

Có thể nói rằng ban qúi tế đình miếu ở Nam bộ là một tổ chức bảo vệ văn hóa truyền thống ở nông thôn. Tuy mang tiếng là hương chức, là bọn xôi thịt, nhưng thực tế quyền lực của họ không được chính quyền đô hộ nhìn nhận. Họ gia nhập một cách tự nguyện tự giác. Bổn phận nhiều hơn quyền lợi.

Trong thực tế cũng có một vài người bị sa vào quan niệm ngôi thứ như lời trách móc của vợ một ông "hương chức":

... Vay bạc hỏi tiền
Lo làm hương chức
Tưởng mình đúng bực
Cai trị chúng dân
Lối xóm ở gần

Đều không có phục
Đến kỳ lệ cúng
Đồng bạc mâm xôi
Đâu đậu vừa rồi
Lãnh tiền nhổ mạ
Thật là căn quả
Lúc trước xoay vần
Vì ăn của thần
Nên giờ thiếu nợ
Quên đi con vợ
Thiếu trước hụt sau
Mấy chú nhà giàu
Làm làng cho phải
Mình nghèo của cải
Đối đãi bằng ai
Nên làm tay sai
Lòn trôn bợ đít
Gặp cơn cục kịch
Rút cổ co đầu.

(Vè hương chức - Vô danh)

Theo nguyên tắc, ở Nam bộ, có ba loại hương chức. Mỗi khi có tiệc tùng, yến ẩm thì theo nguyên tắc phải tổ chức ngồi riêng. Nhưng ngay cả những làng xã nổi tiếng "nề nếp" cũng bị phá lệ. Khi rượu vào say ngà ngà thì trên

dưới như nhau. Có nơi lại công khai qui định, nếu hương chức loại ba mà đóng góp nhiều thì xem như hương chức loại hai, hương chức loại hai mà đóng góp nhiều thì xem như hương chức loại một. Thế nên, trong nội bộ hương chức, kể cả hương chức lớn, cũng có người bất mãn. Thí dụ như một ông *Kế Thuật* (có nghĩa nối tiếp thuật sự) tự nói trại theo âm Nam bộ là "*Kế thực*" (ăn liên tiếp) để giễu mình:

Kế gì kế nấy cũng bơn xơn
"Kế thực" danh kêu có lý hơn
Chạp miễu tế thần thì "thực" trước
Gặp ai mời nữa kế không hờn

(Ông [illegible]anh).

Hoặc chế giễu các "ông Bái" xôi thịt:

Bái thánh bái thần có lễ nghi
Bái ngang, bái dọc, bái làm chi?
Bái trời, bái đất công sanh hóa
Bái mẹ, bái cha dưỡng dục nhi
Bái tới, bái lui ngồi chẳng vững
Bái xuôi, bái ngược đứng quên qùi
Bái hoài bái huỷ coi sao được
Bái hết bạc tiền vợ nó khi

(Ông Bái - Khuyết danh)

Nói đến hội hè yến ẩm, nói đến ngôi thứ là phải nói lệ "kiếng" (kiếng là nói trại từ kính) nghĩa là lệ biếu thịt sau khi tế lễ xong.

Thịt kiếng qui định rất cụ thể:

- Phần thịt "*ẩm phước thọ tộ*" (miếng thịt chính trong lễ Đoàn Cả) dành riêng cho viên Chánh tế. Miếng thịt này tượng trưng phần lộc của thần linh ban cho người đại diện dân làng.

- Phần thịt "*cẩm địa*" (miếng thịt nạt bả vai) dành riêng cho con cháu tiền hiền, hậu hiền. "Cẩm địa" tượng trưng phần ngon nhất dành biếu kiếng cho con cháu những người có công lao nhiều nhất đối với việc khai canh, khai cư.

Những phần thịt sau cũng được qui định cụ thể:

- *Thủ vĩ*: gồm đầu (đã mỗ lận ra), bốn móng giò, một cái đuôi, một miếng thịt và một dĩa lòng. Thủ vĩ tượng trưng cho cả con thú.

- *Đầu*: chỉ có đầu con thú, không mỗ lận.

- *Nọng*: cổ con thú. Nếu cắt nọng ra ba khoanh thì khoanh trước gọi là nọng, khoanh giữa gọi là nuột, và khoanh cuối gọi là *niệt*.

- *Tơi*: thân con thú đã mổ lấy lòng, cắt lấy đầu, bốn chân và đuôi.

- *Bộng*: Tơi đã lóc hết thịt da, chỉ còn bộ xương và một ít thịt nạt.

- *Giò*: chân con thú đã cắt bộ móng.

- *Thịt năm chỉ, ba chỉ*: thẻo thịt cắt dọc theo sườn, có chiều ngang khoảng năm ngón tay hay ba ngón tay.

- *Tợ năm sườn, ba sườn*: miếng sườn năm cọng hay ba cọng.

- *Thịt chàm*: thịt con cờ, khối mông, mỗi cạnh khoảng ba phân.

Ở Nam bộ, lệ cúng tế thường sử dụng 4 heo hoặc 5 heo. Một vài nơi bày thêm bò hay trâu. Đó là chưa kể loại "heo cơm" hoặc "bò cơm" là heo bò làm thịt đãi dân làng đãi dọn đám.

Mặc dầu ở Nam bộ trước kia không xảy ra tệ nạn "xôi thịt" như nhiều nơi, nhưng cũng có tình trạng phân biệt trong biếu xén.

Một vài thí dụ cụ thể:

1. Làng Mỹ thuận đông (nay là Song Thuận, Châu Thành, Tiền Giang) mỗi năm có hai lệ:

- *Lệ đầu năm chỉ kiếng cho Hương chức Hội tề:*

- Hương cả và Hương chủ được kiếng bộng. - Hương hào, Hương thân và Thôn trưởng được kiếng thủ vĩ. - Hương chánh, Hương giáo và Hương trưởng được kiếng nọng. - Các hương chức khác được kiếng thịt ba chỉ hoặc tợ ba sườn.

- *Lệ cuối năm chỉ kiếng cho Hương chức Hội chánh:*

- Kế hiền được kiếng bộng. - Chánh bái, Phó bái, Bồi bái, Tiên bái được kiếng thủ vĩ. - Chánh tế, Phó tế, Bồi tế

được kiếng nọng. - Các hương chức khác được kiếng thịt ba chỉ hoặc tợ ba sườn.

Đặc biệt, 4 Trùm ấp, cả hai lệ, đều được kiếng mỗi người một giò, đền ơn lui tới liên lạc, mời thỉnh khó nhọc.

2. Làng Phú Long (nay là Long Khánh, Cai Lậy, Tiền Giang) mỗi năm có hai lệ, thủ tục biếu kiếng giống nhau:

- Kế hiền được kiếng 8 cục thịt chàm, 1 dĩa lòng. - Chánh bái được kiếng 6 cục thịt chàm, 1 dĩa lòng. Ngoài ra, chánh bái có công phụng giữ sắc thần nên được kiếng thêm 1 thủ vĩ. - Các hương chức khác đều được kiếng thịt chàm, hoặc tợ ba sườn. - Các trùm ấp được kiếng mỗi người một giò.

Đặc biệt làng Phú Long chỉ chú trọng đến một vài hương chức Hội chánh, không chú trọng Hương chức Hội tề. (Chỉ trừ Thôn trưởng được kiếng một tơi và một bộng - bộng cúng Cả Cọp).

Thịt kiếng tượng trưng phần lộc của thần thánh ban cho người dự lễ, cũng tượng trưng phần "lễ nghĩa" của ban tổ chức đối với các thành viên trong tổ chức. Theo quan niệm Á Đông, phần thịt kiếng rất quan trọng. Người không được phần thịt kiếng xứng đáng với địa vị mình thì kể như danh dự bị xúc phạm. Khổng Tử là người trọng đạo lý, không bao giờ trọng vật chất tầm thường. Thế nhưng sau tế lễ, người ta quên gởi phần thịt kiếng cho ngài thì ngài nổi giận đùng đùng, từ quan về quê. "Một miếng thịt làng bằng một sàng xó bếp" là như thế! Ở Nam

bộ cũng có thói tục đó. Nhưng cũng may là theo truyền thống Nam bộ thì phần thịt kiếng có giá trị vật chất nhiều nhất lại là phần kém về giá trị tinh thần. Trái lại, những phần thịt đáng gọi qúi trọng nhất thì chẳng đáng bao nhiêu tiền. Được phần này thì kém phần kia. Hơn nữa, khi thấy người khác được phần thịt quan trọng thì đừng vội mơ ước (thí dụ mỗi lệ kỳ yên Thôn trưởng bắt buộc phải cúng hai heo , trong khi ông ta chỉ được kiếng lại một cái bộng hoặc một cái tơi).

Ngôi thứ ở Nam bộ trở thành một trò cười ra nước mắt.

Thí dụ: Có một người nọ được cử làm chức Hương bái, một chức vụ nhỏ trong Hội Hương. Theo lệ làng, mỗi lần kỳ yên ông được kiếng cái giò sau, đính kèm với cái đuôi. Lần nọ, không hiểu lý do gì [illegible] ách nhiệm quên mất đuôi, nghĩa là họ xem ông là một chú Trùm ấp, một chức vụ nhỏ hơn ông. Ông tức giận nhưng cuối cùng phải nhận:

Tôi làm hương bái chẳng hay lo
Đến lệ kỳ yên kiếng cái giò
Thấy thời thấy vậy, thôi thây nó
Hối biểu bà bây chặt rửa kho.

(Hương bái - Lại Thanh Nga)

Khoảng năm 1940 trở về sau, theo trào lưu văn hóa mới, những tục lệ này giảm dần và đến năm 1945 thì mất hẳn. Đồng thời cũng để thích nghi với trào lưu mới, các Hội chánh, Hội hương... đã biến thành Hội quí tế. Mô hình

này gồm có các chức vụ: Hội trưởng, Hội phó, Thư ký, Thủ quỹ, Nghi lễ, Tiếp tân...

Hiện nay, người ta tham gia các hội quí tế là bảo tồn văn hóa địa phương, chẳng ai còn mơ hưởng cảnh "đình trung ngất ngưỡng ngồi trên" như trước nữa. Hầu như nơi nào tất cả các chi tiết trong hội hè đình đám đều cũng có bộ phận dịch vụ văn hóa đảm trách. Thế nên các hội quí tế thực ra chẳng cần đông đảo "hữu danh vô thực" nữa. Hội quí tế, hiện nay, đã trở thành ban vận động bảo tồn cổ tục địa phương mà các thành viên trong hội là người đi đầu. Cúng tế xong, tất cả mọi thứ còn lại đem nấu nướng rồi cùng nhau tiệc tùng vui vẻ.

CHƯƠNG II

NGHI THỨC CÚNG TẾ CỦA ĐÌNH NAM BỘ

CHƯƠNG II

NGHI THỨC CÚNG TẾ CỦA ĐÌNH NAM BỘ

Nghi thức cúng tế trong các lễ thức chính ở các đình Nam bộ, về cơ bản, là không có sự khác biệt nào lớn. Tuy nhiên đình làng Nam bộ là trú sở của một tập hợp thần linh đa tạp, do vậy lịch lễ hàng năm của mỗi đình nhiều ít khác nhau, và đặc biệt là ngày giờ tổ chức lễ. Trừ những lễ thức thuộc "tứ thời tiết lạp" thì các lễ chính của đình, kể cả lễ kỳ yên, thì mỗi nơi ấn định mỗi khác. Ở đây, trước khi bàn đến nội dung chính của chương này, chúng tôi xin trình bày những điểm chính yếu về lịch lễ của đình và đôi điều liên quan đến lễ vật dâng cúng.

I. LỊCH LỄ:

1. Các lễ đầu năm và cuối năm:

Chu kỳ lịch lễ truyền thống của đình làng Nam bộ buộc phải lệ thuộc vào tập quán hành chánh của chế độ phong kiến, tập quán canh tác và sinh hoạt của từng địa phương.

Hằng năm, đến ngày 25 tháng chạp âm lịch, hương chức làm lễ rửa con dấu, bỏ con dấu vào hộp niêm kín.

Công việc hành chánh trong làng từ đó sẽ đình chỉ cho đến ngày mùng 7 tháng giêng âm lịch. Lễ này gọi là lễ *Niêm ấn* (còn gọi là *Sắp ấn*). Theo tập tục, ngày này là ngày các gia đình dân gian làm lễ đưa thần, đưa Phật, đưa ông bà - sau khi đưa ông Táo vào ngày 23 tháng chạp âm lịch - chầu trời, và đình làng cũng tổ chức lễ đưa thần Thành Hoàng về trời để báo cáo việc công tội của làng mình chịu trách nhiệm cai quản trong năm qua. Do vậy, lễ *Niêm ấn* cũng gọi là lễ *Đưa thần* (hay lễ *Tiễn thần*, hoặc lễ *Đưa ông*). Trong dịp lễ này, hương chức cũng làm lễ dựng nêu ở đình (dân làng dựng nêu sau ngày đó, thường là ngày cuối năm), do đó, lễ này cũng được gọi là lễ Dựng nêu.

Đến ngày 30 tháng chạp âm lịch, đình cũng làm lễ *Rước Thần* (cũng gọi là *Rước ông*) để rước thần Thành Hoàng trở về đình, trước là dự hưởng lễ Nguyên Đán và sau là để tiếp tục việc coi sóc và bảo hộ cho làng xã trong năm mới!

Lễ *Nguyên Đán* tổ chức ở đình vào giờ giao thừa hay sáng mùng một Tết. Có nơi chỉ gồm các hương chức lễ bái, nhưng cũng có nơi tổ chức lễ Nguyên Đán với chương trình tế xuân vô cùng trọng thể.

Đến ngày mùng 7 tháng giêng âm lịch, đình làm lễ Khai hạ. Lễ này còn gọi là lễ *Khai sơn* hay lễ *Giở ấn* (hay *Mở ấn*), tức lễ khai trương của hương chức và hạ nêu ở đình, nên cũng gọi nôm na là lễ *Hạ nêu*. Hương chức bày biện lễ vật cúng thần Xã, thần Tắc, rồi xách cuốc bổ vài nhát tượng trưng, lấy lệ cho dân làng được quyền "động

thổ". Lễ Khai hạ là ngày lễ bắt nguồn từ quan niệm cổ về sự sinh thành của trời đất và muôn loài, theo đó ngày thứ bảy (mùng bảy) là ngày tạo hóa sinh ra con người, gọi là *nhân nhật*.

2. Tam nguyên (thường gọi là Tam ngươn):

Tam nguyên là lễ ba ngày rằm lớn trong năm: rằm tháng giêng, rằm tháng bảy và rằm tháng mười âm lịch.

Các ngày lễ này vốn có nguồn là lễ nghi nông nghiệp, về sau được Phật giáo đồng hóa theo lễ sóc vọng hàng tháng. Xưa, một tháng có hai tuần, ngày mùng một và ngày rằm (tức sóc và vọng) là hai ngày "chủ nhật" trong tháng, theo đó đây là ngày nghỉ ngơi, hội hè và lễ bái, cúng kiếng. Ba ngày rằm lớn: *Thượng nguyên* (rằm tháng giêng) là ngày vía *Thiên quan đại đế* để tạ ơn vị thần này đã làm cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt sau mùa gặt. Trước Tết Nguyên Đán, *Trung nguyên* (rằm tháng bảy) là ngày vía *Địa quan đại đế* tức là vị thần coi về đất. Tháng bảy là tháng trực phá, lại chịu ảnh hưởng lễ *Vu Lan* xá tội vong nhân của nhà Phật nên lễ này ngày nay thường bị biến thành lễ cúng vong hồn tổ tiên, cúng cô hồn theo nghĩa tháng trực phá này cũng có thể phá được địa ngục, do vậy còn gọi là vía *Địa quan giải ách*. *Hạ nguyên* (rằm tháng mười) là vía Thủy quan đại đế vốn là lễ cầu mùa, cầu nước dầm thấm điều hòa cho lúa làm đòng. Lễ cúng tam nguyên là một tập quán lâu đời, càng về sau càng có thêm ý nghĩa mới và cũng nhạt ý nghĩa cũ khi tập quán canh tác và nông lịch thay đổi. Song chúng

đã thành lệ hội nhập vào đình, miếu, đền, chùa nằm trong phạm trù "tam nguyên tứ quí."

3. Tứ thời tiết lạp:

Là các lễ tiết trong năm, bao gồm: *Tứ quí* (bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông) đình cúng vào những ngày: lập xuân, lập hạ, lập thu và lập đông; *Nguyên đán, Hàn thực* (ngày 3 tháng 3 âm lịch), *Thanh minh* (tiết thanh minh trong khoảng tháng 3 âm lịch), *Đoan ngọ* (còn gọi là Đoan dương, ngày 5 tháng 5 âm lịch), *Trung thu* (rằm tháng 8 âm lịch), *Trùng cửu* (ngày 9 tháng 9 âm lịch), *Trùng thập* (ngày 10 tháng 10 âm lịch), *Trừ tịch* (ngày 30 tháng chạp âm lịch). Ở đình, các lễ này đôi nơi có tổ chức theo lệ, nhưng không phải là lễ chính.

4. Lễ chính ở đình là lễ Kỳ yên, Lễ Thượng điền và lễ Hạ điền.

Lễ *Kỳ yên*, tức lễ *Cầu an*, mỗi đình tổ chức vào một ngày khác nhau. Thảng hoặc có vùng, một số đình tổ chức cùng một ngày, song điều này không phổ biến. Theo Trịnh Hoài Đức, tác giả sách *Gia Định thành thông chí*, thì "ngày giờ cúng tế tuỳ theo tục lệ của làng không đều nhau, hoặc chỗ dùng tháng giêng, thủ nghĩa "xuân kỳ" (mùa xuân làm lễ cầu thần cho được mùa sắp tới), hoặc có chỗ dùng tháng 8, tháng 9, thủ nghĩa "thu báo" (mùa thu cúng báo đáp ơn thần sau khi gặt lúa xong), hoặc chỗ dùng trong ba tháng mùa đông thủ nghĩa trọn năm thành công, tế chưng, tế lạp đáp tạ ơn thần, sự tế có chủ ý đều

gọi là cầu an ! Như vậy lễ Kỳ yên tuy được gọi là lễ vía Thần, tức là dâng lễ vật để tỏ lòng tôn kính đối với thần Thành Hoàng, nhưng thực sự cũng có nguồn gốc là lễ nghi nông nghiệp. *Xuân kỳ*, còn gọi là *xuân từ*, có ý nghĩa là lần dâng lễ vật đầu năm. Còn việc dâng lễ vật vào đầu mùa hạ gọi là *Hạ dược*. *Thu kỳ*, còn gọi là *thu thường* hay *thu báo*, tức là dâng lễ cúng thần bằng những sản phẩm đã thu hoạch được. Cúng lễ vào mùa đông, gọi là *đông chưng*, tức là dâng cúng những lễ vật đã thu hoạch được trong trọn năm.

Tuy nhiên, trong thực tế qua khảo sát nhiều ngôi đình hiện nay thì lễ Kỳ yên của mỗi đình đều ấn định một ngày cúng tế riêng, phổ biến là trong ba tháng cuối năm và ba tháng đầu năm âm lịch. Có người cho rằng ngày cúng Kỳ yên là ngày làng nhận được sắc thần của vua phong. Điều này chưa có cơ sở cụ thể để xác minh được, nêu ra ở đây để tham khảo. Mục đích tín ngưỡng của lễ Kỳ yên là cầu cho mưa hòa gió thuận (phong điều vũ thuận), mùa màng tươi tốt (phong đăng hòa cốc) và quốc thái dân an. Do vậy, ngoài việc cầu "ngươi yên, vật thịnh", lại có lễ *Tống ôn, Tống gió*, thường gọi là lễ *Đưa khách* đi cùng với lễ Kỳ yên để tống tiễn tà ma, quỉ quái ra khỏi làng.

Ngoài lễ Kỳ yên, một năm đình làng Nam bộ còn có hai lễ lớn khác là lễ *Hạ điền* và lễ *Thượng điền*. Đây là lễ biến đổi từ tập tục tế xuân và tế thu - gọi là xuân thu nhị kỳ. *Lễ Hạ* điền tổ chức vào đầu mùa mưa, có ý nghĩa như lễ xuống đồng, khai trương việc cày cấy. Lễ *Thượng điền* cử

hành vào cuối mùa mưa, lúc mùa màng đã có kết quả. Mục đích lễ này mang tính chất lễ nghi nông nghiệp rõ rệt nhằm cúng Thần Nông, Hậu Tắc, Vũ Sư, Phong Bá, Điển di.. cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Thường thì Lễ Hạ điền lớn hơn lễ Thượng điền. Mục đích tín ngưỡng của hai lễ này về cơ bản giống như lễ Kỳ yên, do vậy nhiều làng cứ ba năm một lần lấy ngày lễ Hạ điền hay Thượng điền làm lễ Kỳ yên, lời tục thường nói 'Tam niên đáo lệ Kỳ yên' là vậy. Về sau, lệ này vẫn còn bảo lưu, nhưng lại hiểu là cứ ba năm thì hai năm làm lễ nhỏ và năm thứ ba làm lễ Kỳ yên trọng thể hơn: có đủ nghi tiết, có mời gánh hát bội về hát chầu cúng thần.

Cũng có thể kể thêm lễ *Cầu bông* được nhiều đình giữ lệ cho đến ngày nay. Lễ Cầu bông tiến hành khi lúa bắt đầu ngậm sữa (lúa ở đây là lúa mùa), với nghi thức cúng bái ở bàn thờ Thần Nông ngay trước sân đình, do hương chức đảm trách. Lễ này đầy đủ chiêng trống cùng các lễ vật thịt, xôi, bánh, trái, nhang đèn, nhưng không có ban nhạc lễ vì không có tế. Mục đích của lễ này là để cầu cho lúa ngậm sữa, đơm bông đều khắp, hầu vụ lúa được mùa.

5. Lễ cúng Tiên sư:

Lễ cúng Tiên sư theo cổ tục thường được tổ chức ở *võ* (thường gọi là dỏ), một thứ nhà công cộng ở các ấp trong làng. Đây là một ngôi nhà tứ trụ vuông vức nên còn được gọi là *nhà vuông*. Chức năng của võ là nơi hội họp của dân ấp, trụ sở làm việc của chức việc ấp và là một thứ điếm canh. Ở đây luôn luôn có hương án thờ Tiên sư - hiểu là

các bậc thầy ngày trước của hương chức, thầy của nghề hành chánh". Có lẽ đây là sự biến dạng của tục thờ *văn chỉ, văn từ*, tức thờ các bậc khoa hoạn, các người đỗ đạt trong làng phổ biến ở làng xã miền Bắc. Lễ cúng Tiên sư này ngày giờ không nhất luật, song thường thấy tổ chức vào mùa xuân hay mùa thu. Về sau, đầu thế kỷ XX, các võ bị mất dần, nên nhiều làng thiết lập bàn thờ Tiên sư ở nhà việc (công sở của Hội Tề làng) hay đưa vào thờ ở nhà hậu trong đình. Hằng năm, hương chức vẫn giữ cổ lệ cúng bái, song lễ này là lễ nhỏ, đôi khi chỉ là lễ riêng của hương chức trong làng, ấp mà thôi. Đến nay, một số làng vẫn còn võ và duy trì lệ cúng Tiên sư ở nhà võ này. Trường hợp các ấp ở xã Bình Hưng Hòa (huyện Bình Chánh) và xã Hiệp Bình Phước (huyện Thủ Đức) thuộc thành phố Hồ Chí Minh là một ví dụ.

6. Tạp tế:

Ở đình Nam bộ còn có một loạt các đối tượng thờ cúng khác như: *ông Hổ* (nơi dựng bia trước đình đắp nổi hay vẽ hình hổ, hoặc hình long hổ; nơi lập miếu thờ "Sơn quân" riêng), *thần Nông, Bạch mã thái giám, Lang lại đại tướng quân* (thần rái cá)), *Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương, Thiên Y A Na Ngọc Diễn Phi, các nữ thần*... Trừ các nữ thần có lệ vía riêng còn đa phần thì khi cúng đình có bày biện lễ kiếng riêng mà không cử hành lễ.

Việc vía bà (Ngũ hành nương nương, Chúa Xứ, và các nữ thần khác thường là phối tự: Linh Sơn thánh mẫu, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Cửu thiên huyền nữ, Thiên hậu

Thánh mẫu...) mỗi đình có lệ riêng, song cũng thường phổ biến vào mùa xuân và mùa thu. Việc cúng miễu do các phụ nữ trong làng đảm trách. Có nơi lập riêng tổ chức tư tế gọi là "khôn hội".

7. Giỗ hậu và giỗ các anh hùng lịch sử:

Một số đình có thờ tự người đã hiến đất để xây đình, hay hiến ruộng đất cho đình lấy huê lợi lo việc cúng tế. Những người này thường có lễ giỗ hằng năm. Cũng có trường hợp họ mua hậu ở đình vì không có con cái thừa tự. Trường hợp này tương tự với việc giỗ kỵ các anh hùng, các nhân vật lịch sử được thờ trong đình, tức đối tượng này hằng năm đều cúng tế theo hình thức giỗ kỵ. Thí dụ như đình Nhơn Hòa (quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) ngoài lễ Kỳ yên, hằng năm còn có tổ chức lễ giỗ của Lãnh Binh Nguyễn Ngọc Thăng khá long trọng vào ngày 15 tháng 5 âm lịch, vì trong đình này có thờ Lãnh Binh Nguyễn Ngọc Thăng vốn là một lãnh tụ kháng Pháp hi sinh năm 1866.

Nói chung, lịch lễ trong năm của đình làng Nam bộ gồm có các lễ chính sau đây:

- Nguyên đán : mồng 1 tháng giêng âm lịch
- Khai hạ : mùng 7 tháng giêng âm lịch
- Thượng nguyên : rằm tháng giêng âm lịch
- Hạ điền : ngày không nhất loạt
- Kỳ yên (Cầu an) : ngày không nhất loạt
- Trung nguyên : rằm tháng bảy
- Thượng điền : ngày không nhất loạt

- Hạ nguyên : rằm tháng mười âm lịch
- Đưa thần : 25 tháng chạp âm lịch
- Rước thần : 30 tháng chạp âm lịch

II. LỄ VẬT:

Theo truyền thống, lễ vật cúng Thần Thành Hoàng phải dùng vật thực mặn, không dùng vật thực chay. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng của đạo Phật, nên lễ vật cúng Thần Thành Hoàng ngày nay ở một số đình có lễ vật chay. Cá biệt, có đình, Thần Thành Hoàng ăn chay như: đình làng Cẩm Sơn (Cai Lậy, Tiền Giang), đình Bình Thạnh (xã Thạnh Mỹ Lợi, huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).., nên lễ vật toàn là chay.

1. Lễ vật cúng mặn:

Thường là lễ vật cúng các lễ không nhằm ngày sóc, vọng (tức mồng một và rằm) như: Đoan ngọ, Trùng cửu, lễ Tiên sư, lễ Đưa Thần, lễ Rước Thần ... Lễ vật cúng mặn chính là: xôi, thịt và các món phụ: đầu heo luộc, thịt heo sống (có đủ da, mỡ, nạc), lòng heo luộc, cháo lòng, bánh hỏi, bún, rau sống (xà lách, giá, dưa leo, chuối xanh), mắm, hoa trái, rượu, trà. Đây là danh mục lễ vật tương đối thịnh soạn, còn điều kiện tài chánh hạn chế thì theo đó mà giản lược, thậm chí cũng có thể chỉ bày biện lễ "trầm trà": bình bông, nãi chuối, dĩa xôi, nước trà cũng đủ bày tỏ lòng thành kính đối với Thần.

Điều cần lưu ý:

a. Lễ vật bày cúng ở bàn thờ Thần luôn luôn thịnh soạn hơn các bàn thờ khác trong và ngoài đình.

b. Ở bàn thờ Hội đồng ngoại, mỗi dịp cúng, dù chay hay mặn, đều bày biện hai mâm: một cúng Hội đồng ngoại và một cúng cô hồn (thêm dĩa muối gạo, giấy tiền vàng bạc theo hủ tục mê tín cũ).

c. Về rượu luôn bắt buộc phải có, vì "vô tửu bất thành lễ", lại phải bày ba chung (hay ly) vì số "ba" có ý nghĩa biểu trưng là sự tối đa, ở đây, bày ba chung thủ nghĩa là bày tỏ lòng thành kính rất mực với thần thánh.

2. Lễ vật cúng chay:

Lễ vật cúng chay dùng trong ba ngày tam nguyên (tam ngươn) và trong lễ cầu an trước khi vào lễ Kỳ yên mà ở một số đình có lệ này. Lễ vật cúng chay giống như lễ vật ở nhà chùa, không có món gì được coi là lễ vật chính bó buộc phải có. Mỗi bàn thờ đều bày một mâm. Riêng bàn ông Hổ không cúng chay vì thói thường cọp không ăn chay!

3. Lễ vật đặc biệt:

Một số đình, lễ *Đưa khách* buộc phải có các món đặc biệt như: cá lóc nướng trui, rau lang luộc, muối gạo, cua biển luộc, hột vịt luộc, con heo luộc có đủ bộ lòng và tiết (mỗi thứ một dĩa). Người ta giải thích lý do rằng, đám cô hồn, ôn dịch sống lang thang ngoài đường, ngoài sá, ăn bờ, ngủ bụi, nên quen xơi các món đại thể đạm bạc như vậy.

Tuy nhiên, các lễ vật như kể trên cũng thường dùng hổ biến trong việc cúng chủ đất - gọi là mâm cúng đất ai -, đặt ở dưới đất, trước chỗ mâm cúng cô hồn. Chủ đất hường được quan niệm là Chúa Ngung Man Nương, vốn à dân tộc ít người (man) nên các vật thực trên là các thứ ợp với khẩu vị của chúa. Các lễ vật, khi cúng xong, bỏ bè hả trôi sông. Nơi không có sông thì đem ra đồng mà bỏ. ất cả thường lọt vào tay đám mục đồng: con cháu Thần lông nên chẳng ngán đám cô hồn các đảng.

Trong các nghi lễ: *Thỉnh sắc, Hồi sắc* và *Rước tổ hát ội*, lễ vật bao giờ cũng là một cặp vịt quay. Vịt được coi là hạn. Đôi vịt trắng mà chú rễ cô dâu mang về nhà vợ rong lễ lại mặt - còn gọi là tứ hỉ - được gọi là đôi nhạn. rong lễ cúng các nữ thần (cúng Bà) chỉ được cúng vịt mà hông được cúng gà... Đó là tục lệ phổ biến mà chúng tôi hưa rõ ý nghĩa biểu trưng của việc này. Có người giải hích: gà hay kêu "chiếc! chiếc!" nên người ta kị sự lẻ loi, lơn chiếc - hiểu rộng là sinh ly, tử biệt. Lời tục có câu "*Ăn à xa bạn*" để nói điều kiêng kị trong lễ tiệc chia tay. Theo ướng ngữ âm này, vịt hay kêu "cặp! cặp!" nói lên sự sum iệp, có đôi có bạn, nên được làm thịt để cúng và tiệc tùng ới nhau. Lại có cách giải thích khác: vịt thủy bộ đều hông thạo nên ăn thịt nó để lấy hên khi qua đèo, qua ruông, lội suối, qua sông đều đạt được. Còn gà gặp nước oi như sắp chết... trôi, do vậy mà cứ kiêng cho được việc! úng Quan Công tuyệt đối không dùng gà và cũng không úng hoa mồng gà, hoa đuôi gà, vì gà là ân nhân của ngài.

Ở nơi thờ Bạch mã thái giám thì lễ vật chay mặn gì đều bày ra cúng. Đặc biệt, trong lễ Kỳ yên, thì lễ vật cúng Bạch mã thái giám gồm: lúa, cỏ, lá tre, đậu xanh và nước lã. Ngài quan hoạn Bạch mã cũng được cúng những thứ vật thực quen dùng.

Ông Hổ thì cúng thịt sống và nước lã. Có nơi chịu ảnh hưởng của cách cúng đồng bào miền Bắc thì dùng thịt sống, muối hột và trứng vịt sống, làm lễ vật. Các lễ nói trên kiêng thịt gà, ông Hổ cũng kiêng trứng gà!

4. Lễ vật cúng thần Thành Hoàng bổn cảnh:

a. *Xôi*: là lễ vật trọng. Xưa,đến lễ Kỳ yên, nhà nào cũng đem một mâm xôi đến đình để tế thần, nhằm bày tỏ lòng tri ân của gia đình đối với Thần về việc Thần đã giúp họ được mùa, sức khỏe dồi dào, gia đình bình yên. Đối với các chức việc trong làng hay có chân trong hội hương thì dâng hai mâm xôi cho hai lễ Túc yết và Đàn Cả (Đoàn cả).

Xôi tế khác *xôi cúng* là không có đậu và tất nhiên là cỗ làng nên được nấu kỹ lưỡng hơn để còn được tiếng khen là khéo. Thực ra, *xôi cúng* là cơm nếp: nếp nấu chớ không đồ, có thêm đậu thì đậu để nguyên hạt, klhông cà cho vỡ đôi ra. Thường cơm nếp cúng cùng thịt gà; còn xôi cúng cùng thịt heo. Xôi đồ xong được xới ra mâm bằng thiếc hay đồng. Xưa, xôi xới trên mặt mâm đặc biệt gọi là mâm xôi trái ấu.

Xôi được đội, gánh hay bưng từ nhà đến đình gọi là *tựu xôi*. Khi bưng xôi, không được bưng ngang hông, dưới nách, vì như vậy là xôi bị ô uế, thất lễ với thần. Gánh xôi

hông phải đặt hai mâm xôi vào hai đầu thúng mà gánh
i. Gọi là khiêng xôi có lẽ đúng hơn, vì việc gọi là "gánh
ôi" thực ra là đặt mâm xôi vào dóng rồi hai người khiêng
i.

Xưa, các mâm xôi của các chức việc làng được thỉnh từ
hà họ đến đình. Lễ thỉnh xôi (còn gọi là rước xôi): đoàn
gười được cử đi rước xôi đến nhà hương chức; Ông ta mặc
o dài khăn đóng trịnh trọng bưng cỗ xôi của nhà mình
ặt lên bàn rước, lấy khăn trong sạch phủ lên. Đầu đám
ước là người đánh trống lịnh, sau là bàn rước xôi có hai
òn khiêng, có buộc dây để khoác vào cổ người khiêng,
iếp theo là người cầm tàng che xôi và vị hương chức. Phía
au là vài nhạc công vừa đi vừa tấu mấy bản nhạc vui.
Khi đám rước tới đình, vị hương chức nọ đem cỗ xôi để
rong nhà túc. Đám rước lại đi rước cỗ xôi của một hương
chức khác. Cỗ xôi đặt trong nhà túc sẽ được những người
trong ban quản trị đình viết tên người sở hữu trên một
miếng giấy đỏ để trên mâm xôi để tránh sự lẫn lộn.

Gần đến giờ tế thần, người ta mới trí xôi, nghĩa là đem xôi đặt trên ván tế theo tôn ti các chức việc trong làng - chức vụ càng cao thì vị trí mâm xôi của người ấy càng gần bàn thờ Thần. Đại thể lệ cũ:

- *Hương cả, Hương chủ, Hương sư:* Bàn thờ Thần.

- *Hương chánh, Hương giáo, Hương quản, Hương bộ*: Bàn Hội đồng nội.

- *Hương thân, Xã trưởng, Hương hào, Chánh lục bộ*: Bàn Hội đồng ngoại.

- *Các vị ấp trưởng* (thôn trưởng): Bàn thờ Tả ban, Hữu ban.

Xôi của dân làng được đặt ở ván tế theo thứ tự trọng khinh khác nhau. Người trọng đặt ở ván tế Hội đồng nội, người dân thường đặt ở ván tế Hội đồng ngoại.

Ngoài các phần xôi nói trên, còn có cỗ xôi của thôn (ấp) - gọi là "cỗ hương thôn" và cỗ xôi của làng, gọi là "cỗ làng". Hai cỗ xôi này đặt ở ván tế trước hương án Hội đồng nội. Phần xôi làng được chia thành một cỗ xôi nhỏ để cúng Thần Nông và theo cổ lệ, phần xôi này và miếng thịt sườn dành riêng cho trẻ mục đồng, được quan niệm là con cháu Thần Nông.

Khi tế xong, xôi của ai người ấy đem về nhà. Nhưng hầu hết chủ các mâm xôi đều xén một phần xôi của mình để lại đình tiếp đãi khách đến dự lễ.

b. *Thịt*: Lễ vật tế thần theo cổ lệ chính thống là tam sanh, tức là ba con vật dùng trong lễ hiến tế: heo, bò, dê. Heo gọi là *cang lạp*, bò gọi là *hoàng mao* và dê gọi là *nhu mao*. Tuy nhiên, trong thực tế mỗi đình có sự canh cải riêng thành tập quán của làng. Có nơi là 3 heo, có nơi lại là một bò, có nơi là một trâu.

Heo dùng tế thần buộc phải đen tuyền, không được dùng heo lang, tức có đốm trắng lộn. Cổ tục tuyệt đối không dùng heo trắng vì quan niệm truyền thống màu trắng là màu tang chế. Con heo có đốm, có khoang đen trắng lẫn lộn là không tinh tuyền, là pha tạp. Ngày nay, kể từ khi ảnh hưởng phương Tây, màu đen, màu trắng đã

hay đổi ý nghĩa biểu trưng. Màu trắng lại được coi là tinh hiết, trong trắng; ngược lại màu đen là hắc ám, là tang hế. Hơn nữa, càng lúc giống heo ngoại trắng được nuôi hổ biến và giống heo đen nội địa trở thành hiếm hoi. Do ậy mà heo trắng lại được dùng tế thần. Âu là tục lệ cũng lổi đời cho hợp với thực tế, với thời đại vậy!

Heo trong mỗi dịp cúng đình có ba loại:

- *Heo tế:*

Con heo màu đen. Trước khi tế thần phải làm lễ *tỉnh inh* (còn gọi: lễ *thỉnh sanh*). Để tế vào lúc nửa đêm thì ba giờ chiều hôm đó, chấp sự viên cùng học trò lễ (một cặp lăng, một cặp đài) xuống nhà bếp thực hành nghi lễ: chấp sự viên đổ một ly rượu vào miệng heo, tưới trên mình heo ỏ sự sạch sẽ và khỏe mạnh của con heo trước khi tế thần. Sau đó, chấp sự viên dùng dao thọc cổ heo, lấy ba ly có ít rượu hứng ít huyết heo cho đầy. Khi heo đã chết, chấp sự ạo một nhúm lông bỏ vào ba ly huyết ấy, rồi cùng học trò lễ đem đặt trước bàn thờ Thần. Huyết này dùng để thực hành nghi thức gọi là "Ế mao huyết".

Theo lệ xưa, heo tế sau khi cúng Thần được xẻ ra để kiếng biếu các chức sắc trong làng. Miếng thịt vai - coi là quí nhất - gọi là "cẩm địa", được đem kiếng cho tộc tiền hiền hay hậu hiền - người có công với làng như tu kiều - bồi lộ, khai thị hay khai mở công nghệ làm cho làng thịnh vượng. Hiện nay một số đình làng còn giữ tục thờ "cẩm địa". Đây là tục lệ có ý nghĩa văn hoá. Còn việc phân chia thứ bậc để kiếng các phần thịt nào nọng, nào niệt, thủ vĩ...

là hủ tục tạo nên cái tệ của chốn đình trung thì không phổ biến mấy và nay thì hầu như không còn. Con heo tế được xẻ thịt để thết đãi khách.

- *Con gỏi:*

Chỉ chung các con *heo quay* của các tư nhân mua để cúng tạ thần khi trước đó họ có cầu Thần phù hộ cho họ một việc gì đó. Tuỳ theo lời van vái mà họ đã hứa với Thần mà lễ vật có thể hoa quả, xôi bánh và trịnh trọng nhất là con heo quay - tức *con gỏi*. Nếu con gỏi để cúng thì ông từ dùng một con dao cắm trên lưng con heo ngụ ý để Thần dùng dao mà xẻ thịt. Nếu con gỏi để tế thì đem đặt ở ván tế để xôi ở Hội đồng ngoại. Người đem con gỏi để cúng hay tế thường biếu cho đình cái đầu heo. Lệ cúng con gỏi thường thấy trong các dịp lễ cúng mặn và thảng hoặc, chủ nhà chọn ngày giờ phù hợp đến làm lễ tạ bất thường mà không cần phải chờ đến các dịp lễ cúng tới. Ở nơi thờ Võ Tánh thì tuyệt đối không cúng heo quay, vì việc này nhắc đến việc ông tự thiêu.

- *Heo cơm:*

Là con heo để tế Tiền hiền và Hậu hiền trong dịp lễ Kỳ yên. Heo này theo cổ lệ cũng là heo đen, cũng phải cử hành lễ tỉnh sinh. Khác là con heo này sau khi tế xong thì xẻ thịt đãi khách, đãi những người làm "công quả" cho đình và các diễn viên gánh hát bội. Gọi là "heo cơm" là vậy.

c. *Trà, rượu, bánh trái*: Lễ tế thần dâng ba tuần rượu, một tuần trà tức tất cả là 9 ly rượu và 3 ly trà. Rượu cúng

lễ thường là rượu trắng. Còn các người đến dự lễ mang rượu tây, cũng như hoa quả bánh trái thông thường đều không kiêng cữ loại gì.

III. NGHI THỨC CÚNG TẾ

1. Nghi thức cúng:

Đại lễ Kỳ yên thì tế tự. Các dịp khác thì cúng. Cúng lớn do ban tế tự đảm trách, cúng nhỏ do ông từ lo liệu.

a. Ông từ cúng vào các ngày sóc, vọng thường, tức trừ ba ngày rằm lớn trong năm. Lễ vật chỉ hoa, trái, trà, bánh - thậm chí chỉ một nãi chuối cũng đủ. Giờ cúng thường vào lúc 18 giờ tối. Nghi thức cúng đơn giản: đặt nãi chuối lên dĩa chò ở bàn thờ thần, rồi đốt ba nén hương, lạy bốn lạy, vái ba vái. Ở các bàn thờ khác, chỉ cắm một nén nhang và vái ba vái.

b. Ban tế tự (gọi là ban hay hội *quí tế, linh tế*...) đảm trách các lễ cúng đã nói ở phần trước. Lễ vật tùy theo từng nơi, song thịnh soạn hơn ở các lễ sóc, vọng thường, khai lễ đúng ngọ bằng một hồi chinh cổ (chiêng, trống). Ông Chánh hội mặc lễ phục áo dài khăn đóng làm lễ nơi bàn thờ Thần: dâng ba nén hương và lạy bốn lạy, bái ba bái; rồi lần lượt đến các bàn thờ khác: dâng một nén hương, bái ba bái. Ông ta không dâng hương các bàn thờ bên ngoài đình. Kế đó, các vị khác, rồi đến các người làm "công quả" đến lễ bái theo nghi thức như trước.

Trong khi mọi người lễ thần, ông từ đứng bên bàn thờ thỉnh chuông. Lễ xong, ông đốt vàng mả - gọi là thí cho cô

hồn. Lửa cháy hết, ông lại hóa: đổ một chung rượu vào nơi đốt vàng mả.

Nếu đình có thờ Tiên sư ở nhà túc thì lễ này các chức việc ở thôn, ấp đều đến dự. Tại các làng còn nhà võ thì lễ này cúng ở đó và tất nhiên là có mời hội hương, hội qúi tế và những chức việc các ấp đến dự. Do vậy, việc cúng Tiên sư ở nhà võ trong một làng thường không trùng ngày nhau mà có sự luân phiên để tiện việc bố trí thời gian cho giới chức thôn hương.

2. Nghi thức tế thần:

Lễ Kỳ yên của đình làng Nam bộ có ba lễ chính: *Túc yết, Đoàn cả* và *Tiền hiền hậu hiền*. Mỗi lễ đều có một diên tế theo tập tục truyền thống Nam bộ. Tuy nhiên, lệ này không áp dụng một cách triệt để ở các đình mà có thể giảm bớt.

Lễ *Túc yết*, gọi tắt là lễ *Yết*, là lễ hương chức tụ họp lại để ra mắt thần, trình cáo với thần việc tổ chức lễ tại đình. Lệ xưa, từ chiều hôm ấy, kẻ lớn người nhỏ đến họp tại đình suốt đêm trong lễ này.

Lễ *Đoàn cả* (có sách dịch là *Đại đoàn*) là lễ chính để tế thần. Nếu ở lễ Túc yết có mục đích nghinh thần thì ở lễ *Đoàn cả* lại nhằm tạ thần. Từ "Đoàn cả" có lẽ chỉ việc tụ họp đông đúc (*đoàn*: tụ lại, bầy, lũ; cả: lớn nhất, trọng nhất, bao gồm tất cả); lại có người cho rằng "*đoàn cả*" là gọi trại của từ "*đàn cả*" (*đàn* ở đây hiểu là nơi tế lễ, thường đắp bằng đất cao). Có lẽ nghĩa "tụ hội đông đúc"

trên đúng hơn. Nghĩa này cũng phù hợp với việc *Đại Nam quốc âm tự vị* viết chữ *đình* là cái sân, là *nhà lớn, nhà hội* để chỉ cái đình thờ thần khác với chữ *đình* có nghĩa là trạm dừng chân nghỉ ngơi, thường dùng để chỉ đình thờ thần Thành Hoàng vốn phổ biến từ xưa trong thư tịch cổ biên soạn ở đất Trung, Bắc. Điều này cũng thấy trong tự điển của Génibrel và như vậy, phải chăng điều "nhầm lẫn" này đã chỉ ra chức năng của đình vốn là đình trạm, chỗ dừng chân và về sau nới dần dần trở thành nơi hội họp, hội hè của dân làng.

Lễ Kỳ yên là lễ trọng, do vậy việc tế lễ có những yêu cầu nghiêm nhặt về nhân sự, nghi tiết.

a. *Những qui định về nhân sự trong ban tế lễ*:

Gồm những tiêu chuẩn chọn lựa và cơ cấu chức trách của các thành viên của ban này.

Người được tuyển chọn vào ban tế tự phải là người có đạo đức tốt, không bị tai tiếng, gia đình phải có đủ vợ con, vợ phải còn sống, con cái trai gái có đủ; không ở trong thời kỳ chịu tang, và ít nhất phải 40 tuổi. Quan niệm truyền thống cho rằng nếu trong ban tế tự có người không đủ tiêu chuẩn trên sẽ gây ra điều xấu, bất ổn cho làng. Nói chung, việc quan trọng thì phải chọn người xứng đáng. Còn nếu dễ duôi, giao việc cho bọn tầm ruồng thì trước sau gì cũng gây hại cho đời. Việc đời việc đạo tất tất đều thế cả.

Thành phần ban tế tự gồm:

1. *Chánh niệm hương*: còn gọi là *Chánh bái*, đây là vai danh dự nhất, thường do Chánh hội đình, Hội trưởng hội quí tế đảm trách.

2. *Chánh tế* : lãnh việc chủ tế.

3. *Bồi tế* (hai người): đứng hai bên tả hữu chánh tế.

4. *Đông hiến và Tây hiến*: là hai người quì trước bàn thờ tiền án của hai bàn thờ Tả ban và Hữu ban. Được gọi như vậy, vì theo qui định cổ, đình luôn quay mặt về hướng nam nên hai bên bàn thờ Thần là hướng đông và hướng tây. Về sau, hướng đình không theo qui định cổ nữa, nhưng hai vị này vẫn được gọi là Đông hiến và Tây hiến. Hai vị này chỉ có mỗi việc là quì trước bàn thờ cho đến khi cữ hành lễ Ẩm phước mới bước vào chiếu chính để dự lễ này.

5. *Chấp sự viên*: gồm bốn người: khởi cổ lệnh, khởi minh chinh, khởi thái bình, khởi đại cổ (trống lệnh, chiêng, mõ, trống lớn). Bốn vị này được chọn rất kỹ về mặt đức hạnh.

6. *Thị lập*: gồm bốn người: một tả dinh, một hữu dinh và hai ông chánh điện. Tả hữu dinh đứng ở hai bên bàn thờ bên trái và bên phải. Thị lập chính điện đứng hai bên bàn thờ Thần.

7. *Thầy Lễ*: là người điều khiển chung cho lễ đúng nghi thức và đọc văn tế.

8. *Học trò lễ*: còn gọi là lễ sinh, một chức việc trong làng ngày xưa. Số lượng lễ sinh ít nhất là 3 cặp: một *cặp đăng*

ưng đèn)), một *cặp đài* (bưng đài), một *cặp xướng* (xướng ọc các mục nghi lễ , một đông xướng, một tây xướng).

9. *Đào thài*: gồm bốn đến tám nữ diễn viên hát bội được ình thuê. Họ theo sau học trò lễ để *thài* (hát chúc tụng) hi tiến hành nghi thức hiến tuần hương, dâng trà, dâng ượu... Đến nghi thức ẩm phước, các cô đào cầm quạt để uạt cho các vị được dự phần ẩm phước này, vừa hát các ài thài tán tụng.

10. *Ban lễ nhạc*: do đình thuê mướn và số lượng nhạc ông thường có 11 người, chơi các nhạc cụ: một cặp phệt, ai đàn gáo, hai đàn cò, một trum, một bạt, một trống ơm, ba trống con, một kèn thau, một đồng lố. Tuy nhiên, do tình hình giá cả thuê mướn từng nhân sự trong ban nhạc quá mắc nếu đầy đủ như trên, cho nên, hiện nay hầu hết các đình chỉ thuê khoảng bốn hay năm người chơi các nhạc cụ chính sau: lố, bạc, đẩu (thuộc kim), kèn cây, trống, trống cơm (thuộc mộc), kèn nước (thuộc thủy), trống bồng (thuợc thổ) và đàn cò (thuộc hỏa).

11. *Lính hầu Ông*: bốn kép hát bội trẻ, mặc áo nẹp, đội nón dấu, đầu chít khăn, đứng bốn góc ván sơn trước bàn thờ Thần, tỏ ý là chầu hầu cho Thần.

12. *Ông thủ từ*: ngồi cạnh bàn thờ Thần suốt thời gian làm lễ, để gõ chuông cho khách lễ bái; trong lúc tế, ông từ có nhiệm vụ nhận lễ vật do học trò lễ dâng để xếp vào bàn thờ Thần.

b. Các nghi thức lễ:

LỄ TỈNH SANH

Thường thường, vào quá lúc 0 giờ (tức bước vào giờ Tí), toàn thể ban tế tự của đình tề tựu đông đủ ở chánh điện cùng với ban nhạc và lễ sinh. Con heo còn sống, cột bốn chân, được đặt trên một chiếc ghế ngựa ngay trước bàn thờ Hội đồng ngoại.

Lễ sinh xướng:	**Ban tế tự thực hiện:**
- Khởi thái bình thinh, khởi minh chinh, khởi đại cổ	- Các vị chấp sự đánh ba hồi mõ, ba hồi chiêng và ba hồi trống.
- Nhạc sinh khởi nhạc	- Ban nhạc trỗi nhạc cho lễ
- Niệm chủ tựu vị	- Viên chánh niệm hương bước vào trước bàn Hội đồng ngoại.
- Quán tẩy	- Viên chánh niệm hương bước đến nơi đặt thau nước, rửa mặt, lau mặt, rồi trở về chỗ cũ.
- Giai quị	- Quì xuống
- Cẩn niệm chơn hương	- Viên chánh niệm hương tiếp lấy ba nén nhang do học trò lễ trao rồi ông đưa nhang lên ngang trán và khẩn nguyện.

- Thượng hương	- Viên chánh niệm hương trao ba nén nhang cho học trò lễ để dâng lên bàn thờ.
- Phủ phục hưng bình thân	- Viên chánh niệm hương đứng lên.
- Hưng bái (bốn lần)	- Viên chánh niệm hương lạy 4 lạy.
- Hưng bình thân	- Viên chánh niệm hương đứng lên
- Thiểu thối	- Viên chánh niệm hương lui ra.
- Chánh tế tựu vị	- Chánh tế bước vào trước hương án
- Bồi tế tựu vị	- Bồi tế bước vào trước hương án
- Quán tẩy	- Chánh tế, bồi tế bước đến thau nước, rửa mặt, lau mặt rồi trở lại vị trí cũ.
- Giai quị	- Tất cả cùng quì xuống.
- Chước tửu	- Học trò lễ trao cho chánh tế nhạo và chung rượu. Chánh tế rót rượu vào chung, đưa lên xá ba xá, rồi đưa rượu cho học trò lễ dâng lên bàn thờ.
- Phủ phục hưng bình thân	- Chánh tế, bồi tế đứng lên
- Hưng bái (bốn lần)	- Chánh tế, bồi tế lạy 4 lạy

- Hưng bình thân	- Chánh tế, bồi tế đứng lên
- Thiểu thối	- Chánh tế, bồi tế lui ra
- Tể nhơn tựu vị	- Người đồ tể bước vào trước hương án.
- Quị	- Người đồ tể qùi xuống
- Phủ phục hưng bái (bốn lần)	- Người đồ tể lạy 4 lạy
- Hưng bình thân	- Người đồ tể đứng lên
- Tương hi sanh lễ vu tiền	- Đưa con vật tế đến trước hương án.
- Nghệ tỉnh sanh sở	- Người đồ tể bước đến bên con vật tế, tay cầm một con dao
- Tỉnh sanh	- Người cầm dao thọc vào yết hầu con vật tế (đang được mấy người khác nắm giữ). Viên chánh tế dùng một chén hứng máu con vật. Người đồ tể cạo thêm một nhúm lông con vật bỏ vào chén huyết.
- Điểm trà	- Học trò lễ cầm bình trà rót vào ly đặt trên hương án.
- Lễ thành	- Chánh tế, bồi tế bước vào vị trí, quì xuống lạy 4 lạy rồi đứng lên. Dứt lễ Tỉnh Sanh.

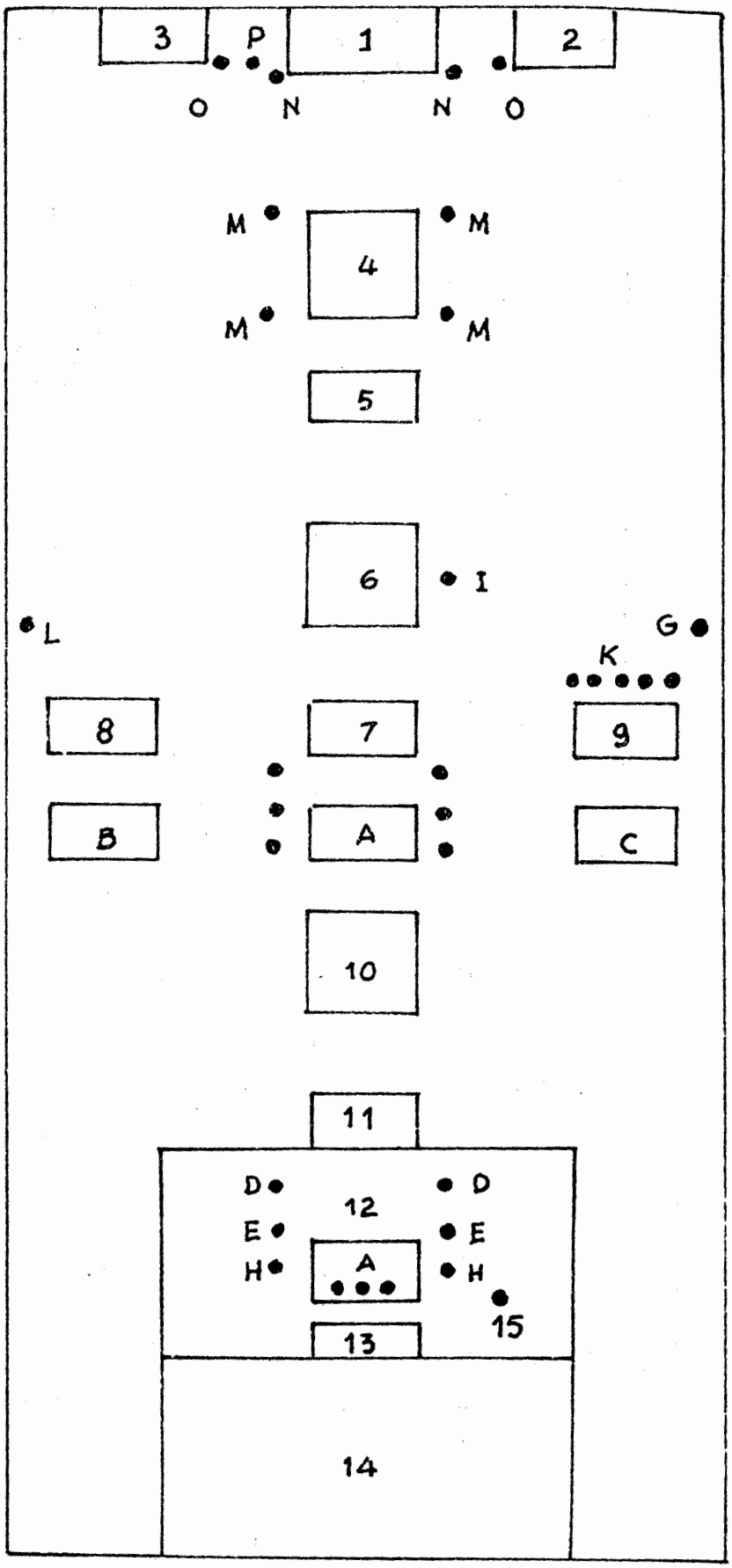

P : Ông thủ từ

N : Thị lập chánh điện

O : Thị lập tả, hữu ban

M : Lính hầu

I : Chấp sự viên khởi thái bình

G : Khởi đại cổ

L : Khởi minh chung

K : Ban lễ nhạc

D : Cặp đăng

E : Cặp xướng - Lễ sinh

H : Cặp đài

A : Chánh tế - Hại bồi tế

B : Đông hiến

C : Tây hiến

1. Bàn thờ thần
2. Đông Trù Tư Mệnh
3. Bà Chúa Sứ
4. Ván son
5. Hội đồng nội
6. Ván tế
7. Hội đồng ngoại
8. Hữu ban
9. Tả ban
10. Ván tế
11. Bàn nghi
12. Sân khấu
13. Bàn lễ vật
14. Hậu trường
15. Giá quán tẩy

Cách thức xếp đặt một diên tế theo nghi lễ của đình Phú Nhuận, TP. Hồ Chí

Cách thức dâng tuần hương, rượu, trà ở đình Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

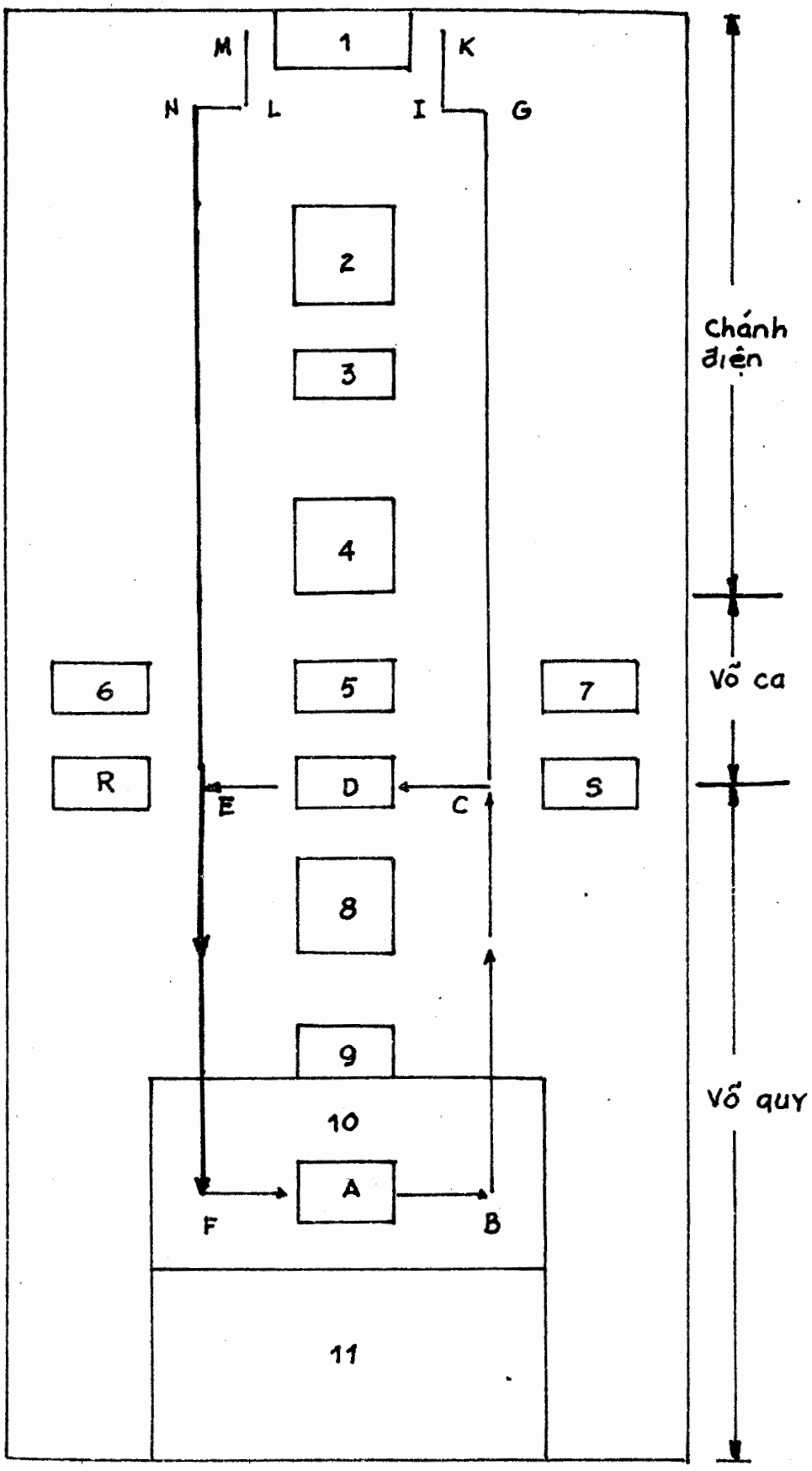

1. Bàn thờ thần
2. Ván son
3. Hội đồng nội
4. Ván tế
5. Hội đồng ngoại
6. Tả ban
7. Hữu ban
8. Ván tế
9. Bàn nghi
10. Sân khấu
11. Hậu trường

A. Chiếu Chánh tế
D. Chiếu Chánh tế
R. Chiếu Đông hiến
S. Chiếu Tây hiến

Đi lên : Khi xướng "chước tửu" Chánh tế, bồi tế ở vị trí A.
Khi xướng "nghệ thần vị tiền", chánh tế, bồi tế từ A lên D theo chiều ABCD.

LỄ TÚC YẾT

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ết về ngôi đình làng Nam bộ như sau: "Mỗi làng có dựng ột ngôi đình, kỳ tế phải lựa ngày tốt, đến buổi chiều gày ấy lớn nhỏ đều nhóm tại đình, suốt đêm ấy gọi là *túc ết*, sáng sớm ngày mai áo mão trống chiêng làm lễ *chính* , ngày sau nữa làm lễ *dịch tế*, gọi là *đại đoàn*". Như thế, ong lễ đình Nam bộ nơi nào có khả năng thì tổ chức ba gày: ngày đầu lễ *túc yết*, ngày thứ hai là lễ *chánh tế* và gày thứ ba là lễ *tiền hiền hậu hiền*. Sau đây chúng tôi in giới thiệu các nghi thức của lễ *Túc yết*.

Theo cổ lệ, lễ *Túc yết* được tiến hành vào buổi chiều tối ngày thứ nhất lễ Kỳ yên. Giờ giấc tùy theo mỗi địa phương, có nơi bắt đầu từ bốn, năm giờ chiều, có nơi bắt đầu từ bảy, tám giờ tối, nhưng cũng có nơi chọn vào lúc nửa đêm... Tuy nhiên, ngày nay, do điều kiện sinh hoạt thay đổi nên nhiều đình chọn giờ cử hành lễ Túc yết vào buổi sáng. Sắp đến giờ hành lễ, các thành viên của ban tế tự mặc áo thụng xanh (áo rộng), khăn đóng, mang giày đứng sắp hàng hai bên võ ca cùng với ban nhạc lễ, các lễ sinh và đào thài trong tư thế sẵn sàng làm lễ. Xong đâu đấy, lễ sinh bắt đầu xướng các nghi thức tuần tự như sau:

- Củ soát lễ vật
- Tuần hương
- Tuần rượu thứ nhất
- Đọc văn tế

- Tuần rượu thứ hai
- Tuần rượu thứ ba
- Hiến quả phẩm
- Hiến bỉnh
- Tuần trà
- Ẩm phước
- Hóa văn tế (có đình không có nghi này, văn tế được giữ trên bàn thờ Thần cho đến phần lễ Đoàn cả mới hóa).

Riêng ban nhạc lễ sẽ sử dụng các bài: *Nghinh thiên tiếp giá*, *Xây Bài Hạ* (tuần hương và ba tuần rượu), Ngũ Điểm (tuần trà, tuần quả và tuần bánh), *Nhịp Bụa* (khi lễ sinh dâng lễ vật thì nhịp thường, khi trở về thì nhịp nhanh).

- *Nghi củ soát lễ vật:*

Lễ sinh xướng	: Nhân viên tế tự cử hành:
Bài ban ban tề	: Các chấp sự viên, các ông: chánh tế bồi tế, đông hiến, tây hiến đứng theo vị trí.
Tịnh túc thị lập	: Đứng yên lặng
Chánh tế tựu vị	: Chánh tế đứng vào bàn nghi
Bồi tế tựu vị	: Hai ông bồi tế đứng vào bàn nghi
Củ soát tế vật	: Kiểm soát lễ vật. Lễ sinh đưa ba cây nến cho chánh tế, bồi tế và dẫn các vị này đến các bàn thờ, ván tế trong đình để kiểm soát lễ

vật có đầy đủ, tinh khiết không.

Ế mao huyết : Chánh tế, bồi tế cầm lấy ly huyết có vài sợi lông heo đã lấy trong lễ tỉnh sinh nhấp một chút (có nơi đem ba ly huyết này chôn ngoài sân đình).

Lễ nhượng
(hoặc : Thiểu thối) : Chấm dứt nghi lễ: chánh tế, bồi tế xá ba xá rồi lui ra hai bên.

- *Nghi tuần hương:*

Chấp sự viên tựu vị : Các ông đánh trống lệnh, mõ, chiêng và trống đứng vào vị trí của mình.

Nghệ quán tẩy sở : Lễ sinh xá mời chấp sự viên đến chỗ thau nước.

Quán tẩy : Rửa mặt tượng trưng cho được sạch sẽ trước khi tế

Thuế cân : Lấy khăn đỏ lau mặt

Chỉnh y quan : Sửa lại khăn áo

Phục vị : Chấp sự viên đến trước bàn nghi

Chấp sự viên chấp kích : Chấp sự viên nhận dùi trống lệnh, dùi mõ, dùi chiêng, dùi trống lớn.

Chấp sự giả các tư kỳ sự : Chấp sự viên trở về vị trí của mình.

Khởi cổ lệnh : Đánh trống lệnh ba hồi

Khởi thái bình : Đánh mõ ba hồi

Khởi minh chinh : Đánh chiêng bạ hồi

Khởi đại cổ : Đánh trống lớn ba hồi

Cổ lệnh, thái bình, minh chinh, đại cổ tề minh : Mỗi thứ (cổ lịnh, mõ, chiêng và trống lớn) đánh gióng ba xen kẽ nhau ba lần.

Nhạc sinh tựu vị : Ban nhạc lễ vào trước bàn nghi (có nơi chỉ một nhạc sinh dùng trống vào)

Nhạc sinh tác nhạc : Các nhạc công của ban nhạc lễ hòa ba hồi chín chập theo điệu "Nghinh thiên tiếp giá".

Nhạc sinh hoàn cựu sở : Ban nhạc dọn nhạc cụ ra khỏi vị trí trước bàn nghi, trở về phía bên phải bàn nghi.

Niệm hương tựu vị : Chánh niệm hương bước vào trước bàn nghi.

Nghệ quán tẩy sở : Chánh niệm hương đến chỗ thau nước.

Quán tẩy : Chánh niệm hương rửa mặt.

Thuế cân : Chánh niệm hương lau mặt

Chỉnh y quan : Chánh niệm hương chỉnh lại khăn áo.

Phục vị : Chánh niệm hương về trước bàn nghi.

Nghệ hương án tiền : Chánh niệm hương lên trước bàn hội đồng ngoại, trong khi đó học trò lễ bưng đài hương đi vào.

Quỵ : Mọi người cùng quì xuống.

Phần hương : Chánh niệm hương cầm ba nén nhang đưa lên ngang trán, sau khi đốt hương.

Niệm hương : Chánh niệm hương khấn nguyện

Thượng hương : Chánh niệm hương đưa ba nén nhang cho lễ sinh. Ông chánh bái lạy Thần một lạy. Lễ sinh đem hương xuống trước bàn nghi, cùng đào thài lên dâng hương tại bàn thờ Thần.

Trong khi đi, các cô đào vừa quạt vừa thài bài sau đây:

Thượng tuần hương là thượng tuần hương

Trầm đàn khói kết năm mây

Mùi hương phảng phất bạt bay chín tầng.

Phủ phục hưng bình thân : Chánh niệm hương đứng lên

Nghinh thần cúc cung bái : Chánh niệm hương lạy thần một lạy

Hưng bái (ba lần) : Lạy thêm ba lạy

Hưng bình thân : Chánh niệm hương đứng lên

Lễ nhượng : Chấm dứt nghi lễ dâng hương của chánh niệm hương, đến lượt dâng hương của chánh tế, bồi tế, đông hiến, tây hiến.

Chánh tế tựu vị : Chánh tế bước vào trước bàn nghi

Bồi tế tựu vị : Hai bồi tế vào trước bàn nghi

Đông hiến tựu vị : Đông hiến vào trước bàn nghi

Tây hiến tựu vị : Tây hiến vào trước bàn nghi

Nghệ quán tẩy sở : Các ông chánh tế, bồi tế, đông hiến và tây hiến đến chỗ thau nước.

Quán tẩy : Mọi người rửa mặt

Thuế cân : Mọi người lau mặt

Chỉnh y quan : Mọi người sửa lại khăn áo

Phục vị : Mọi người trở về trước bàn nghi

Đông hiến Tây hiến giả các tư kỳ phận : Đông và Tây hiến đến qùi trước hương án tiền của Tả ban và Hữu ban.

Nghệ hương án tiền : Chánh tế, bồi tế đi lên trước bàn hội đồng ngoại, học trò lễ bưng đài hương đi vào.

Qụi : Mọi người cùng qùi

Phần hương : Chánh tế đốt hương xong và đưa ba nén hương lên ngang trán.

Niệm hương : Chánh tế niệm hương khấn nguyện.

Thượng hương : Chánh tế đưa ba nén hương cho lễ sinh. Chánh tế, bồi tế lạy Thần một lạy. Lễ sinh đem ba nén hương xuống trước bàn nghi cùng đào thài lên dâng hương tại bàn thờ Thần. Trong khi đi lên, các cô đào cũng thài bài hát như bài thài trong tuần hương của ông Chánh tế.

Phủ phục hưng bình thân : Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Hưng bái (ba lần): Chánh tế, bồi tế lạy thêm ba lần nữa.

Hưng bình thân : Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Lễ nhượng : Chánh tế, bồi tế đi xuống bàn nghi, chấm dứt nghi lễ tuần hương.

- *Nghi tuần rượu thứ nhất:*

Hành sơ hiến lễ : Lễ dâng rượu lần thứ nhất.

Nghệ tửu tôn sở : Lễ sinh bưng đài rượu vào trước bàn nghi. Chánh tế, bồi tế tiếp lấy ba nhạo rượu, xá một xá, rót vào ba ly độ phân nửa rồi đưa nhạo và ba ly rượu cho lễ sinh.

Nghệ thần vị tiền : Lễ sinh gồm một cặp đăng, cặp đài đi trước, theo sau là chánh tế, bồi tế đến trước bàn hội đồng ngoại.

Giai quị : Mọi người quì xuống.

Tấn tước : Chánh tế, bồi tế bưng lấy nhạo rượu đưa ngang lên trán khấn nguyện.

Châm tửu : Chánh tế tiếp lấy nhạo rượu rót thêm cho đầy ba ly.

Hiến tước : Lễ sinh đứng dậy. Chánh tế, bồi tế vẫn quì. Lễ sinh lùi lại đằng sau rồi cùng đào thài đi lên bàn thờ Thần.

Khi đi lên, các cô thài bài sau đây :

Tấn tước lễ, lễ dâng sơ hiến

Hiến tuần sơ là hiến tuần sơ.

Phân hiến : Lễ sinh bưng nhạo rượu đi rót rượu vào các ly rượu tại các bàn thờ khác.

Phủ phục hưng bình thân : Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Hưng bái (ba lần) : Lạy thêm ba lạy.

Phục vị : Lễ sinh đưa chánh tế, bồi tế về trước bàn nghi.

Hương chức hội viên đồng lai bái : Hương chức làng, hội viên trong hội đến trước bàn nghi lạy Thần bốn lạy.

- *Nghi đọc văn tế:*

Chánh tế, bồi tế, đông hiến, tây hiến tựu vị : Các ông chánh tế, bồi tế, đông hiến, tây hiến trở về vị trí cũ.

Nghệ thần vị tiền : Lễ sinh đưa ba ông chánh tế, bồi tế lên trước bàn hội đồng ngoại.

Nghệ độc chúc sở : Lễ sinh bưng văn tế vào.

Giai quị : Mọi người quì xuống.

Độc chúc : Thầy lễ đọc văn tế. Khi đọc văn tế, đến tên mỗi vị Thần, thầy lễ ngừng một lát, các

chấp sự viên đánh ba tiếng cỗ lịnh, mõ, chiêng, trống. Văn tế đọc xong để lên trên bàn hội đồng ngoại.

Phủ phục hưng bình thân: Mọi người đứng dậy.

Hưng bái (ba lần) : Lạy ba lạy.

Hưng bình thân : Đứng dậy.

Phục vị : Lễ sinh đưa chánh tế, bồi tế về trước bàn nghi.

- *Nghi tuần rượu thứ hai:*

Hành trung hiến lễ

(hay : Hành á hiến lễ) : Lễ dâng tuần rượu thứ hai.

Nghệ tửu tôn sở : Lễ sinh bưng đài rượu vào trước bàn nghi.Chánh tế, bồi tế tiếp lấy ba nhạo rượu, xá một xá, rót vào ba ly độ phân nửa rồi đưa nhạo rượu và ba ly rượu cho lễ sinh.

Nghệ thần vị tiền : Lễ sinh gồm cặp đăng, cặp đài đi trước, theo sau là chánh tế, bồi tế đến trước hội đồng ngoại.

Giai quị : Mọi người quì xuống.

Tấn tước : Chánh tế, bồi tế bưng lấy nhạo rượu đưa lên ngang trán khấn nguyện.

Châm tửu : Chánh tế tiếp lấy nhạo rượu rót thêm cho đầy ba ly.

Hiến tước : Lễ sinh đứng dậy, chánh tế bồi tế vẫn quì, lễ sinh lùi lạy đàng sau rồi cùng đào thài đi lên bàn thờ Thần.

Khi đi lên, các cô đào thài bài sau đây :

Á hiến lễ, lễ dâng trung hiến

Hiến tuần trung là hiến tuần trung

Phân hiến : Lễ sinh bưng nhạo rượu đi rót rượu vào các ly rượu tại các bàn thờ khác trong đình.

Phủ phục hưng bình thân : Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Hưng bái (ba lần) : Lạy thêm ba lạy.

Phục vị : Lễ sinh đưa chánh tế, bồi tế về trước bàn nghi.

Hương chức hội viên đồng lai bái : Hương chức làng, hội viên trong hội đến trước bàn nghi lạy Thần bốn lạy.

- *Nghi tuần rượu thứ ba :*

Hành chung hiến lễ : Lễ dâng tuần rượu thứ ba.

Nghệ tửu tôn sở : Lễ sinh bưng đài rượu vào trước bàn nghi. Chánh tế, bồi tế tiếp lấy ba nhạo rượu, xá một xá, rót vào ba ly độ

phân nửa rồi đưa nhạo rượu cho lễ sinh.

Nghệ thần vị tiền : Lễ sinh gồm cặp đài, cặp đăng đi trước, theo sau là chánh tế, bồi tế đến trước bàn hội đồng ngoại.

Giai quị : Mọi người quì xuống.

Tấn tước : Chánh tế, bồi tế bưng lấy nhạo rượu đưa lên ngang trán khấn nguyện.

Châm tửu : Chánh tế tiếp lấy nhạo rượu rót thêm cho đầy ba ly.

Hiến tước : Lễ sinh đứng dậy, chánh tế bồi tế vẫn quì, lễ sinh đi lùi lại đàng sau cùng đào thài đi lên bàn thờ Thần.

Khi đi lên, các cô thài bài sau đây :

Chung hiến lễ, lễ dâng chung hiến

Hiến tuần chung là hiến tuần chung

Phân hiến : Lễ sinh bưng nhạo rượu đ rót rượu vào các ly rượu tại các bàn thờ khác trong đình.

Phủ phục hưng bình thân : Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Hưng bái (ba lần) : Lạy thêm ba lạy.

Phục vị : Lễ sinh đưa chánh tế, bồi tế về trước bàn nghi.

Hương chức hội viên đồng lai bái : Hương chức làng, hội viên trong hội đến trước bàn nghi lạy Thần bốn lạy.

- *Nghi hiến quả phẩm :*

Nghi lễ dâng trái cây. Nghi lễ này rất đơn giản, lễ sinh chỉ xướng "Hiến quả phẩm" là trò lễ cùng đào thài đem trái cây lên bàn thờ Thần tại chánh điện. Các cô đào không thài bài nào. Chánh tế, bồi tế vẫn ở chiếu tế trước bàn nghi.

- *Nghi hiến bỉnh :*

Nghi lễ dâng bánh. Nghi lễ này giống như nghi lễ hiến quả phẩm. Lễ sinh chỉ xướng "Hiến bỉnh".

- *Nghi tuần trà :*

Nghi lễ dâng nước trà giống nghi lễ hiến quả phẩm. Lễ này, lễ sinh xướng "Điểm trà", có các cô đào thài theo sau lễ sinh đi lên bàn thờ Thần và thài bài sau đây:

Điểm trà thơm là điểm trà thơm
Vơi vơi chén ngọc ve vàng
Ô long phất nhiễu phụng loan giao đầu

- *Nghi ẩm phước :*

Nghi ẩm phước giống như nghi lễ thụ tô ở miền Bắc. Sau khi dâng lễ vật lên Thần, Thần dự hưởng rồi, các ông chánh tế, bồi tế, đông hiến, tây hiến được thừa hưởng, nên ai cắt cử tế lễ là một điều hãnh diện cho họ. Nghi lễ như sau:

Ẩm phước tựu vị : Đông hiến, tây hiến vào quì chung một chiếu với chánh tế, bồi tế trước bàn Hội đồng ngoại.

Tứ phước thọ : Lễ sinh vào bàn thờ Thần trong chánh điện tiếp lấy rượu trà đem xuống bàn Hội đồng ngoại.

Nghệ ẩm phước sở : Lễ sinh đặt lễ vật đặt tế lên bàn thờ Hội đồng ngoại.

Giai quị : Mọi người quì xuống.

Ẩm phước : Mỗi người bưng lấy ly rượu uống, trong khi đó các cô đào thài đứng sau quạt cho các vị này và thài bài sau đây:

Ẩm phước thọ, thọ ân dư thần thánh
Ẩm phước này khỏe mạnh dưới trên
Rày đà chung cuộc tế đền
Kính dâng bốn chữ "Minh minh thọ trường"

Phủ phục hưng bình thân : Mọi người đứng dậy

Nghinh thần
cúc cung bái : Mọi người đứng dậy lạy Thần 1 lạy

Hưng bái (ba lần) : Lạy thêm ba lạy nữa.

Hưng bình thân : Đứng dậy.

Nghi đốt văn tế :

Heo và bò cúng Thần ở đình Khánh Diên (Hóc Môn - Tp. Hồ Chí Minh)

Các lễ vật cúng Thần trong Lễ Kỳ yên (đình Nhơn Hòa Q1 - TP. Hồ Chí Minh)

Lễ cầu an

Lễ thỉnh sắc (đình Hưng Phú - Q8, TP. Hồ Chí Minh)

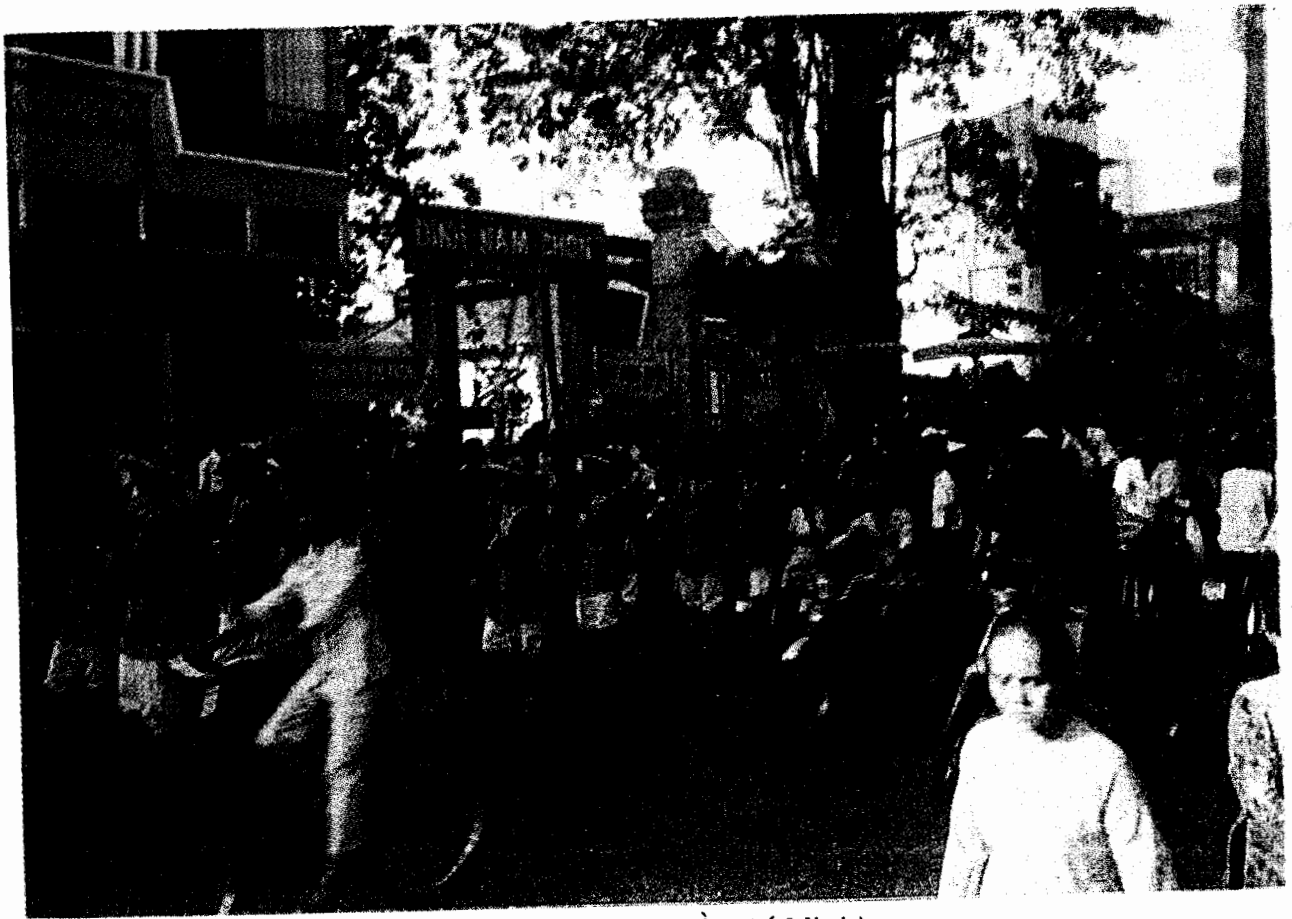

Lễ Nghinh thần (đình Nam Chơn, Q1 - Tp. Hồ Chí Minh)

Lễ xây chầu

Lễ Đại Bội : Tam hiền

Hát bội (đình Nam Chơn, Q1 - TP. Hồ Chí Minh)

Cầm chầu (đình Nhơn Hòa, Q1 - TP. Hồ Chí Minh)

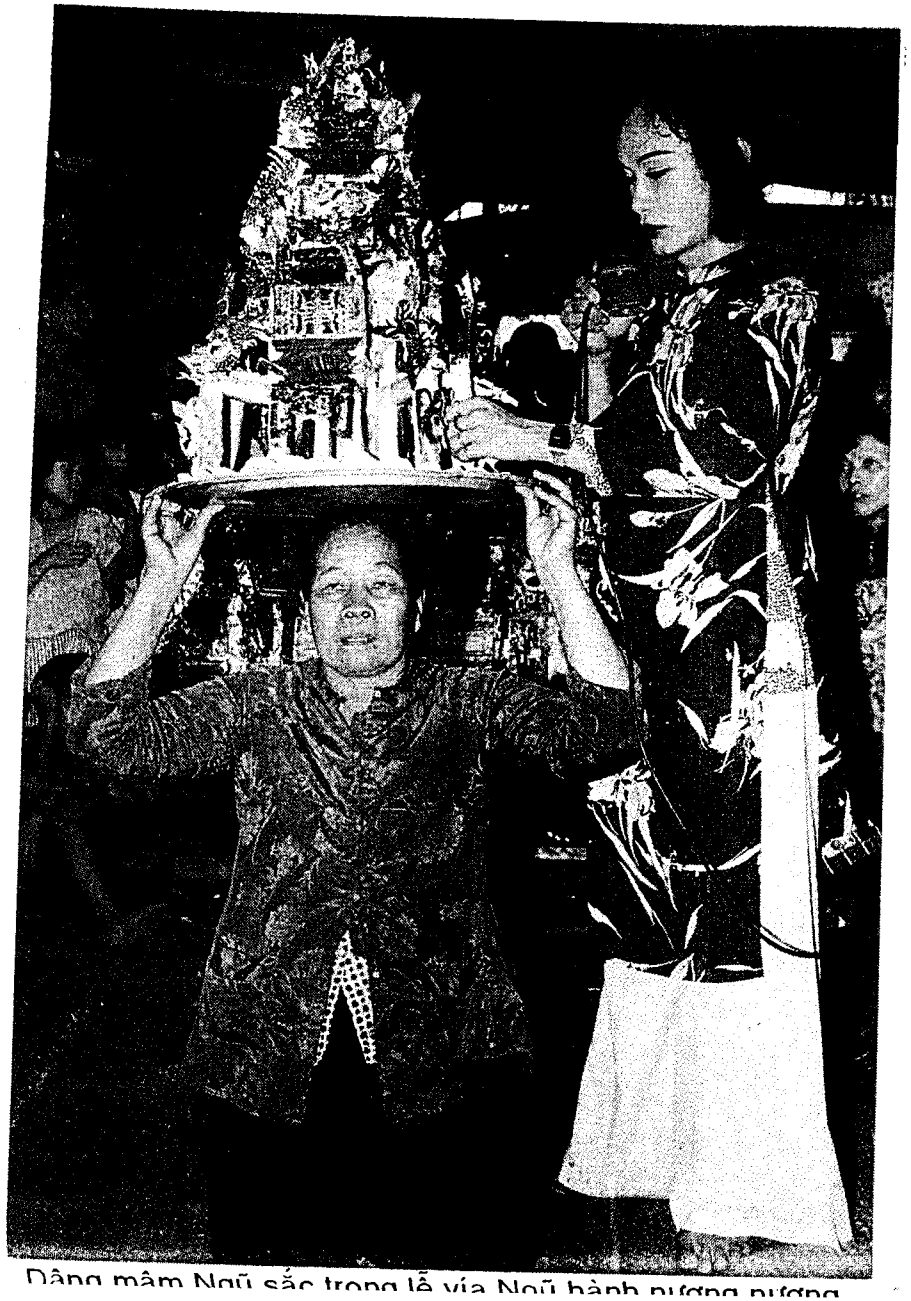

Dâng mâm Ngũ sắc trong lễ vía Ngũ hành nương nương

Hát "Địa Nàng" trong lễ vía Ngũ hành nương nương

Lễ tế Tiền Hiền, Hậu hiền (đình Nhơn Hòa Q1 - TP. Hồ Chí Minh)

Đãi khách trong Lễ Kỳ yên (đình Nhơn Hòa Q1 - TP. Hồ Chí Minh)

Dàn nhạc lễ ngũ âm

Học trò lễ và đào thải

Nghệ phần chúc sở	: Lễ sinh lấy văn tế từ bàn Hội đồng ngoại xuống.
Phần chúc	: Đốt văn tế với giấy bạc đại.
Lễ tất (có nơi xướng là *Lễ thành*)	: Lễ tế chấm dứt. Chánh tế, bồi tế lạy Thần một lạy rồi xuống trước, lễ sinh lạy Thần một lạy rồi xuống sau. Chấm dứt lễ Túc yết.

LỄ ĐOÀN CẢ

Sách *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của chép rằng Đoàn cả là "chính lễ tế Thần nhằm ngày thứ hai của phép Kỳ yên rồi qua ngày sau thì *Đoàn cả*" (T.I, tr.88). Điều cần chú ý là chi tiết "qua ngày thứ hai" có nghĩa là đúng 0 giờ thì bắt đầu cử hành lễ Đoàn cả. Trong thực tế, trải qua thời gian chiến tranh, cổ lệ này đã thay đổi. Nay một số đình lại trở lại cổ lệ này. Tục lệ này có lẽ bắt nguồn từ quan niệm dịch lý: lúc 0 giờ âm đã lão, và dương khởi, tức mọi điều tốt nói chung nãy sinh.

Sắp đến giờ, các thành viên thuộc ban tế tự mặc áo thụng (áo rộng), đội khăn xếp, mang giày đứng sắp hàng ở hai bên võ ca. Xong đâu đấy ba hồi chiêng trống khởi lên và lễ sinh bắt đầu xướng các nghi thức tuần tự giống y như các nghi của lễ *Túc yết*. Duy chỉ khác một câu ở nghi ẩm phước:

- *Lễ Túc yết* xướng "Nghinh thần cúc cung bái".
- *Lễ Đoàn cả* đổi thành "Tạ thần cúc cung bái".

LỄ TIỀN HIỀN HẬU HIỀN

Đây là nghi lễ tế các vị tiền nhân đã có công lập làng, lập đình. Có đình tiến hành lễ này ngay sau khi lễ Đoàn cả chấm dứt, nhưng cũng có đình để sang ngày thứ ba mới tiến hành làm lễ tế tiền hiền hậu hiền. Tất cả hầu như phụ thuộc vào tập quán của địa phương, cũng như lệ thuộc vào nguồn kinh phí tổ chức lễ Kỳ yên có dồi dào hay không.

Điều đặc biệt trong lễ tiền hiền hậu hiền, ban nhạc lễ, tuy vẫn cử nhạc theo điệu Nhịp Bụa (khi lễ sinh lên dâng lễ vật thì bình thường, lúc trở về thì Nhịp Bụa nhanh) nhưng hoàn toàn mang *hơi Ai*, khác với lễ Túc yết và lễ Đoàn cả thì hoàn toàn mang *hơi Xuân*.

Sau đây là tuần tự các nghi trong lễ tiền hiền hậu hiền:

Lễ sinh xướng	*Ban tế tự thực hiện*
Khởi thái bình,	
minh chinh đại cổ	: Các chấp sự đánh ba hồi mõ, ba hồi chiêng, ba hồi trống.
Nhạc sinh khởi nhạc	: Ban nhạc lễ tấu nhạc.
Niệm chủ tựu vị	: Chánh niệm hương đến trước bàn

Quán tẩy : Chánh niệm hương đến thau nước rửa mặt, rồi trở lại trước bàn thờ Tiền hiền Hậu hiền.

Cẩn niệm chơn hương : Chánh niệm hương cầm ba nén nhang đã đốt đưa lên ngang trán khấn nguyện.

Thượng hương : Chánh niệm hương trao ba nén nhang cho lễ sinh dâng lên bàn thờ tiền hiền hậu hiền.

Phủ phục hưng bình thân : Chánh niệm hương đứng lên.

Hưng bái (ba lần) : Chánh niệm hương lạy ba lạy.

Thiểu thối : Chánh niệm hương đứng lên, lùi ra.

Chánh tế tựu vị : Chánh tế bước vào trước bàn thờ.

Phụ đông phụ tây tựu vị : Vị bên trái bên phải phụ tế bước vào trước bàn thờ.

Quán tẩy : Lễ sinh đưa chánh tế, hai phụ tế đến thau nước rửa mặt, xong trở lại bàn.

Châm tửu : Chánh tế rót rượu vào ba chung.

Phủ phục hưng bình thân : Chánh tế và hai phụ tế đứng dậy.

Hưng bái (ba lần) : Lạy ba lạy.

Hưng bình thân : Chánh tế và hai phụ tế đứng lên.

Thiểu thối : Chánh tế và hai phụ tế lùi ra.

Bổn thôn nam nữ đồng kính bái : Bà con trai gái trong làng vào lạy.

Phục vị : Chánh tế và hai phụ tế trở lại vị trí trước bàn tiền hiền và hậu hiền.

Giai quị : Chánh tế và hai phụ tế cùng quì xuống.

Châm tửu : Chánh tế rót thêm rượu vào ba chung.

Phủ phục hưng bình thân : Mọi người đứng lên.

Nghệ độc chúc vị : Lễ sinh bưng chúc văn đến trước hương án, cùng đi có thầy lễ.

Giai quị : Mọi người cùng quì xuống.

Độc chúc : Thầy lễ đọc văn tế, học trò lễ bưng đèn quì một bên.

Chuyển chúc : Thầy lễ trao bản chúc văn cho chánh tế lạy một lạy,

sau đó chuyển cho lễ sinh bưng lên hương án tiền hiền hậu hiền.

Hưng bình thân : Mọi người đứng lên.

Hưng bái (ba lần) : Chánh tế và hai phụ tế lạy ba lạy.

Hưng bình thân : Mọi người đứng lên.

Giai quị : Mọi người cùng qùi xuống.

Châm tửu : Chánh tế rót thêm rượu dâng lên hương án tiền hiền hậu hiền.

Phủ phục hưng bình thân : Mọi người đứng lên.

Hưng bái (ba lần) : Chánh tế và hai phụ tế lạy ba lạy.

Hưng bình thân : Mọi người đứng lên.

Hiến quả phẩm : Học trò lễ dâng trái cây lên hương án tiền hiền hậu hiền.

Hiến bỉnh : Học trò lễ dâng bánh lên bàn thờ tiền hiền hậu hiền.

Điểm trà : Học trò lễ rót nước trà vào các ly trên bàn thờ tiền hiền hậu hiền.

Phủ phục hưng bái : Mọi người lạy ba lạy. (ba lần)

Hưng bình thân : Mọi người đứng lên.

Phần chúc : Học trò lễ mang văn tế từ hương án tiền hiền hậu hiền

xuống và đốt văn tế kèm giấy bạc đại.

Lễ thành

(có nơi xướng là *Lễ tất*) : Chánh tế và hai phụ tế là tiền hiền hậu hiền thêm lạy. Lễ sinh cũng vào lạy một lạy. Lễ chấm dứt.

3. Các nghi lễ khác trong Lễ Kỳ yên :

Đình là một dạng thức tín ngưỡng truyền thống, l theo nghĩa là chính thống của nhà nước phong kiến vậy nghi thức cúng tế của nó có những qui phạm ngh túc. Nghi thức cúng đình đồng dạng với nghi thức cún của nhà nước phong kiến ở kinh đô Huế cũng như các phạm cúng tế ở các tỉnh thành dưới chế độ quân chủ. nhiên, đình ở làng cũng theo hương tục mà gia giảm, nhận các nghi thức cúng lễ của các tôn giáo khác Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Đặc biệt đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, chế độ phong kiến bị tiêu thì ông Thần Thành hoàng tuy vẫn còn duy nhưng các qui phạm cúng tế không được "luật pl phong kiến bảo đảm cho như trước, nên tín ngưỡng trư thống này cũng rơi xuống gần với tín ngưỡng dân g Các nữ thần đủ thứ và ông Quan Thánh đế quân tiến sân rồi vào trong chánh điện mà "đồng địa phối hư chớ không phải "đồng lai phối hưởng" việc cúng tế của chúng. Chánh quyền thực dân ban hành nghị định xó quyền tự trị làng xã bằng cách tách Hội hương ra khỏi

Mặt khác, quá trình đô thị hóa cũng khiến cho một số làng xã truyền thống biến đổi, cơ cấu dân cư xáo trộn, làm cho đình làng thành đình hội mà các thành viên của nó là dân tứ xứ. Do vậy các tập tục cúng tế và thờ tự từ quê hương bản quán của họ cũng được đưa vào làm biến đổi nghi thức truyền thống ít nhiều. Mặt khác, trong thời kỳ thuộc địa, địa vị phụ nữ cũng được thăng tiến hơn trước, do vậy việc thờ các nữ thần cũng phát triển về qui mô. Tuy miếu Bà nằm trong khuôn viên đình (có nơi thờ trong chánh điện) song các quí bà tổ chức lễ vía cũng thịnh soạn không kém việc cúng tế cho ông Thần Thành hoàng của quí ông. Uy thế của Thần Thành hoàng xuống cấp, bị chia xẻ quyền lực một phần, thậm chí phổ biến là uy linh của miếu Bà thiêng hơn ông Thần ở đình... Tất cả những điều này đã dẫn đến đình trở thành trú sở của chư vị Thần, Thánh, Phật, Bồ tát. Do vậy nên nghi thức cúng tế làm sao không thay đổi để có thể thể tất cho tất cả chư vị đang trú chung dưới một cơ sở tín ngưỡng như vậy.

Ở đây chỉ trình bày một vài nghi lễ phụ trong Lễ Kỳ yên phổ biến trong đại đa số các đình ở Nam bộ.

a. Nghi tụng kinh cầu an :

Vốn là nghi thức Phật giáo phổ biến trong nhà chùa cũng như trong các tín đồ tôn giáo này. Nghi thức này hội nhập vào đình miếu với chức năng cầu xin chư Phật và cả thần thánh ban cho dân làng sự an lành. Điều này thể hiện ở việc bày hình Phật Bà Quan Âm trên bàn thờ để

hành lễ: niệm hương tán Phật, tụng kinh phổ môn ... đọc sớ và đốt sớ gởi cho chư Phật và Ngọc hoàng.

b. Nghi lễ rước Tổ hát bội

Ngày trước, sáng hôm chuẩn bị làm lễ túc yết, trước khi đi thỉnh sắc thần về đình, thường thường các đình làng Nam bộ phải làm lễ rước Tổ hát bội.

Khi gánh hát bội đã đến trước cổng đình, trước hết là ban trống tựu chầu, gồm một hồi trống, lợi hai roi do các hội viên đình đảm trách. Về phía gánh hát bội thì "án binh bất động", lên nhang đèn ở ngai Tổ (được mang theo cùng với các trang bị và nghệ sĩ) chờ hội đình làm lễ rước. Các ông bầu, ông nhưng, ông biện tuồng trang phục áo dài khăn đóng chỉnh tề. Còn về phía đình, sau khi ban trống tựu chầu, ba ông đại diện Hội hương đình trang phục áo dài khăn đóng, bưng một cái khay có đặt trầu, rượu, nhang, đèn và tiền lễ (trước kia là 1,2 đồng) cùng với bốn quân hầu trang phục theo xưa cầm bốn món lỗ bộ và ban nhạc bát cấu ra tận cổng đình để rước ngai Tổ hát bội vào đình. Các điệu nhạc vui rộn rã được cử lên để rước, nhưng đặc biệt nhất là có nghệ nhân đánh một bài trống rất hùng hồn, đặc biệt để rước Tổ hát bội. (Ông Văn Long, hiện giảng dạy môn trống tại trường Nghệ thuật sân khấu 2 ở thành phố Hồ Chí Minh, là một trong số ít người còn giữ được bài trống rước Tổ hát bội).

Ba ông đại diện Hội hương đình ra tới cổng, trao khay lễ vật cho ba ông đại diện gánh hát. Các ông này tiếp lấy và sau đó tất cả cùng đưa ngai thờ Tổ hát bội vào đình,

tọa vị sau sân khấu của võ ca đình. Đó là ba tượng được tạc bằng gỗ vông, mặc trang phục và đội khăn màu vàng hay màu đỏ, cùng ngồi trên cái ngai cũng làm bằng gỗ vông.

Khi ngai thờ Tổ hát bội an vị rồi thì gánh hát bội mới bắt đầu mang toàn bộ "đồ nghề" vào đình, để trang bị khu vực sân khấu sẵn sàng cho đêm hát chầu đầu tiên. Còn hội đình thì bắt đầu làm lễ thỉnh sắc thần, nếu sắc thần không cất giữ tại đình.

c. Nghi thỉnh sắc và hồi sắc :

Nghi lễ thỉnh sắc là nhằm rước sắc thần từ nơi cất giữ sắc về đình, diễn ra trong buổi sáng sớm ngày đầu của lễ Kỳ yên.

Sắc Thần Thành hoàng ở đình làng Nam bộ đều do nhà Nguyễn cấp. Một số ít làng cổ có sắc của vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và một vài đình có sắc của vua Duy Tân, Đồng Khánh, Khải Định và Bảo Đại. Đại đa số sắc Thần ở Nam bộ là sắc phong năm Tự Đức ngũ·niên (1852). Năm này vua Tự Đức đã cấp một loạt 13.069 sắc thần cho cả nước (xem *Đại Nam thực lục*, bản dịch của Nxb Khoa học xã hội, tập XXVII, tr.132), nhằm mục đích chính trị: xác lập chủ quyền của nhà nước Đại Nam trên các vùng đất đai chưa có Thần Thành hoàng, đại diện của Thiên tử, trước nguy cơ xâm lược của bọn Tây Dương. Ý nghĩa chính trị của việc làm này hết sức to lớn và mặt khác, đã làm cho việc thờ tự ở đình làng Nam bộ trở nên chính thức hơn, củng cố vững chắc thêm một bước. Tuy

nhiên, cũng cần thấy rõ là Thần được sắc phong nhất loạt này hầu hết chỉ có danh hiệu mà không có danh tính, lý lịch , thần tích gì cụ thể cả. Do vậy Thần Thành hoàng ở Nam bộ đa số là Thần ý niệm và tính chất "hữu danh vô thực" ấy khiến cho tín ngưỡng đình trở nên thống nhất nhau và không mấy đình có hèm, có hương tục gì đặc biệt mấy. Đây là một trong những đặc điểm quan trọng của đình, của tục thờ Thần Thành hoàng ở Nam bộ. Mặc dầu vậy sắc Thần vẫn được coi trọng, bởi lẽ, việc khẩn hoang lập làng thời trước luôn luôn có yêu cầu được nhà nước phong kiến công nhận. Việc cấp sắc cho Thần Thành hoàng là một sự công nhận có tính chất chính thức của nhà vua : đất làng đã là một bộ phận của "quốc vương thủy thổ". Mặt khác, khi Nam kỳ trở thành thuộc địa thì cựu trào là khái niệm có ý nghĩa biểu trưng cho tổ quốc, cho cố quốc. Sắc thần do vua phong là di tích quí báu mà những người có lòng yêu nước cố gìn giữ như một nổ lực bảo vệ truyền thống. Sắc thần lại trở nên bảo vật thiêng liêng. Từ đó mà có tệ ăn cắp sắc Thần và do đó sắc thần phải được bảo quản chặt chẽ: một là cất giữ ở nhà việc, nơi thường xuyên có canh gác, hoặc giao cho một người có uy tín giữ, có thể là vị Hương Cả hay cử một vị làm thủ sắc để giữ sắc thần tại nhà mà không để sắc ở đình -một nơi công cộng lắm kẻ vào ra tuỳ tiện như lời tục thường nói "ăn quán ngủ đình". Do vậy, mỗi dịp cúng Kỳ yên đều có nghi thức *Thỉnh sắc* và sau đó, lại có nghi thức *Hồi sắc*.

Nghi *Thỉnh sắc* mở đầu bằng một hồi trống để báo cho dân làng biết mà đến, để đi thỉnh sắc, đồng thời cũng báo

cho dân chúng ở hai bên con đường mà đám rước đi qua chuẩn bị hương án trước nhà để cung nghinh sắc thần. Lệ này nay đã giảm, nhưng vẫn còn ở một vài nơi.

Nghi trượng Thỉnh sắc là nghi trượng của quan đại thần, hay võ tướng - tùy theo quan niệm "gốc gác" của Thần Thành hoàng ở mỗi làng.

Khi dân đã tụ họp đông đủ, ba hồi chiêng trống dóng lên, kế tiếp là tràng pháo nổ báo hiệu sắp xuất phát. Thường sau này, đi đầu đám rước là đội múa lân. Lân biểu thị cho sự thái bình. Sau đội lân là cờ thêu chữ "Lệnh" và đại kỳ thêu bốn chữ "Thần ân bảo hộ". Kế đó là trống lệnh, chiếc trống ban mệnh lệnh khởi sự việc tế tự cũng như việc xuất phát của đám rước. Trên đường đi, tiếng trống lệnh có chức năng báo nghiêm, tức báo cho mọi người phải im lặng, giữ cho việc hành lễ trang nghiêm, tránh việc xô bồ mất trật tự.

Sau trống lệnh là đại cổ và minh chinh được khiêng đi song song nhau. Chiêng trống dóng ba tiếng một suốt trên đường đi thỉnh sắc liên tục không lúc nào ngừng.

Một số đình có thêm ban nhạc Quảng Đông đi sau chiêng trống. Dàn nhạc Quảng này đi đâu có kiệu Võ Tòng và sau kiệu là mười nhạc công. Sau dàn nhạc Quảng là các chấp kích viên cầm lổ bộ, đôi khi lại có cả bát bửu chia làm hai hàng như đội lính hộ vệ. Các mục kế tiếp là : một cờ tướng, một cờ soái, võng đào, tủ đựng áo mão. Sau võng đào là bốn học trò lễ cầm nến (gọi là cặp đăng). Kế đó là hai chức việc trong làng: một ông cầm ấn, kiếm của Thần và ông kia bưng giàn lổ bộ nhỏ.

Cuối đám rước là l*ong đình* (còn gọi là *bá đình*). Đây là ngôi đình thu nhỏ, thường làm bằng gỗ, chạm trổ và sơn son thếp vàng. Sắc Thần sẽ được để vào đây qua một cửa nhỏ ở bên hông, để rước về đình. Long đình đặt trên bàn do bốn người ăn mặc như lính hầu khiêng kiệu. Khi đi thỉnh sắc, bày biện lễ vật trước long đình gồm: cặp chân đèn cầy, bột bát trầm hương, một con vịt quay, ba ly rượu, ba miếng trầu. Bốn góc long đình có bốn lọng vàng, chóp thếp vàng, mỗi lọng có 20 bông bèo nếu là thượng đẳng thần, thần trung đẳng dùng bốn lọng vàng 16 bông bèo, thần hạ đẳng bốn lọng xanh với 12 bông bèo. Chú ý lệ xưa tàn chỉ cho riêng vua chúa, thánh thần. Song thực tế, lệ này không được tuân thủ nghiêm túc.

Sau long đình là những người [illegible]ường là các vị chức việc, hay thành viên của hội đình. Đặc biệt, ngày trước phụ nữ không được dự vào lễ này. Cuối cùng đôi khi là đội múa lân.

Khi đám rước đến nơi giữ sắc thần thì các vị chức việc vào tế một tuần hương, ba tuần rượu, đọc một bài văn tế (hay khấn cũng được), gọi là lòng văn nghinh, rồi vị chức việc đứng đầu bưng hộp đựng sắc trao cho chánh hội (hay chánh ban quí tế...) để ông đem ra đặt vào long đình để đưa sắc về đình.

Đến đình, cử hành nghi thức an vị tế một tuần hương, ba tuần rượu và một tuần trà. Sau lễ này, các chức việc dâng hương ra mắt thần theo sự chỉ đạo của lễ sinh xướng. Trong thời gian sắc thần để ở đình, dân chúng đến

lễ bái và dâng hoa quả, bánh trái cũng như tiền bạc góp phần tài chánh cho việc tế lễ Kỳ yên. Các miếu, đền quanh vùng phải cử người đến lễ bái thần - gọi là *tấn hương*.

Một số làng, lễ thỉnh sắc xong lại tổ chức lễ nghinh : khiêng kiệu đến các đền, miếu trong làng làm lễ thỉnh tất cả chư vị thần thánh trong vùng về đình dự lễ Kỳ yên. Ở những đền, miếu này, sau khi dâng hương, khấn lời cung thỉnh, chủ lễ rước vùa hương để lên kiệu đem về đình. Tất cả vùa hương đặt ở một hương án thiết lập ngoài sân đình, có nơi đưa vào bàn thờ Hội đồng ngoại. Lễ xong, lại cửa hành lễ hồi, tức đưa các vùa hương của chư vị trở lại nơi đền miếu cũ.

Tương tự, lễ thỉnh sắc cũng có lễ hồi sắc khi cuộc lễ Kỳ yên đã mãn.

Sắc thần được để tại đình ba ngày lễ và đến chiều ngày cuối cùng lại đưa sắc thần về nơi cất giữ gọi là lễ *Hồi sắc*.

Nghi hồi sắc : tế một tuần hương, ba tuần rượu, một tuần trà, đọc một bài văn tế gọi là lòng văn tống.

Nghi trượng hồi sắc giống như nghi trượng thỉnh sắc nhưng không có đoàn múa lân và dân làng đi hồi sắc cũng ít hơn.

Khi sắc tới nơi cất giữ cũ lại cử hành lễ an vị: một tuần hương, ba tuần rượu, một tuần trà. Sau đó đám rước tự giải tán để hôm sau cử hành nghi lễ cúng đưa khách, nếu có.

d. Lễ xây chầu :

Lễ xây chầu đôi khi còn được gọi là khai tràng (tràng: trường) là một trong những nghi long trọng trong ngày lễ Kỳ yên. Lễ này được diễn ra tại tất cả các đình.

Nghi lễ này diễn ra sau khi tế Đoàn cả, nhưng không phải là nghi lễ tái diễn hàng năm. Có nhiều đình đáo lệ ba năm mới cử hành lễ xây chầu một lần.

Về nghi thức cử hành lễ xây chầu, có thể chia làm ba loại: xây chầu văn, xây chầu võ, xây chầu bán văn bán võ. Thực ra, xây chầu văn và xây chầu bán văn bán võ không khác nhau lắm. Xây chầu văn là các câu được đọc thầm trong miệng, xây chầu bán văn bán võ là các câu chú được đọc lớn, oai nghi, dõng dạc.

Riêng về lễ xây chầu võ là khác hẳn hai hình thức trên. Người ta gọi là xây chầu võ vì các cử chỉ, cách ăn mặc, lối đọc các câu chú được biểu lộ một cách dũng mãnh như một võ sĩ. Xây chầu võ rất hiếm, vì đòi hỏi những qui cách nghiêm nhặt khó tránh được sai sót. Trong khi đó, sự sai sót lại được xác tín sẽ đem lại điều xấu, sự bất an cho làng xã.

Các câu chú trong các bài xây chầu có đôi chút khác nhau tại mỗi nơi, nhưng có điểm chung là các câu chú và các câu cầu nguyện đều để trấn áp tà ma và cầu nguyện cho làng xã bình yên.

Về quần áo, người xây chầu võ mặc áo rộng, khăn đen, quần trắng túm ống bằng hai miếng vải đỏ. Chân đi vớ trắng.

Chấp sự viên xây chầu đến trước bàn thờ thần khấn nguyện dâng một tuần hương, ba tuần rượu, một tuần trà, lễ bốn lễ ba vái rồi lấy vạt áo trước vắt lên vai hô to: "Phụng linh" có nghĩa là tuân theo linh thần. Sau đó lấy gươm gọi là gươm lịnh đeo vào vai, thỉnh roi chầu được đặt tại bàn thờ thần.

Từ bàn thờ thần ra sân khấu ở võ ca, chấp sự viên vừa đi, vừa múa, điệu bộ như một võ sĩ đi quyền.

Về trống chầu, không đặt trên một cái giá mà có hai cái do bốn người khiêng đứng hai bên ông xây chầu.

Tại sân khấu, ông hô to: "Ta thừa sắc lịnh linh thần lãnh chức vụ khai tràng hanh sự". Sau đó, ông múa roi chầu. Khi ông múa, một chân hơi co lên khỏi mặt sân khấu như thế đứng "kim kê độc lập". Sau khi múa, ông bắt đầu đánh trống: Ông nghiêng mình bên này đánh một roi, rồi nghiêng đánh trống bên kia một roi. Trong khi đánh, ông cũng đọc các câu chú và lời nguyện.

Cử hành nghi lễ xây chầu theo hình thức nào cũng có ý nghĩa là cầu an, cầu quốc thái dân an. Tuy nhiên, ý nghĩa của lễ xây chầu lại bắt nguồn từ quan niệm dịch lý của nho gia: thuận đạo trời, an đạo đất và hòa đạo người, tức liên quan đến *tam tài*.

Tam tài là thiên, địa, nhân (cái lý của đạo Trời là âm dương, của đạo Đất là nhu cương và của đạo Người là nhân nghĩa).

Ba đạo này có hòa hợp được với nhau thì vạn vật trong trời đất mới hanh thông, tốt đẹp.

Quan niệm về sự sinh thành của vũ trụ của Kinh Dịch là cái lý của các nghi thức cử hành trong lễ Xây chầu. Mỗi nghi trong lễ là một biểu trưng cho từng giai đoạn trong quá trình sinh thành vũ trụ: hỗn mang, thái cực, âm dương, tứ tượng v.v... Âm dương có điều hòa thì mới có mưa thuận gió hòa để đưa tới mùa màng tươi tốt. Nếu không sinh, không hóa tức là ngưng trệ, là tiêu diệt, là không đúng với biểu hiện bản chất sinh sinh hóa hóa của vũ trụ. Nghi thức xây chầu là nhằm cái lý này.

Không phải ai cũng có thể cử hành nghi lễ Xây chầu dù biết đầy đủ nghi thức, mà còn đòi hỏi nhiều điều kiện khác, đặc biệt là tiêu chuẩn đạo đức.

Trước hết, người chấp sự lãnh xây chầu phải là người có đạo đức mới tròn đạo nhân nghĩa để hòa hợp với đạo trời, đạo đất. Thứ hai là phải biết rành nghi thức xây chầu và có "khả năng pháp thuật". Thứ ba là đã có tuổi, ít nhất là 40 hay 50 tuổi vì tuổi tác tượng trưng cho sự trường thọ và sự trường tồn của làng xã. Viên chấp sự lãnh xây chầu còn phải có con cái đông đảo, đủ trai gái, vợ của ông phải còn sống để tượng trưng cho sự đầy đủ, và ông còn phải không ở trong thời kỳ tang chế.

Trước ngày xây chầu, trống chầu phải được sơn lại, hình thái cực ở giữa mặt trống phải vẽ lại. Phải kiểm soát mặt trống và roi chầu, để tránh việc roi chầu bị gãy, da bịt mặt trống bị thủng, vì đó là điều bất tường!

Trước giờ xây chầu, người xây chầu phải đặt trống chầu theo hướng đại lợi. Hướng đại lợi là hướng tốt nhất

trong một năm. Cách lấy hướng đại lợi này, người ta căn cứ vào sự chỉ dẫn của Bát quái Sơn hương thường có sẵn trong lịch Tàu hay lịch Tam Tông Miếu ở Việt Nam.

Sau khi đặt trống chầu theo hướng đại lợi rồi, lấy khăn đỏ che mặt trống chầu. Việc che mặt trống có ý nghĩa là che thái cực, vì trước khi có thái cực thì đã có cõi u tối, hỗn mang.

Từ lúc che mặt trống, điều kiêng kỵ là không ai được xê dịch trống chầu, vì xê dịch là không đúng với định và tịnh, tức yên lặng và bất động của vô cực. Các công việc trên gọi chung là trí chầu.

Trước khi hành lễ, chấp sự viên đến trước bàn hội đồng ngoại làm lễ thỉnh chầu: Chấp sự viên, theo lời học trò lễ xướng, dâng một tuần hương, ba tuần rượu, một tuần trà, rồi thỉnh roi chầu đặt trước bàn thờ này đi theo bốn học trò lễ gồm một cặp đăng, một cặp xướng, ra sân khấu, chỗ để trống chầu.

Tại chỗ để trống chầu, chấp sự viên đốt hương khấn vái các thần linh đến chứng giám buổi lễ, đồng thời đốt lá bùa tứ tung ngũ hoành để trấn áp tà ma, sau đó lễ sinh xướng: "Định vị" thì chấp sự viên đến chỗ đặt trống chầu, mặt nhìn về hướng đại lợi.

Lễ sinh lại xướng: "Phế cân". Chấp sự viên lấy khăn khỏi mặt trống, lau sơ mặt trống rồi lấy khăn đỏ quấn vào roi chầu, để hở một đầu. Sau nghi lễ này đến phần đánh trống. Phần này chia làm hai lần gọi là đệ nhất cấp và đệ

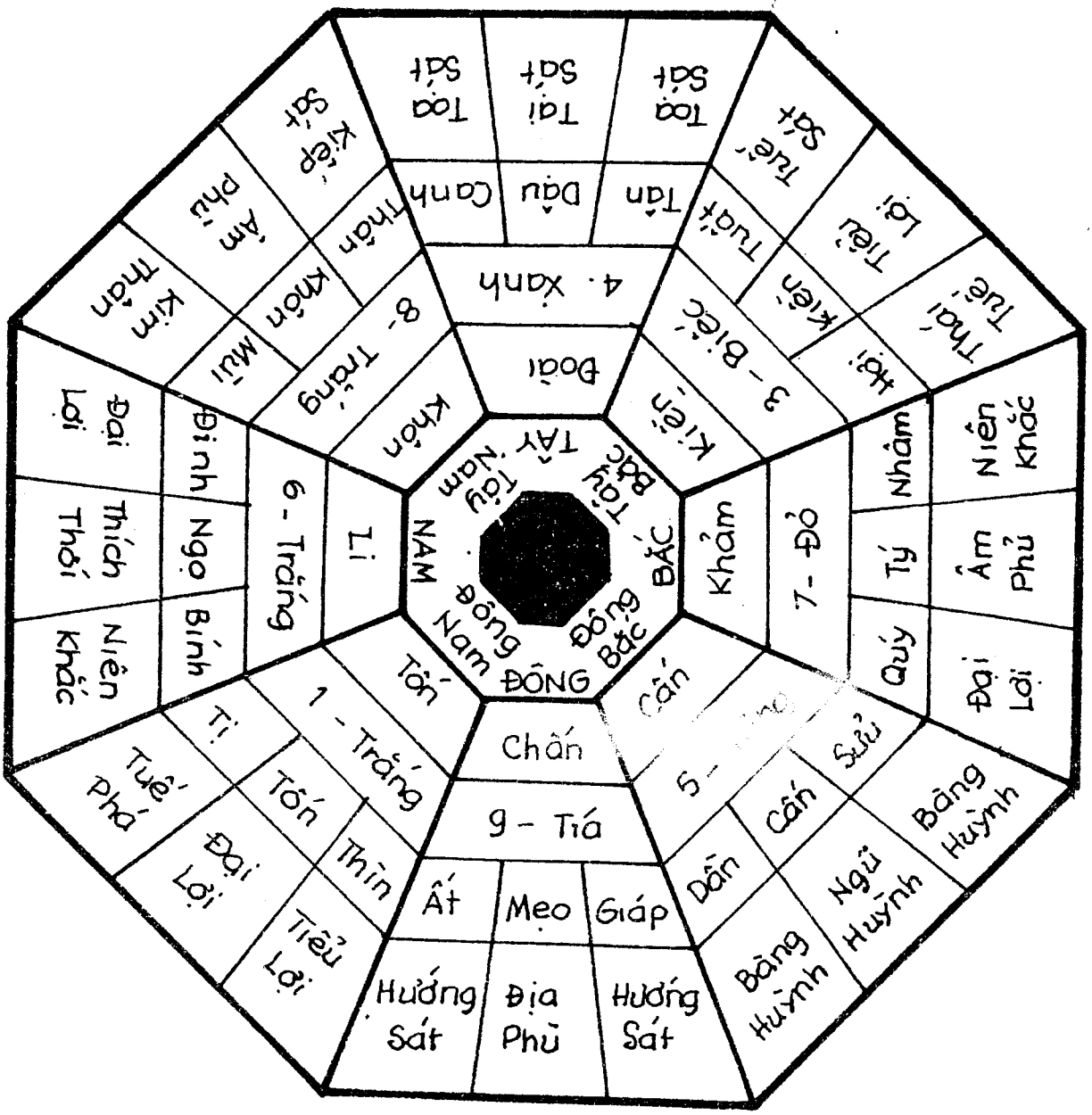

Bát Quái Sơn Hương năm Tân Hợi 1971

Hướng Đại Lợi năm 1971 là Nam và Bắc.

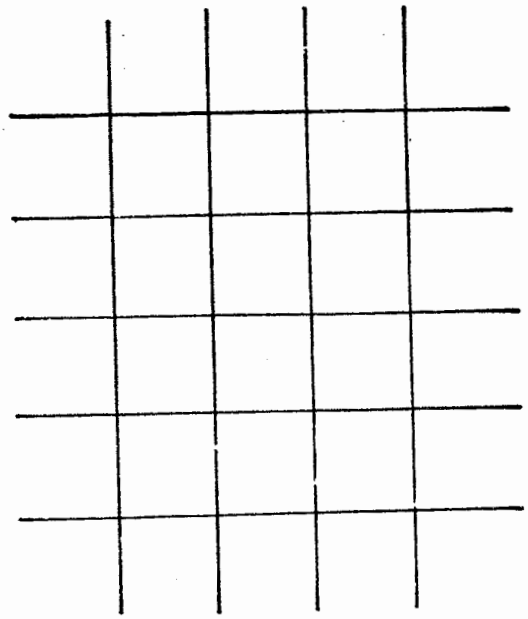

Lá bùa Tứ Tung Ngũ Hoành

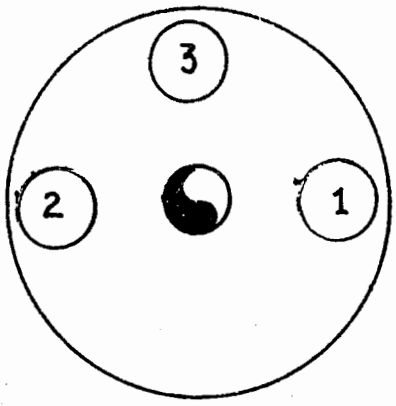

Vị trí đánh trống ở đệ nhất cấp trong Lễ xây chầu

nhị cấp. Đệ nhất cấp đánh ở ngoài bìa trống, đệ nhị cấp đánh ở giữa trống ngay hình thái cực.

Ở nghi thức đệ nhất cấp, chấp sự viên cầm roi chầu tay phải, tay trái cầm tay áo phải và ngón tay trái bấm ấm "Tý", nghĩa là cấu đầu ngón tay vào vạch đốt cuối cùng của ngón áp út. Trong khi đó, mắt người xây chầu hướng lên trời và mũi nín thở. Miệng ông niệm câu chú: "Nam mô Thái Thượng Lão Quân cấp cấp như luật lịnh".

Sau đó, người xây chầu dùng roi chầu vẽ lên không trung cách mặt trống độ 0m5 lá bùa tứ tung ngũ hoành (hình vẽ) mà họ nói là bùa của Lỗ Ban. Các nét tứ tung viết trước, ngũ hoành viết sau. Lá bùa này dùng để trấn ếm tà ma phía trên mặt trống.

Dưới ngay lá bùa tứ tung ngũ hoành, chấp sự viên cầm roi chầu viết chữ "Thịnh" có nghĩa là giàu có thịnh vượng. Viết xong, ông lùi lại ba bước viết chữ "Sát quỷ" trên sàn sân khấu. Viết xong, ông bước lên một bước đạp lên chữ "sát quỷ" và không được rời chân khỏi chữ này vì người ta cho rằng, chân rời khỏi sẽ bị quỷ ám hại.

Sau khi đặt bùa chú xong, ông bắt đầu cầu nguyện. Trước khi cầu nguyện, ông đánh nhẹ trên mặt trống theo hình vẽ...

Lần thứ nhất, gọi là nhất kích cổ, đánh nhẹ ở điểm số 1 trên mặt trống (hình vẽ) ba tiếng trống, đọc lời cầu nguyện.

Thiên hạ thái bình

Hà an xã tắc

(Có nơi đọc : *Nhất điểm, Thiên linh giáng phước*)

Lần thứ hai, gọi là nhị kích cổ, đánh ở điểm số 2 trên nặt trống (hình vẽ) cũng ba tiếng trống, đọc lời cầu nguyện "

Phong hòa võ thuận

Bá tánh an cư lạc nghiệp

(Có nơi đọc : *Nhị điểm, Địa sát trừ ương*)

Lần thứ ba, gọi là tam kích cổ, đánh nhẹ ở điểm số 3 trên mặt trống (hình vẽ) đọc lời cầu nguyện:

Lê thứ thái bình

(Có nơi đọc : Tam điểm, Thánh thần an tọa vị)

Ở đệ nhị cấp, chấp sự viên cũng đánh ba hồi trống, tiếng trống đánh mạnh, nghe lớn và đánh ở hình thái cực trên giữa mặt trống. Ý nghĩa của sự đánh mạnh ở đây có nghĩa là khai thông thái cực.

Nhưng trước khi đánh mạnh ở thái cực, chấp sự viên đánh nhẹ ở thái cực ba hồi trống, mỗi hồi ba tiếng. Hai hồi đầu đọc lời chú để trấn ếm, hồi thứ ba đọc lời cầu nguyện. Mỗi hồi này gọi là điểm cổ.

Nhất điểm cổ : đánh nhẹ ba tiếng và xướng:

Trừ Càn - Khảm (trừ sự bại, sự hư)

Nhị điểm cổ: đánh nhẹ ba tiếng và xướng:

Lập Trung Cấn Chấn (cô lập sự khóc lóc, sự chết, quỷ).

Tam điểm cổ: đánh nhẹ ba tiếng và xướng:

Tốn Ly Khôn Đoài (xin cho báu, lộc, phúc đức)

Sau đó, chấp sự viên bắt đầu đánh ba hồi trống, đánh mạnh, trước ít sau nhiều gọi là đánh "tiền bần hậu phú", có ý nghĩa cầu xin cho dân làng ngày càng giàu thịnh. Con số roi chầu, đánh trong ba hồi này, theo cổ lệ đánh là 300 roi chia làm nhất hồi 80, nhị hồi 100, tam hồi 120.

Ngày nay, tổng số roi chầu ba hồi này được bớt đi còn 36-72-108 hay 20-40-60 tuỳ theo sức khỏe của người xây chầu, vì như trên đã nói người xây chầu thường là người già cả.

Ba hồi trống này được đánh theo thể thức sau:

- Nhất hồi 20 chùy thúc (đánh mạnh) xướng câu chú:

Trừ Hung Thần Ác Sát

Sau khi xướng câu chú này rồi, chấp sự viên được bỏ chân ra khỏi chữ sát quỷ mà không [illegible] ám hại. Rời đi như vậy gọi là "hườn y trung lập" đó là chỗ đứng để phế cân.

- Nhị hồi đánh 40 chùy thúc, không xướng lời cầu nguyện hay bùa chú nào.

- Tam hồi đánh 60 chùy thúc, đánh xong đánh thêm 9 tiếng chia làm ba hồi. Mỗi hồi ba tiếng kết thúc lễ xây chầu.

Chấp sự viên theo học trò lên đặt lại roi chầu trước bàn hội đồng ngoại. Trong khi đó dàn nhạc của gánh hát bắt đầu trổi nhạc theo điệu "Song Hỉ" gọi là rước chầu để bắt đầu lễ *Đại Bội* do các đào kép gánh hát bội trình diễn.

e. Lễ Đại Bội:

Lễ xây chầu có ý nghĩa khai thông thái cực. Phần thứ hai, lễ *Đại Bội* là trình thức hóa quá trình từ thái cực,

lưỡng nghi, tam tài, tứ tượng, ngũ hành, bát quái qua các số lượng diễn viên 1-2-3-4-5-8 của mỗi tiết mục của lễ này.

Tuy biểu tượng cho thái cực, lưỡng nghi...bát quái nhưng những lời lẽ trong nghi lễ nói lên những lời cầu chúc trường thọ, phát đạt, mưa thuận gió hòa.

Nghi lễ này là những vũ điệu nghi lễ vốn có nguồn gốc từ các vũ điệu của đại lễ ở cung đình. Lễ *đại bội* có sáu lễ chính: Khai Thiên Tịch Địa, Lễ Xang Nhật Nguyệt, Lễ Tam Tài hay Chúc Thánh Chúc Thọ, Tứ Thiên Vương, Lễ Đứng Cái, Lễ Bát Tiên Hiến Thọ và một lễ phụ: Gia Quan Tấn Tước.

Xây chầu xong, trống chầu được khiêng đặt dưới sân khấu, dân làng cử ra một người cầm chầu gọi là cầm chầu đại bội để khen chê nghệ sĩ. Sau đó lần lượt đào kép diễn các lễ sau:

- *Lễ Khai Thiên Tịch Địa*: tượng trưng cho thái cực : một kép gọi là ông Bàn Cổ hóa trang mặt rằn, râu quắp đen, áo ngạch dơi, cầm bó nhang, ra múa gọi là đi điềm hương chiếu gió bốn phương trời. Lễ này chỉ có múa mà không hát.

- *Lễ Xang Nhật Nguyệt* : được giới bình dân gọi là lễ xang mặt, tượng trưng cho lưỡng nghi là âm dương. Theo kinh Dịch, âm dương giao hòa để sinh ra vạn vật. Do đó tượng trưng cho dương là một nam diễn viên mặt đỏ, áo long bào, quần giáp, chân đi hia, ra sân khấu trước, cầm dĩa tròn bọc vải đỏ tượng trưng cho dương, cho mặt trời : nhật.

Để tượng trưng yếu tố âm, một nữ diễn viên mặt trắng, áo hài, cài trâm, chân đi vớ trắng, tay cầm dĩa tròn bọc vải trắng, tượng trưng cho âm, cho mặt trăng: nguyệt.

Diễn viên nam ra trước, múa một lát rồi nữ diễn viên ra sau. Hai diễn viên múa quay mặt nhìn vào nhau, cho mặt trời, mặt trăng cầm trong tay chạm vào nhau. Bình dân gọi tắt là lễ xang mặt là do vậy. Múa như thế ba lần.

• *Lễ Tam Tài* : còn được gọi là lễ Tam Đa hay Tam Tinh. Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân. Tam Đa : đa phúc, đa lộc, đa thọ. Tam Tinh: ba ngôi sao Phúc, Lộc, Thọ. Vì ý nghĩa của lễ này là như vậy nên người ta còn gọi là lễ Chúc Thánh Chúc Thọ.

Để tượng trưng cho phúc, một nam diễn viên hóa trang thành ông già mặt trắng, râu năm chòm đen, đội mũ đẳng cân, áo viên bào, xiêm trường, quần giáp, chân đi hài, một tay bồng hài nhi, một tay cầm quạt tượng trưng cho phong cách thần tiên.

Để tượng trưng cho lộc, một diễn viên hóa trang thành ông già, mặt trắng, râu năm chòm đen, mũ bình thiên, áo dao bào, xiêm trường, quần giáp, chân đi hia, một tay cầm bình hoa, một tay cầm quạt.

Để tượng trưng cho thọ, một diễn viên hóa trang thành ông già, da đồi mồi, lông mày bạc, râu năm chòm bạc, đầu bịt khăn đỏ, áo tiên, tay rộng, mặc xiêm, quần đỏ, một tay cầm quạt, một tay cầm gậy có bầu rượu.

Ba ông này, gọi là Tam Hiền, ra một lượt, sắp hàng ngang, không có múa, chỉ có xướng, nói lối và hát khách

Khởi cổ lệnh (đánh trống lệnh)

Khơi đại cổ (đánh trống lớn)

Khởi minh chinh (đánh chiên)

Khởi thái bình (đánh mõ)

Thụ lộc (ẩm phước)

Đọc văn tế

Cửu thiên huyền nữ và Ngũ hành nương nương (đình Nhơn Hòa - Q1, TP. Hồ Chí Minh)

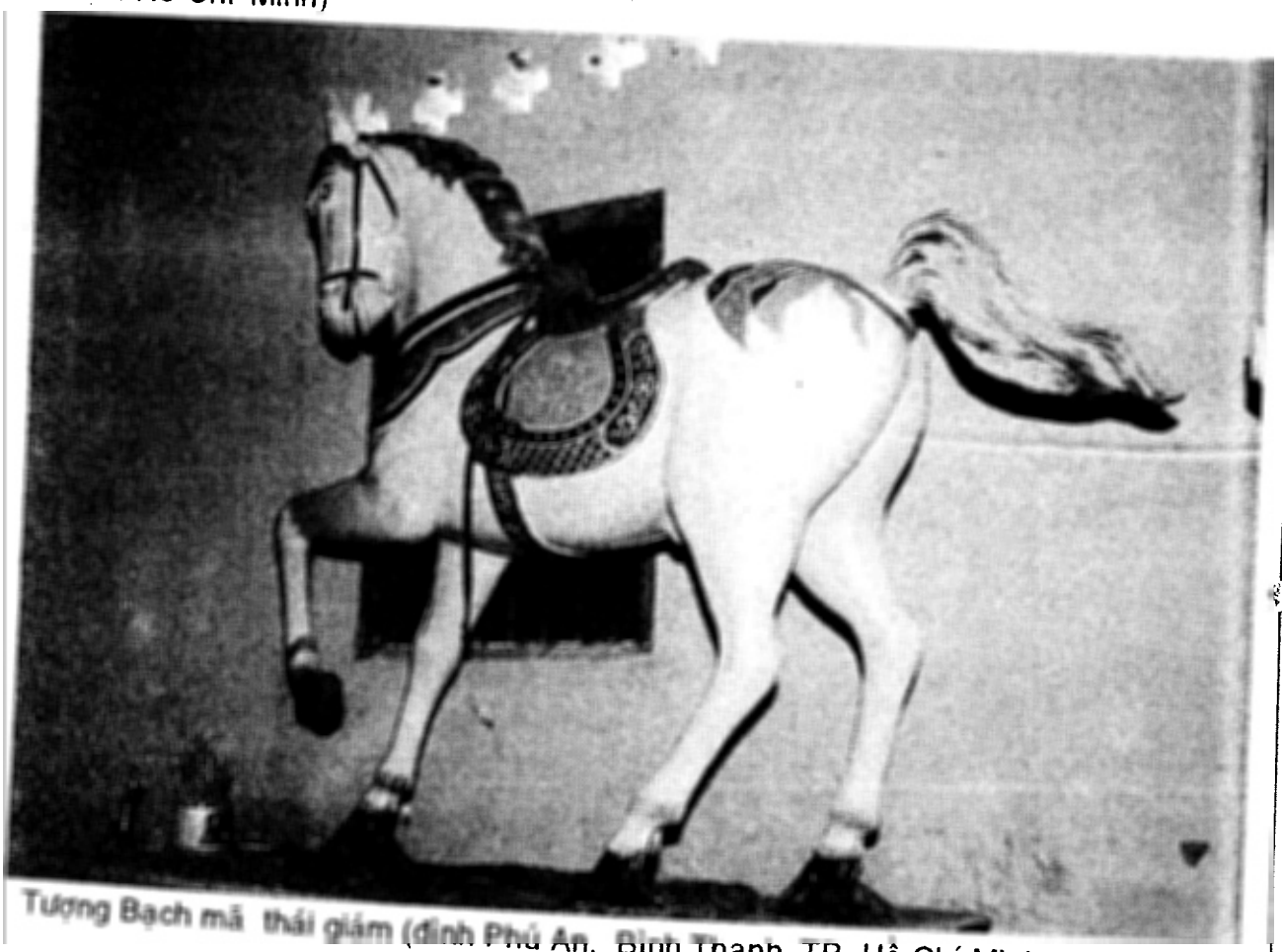

Tượng Bạch mã thái giám (đình Phú An, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh)

Bình phong "Thần hổ" (đình Nhơn Hòa, Q1, TP. Hồ Chí Minh)

Bình phong "long, hổ" ở bàn thờ Thần nông

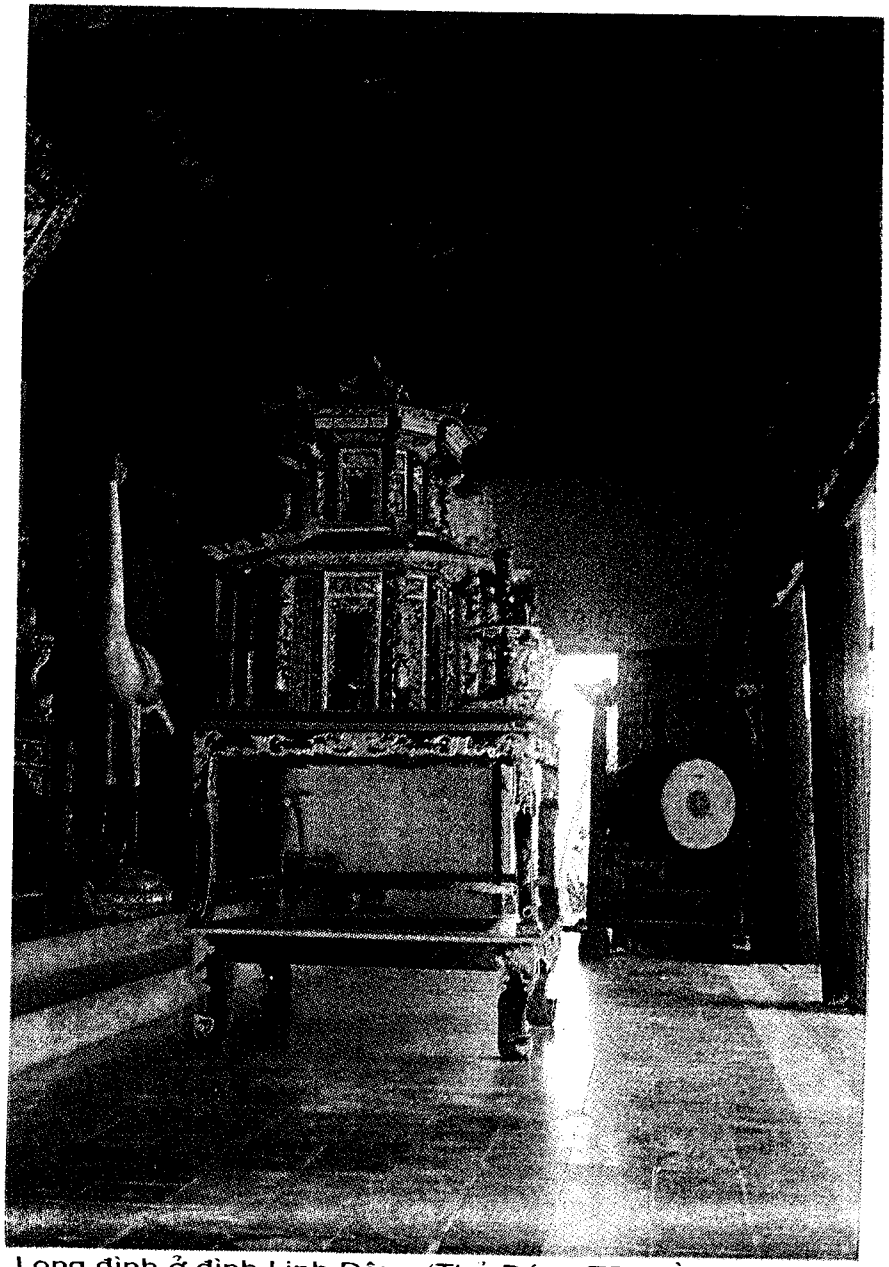

Long đình ở đình Linh Đông (Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh)

Long đình ở đình Linh Đông (Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh)

Đình Mỹ Hòa (xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh) nơi thờ 30 chí sĩ chống Phap.

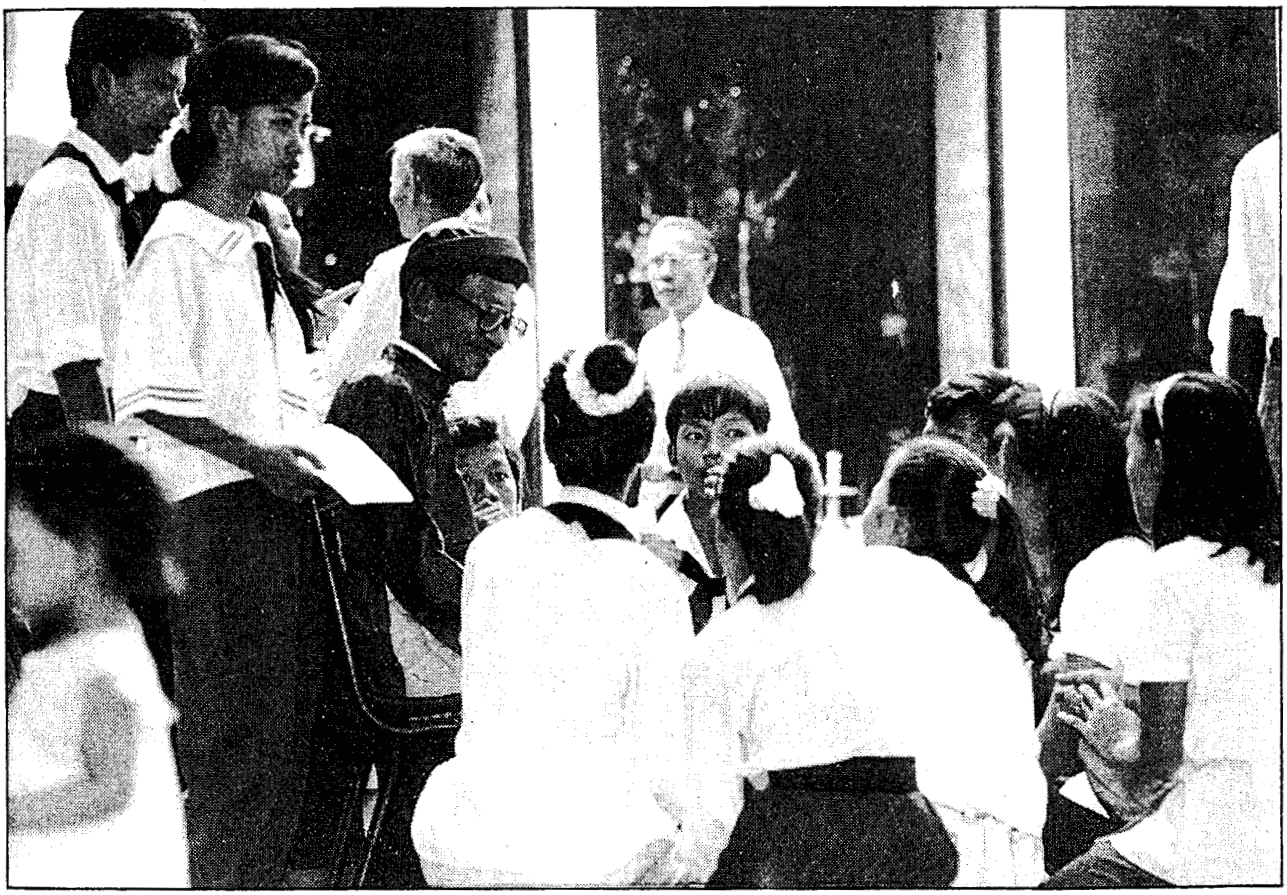

Bình phong "long hổ" ở bàn thờ Thần nông (đình Bà Lụa, Sài Gòn)

Sân đình ngày Lễ Kỳ yên (đình Nam Chơn - Q1, TP. Hồ Chí Minh)

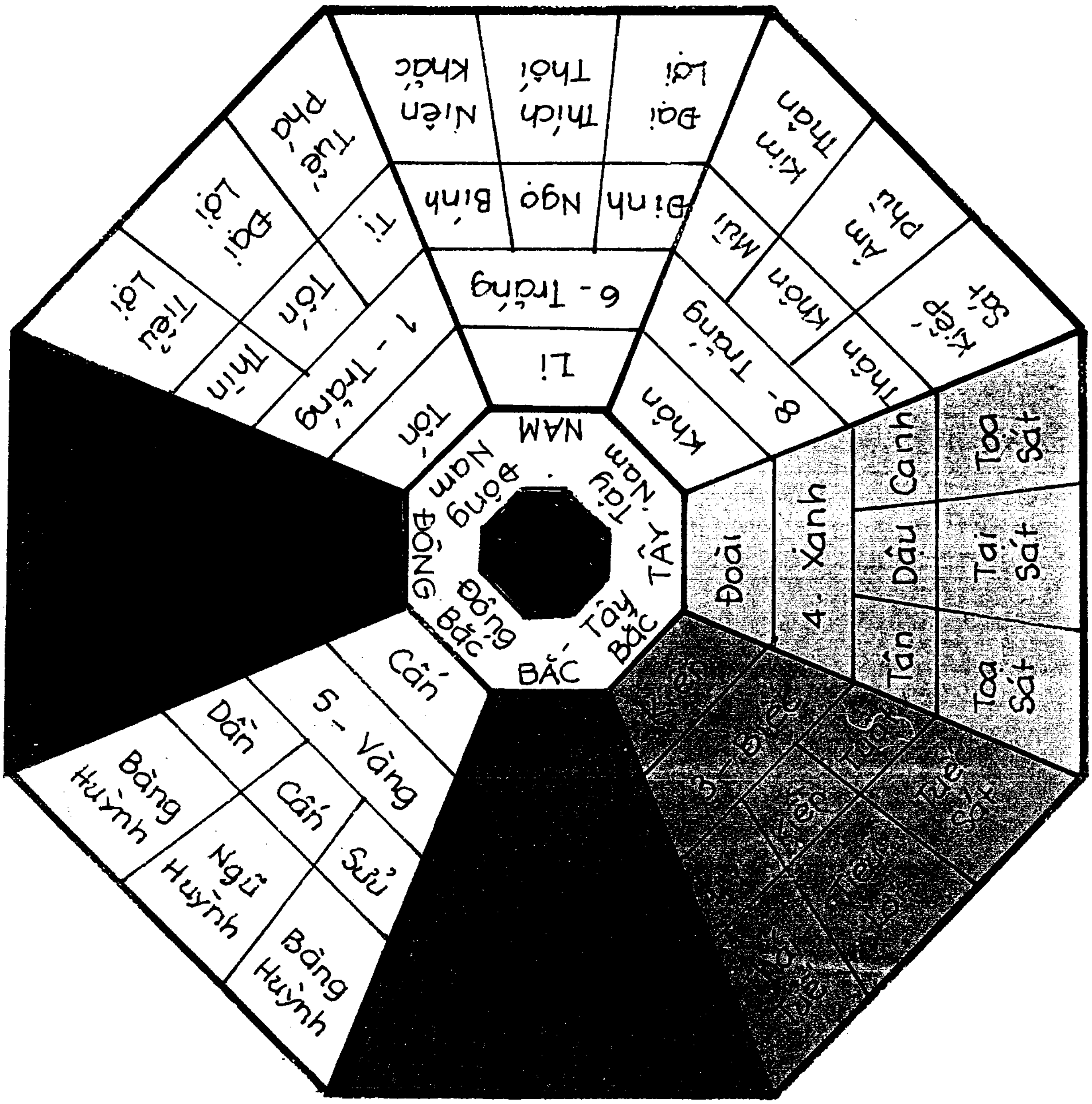

Bát Quái Sơn Hương năm Tân Hợi 1971

Hướng Đại Lợi năm 1971 là Nam và Bắc.

những câu có ý nghĩa chúc tụng những điều: phúc, lộc, thọ.

Xướng : *Vô biên kiểng hữu nhược bồng lai*
Loại thảo kỳ huê đóa đóa khai
Hoàng yến hiếu thoại phi lai khứ
Bạch diệp quy căn vạn vạn hồi

Nói lối: *Đồng nhan phối ngẫu*
Bạch phát như sương
Thọ tam tài vạn tải dư niên
Phước Lộc Thọ tam tinh thị giả
Kim hữu hương thôn khẩn đảo
Khánh nhật thọ diên
Đông Phương Sóc biến báo chư tiên
Thỉnh liệt vị đồng lai bửu tọa
Huê chi hảo gia hảo giả
Huệ thủ đồng hành đồng hành

Hát khách :

Nhân gian vĩnh phước tăng huê xứ
Thế thượng thùy nhân chiếu mãn đường
Thọ tỷ nam san phước lộc thọ, tam tinh trung tấn bửu
Nhân sanh hoè quế tràng lưu thạnh mậu tập giai tiền.

Lễ Tứ Thiên Vương tượng trưng cho tứ tượng: Thái dương, Thiếu âm, Thái âm, Thiếu dương. Tượng trưng cho

tứ tượng trong lễ này là bốn ông vua trấn bốn cửa trời, gọi là Tứ Thiên Vương.

Tứ Thiên Vương do bốn anh kép cao lớn bằng nhau thủ vai. Họ ăn mặc giống nhau: mặt trắng, đội mũ kim khôi, mình đai giáp, thắt lưng đỏ, chân đi hia, lưng đeo bốn cờ lệnh.

Tứ Thiên Vương lần lượt ra múa chung với nhau. Khi múa xong, Tứ Thiên Vương chụm lại, mặt quay bốn phương trời cùng dâng bốn câu liễn cho dân làng. Ban quản trị đình tiếp lấy bốn câu liễn này, rồi thưởng tiền cho Tứ Thiên Vương. Nội dung bốn câu liễn:

Thọ Tỷ Nam San

Thánh Thọ Vô Cương

Quốc Thái Dân An

Phúc Như Đông Hải

- *Lễ Đứng Cái* tượng trưng cho ngũ hành. Về nguồn gốc của nghi lễ này bắt nguồn từ vũ điệu ở cung đình nhà Nguyễn vì các vũ điệu *Tam Tinh Chúc Thọ, Trình Tường Tập Khánh, Bát Tiên Hiến Thọ* trong các đại lễ hoàng gia rất giống, có khi cả về lời hát, với các lễ Tam Tài, Tứ Thiên Vương, Bát Tiên ở đình làng.

Để tượng trưng cho ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, có năm diễn viên: một nam ít nhất 40, 50 tuổi gọi là Cái đứng ở giữa. Bốn nữ gọi là Con đứng bốn bên. Vì có Cái và Con nên được gọi là lễ Đứng Cái. Với giới bình dân thì cho Cái là Vua, bốn Con là bốn người vợ của vua.

Bốn con mang tên *tứ thời* hay *tứ hữu*, tượng trưng cho bốn yếu tố của ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa. Vì là con nên cùng mang tên họ với cái là Mã Viên.

Mã Xuân Mai	- áo xanh	- mùa Xuân	- Mộc
Mã Hạ Lan	- áo đỏ	- mùa Hạ	- Hỏa
Mã Thu Cúc	- áo trắng	- mùa Thu	- Kim
Mã Đông Trước	- áo tím	- mùa Đông	- Thủy

Cái mang tên là Mã Viên. Viên là vườn hoa, là đất, tượng trưng cho thổ. Hành thổ là số 5, trụ tại trung ương, nên cái tượng trưng cho thổ cũng đứng ở giữa.

Bốn Con ra trước Cái, sắp hàng ngang và thài, tức hát theo điệu chúc những câu sau đây :

Âu vàng vững đặt báu ngôi
Trên vua khai rạng, dưới tôi trung thần
Đạo quân thần là dươn (duyên) cá nước
Minh lương vầy vạn phước Tề Trang
Làu làu tiết chói Nghiêu thiên
Hây hây Thuấn nhật vua Lê trị đời
Muôn muôn năm hưởng lộc trời
Cõi Nam chống vững đời đời hưng vương
Nguyễn Vương rày đã lên ngôi
Chấp tay xũ áo ngồi trên ngai vàng
Nhà an thời nước liền an
Bá quan thâu vẹn, bốn phang (phương) phục tòng
Phá Ngụy cừu rõi công đức nhật

Vua thái bình oai đức gần xa

An dân an nước an nhà

Đã an chư tướng khoa hòa ba quân

Sau khi đào thài các câu trên, Cái (mặc áo cẩm bào, mảo Cửu Long, mặt trắng, tay cầm quạt) đi ra lạy thần ba lạy rồi hát:

Nam dựng:

Vận mở trung hưng Thuấn

Đặng ngôi báu vị Nghiêu

Nghe ba tiếng kêu "dạ, dạ, dạ"

Thần chúc cho hoàng thượng vạn vạn tuế

Kim triều hội thế

Linh ứng trình tường

Thần lục bộ đài chương

Nãi Mã Viên Hán Tử

Cái lạy thần một lạy, hát tiếp:

Giúp nên nghiệp cả trung hưng

Phước lành soi dấu đượm lành cháu con

Đức ân dầy càng thêm phước thọ

Đắp xây nền Thang Võ ngàn thu

Đền Nam thánh ứng xương kỳ

Dẹp an Bắc ngụy thâu hồi Nam kinh

Tám phương gió bụi quét thanh

Công cao khai rạng nghiệp thành trung hưng

Rồng bay cao ngự đền phuông (phong)

Mưa tuân đức Thuấn, gió hòa nhân Nghiêu
Tam đa ngưỡng chúc hoàng triều
Thần tràng kế thánh lê dân thái bình

Con hát :

Vận mở trùng ngươn, vận mở trùng ngươn
Rày mừng thấy Nam phang (phương) sanh thánh an
Dẹp phá loài Bắc dịch, khử tà quy chánh đôi nơi
Nguyễn Vương lên sửa trị, thiên hạ ca chơi thái bình
Ái lang vận mở sắc tư bề, hải yến hà thanh
Nghe thiều sang dậy tiếng bình định ngũ canh muôn đời

Cái lạy thần một lạy, hát:

Dạ, dạ, dạ
Kim thừa ca xướng viên khai
Ngũ đặng khấu đầu thượng thọ
Chúc cho Hoàng thượng đặng ngôi càn ngũ
Vạn như niên thọ khảo như san
Chúc tuổi chúa minh minh
Dư muôn tuổi, dư muôn tuổi thọ
Cái lạy thần một lạy, hát :
Dạ, dạ, dạ
Sau lạy mừng đức Tổng Trấn Quận Công
Oai dẹp loạn không dạy con vác

Trị dân lành cửu trạch

Xua đảng dữ Bắc man

Phú quới hưởng tôn nhan

Dư ngàn tuổi, dư ngàn tuổi thọ

Cái lạy thần một lạy, hát:

Dạ, dạ, dạ

Sau lạy mừng bổn tiệc án này

Gặp hội rồng mây

Vực phò vương vận

Đánh thành thâu bách trận

Xua máy nhiệm dừng binh

Chúc cho bên văn thẩm trạch [illegible] h

Chúc cho bên võ kham trị hạ loạn

Vui vầy chén nhạn

Tiệc ngọc lê say

Đắc phú quới về tay

Dư trăm tuổi, dư trăm tuổi thọ

Cái lạy thần một lạy, đứng lên. Con cũng đứng lên. Cái hát:

Là Lê, Lê là Nguyễn Hoà

Điểm ứng trình tường xã tắc phuông cương khỏe bền

Một mừng hội cả vận lành

Chư tướng sẵn dành có nơi

Con lạy thần một lạy, hát:

Mừng vua tôi phải đạo thời nên

Mừng vua tôi phải đạo thời nên

Cái hát :

Hai mừng tướng mạnh binh bền

Hai mừng tướng mạnh binh bền

Nếu đánh ắt là thành công

Con hát:

Ắt phen này thâu vẹn cõi đông

Ắt phen này thâu vẹn cõi đông

Cái hát:

Ba mừng vận mở nên phuông

Ba mừng vận mở nên phuông

Mong mỏi một lòng kính tin

Con hát:

Mừng khê san hà hải bốn phương

Mừng khê san hà hải bốn phương

Cái hát :

Vận mở trùng ngươn (nguyên)

Vận mở trùng ngươn (nguyên)

Rày mừng thấy Nam phang (phương) *khỏe bền*

Con hát :

Lập công cơ hội vầy nên

Lập công cơ hội vầy nên

Cái hát :

Vầy nên cá nước một nhà

Vầy nên cá nước một nhà

Địa lợi, nhân hòa vẹn đôi

Con hát :

Quốc gia mừng Nam Việt chánh ngôi

Quốc gia mừng Nam Việt chánh ngôi

Cái hát :

Chánh ngôi càn tượng mở đô

Chánh ngôi càn tượng mở đô

Văn võ khuông phò Nam phang

Con hát :

Dân đức mừng đơn tự hồ tương

Dân đức mừng đơn tự hồ tương

Cái hát :

Hồ tương cổ tích đợt điều

Hồ tương cổ tích đợt điều

Áo dê cần trúc sĩ chầu thị tân

Con hát :

Sĩ chờ thời mây ứng thanh sơn

Sĩ chờ thời mây ứng thanh sơn

Cái hát :

Thanh sơn tạc đề đài mây

Thanh sơn tạc đề đài mây

Hai mươi tám tướng xây tay dẹp loàn

Con hát :

Thâu bản chương dẹp Bắc phò Nam

Thâu bản chương dẹp Bắc phò Nam.

Chấm dứt lễ đứng cái : Con bái Thần vào trước, Cái bái thần vào sau. Tiếp đến là lễ bát tiên hiến thọ.

- *Lễ Bát Tiên Hiến Thọ* : là một vũ khúc được múa vào những ngày Vạn Thọ, Khánh Thọ, Tiên Thọ tại triều đình để chúc vua trường thọ.

Tại đình làng, vũ khúc này được người ta gọi là một nghi lễ và có ý nghĩa là chúc dân làng trường thọ. Lễ này ít nơi trình diễn vì tốn phí nhiều tiền.

Để tượng trưng cho bát quái, lễ này có tám vị tiên, tôn danh và cách hóa trang như sau:

Hán Chung Ly : Mặt đỏ, râu năm chòm đen, mũ xuân thu, áo tiên rộng, thắt lưng, xiêm trường, quần giáp, chân đi hia, tay cầm quạt.

Trương Quả Lão : Măt trắng, lông mày rậm và bạc, râu bạc, mũ bình thiên, áo dao bào, xiêm trường, quần giáp, chân đi hia, tay cầm quạt.

Hàn Tương Tử : Mặt trắng, môi đỏ, đầu bịt khăn ngang mỏ rìu, áo tiên chít, xiêm trường, quần giáp, chân đi giày, tay cầm quạt.

Tào Quốc Cựu : Mặt trắng, lông mày bạc, râu năm chòm bạc, mão phương phát, áo dao bào, xiêm trường.

Lâm Thái Hòa : mặt trắng, môi đỏ, đầu thắt túm, buộc giải ngũ sắc, mặc áo tiên chít, xiêm trường, quần giáp, chân đi hia, tay cầm quạt.

Lý Thiết Quài : Mặt đen, lông mày trắng, râu quặn đen, đầu bịt khăn ngang, mỏ rìu, áo đen, xắn một tay áo, xiêm trường, quần giáp, đi chân không. Một tay chống gậy, một tay cầm quạt.

Hà Tiên Cô : Mặt xoa phấn, mũ thất phượng, áo cung trang điểm xiêm hồng, chân đi vớ trắng, tay cầm quạt.

Lã Đồng Tân : Mặt xoa phấn hồng, râu ba chòm đen, đội mũ đồng cân, mặc áo viên bào, xiêm trường, quần giáp, chân đi hia, tay cầm quạt.

"Lễ vật" mà bát tiên cầm trong tay là cam, táo, khúc cây nhỏ (tượng trưng cho bàn đào), hỏa táo, quế chi và

nhân sâm (những vị thuốc mà ai ăn sẽ được trường sinh). Bát tiên ra cùng một lúc, xếp hàng ngang, đồng xướng : "Hảo phương ngượt hồ", rồi mỗi vị xướng một câu:

Hán Chung Ly : Vạn Cổ Chung Nam Khế Diệu thuyên

Trương Quả Lão: Động đình phi kiểm tảo vân yên

Hàn Tương Tử : Di nhan vọng khước hầu vương quý

Lâm Thái Hòa : Luyện khí sinh tòng hỗn độn niên

Tào Quốc Cựu : Bích lạc loan tường siêu thế cục

Lã Đồng Tân : Huyền đô hạc hóa tỉnh tiền duyên

Lý Thiết Quài : Kim tiền tịch khứ trần tâm tĩnh

Hà Tiên Cô : Tiên quả xôn xao lai đại đạo viên

Rồi tất cả đồng nói lối :

Đan phòng truyền diệu quyết
Ngọc bản khế chân huyền
Đắc thuần dương nhất khí
Tư giả bát tuần thượng thọ
Thích phùng khánh chỉ xưng tràng
Văn xương tằng tiến ba chương
Tiên lữ đồng lai hiến thọ
Chân phù chi nguyện chí nguyuện
Cộng tiến vu từ vu từ

Tám vị đồng hát khách :

Ngũ bá xương kỳ, ly bệ trường khan minh giáp mậu
Tam thu hảo cảnh thiềm cung vận nhạ quê hương phi
Địa tịch viêm cương, dực chẩn sơn hà tăng củng cố

Thiên khai hoàng đạo, bồng hồ thảo phụ ngưỡng quang huy

Ngọc dịch, ngọc dịch tiên phẩm linh đan
Hà bôi tái chước chúc Nam San
Nam San, Nam San vũ lộ trường
Lạc vị ương, lạc vị ương phúc lý tương
Hỏa táo giáo lê sâm quý phẩm
Thượng thọ chúc vô cương
Bàn đào, bàn đào xuất tiên tào
Thiên niên kết quả hiến ly ao
Ly ao ly ao thượng thọ trường
Chước quỳnh tương, quỳnh tương mãn tọa hương
Vương mẫu dao trì trùng bái
Khánh thượng thọ chúc vô cương

Hát bài này xong, bát tiên dâng phẩm vật cho dân làng. Một hội viên trong ban quản trị tiếp lấy phẩm vật ấy đưa lên đặt tại bàn thờ Hội đồng ngoại và thưởng tiền cho bát tiên.

- *Lễ Gia Quan Tấn Tước* còn gọi là Lễ Gia Quan Phổ Tước nhằm cầu chúc cho quan chức ngày xưa được thăng quan tiến chức. Lễ này không thuộc Lễ Xây Chầu - Đại bội mà là một lễ phụ. Người đóng vai này được gọi là Linh Quan tức ông quan mà lời lẽ chúc tụng của ông rất linh ứng. Giới bình dân thường gọi ông này là ông Địa và được giới hát bội coi là tổ của vai hề. Vai Linh Quan mặc cẩm bào, đeo mặt nạ, tay cầm quạt ra múa với điệu bộ thật hài

ic. Sau đó, Linh Quan lấy bút viết một câu liễn: "Gia
an Tấn Tước". Viết xong, ông dâng cho dân làng. Hội
n tiếp lấy đặt trước bàn Hội đồng ngoại.

e. Tục hát chầu và quy ước cầm chầu :

Hầu hết tại các đình làng Nam bộ, ba năm hoặc mỗi
m một lần vào dịp lễ Kỳ yên thường thuê mướn gánh
t bội về trình diễn gọi là *hát chầu* trong ba đêm trước là
cúng thần và sau là để giúp vui cho dân làng. Có nơi có
hát sơ cổ, tức hát trích đoạn một lớp tuồng hát bội, ngay
au lễ Xây chầu - Đại bội, rồi đêm thứ hai, thứ ba mới hát
guyên tuồng.

Gánh hát bội được thuê hát vào dịp cúng đình có nhiệm
ụ diễn lễ Đại bội, cử các cô đào để thài khi dâng hương
ượu, cử lính hầu ông, diễn ba lần tuồng hát bội, cử hành
ễ tôn vương.

Như vậy, chức năng của hát bội là đảm nhận việc thực hành nghi lễ là chính, chớ không phải diễn trò giúp vui trong hội lễ như một số nhà nghiên cứu khẳng định: hội lễ dân gian đã tràn vào đình Nam bộ. Nói cách khác, nghi thức cúng tế ở đình Nam bộ tuân thủ một cách nghiêm nhặt những qui phạm chính thống. Điều này thấy khá rõ trong hầu hết mọi nghi thức, đặc biệt lễ tôn vương, tôn soái. Ngay việc diễn tuồng cũng đòi hỏi diễn viên phải nghiêm túc, thậm chí tuồng tích cũng được chọn lựa và theo dõi gắt gao. Tục cử người lớn tuổi, lịch lãm và thông hiểu chữ nghĩa, nghệ thuật, để cầm chầu cho gánh hát là một việc làm nhằm giữ gìn sự nghiêm túc đó.

Từ lúc gánh hát bắt đầu trình diễn lễ Đại bội, dân làng cử một người ra cầm chầu.

Việc cầm chầu hát ở đình rất quan trọng, họ cho rằng đó là người đại diện của thần, cho dân làng, để phê phán khen chê nghệ sĩ hát bội. Vì thế, phải tuyển chọn thế nào để nghệ sĩ không phàn nàn, dân làng không khó chịu về lối khen chê thiên vị. Vì thế đòi hỏi các điều kiện sau:

- Có đức độ : đây là yếu tố quạn trọng nhất vì họ cho rằng người cầm chầu là người đại diện thần, sự phê phán của người cầm chầu không thễ thiên vị, vụng về, chủ quan để người dự hát là thần, là dân làng không bực mình về sự khen chê quá lố.

- Am hiểu về hát bội: để cầm chầu cho đúng, người cầm chầu đòi hỏi phải biết nhiều vở tuồng để cầm chầu cho đúng. Thì dụ người cầm chầu có thể đánh chầu chào hay chầu khai khẩu ngay khi nghệ sĩ còn đang trong hậu trường.

Trong các loại hình sân khấu chỉ có hát bội mới sử dụng một loại trống lớn gọi là trống chầu: hai mặt tròn căng bằng da trâu, được vẽ hình thái cực ở giữa mặt trống, tang trống bằng gỗ mít, niền sắt, sơn đỏ, được đặt trên một cái giá.

Trống chầu ở đình làng còn có công dụng thông tin: ngày xưa khi phương tiện thông tin còn thô sơ, người ta sử dụng trống chầu để thông báo cho dân làng đến dự lễ, đến dự lễ xây chầu và hát chầu. Từ chiều, trước đêm diễn, trống chầu được đưa ra để trước sân đình đánh lên những

chập ba tiếng; hai nhặt một khoan với ngụ ý thúc dục dân làng đến dự hát chầu.

Khi bắt đầu buổi diễn, trống chầu là phương tiện thúc giục nghệ sĩ. Trước khi diễn tuồng, người cầm chầu đánh trống mở màn để thúc giục nghệ sĩ ra sân khấu.

Trống chầu được đặt gần sân khấu, bên phía cửa tử để nhìn sang bên kia là cửa sanh thấy rõ nghệ sĩ từ hậu trường bước ra sân khấu. Từ lúc khai diễn tới lúc chấm dứt tuồng hát, trống chầu được đánh theo một thể thức được qui định chặt chẽ.

- *Chầu mở màn* : đánh chín tiếng gồm ba hồi : mỗi hồi ba tiếng: hai nhặt một khoan. Chầu mở màn có mục đích thúc giục nghệ sĩ ra sân khấu. Tuy nhiên nghệ sĩ chưa được ra ngay, phải đợi trống chấm dứt chầu mở màn, hồi này chỉ có sáu tiếng chia làm hai hiệp. Mỗi hiệp ba tiếng. Có trường hợp nghệ sĩ vẫn không kịp sửa soạn ra sân khấu ngay, nên chầu mở màn được đánh nhiều lần.

Cũng xin nói qua về việc đánh trống chầu khai tràng khá phổ biến. Khi dứt lễ xây chầu đại bội, ông chấp sự liền xướng:

" Ban ca công (...) thạnh đạt

Diễn viên nam nữ thanh sắc lưỡng toàn

Tất cả nghệ sĩ của gánh hát bội đồng thanh : Dạ! Ông chấp sự xướng tiếp:

"Khởi cổ khai tràng

[illegible] quân khánh thưởng"

Rồi ông bắt đầu đánh trống chầu ba tiếng đều và thưa: *thùng ... thùng... thùng...,* có ý hỏi trong hậu trường rằng: "Bầu gánh, ông nhưng, ông biện, các diễn viên và nhạc sĩ chuẩn bị xong chưa?"

Để đáp lại, trống chiến của gánh hát bội liền bắt theo : rụp!, ngụ ý trả lời với ông chấp sự rằng: "Rồi".

Ông chấp sự lại đánh tiếp ba tiếng trống chầu. đánh nhỏ hơn, đều và hơi nhặt hơn: *Thùng ... thùng...thùng*, ngụ ý hỏi: "*Có thể khởi sự được chưa*?"

Nếu đã chuẩn bị đâu đấy, trống chiến của gánh hát bội bắt tiếp hai tiếp : *rụp! rụp!*, có nghĩa là: "Được".

Ông chấp sự lại đánh tiếp vào trống chầu ba tiếng : *Thùng ... thùng... thùng...,* trong đó hai tiếng nhặt một tiếng khoan, ngụ ý nói rằng: "Vậy là khai tràng".

Thế là trống chiến của gánh hát bội bắt liền ba tiếng rụp! rụp! rụp!, rồi kèn và cả dàn nhạc của gánh hát bội đánh tiếp đi luôn (xưa kia trổi ba lớp, sau bỏ một lớp còn hai, ngay nay còn một lớp).

Dàn nhạc vừa ngưng thì ông chấp sự đánh trống chầu sáu tiếng hai nhặt một khoan: "*Thùng... thùng... thùng ...*"

Dàn nhạc trổi tiếp. Nghệ sĩ khoát màn bước ra sân khấu. Ông chấp sự đánh một tiếng : "Thùng" để chào nghệ sĩ.

Đó là nghi thức khai tràng khi có lễ xây chầu. Khai tràng là điệu nhạc báo hiệu khai diễn (tràng là trường - trường là trường hát). Thời xưa, lúc chưa có điện để reo chuông, cũng chưa có sàn gỗ sân khấu để nện báo hiệu,

thì nghi thức khai trạng vừa trình bày là nghi thức có mục đích nhằm giúp cho diễn viên, nhạc sĩ chỉnh túc nhập vai cũng như khán giả nghiêm túc theo dõi.

Có trường hợp không có lễ xây chầu đại bội nhưng vẫn diễn ra khai tràng như sau: ông chấp sự bợ hai đầu dùi trống, day mặt lại phía khán giả, cúi đầu chào, rồi ngồi lại ghế đánh trống chầu. Ông vẫn tiếp tục bợ hai đầu dùi trống dằn nhẹ trên mặt trống (dằn chớ không phải đánh, cũng không phải nhịp, dằn nghe kêu nhẹ mà dài ra, làm cho khán giả không giựt mình), rồi đánh trống khai tràng như trình bày trên.

Nếu mở màn mà có vua hay đại tướng ra thì ông chấp sự phải chờ ba hồi trống lệnh (cũng gọi là trống kỳ), rồi mới đánh chào nghệ sĩ khi khoát màn.

• *Chầu lễ* là những tiếng trống để chào hay giã từ nghệ sĩ khi bước ra sân khấu hay bước vào hậu trường, hoặc bắt đầu múa hát. Chầu lễ gồm ba loại :

- *Chầu chào* : khi một nghệ sĩ vừa bước ra sân khấu lần đầu trong một vở tuồng, người cầm chầu chào một tiếng. Khi nghệ sĩ ấy xưng tên vai trò mình thì người cầm chầu cũng đánh chầu chào. Nghệ sĩ nào đóng vai thường dân hay một vị quan thì chầu hai tiếng; vua của một chư hầu thì chầu chào ba tiếng; vua của một nước lớn như Tần Thủy Hoàng, Trụ Vương thì chầu chào bốn tiếng. Những tiếng chầu đó để chào tước vị của một nghệ sĩ. Cách đánh chầu này phải đánh cách quảng đều nhau và chậm. Nếu đánh nhanh sẽ biến thành chầu thưởng.

- *Chầu khai khẩu* : sau khi đánh chầu chào tước vị của nghệ sĩ, người cầm chầu phải đánh chầu khai khẩu để cho nghệ sĩ bắt đầu hát. Chầu khai khẩu đánh lớn tiếng hơn chầu chào. Trường hợp chẳng may nghệ sĩ hát đúng lúc có tiếng chầu khai khẩu thì trường hợp đó, chầu khai khẩu biến thành chầu đuổi, gọi là đánh trong họng. Trường hợp đó đánh thêm một tiếng nữa vì chầu khai khẩu chỉ đánh một tiếng.

- *Chầu đưa* : khi nghệ sĩ diễn xong vai trò của mình trong vở tuồng, vào hậu trường và không ra nữa thì người cầm chầu đánh ít nhất hai hay ba hoặc sáu tiếng tuỳ mức độ tài nghệ của nghệ sĩ đã diễn vai trò của mình trong vở tuồng.

• *Chầu ấm đám* : còn gọi là chầu chấm câu. Nghệ sĩ hát dứt một câu dài thì người cầm chầu đánh một tiếng. Chầu ấm đám còn có công dụng làm cho buổi trình diễn bớt tẻ lạnh. Người cầm chầu biết chầu ấm đám rất khó vì nghệ sĩ không thuộc lời hát của vai trò mình, hay hát cương, thêm bớt lời hát.

• *Chầu thúc* : Nếu vở tuồng nào có đoạn nghê sĩ quá nhạt nhẽo, tẻ lạnh, làm cho khán giả chán nản thì người cầm chầu đánh một hồi chầu thúc. Chầu thúc đánh gần thành gỗ của trống có mục đích báo cho nghệ sĩ hãy diễn xuất đoạn lớp ấy cho mau hết, nhưng không được bỏ đứt khúc làm cho khán giả không theo dõi để hiểu được cốt truyện vở tuồng. Thông thường chầu thúc chỉ đánh nhiều

nhất là ba lần trong một vở tuồng vì các vị cầm chầu cho biết là có thể ông biện tuồng đã tập như vậy.

• *Chầu lơi* : nếu có đoạn tuồng nào nghệ sĩ chỉ muốn diễn cho mau hết thì người cầm chầu phải đánh chầu lơi để báo cho nghệ sĩ biết phải diễn đoạn hay lớp tuồng ấy chậm lại. Chầu lơi đánh sáu tiếng giữa mặt trống, đánh nhỏ và cách khoảng đều nhau.

• *Chầu thưởng* : là chầu thưởng được đánh lên để khuyến khích và khen ngợi nghệ sĩ đã diễn xuất đặc sắc. Chầu thưởng đánh lên hay không tuỳ thuộc hoàn toàn vào sự thẩm định của người cầm chầu. Do vậy, yêu cầu người cầm chầu là phải am hiểu về nghệ thuật hát bội.

Chầu thưởng, chầu chấm câu hay *chầu ấm đám* có thể trùng lẫn nhau, nhưng người ta có thể phân biệt được nhờ lệ thức đánh chầu thưởng sau đây :

+ *Chầu đôi* : chầu hai tiếng, đánh lơi lơi nghĩa là chậm hơn chầu lễ. Chầu đôi để thưởng cho trường hợp hát một câu hay, một bộ điệu múa khéo.

+ *Chầu ba* : đánh ba tiếng, hai nhặt một khoan. Hai tiếng nhặt đánh giống chầu đôi. Chầu ba thưởng khi nghệ sĩ diễn xuất khá đặc sắc.

+ *Chầu tư* : đánh bốn tiếng, chia làm hai hiệp, mỗi hiệp đánh hai tiếng giống chầu đôi. Chầu tư để thưởng khi nghệ sĩ diễn xuất đặc sắc hơn nữa.

+ *Chầu sáu* : đánh sáu tiếng, chia làm hai hiệp, mỗi hiệp ba tiếng, đánh giống chầu ba. Chầu sáu chỉ để thưởng khi nào cực hay đạt đến tuyệt hảo: nghệ sĩ hát

được một câu mà người cầm chầu cho là rất khó nhưng nghệ sĩ hát lại không trại, không đớt, tiếng ấm, hơi nhiều, hoặc có điệu bộ đúng với trạng huống tình cảm phải có của vai trò trong vở tuồng lúc đó, thì được chầu sáu.

+ *Chầu chín* : đánh chín tiếng, chia ba hiệp, mỗi hiệp ba tiếng giống chầu ba. Chầu chín chỉ được thưởng trong trường hợp rất đặc biệt. Các vị cầm chầu cho biết: có khi cả đời người cầm chầu, chưa bao giờ đánh chầu chín vì chầu chín là chầu thưởng tối đa. Nếu thưởng một cách quá rộng rãi thì sẽ làm khán giả khó chịu vì cho đó là tiếng chầu thiên vị.

Tóm lại, chầu thưởng nhằm mục đích khuyến khích và khen ngợi nghệ sĩ căn cứ trên ba tiêu chuẩn: câu hát, giọng hát và điệu bộ diễn xuất. Nếu thưởng cho câu hát gọi là *chầu câu hát*, cho giọng hát gọi là *chầu giọng hát*, cho cử chỉ gọi là *chầu bộ*. Vì đặc tính của hát bội là tượng trưng, là điệu bộ nên các người cầm chầu cho biết dễ được thưởng nhiều hơn chính là *chầu bộ*.

Ngoài việc người cầm chầu thưởng bằng tiếng trống, một số khán thính giả còn thưởng tiền cho nghệ sĩ bằng cách kẹp một số tiền vào quạt rồi quăng quạt đó lên sân khấu. Hoặc người ta có thể mua sẵn một số quẻ thẻ giống quẻ thẻ xin xăm để ném lên sân khấu mỗi khi có màn nào nghệ sĩ diễn xuất khéo léo.

Chầu phạt :

Chầu phạt là những tiếng chầu đánh lên để chê bai, quở phạt nghệ sĩ. Loại chầu này có bốn loại:

- *Chầu chê* : đánh một tiếng, đánh ở gần bìa tang trống. Tiếng kêu không rõ là tiếng "thùng" mà lại có âm "tang". Loại chầu này thông dụng nhất để chê bai một bộ điệu vụng về, một câu hát gãy không đủ hơi.

- *Chầu đuổi* : đánh để đuổi một nghệ sĩ không cho diễn xuất nữa và đòi hỏi thay thế một nghệ sĩ khác. Cách đánh chầu này là mỗi khi nghệ sĩ đó vừa bắt đầu cất giọng hát một câu, thì người cầm chầu đánh ngay một tiếng gọi là đánh lấp giọng hay đánh trong họng. Ngày nay đánh trong họng chỉ có ý nghĩa là cảnh cáo. Và nếu có đánh *chầu chê, chầu đuổi* thì cũng chỉ đánh hai, ba lần cho một nghệ sĩ. Đánh nhiều lần mà nghệ sĩ không thay đổi, tiếng chầu trở nên nhàm, không có giá trị.

- *Gõ dăm* : Gõ dăm còn gọi là gõ tang hay gõ ra tang. Đây cũng là một loại chầu đuổi nhưng áp dụng cho nghệ sĩ có điệu bộ lố lăng, tục tằn, bất nhã. Gõ dăm là đánh vào tang trống. Lệ xưa khi bị gõ dăm thì đàn, kèn, đào, kép, nhưng quan phải ngưng diễn tuồng trong một lát, đứng xếp hàng ngang xin lỗi ông cầm chầu.

- *Quăng roi chầu* : là hình phạt nặng nề nhất đối với cả gánh hát bội. Trong buổi trình diễn, nếu phần đông nghệ sĩ giễu cợt sai chỗ, có điệu bộ lố lăng thì người cầm chầu sẽ cho người đi gặp biện tuồng để đòi hỏi sửa đổi ngay. Nhưng nếu còn tái diễn, người cầm chầu sẽ quăng roi chầu lên sân khấu rồi bỏ ra đi. Buổi trình diễn coi như chấm dứt. Xưa, gánh nào bị hình phạt đó sẽ bị tan rã. Ngày nay hình phạt này không còn áp dụng.

- *Chầu vãn :*

Sau mỗi đêm hát xong, nếu ngày mai còn tiếp tục hát nữa, người cầm chầu đánh chầu vãn gồm chín tiếng chia làm ba hồi, mỗi hồi ba tiếng. Với ước hiệu như vậy dân làng sẽ biết ngày mai, tại đây còn tiếp tục trình diễn nữa. Nếu ngày mai không còn hát thì người cầm chầu đánh một hồi trống trước nghe lớn sau nhỏ và chậm dần, gọi là đánh nhỏ giọt, thì ngày mai không còn trình diễn nữa.

e. Lễ tôn vương :

Trước khi cử hành nghi lễ hồi sắc, dân làng cử hành nghi lễ tôn vương. Lễ này là một nghi thức có ý nghĩa chính trị. Công thức truyền thống của các vở tuồng hát bội là : "*Vua băng - Nịnh tiếm - Bà thứ lên chùa - Chém nịnh - Định đô - Tôn vương - Tức vị*" đã diễn đạt được sự thật lịch sử của các chúa Nguyễn đến Nguyễn Ánh. Cái hậu của loại tuồng này được lễ thức hóa nhằm mục đích tôn vinh triều Nguyễn như một cái lệ bó buộc trong nghi thức cúng đình ở Nam bộ. Do vậy, để thể hiện ý nghĩa tôn vương, người ta thường chọn là tuồng *San Hậu* hay tuồng *Phụng Nghi Đình*. Tuồng San Hậu được chọn nhiều nhất. Đối với tuồng *San Hậu* phải chọn hồi thứ ba vì ở hồi này lúc gần chấm dứt tuồng hát có màn hoàng tử được dâng ấn kiếm lên ngôi vua và được các quan tôn vương.

Như đã nói, hầu hết các đình chọn tuồng San Hậu nên khi đào kép diễn tới phần Tạ Thiên Lăng và Tạ Lôi Phong thua trận, chạy về chùa của Tam Cung ẩn náu, báo hiệu nhà Tề trung hưng, thì ông biện tuồng cho thông báo các

hội viên ở đình biết để đứng sắp hàng hai bên từ võ quy tới gần bàn thờ Thần trong chánh điện. Mỗi người cầm một cây nến đỏ để nghênh ấn kiếm.

Khi gánh hát diễn tới cảnh chánh cung tức vợ chính của Thiệu Đế từ trần, trao quốc ấn lại cho hoàng tử, hoàng tử tiếp lấy rồi cùng đào kép tạm ngưng vở tuồng bước vào hậu trường thay đổi quần áo cho sang trọng để cùng lên bàn thờ Thần làm lễ tôn vương.

Lúc đào kép bắt đầu bước xuống khỏi sân khấu, một viên chức trong hội cầm lọng che ấn kiếm đang được hoàng tử trịnh trọng bưng trên tay. Đào kép đi đầu, hoàng tử đi cuối.

Tới gần sát bàn thờ thần, ông Chánh hội trưởng ra tiếp nhận ấn kiếm do hoàng tử dâng. Ông trịnh trọng bưng đi cùng với một ông khác cầm nến đi trước. Hai ông đi giật lùi lên tới bàn thờ thần.

Khi ông Chánh hội trưởng đặt khay ấn kiếm vào bàn thờ thần, đào kép chia hai hàng đứng trước bàn thờ thần. Một kép xướng các lễ nghi cho các đào kép khác tuân theo:

"*Phản tiền di hậu*" : các đào kép quay mặt xuống sân khấu có nghĩa không cho ai thấy sự dâng kiếm là giây phút trịnh trọng nhất. Đào kép ở đây tượng trưng cho bá quan văn võ.

Khi ấn kiếm đã được đặt vào bàn thờ thần, một kép lại xướng :

"*Phản hậu di tiền*" : các đào kép quay trở lại nhìn lên bàn thờ thần có ý nghĩa bá quan chiêm bái vua. Sau đó, các đào kép cùng hát, mà đặc ngữ gọi là tung hô:

"Tôn vương tức vị
Nối dõi tiên hoàng
Chúc thọ tỷ nam san
Phước dư đông hải
Vạn vạn tuế (ba lần)".

Sau khi tung hô xong, đào kép lạy thần bốn lạy trở v sân khấu diễn tiếp màn hoàng tử lên ngôi và được b quan tôn vương. Trong khi tôn vương, dân làng đứng yê lặng nhìn lên bàn thờ thần trong chánh điện.

h. Lễ Hồi chầu :

Lễ *Hồi chầu* được diễn ra ngay sau khi tuồng hát bó diễn để cử hành nghi thức tôn vương chấm dứt. Lễ này c ý nghĩa là dân làng trình với thần thành hoàng ba phiê hát chầu đã chấm dứt.

Đối với dân làng, lễ *Hồi chầu* là một hiệu báo cho dâ làng biết gánh hát bội còn diễn nữa hay không. Hiệu bá đó được định bằng một hồi trống.

Sau khi tuồng hát bội chấm dứt, nghĩa là ngay sau kl màn tôn vương được diễn xong, trống chầu được khiên lên sân khấu. Sau đó, chấp sự viên hồi chầu - cũng là chấ sự viên đã xây chầu - từ bàn thờ thần thỉnh roi chầu r làm lễ *hồi chầu*.

Ra tới sân khấu, chấp sự viên chờ lễ sinh xướng : "Chấ sự viên hồi cổ", thì mới đọc lời cầu nguyện :

"Tẩy trừ tiền nguyện
Thấu đến hoàng thiên

Hát xướng đã yên

Phong điều võ thuận

Quốc thái dân an"

Đọc xong, ông đánh 12 tiếng trống thật lớn, sau đó ông inh thêm một hồi trống, trước nghe lớn sau nhỏ dần gọi đánh nhỏ giọt. Với hiệu trống ấy, dân làng sẽ biết là ıông còn tuồng hát nào nữa được diễn xuất tại đây.

Nếu đánh nhỏ giọt rồi lại được kết thúc bằng chín tiếng ống chia làm ba hiệp: mỗi hiệp ba tiếng, thì có ý nghĩa là ın một phiên hát nữa. Phiên hát này không phải là của inh tổ chức mà là chầu hát do một tư nhân nào đó cúng ıần, hoặc hát bội tự diễn để lấy tiền thưởng. Ngày nay ıẳng còn mấy ai hiểu hiệu trống này nên Ban tổ chức lễ hải đứng ra chính thức thông báo cho dân làng.

Đánh trống xong, chấp sự viên quay về phía bàn thờ ıần vái ba vái, rồi quay trở lại sân khấu vất roi chầu tại ân khấu. Đào kép hát bội ra nhặt lấy và cho dân làng huộc lại với giá tiền nhất định (thực tế ngày nay số tiền ày do Ban Tổ chức lễ biếu cho người nhặt roi chầu không ó qui định cụ thể như trước nữa).

Sau khi vất roi chầu, lễ sinh đưa chấp sự viên hồi chầu ề trước bàn thờ thần. Tại đây, ông lạy thần bốn lạy và hấm dứt lễ hồi chầu.

Sau đó, dân làng sửa soạn làm lễ tiếp theo là lễ hồi sắc, ức là lễ đưa sắc thần về nơi cất giữ cũ. Đến đây là chấm ứt lễ Kỳ yên.

i. Lễ Đưa khách :

Lễ Đưa khách còn đươc gọi là lễ *Tống gió*, lễ *Tống phuông* (Tống phong), lễ *Tống ôn*, lễ *Tống quái*. Thực ra lễ này là một nghi lễ riêng biệt vốn không gắn bó với dịp lễ Kỳ yên ở đình. Theo Alfred Shreiner, trong sách *Les Institutions Annamites en Base Cochinchine avant la Carquête Francaise* cũng như Lê Văn Phát trong sách *La vie intime d'un Annamite de Cochinchine et ses croyauces vulgaire* thì Lễ Tống ôn được tổ chức vào đầu năm, lúc thời tiết viêm nhiệt, tức thời kỳ giao mùa nắng mưa, mà ngày tùy theo Hương chức trong làng chọn, không nhất định. Thậm chí khi có dịch bệnh xảy ra thì mới chọn ngày mà tổ chức lễ này, có tính chất bất thường, để thực hiện việc xua đuổi tà khí, quân ôn hoàng dịch lệ đi khỏi làng nhằm tránh dịch bệnh cho dân! Về sau, có lẽ do sự tiến bộ về y tế nên lễ này mất dần lý do tồn tại, và một số nơi, tập tục mê tín này lại tích hợp vào đình để kéo dài tuổi thọ của nó. Chính vì vậy mà có làng tổ chức ngay vào ngày đầu lễ Kỳ yên, lại có nơi tổ chức sau lễ Kỳ yên hoặc hôm sau, hoặc bốn, năm ngày sau. Cũng có nơi vẫn còn theo lệ cũ: tổ chức riêng vào một ngày khác trong năm.

Việc tổ chức lễ *Đưa khách* trước ngày Kỳ yên là tập tục giống lễ *Nghĩa trủng* (còn gọi là cúng *âm linh*) ở Trung bộ. Theo đó, người ta cho rằng trước khi cúng thần phải lo cúng cho đám vong hồn vô chủ này để chúng được no đủ và tống chúng đi khỏi làng, không còn quấy phá việc cúng tế thần nữa. Ngược lại việc tổ chức lễ này sau lễ Kỳ yên

ai được giải thích như sau: các cô hồn, quan ôn dịch, ta
nần vì không ai cúng cấp nên đói khát, gặp lễ Kỳ yên,
ền rủ nhau áp vô mà kiếm chác, nên phải đưa chúng đi,
ẻo chúng tưởng ở đó có ăn nên ở lì và sẽ tác oai tác quái
àm hại dân lành. (Quả miệng lưỡi thế gian nói ngược nói
xuôi đều được!).

Lễ Đưa khách được tổ chức ngoài sân đình với các lễ vật đặc biệt mà chúng tôi sẽ giới thiệu ở phần sau. Các tư gia cũng lo lễ vật tống tiễn cho kẻ ra đi vui lòng: gạo muối để khách ăn dọc đường! Lễ này do thầy pháp đảm trách. Ông ta đọc văn tế và hai lễ sinh xướng nghi lễ. Một người dân làng làm chánh tế. Cũng có nơi cử hành lễ này, theo khoa nghi *chẩn tế cô hồn* của nhà chùa. Phụ trách lễ kiểu này là mấy ông thầy chùa ứng phú (dân gian gọi là thầy cúng). Lại có nơi thầy pháp và thầy ứng phú "liên kết" nhau mà cốc cốc keng keng và trì chú "biến thủy biến thực".

Sau khi dâng một tuần hương, ba tuần rượu và một tuần trà, thầy cúng đọc văn tế rồi đốt. Tất cả lễ vật bày cúng được bỏ vào chiếc bè làm bằng khúc thân chuối làm phao đặt bên trái bàn thờ. Mọi việc xong đâu vào đó, thì bốn người khiêng thuyền chuối chạy ra sông. Chỉ có một người cầm chén muối gạo rải từ bàn thờ ra cổng đình như tục phát "diêm mễ" trong dân gian. Trên đường ra sông, chiếc trống lớn dẫn đầu đánh ba dùi một. Dân chúng hai bên đường, theo cổ tục, lấy cành dâu làm roi quất tứ tung lung xằng khắp nhà để đuổi bọn côn đồ ôn dịch trú ẩn

trong nhà ra ngõ ùa theo đồng bọn mà đi cho rảnh nợ. Đồng thời họ cũng thí cho chén gạo nhúm muối đặng kẻ ra đi yên lòng là có cái ăn dọc đường! Ra đến sông, người ta lội xuống nước thả bè ra càng xa bờ càng tốt, để nước trôi bè đi xa khỏi phạm vi làng mình. (Bè tấp vào làng nào thì mặc. Ích kỷ đến thế là cùng!) Việc thả bè tống cô hồn xuống sông có lẽ bắt nguồn từ vũ trụ luận của Phật giáo, theo đó, địa ngục ở dưới chân núi Thiết Vi bao quanh bảy lớp biển Hương hải xa típ tấp hằng hà sa số và sông là đường ra biển cũng là đường đến xứ sở của các cô hồn.

Lễ *Đưa khách*, là một lễ thức có ý nghĩa nhân đạo theo một cách rất vô nhân đạo. Bởi vậy đình có dư tiền lắm bạc thiết tưởng nên dùng vào công việc từ thiện, ngó nghĩ đến những người nghèo đói, tật nguyền, hay những người bị thiên tai, hỏa hoạn, thì có phước hơn là lo cúng lễ cho đám cô hồn, các đảng này!

k. Lễ Cúng miễu:

Miễu hay miếu là cơ sở tín ngưỡng dân gian. Đình là tín ngưỡng truyền thống. Thế nhưng lịch sử chuyển xoay như đã nói sơ lược ở trên nên miếu đã lọt vào đình. Cuộc hôn nhân này tuy không có giá thú, chư Bà, cô, cậu chưa được thần Thành hoàng bảo lãnh cho "đăng ký thường trú" chính thức, nhưng các nữ thần cùng cô cậu đã tạm trú vĩnh viễn hoặc trong khuôn viên đình, hoặc đã lọt vào trong đình rồi. Vì vậy, ở đây phụ chép về nghi thức cúng miễu, coi như một nghi lễ của đình, mặc dù có nơi đình và

miếu không gắn bó nhau, cúng miếu riêng, cúng đình riêng.

Thường thường miếu ở đình hay thờ: năm bà Ngũ hành, bà Chúa Xứ (bà Chúa Tiên, bà Chúa Ngọc), bà Linh Sơn thánh mẫu (Bà Đen), có nơi thờ bà Thiên Hậu, bà Cửu Thiên Huyền Nữ. Lệ vía các nữ thần, do vậy, mỗi nơi có ngày giờ khác nhau. Thậm chí cùng thờ năm bà Ngũ hành, nhưng mỗi đình lại vía bà theo ngày riêng, không nhất loạt như vía bà Chúa Xứ, bà Linh Sơn, hay bà Thiên Hậu.

Tuy các nữ thần khác nhau, nhưng lễ vía Bà thường theo một nghi thức - gọi chung là *hát bóng rỗi*. Tục thờ các nữ thần, đầu thế kỷ XIX, đã thấy thịnh hành ở Nam bộ qua ghi chép của tác giả *Gia Định thành thông chí*; và việc "hay dùng cô bóng múa hát lấy làm vui thú" cũng được đề cập trong sách *Đại Nam nhất thống chí*.

Điều này cần lưu ý là *hát bóng rỗi* là hình thức diễn xướng tổng hợp có chức năng được thực hành nghi lễ. Đây là một hệ thống nghi thức được diễn xướng hóa, chớ không phải là trò đồng bóng mê tín.

Một chương trình *hát bóng rỗi* đầy đủ gồm các "nghi" sau đây:

• *Lễ khai tràng*: có mục đích khai mạc cho cuộc lễ. Lễ này do giàn nhạc bóng (chiêng, trống lớn, trống cái, đàn nhị, kèn thau, sanh cái) diễn tấu.

• *Chầu mời - Thỉnh tổ*: Các bà bóng, cô bóng (đôi khi có cả nam) thay phiên nhau hát từng ba chặp các bài chầu

mời (mời các vị thần thánh về dự lễ). Các bài chầu mời chia ra các loại, gồm: *Bài Bà, Bài Ông, Bài Cô, Bài Cậu, Bài Chiến Sĩ*. Nói chung, những bài chầu mời trong hát bóng rỗi không ổn định cả về lời lẫn giai điệu. Mỗi nhóm bóng, mỗi người diễn đều có bài khác nhau và trong lúc diễn xướng, ứng tác là việc phổ biến. Người hát chầu mời được coi là một tài năng không chỉ ở giọng hát hay, đúng theo nhịp trống, nhạc mà còn đặc biệt quan trọng là ở tài ứng tác, làm cho bài chầu mời của mình phù hợp với thực tế cụ thể của nơi diễn và đặc biệt là phù hợp với thời đại đương thời. Nói chung, nội dung các bài chầu mời luôn luôn được cập nhật hóa để phù hợp với từng hoàn cảnh và thời cuộc.

Xin dẫn bài *Chầu Chiến Sĩ*, ra đời trong những năm gần đây, làm ví dụ:

Ba mươi năm người Việt chịu chiến tranh
Nhờ Bác Hồ cương quyết mới sẵn giành ưu tiên
Bác Hồ là cốt thánh, cốt tiên
Phàn trần lộng xuống thông miêng trong đời
Nói một tiếng Bác giữ một lời
Đáng bậc quân tử Bác nói một lời không sai
Ngày hôm nay Bác giành độc lập cho nước nhà
Còn chùa, còn miễu để thờ ông bà khắp nơi
Thờ trên sơn, thờ dưới thủy: thờ Phật thờ Trời
Hôm nay con tâu sớ khuyên mời nào nại tốn công
Xưa kia Bác cũng hai bàn tay không

Nổi lên cách mạng nhờ có (gậy) tầm vông thành tài

Ong thời hút nhụy ăn chung

Người cùng một nước phải thương nhau cùng

Gươm linh thiêng do Bác vun trồng

Mừng nước Việt nay hoàn toàn giải phóng

Trai vì nước không màng sự sống

Phận gái vì chồng gìn giữ chữ trung trinh

Nước Việt ta nay độc lập hòa bình

Nhờ chiến sĩ hy sinh chiến địa

(Ghi theo lời chầu mời của cô bóng Hóa, ở Nhà Bè, tại đám cúng miếu Ngũ hành ở cầu Ba Cẳng, đường Bãi Sậy, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh- 9.3.1989)

Về mặt giọng điệu của hát bóng rỗi ngày trước gồm những làn điệu có âm hưởng riêng, bao gồm "ca lý, ca xang, ca mường", nói theo cách gọi của các nghệ nhân hát bóng rỗi lớn tuổi.

Tuy nhiên, về sau hát bóng rỗi đã tiếp nhận những bài bản của các loại hình ca nhạc và sân khấu khác, để phong phú giọng điệu của nó, biến đổi nó trở thành thời trang hơn; do đó, đã có sự phân biệt giữa bóng rỗi (truyền thống) và bóng rỗi kim thời, kim thời hiểu theo nghĩa là hiện đại. Chính vì vậy, trong thực tế, có những bài chầu mới hát theo giọng rỗi truyền thống với tiếng đưa hơi "*ơ... ơ... ơ*" với bài lý giọng bóng (lý giọng *í a rượng a*) hay lý *Vọng phu*, lý *Tóc mai sợi vắn sợi dài*... để kết thúc, như khúc trích đoạn sau đây:

(...) Ống sáo thổi ngân nga (ơ...ợ...ơ...)

Cây đờn hòa / ống sáo thổi / Bà có nghe lời ca

Còn hơi sáo (mà) giọng cao / giọng thấp (mà) con ca /

rước lịnh / hồn Bà (ờ à)

Con rước Bà về / Bà chứng lễ

Bà chứng cái lễ này rồi / Bà phù hộ cho chủ gia

Con cầu chúc cho chủ gia / vợ chồng con cái đặng an

cửa / rồi lại an nhà

Bà (có) đem tài vô (í...í...i...) lộc tới (í i...)

(còn cái) nhà này / đặng giàu (í i...) sang (í i...)

Còn hương nhựt nguyệt / hương nhựt nguyệt /

Đất trời đà / Đất trời đà / (rồi mà) xoay chuyển /

Máy tuần hoàn Bà có biết chăng?

Bà lóng tay nghe tôi rỗi (ợ ơ...) tợ đờn

Giọng reo rỉ rả bổng trầm...

Lịnh Bà ôi!

Rồng nằm kẹt đảnh (mà ị) éo le

Nhạn phơi (mà) kiếng nhạn (í a rượng a), lan xòe, lan

(rồi lại) kiểng lan

Khó nỗi gian nan (í ị)

Bà ban tua khá giàu sang chốn này

Bà cho gia chủ (mà) đặng vui vầy

Ơn Bà con đợi, phước Bà con trông

Trông Bà hết sức đợi trông

Ơn Bà con đợi (í a rượng a) là trông (cái trông) Bà sáo thổi đàn ca; là trông (cái trông) Bà, sáo thổi đàn ca

(Bà Bảy Phòng, ở Bình Hưng, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, hát. Ghi âm năm 1981).

Các bài chầu mời truyền thống có thể hơi đảo hay hơi nam, lại có bài chịu ảnh hưởng của hát bội Nam bộ, hoặc xen kẻ bài bản ca nhạc cải lương, và đặc biệt một ít bài *Chầu ông* (Quan Công) lại chen thêm bài ca theo điệu Hồ Quảng. Sau đây là một bài chầu mời kim thời:

Rỗi: *- Thay phiên đổi sứ con đến đây*
Gối đặt miệng mời chư thánh chứng minh
(...)
Tiếng đờn hòa tiếng sáo thổi ngân nga
Giọng cao, giọng thấp con nguyện cầu yên

Lý con sáo: *- Con vái trên năm Bà về đây chứng miêng*
Ở trên điện tiền, cúi dâng bông dâng lệnh Bà
Rước năm Bà về đây chứng kiến
Xin độ cho nam nữ bình yên
(...)

Trăng thu dạ khúc: *- Ơ trẻ thơ con hiền, con hầu Bà chứng miêng*
Con cầu Bà cho bá tánh an khương phước thọ
Tôi hiền là con, quì trước điện tiền
(...)

Nam xuân: *- Cống xê xang tôi nguyện cầu*
Gió phảng phất bao phủ một màu, cả trời xanh gió reo

Làm cho cây cỏ, lất lay vô vàn

Nghe gió động ào ào, lộng hồn thiêng Bà về
ban phước cho dân

(...)

• *Dâng bông và dâng mâm*: là hai nghi thức do các bà bóng, cô bóng diễn xuất. Vũ công đến trước bàn tiên, nơi đặt lễ vật (đối diện đền thờ Bà), cất giọng hát bài Dâng bông theo điệu Xây tá:

Cúi đầu dâng vạn thọ

Ngửa mặt chúc vô cương

Miệng đều ca hàm tấu nhứt chương

Để lan liễu múa tiểu mai vài chặp

và rồi nhắc tộ bông (cái tô hay cái chén, trong đó xây bông vạn thọ, hoặc bông cúc, hay bông trang) đặt lên lòng tay trái, quay tròn cả người vài bận. Đoạn đặt tô bông lên đỉnh đầu và múa. Vũ công múa theo nhịp trống phách của giàn nhạc bóng (diễn tấu bài *Trống màn* hay *Mạnh Lệ Quân, Mẫu Đơn*. v.v... hoặc thậm chí bài *Tiếng chày trên sóc Bom Bo*...) và tiến dần vào miễu. Động tác múa không có qui cách ổn định và hầu như hoàn toàn ngẫu hứng. Vũ công tiến gần bàn thờ thì có chủ miếu đón tộ bông đặt trên bệ thờ. Múa *dâng bông* có ba chặp, dâng ba tộ bông.

Dâng mâm cũng có chức năng nghi lễ như múa Dâng bông, song lễ vật ở đây là ngôi tháp làm bằng giấy trang

kim dán trên cái mâm. Điệu múa này, so với múa *Dâng bông*, thì những miếng tạp kỷ được pha phách vào nhiều hơn. Vũ công múa rất ít khi mâm còn được đội trên đầu và sau đó chủ yếu diễn các trò tạp kỷ:

- *Lật*: để mâm trên bàn tay rồi lật nghiêng, lật ngược để tạo những xung lực khiến cho mâm dính vào tay mà không rớt.

- *Chuyền*: vừa múa vừa lắc đầu, vai, thân, chân để tạo nên một lực làm chiếc mâm di chuyển từ đầu xuống má, xuống vai, ra tay hoặc xuống ngực, hông, eo...chân và ngược lại.

- *Bêu*: dùng một đoạn cây ngắn ngậm ở răng để đặt đứng cạnh vành mâm: vừa nhảy múa vừa giữ mâm thăng bằng.

- *Cầu canh*: đặt vành mâm trên đầu, trên nhân trung, vừa múa vừa giữ mâm thăng bằng.

Gọi là nghi thức *Dâng mâm*, nhưng đó là một thứ đồ mả có hình dạng ngôi tháp chàm. *Mâm ngũ sắc* (bồi bằng giấy năm màu) là lễ vật dâng cho năm Bà Ngũ hành; *mâm vàng* (dán bằng giấy trang kim), *mâm bạc* (dán giấy màu bạc) có thể cùng dâng cúng ở các miễu, song nguyên tắc nghi lễ thì hai loại lễ vật này dàng riêng để dâng lễ các thần độ mạng trong lễ Tạ Trang ở gia đình. Màu bạc là lễ vật do chồng của gia chủ dâng cho các Ông độ mạng (Quan Công, cậu Chài, cậu Quý, Tứ vị đại đế...) màu vàng là lễ vật của nữ gia chủ dâng cho Bà độ mạng (Chúa Tiên, chúa Ngọc, bà Cửu Thiên...) của mình.

• Sau nghi lễ *Dâng bông, Dâng mâm*, nếu có yêu cầu của chủ miếu thì có thể biểu diễn, các điệu múa bóng pha tạp kỷ - gọi chung là *múa đồ chơi* - gọi là để giúp vui cho Bà (các nữ thần). Đây là một loạt các điệu múa dựa trên nguyên tắc thăng bằng với những châm chước hào hứng bằng cách thay đổi các đạo cụ: *múa hoa huệ, múa dù, múa trống, múa khạp, múa lu, múa chén, múa dĩa, múa xe đạp, múa lục bình chưng bát tiên, múa dao...*

• Phần diễn múa xong là nghi thức *Bán lộc*, tức là phân phát các thức lễ vật, thường là trầu cau trong gói giấy hồng đơn cho người dự lễ gọi là lộc của Bà.

• Sau lễ Bán lộc là nghi thức *An vị* nhằm các việc lễ đã hoàn tất, các nữ thần an vị nghỉ ngơi.

• *Mời tiên ra tuồng*: Cũng là một trong những bài chầu mời, song được diễn xướng một lần trước Phước Lộc và sau những chặp *Chầu mời - Thỉnh tổ* được tái diễn nhiều lần. Nói cách khác, tiết mục này vừa kết thúc phần trước và khai mào cho phần tiếp theo.

• *Phước lộc*: là một tập hợp những trò diễn nghi lễ mà cơ bản là sự cải biên lễ đại bội trong cúng đình: *Khai chiếu gió, Nhựt Nguyệt, Tam hiền, Gia quan, Ông Đông, Thanh Đường hạ san, Hội năm Bà*. Bốn trò diễn đầu giống hệt như trong lễ đại bội, song các trò diễn còn lại là những tiết mục chỉ có riêng trong lễ cúng miễu.

- *Ông Đông*: (y phục giống như các ông Phước, Lộc, Thọ) là người đại diện cho cuộc lễ đứng ra tuyên bố mục đích ý nghĩa của cuộc lễ, đoạn củ soát tế vật.

- *Thanh Đường hạ san*: là tiết mục do một vai kép võ thực hiện. Thanh Đường là một nhân vật đại diện thần thánh được cử xuống chứng lễ cho bốn hội. Khi hạ san, Thanh Đường đến nhờ Thổ Địa dắt đường đến miễu và ở đây, ông ta hát chúc cho những người trong hội miễu những điều tốt. Có nơi, tiết mục này kết hợp với tiết mục Tam hiền: Thanh Đường gọi ba ông Phước, Lộc, Thọ cùng với mình xuống chứng lễ và hát chúc.

- *Bá Trạo nghinh Bà*: Ba người hóa trang như hề hát bội, tay cầm chèo ra trò chuyện với nhau. Người phán nào là trễ giờ, kẻ bảo là còn sớm, rồi lại bảo nhau chờ đến giờ nước lớn lên để đi rước năm Bà về dự lễ. Đây là một màn diễn cương. Trong lúc chờ đợi, họ có thể bày chuyện hát xướng, nói chuyện ba lơn. Cuối cùng họ cùng hô hoán là đã đến giờ và thế là họ vừa chèo vừa hát đi dần vào trong.

- *Hội năm Bà*: là tiết mục nghi lễ nhằm tỏ rõ rằng năm vị nữ thần Ngũ hành nương nương (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) đã về dự lễ. Năm diễn viên nữ (thường là các bà bóng, bà nàng) mặc yếm tâm, đội ngạch ra ngồi trên năm chiếc ghế đặt sẵn trước miếu. Bà Thủy là vai chánh, ngồi giữa và xưng tên trước. Các vai khác luân phiên xưng tên sau. Mỗi vai xưng một vế của lối xưng tên xây tá. Mục này giống tiết mục "chưng tượng" của hát bội.

• *Trạng - Nàng xuống huê viên*: Trạng là con của Ngọc Hoàng. Nàng là Thiên sứ của Tây Vương Mẫu. Ở trên thiên đình, Trạng và Nàng nghe mùi hương xông ngào ngạt, động lòng với những lời cầu khẩn của bốn hội, nên

xuống trần gian đến huê viên để giúp người trần đào giếng nước và hái "thập nhị huê Bà". Việc làm này tượng trưng cho việc "phong điều võ thuận" (dấu ấn của tục cầu mưa và mùa màng đơm hoa kết trái, công việc làm ăn thành tựu). Trò diễn này do bốn vai thực hiện: *Trạng* (hóa trang như kép văn), *Hề đồng* (đầy tớ của Trạng, hóa trang như hề hát bội), *Nàng* (hóa trang như đào văn) và Đòi (tỳ nữ của Nàng, hóa trang như hề nữ).

Trạng (ra sân diễn trước):

Huê sanh trổ chức
Điềm ứng Nam bang
Hội kỳ san gió thuận mưa hòa
Dân thới thới muôn điều thịnh trị
Trên phụ hoàng chính vị
Tôi Trạng nhứt quyền khanh
Nay dân gian bổn hội lòng thành
Hội lễ lễ bá huê
Đốt mùi hương thấu đến thiên cung
Nên tôi đến xứ am hòa nguyện

(Trạng gọi hề đồng ra. Hề đồng xin đi theo Trạng và được Trạng cho phép đi theo).

Cậu cháu ta tách dặm bôn ba
Qua xứ Phật cầu an cho bổn hội
(Nam) *Xứ phật cầu cho bổn hội*
Nguyện cho người phước thọ quyền cao

Thinh thinh rẽ một nguồn đào

Đầu non gió thổi, dưới gành sóng xao

Hề (hát giễu, chủ yếu là giễu cương)

Trạng: *Bây giờ canh mấy?*

Hề: *Canh ba*

(xây tá): *Đồng hồ đà trở khắc*

Tiêu đâu giục canh ba

Hề thủ đáo vinh hoa

Điêu đạo đề vạn lý a

(khách): Vạn lý huỳnh vân bạch nhựt hồng

Bát phong xuy nhạn võ phân phân

(Đào và Đòi ra gặp Trạng và Hề Đồng. Hề Đòi và Đồng diễn hài. Đào và Trạng chào hỏi nhau và Đào mời rượu)

Khá khen ông Tô Lý Bạch

Dùng báu rượu linh đơn

Cầm tới bổng sàng sàng

Rượu tửu hồng nhập dạ

(Khách): *Tửu trung bất ngữ chơn quân tử*

Tài thượng phân minh đại trượng phu

(Nam): *Đại trượng phu chí kỳ quân tử*

Rạng điều màu gươn trổi dung nghi

(Theo tài liệu do Hữu Lợi do diễn viên đoàn Hát Bội thành phố Hồ Chí Minh, cung cấp).

• *Địa - Nàng*: là một chặp bóng tuồng hài hước đáng chú ý nhất trong toàn bộ các tiết mục của hát bóng rỗi. Được gọi là bóng tuồng vì đặc điểm diễn xướng của chặp

Địa-Nàng là sự tổng hợp của kiểu cách diễn của bóng rỗi lẫn tuồng (hát bội). Mặt khác, đặc điểm đáng chú ý của chặp Địa Nàng là, tùy thuộc hệ thống tiết mục của hát bóng rỗi, nhưng mức độ hài hước của nó đã thực sự vượt khỏi giới hạn của sự minh họa nghi lễ cũng như sự nghiêm túc cần thiết mà khuôn khổ một trò diễn lễ thức đòi hỏi.

Cốt truyện của chặp Địa Nàng rất đơn giản:

- Tiên nữ Hằng Nga (Nàng) vâng lệnh Vương Mẫu xuống trần để đến huê viên, nơi có "cây huê giếng nước", hái lộc cầu an cho dân chúng.

- Tiên nữ xuống trần nhưng không biết đường đến huê viên nên đến cậy nhờ Thổ Địa dẫn đường.

- Thổ Địa sau một hồi vòi vĩnh, làm khó, dẫn đường đưa tiên nữ đến huê viên để khai mạch nước giếng, tưới cây huê (hành động này biểu thị việc phong điều võ thuận, mùa màng tươi tốt.

Cốt truyện minh họa cho lễ thức cầu đảo và cầu tài đơn giản như vậy, nhưng trong buổi diễn, tùy theo từng cặp nghệ nhân, chặp Địa Nàng có thể kéo dài từ hai đến năm giờ liền. Điều đó cho thấy "kịch bản" chỉ là một đề cương sơ lược. Nghệ thuật biểu diễn chặp Địa Nàng chủ yếu là ứng diễn. Do vậy qui mô và sự phong phú của chặp Địa Nàng chủ yếu là tài năng của nghệ nhân. Tỉ trọng những bài ca, lời bạch và đối thoại ổn định rất nhỏ so với phần ứng diễn. Việc so sánh những kịch bản sưu tầm từ các nghệ nhân khác nhau cho thấy phần giống nhau rất ít ỏi.

Điều đáng chú ý là tiết mục tuy phục vụ việc thực hiện nghi lễ, song tự thân nó chứa đựng những yếu tố hài hước, do vậy, nó có chức năng kép: vừa lễ thức, vừa giải trí. Đặc điểm này chỉ ra sự khác biệt của lễ thức truyền thống và lễ thức dân gian. Ở lễ thức truyền thống đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các qui điều bao nhiêu thì lễ thức dân gian lại đòi hỏi càng "làm vui" cho Bà bao nhiêu càng hay bấy nhiêu - thậm chí sự phóng túng quá mức cũng không hề bị bắt bớ gì. Quan niệm dân gian và quan niệm chính thống luôn đối lập nhau là vậy.

*

* *

Trên đây là những nghi thức cúng tế ở đình theo cổ lệ. Rõ ràng là nghi lễ này biểu hiện những quan niệm cổ xưa của một thời đại lịch sử đã đi qua. Đối với chúng ta, trong thời đại ngày nay, những nghi thức ấy có còn phù hợp không? Cái gì nên giữ, cái gì nên bỏ? Hoặc cái gì cần cải đổi? ... Tất cả những câu hỏi ấy đang là vấn đề thời sự của sinh hoạt văn hóa, đặt ra cho người có trách nhiệm đến việc xây dựng một nền văn hóa hiện đại đậm đà bản sắc dân tộc.

PHỤ LỤC

I - Danh sách vài ngôi đình được liệt hạng.

II - Đình và lịch lễ đình ở thành phố Hồ Chí Minh.

III- Văn tế cúng đình.

IV- Vài sắc thần của triều Nguyễn.

V - Tư liệu về đào thài, lễ Xây chầu và lễ Đại bội.

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH VÀI NGÔI ĐÌNH Ở NAM BỘ ĐÃ ĐƯỢC LIỆT HẠNG DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA

1. Đình Châu Phú

Địa chỉ: Phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2. Đình An Hòa

Địa chỉ: Xã Hòa Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Đình Bình Thủy

Địa chỉ: Phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.

4. Đình Vĩnh Hòa

Địa chỉ: Phường Vĩnh Thanh Vân, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5. Đình Phong Phú

Địa chỉ: Ấp Phong Phú, xã Tăng Nhơn Phú, huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Đình Bình Hòa

Địa chỉ: 15/77, đường Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Đình Minh Hương Gia Thạnh

Địa chỉ: 380, đường Trần Hưng Đạo B, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Đình Nghĩa Nhuận

Địa chỉ: 27, đường Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC II

ĐÌNH VÀ LỊCH LỄ ĐÌNH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Theo sự điều tra bước đầu về đình ở thành phố Hồ Chí Minh thì toàn thành phố có gần 270 ngôi đình, trong đó có một số đình chỉ còn phế tích. Quận Phú Nhuận được xem là quận có số lượng đình ít nhất là 01 ngôi đình, và huyện Bình Chánh dẫn đầu về số lượng đình với 60 ngôi đình.

Về mặt kiến trúc, đa số các ngôi đình ở thành phố Hồ Chí Minh đều có niên đại xây dựng từ đầu thế kỷ trở lại đây. Do đó, phần nhiều ngôi đình không giữ được kiến trúc truyền thống của ngôi đình làng Nam bộ về kiểu dáng cũng như vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, rải rác trong các quận, huyện thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn lưu tồn một số ngôi đình có niên đại xây dựng từ thế kỷ XIX với kiến trúc nhà tứ trụ, mái ngói âm dương, bộ cột kèo bằng gỗ dạnh mộc.

Nội thất của các ngôi đình ở thành phố Hồ Chí Minh, bên cạnh sự thờ phụng gần như thống nhất với các ngôi đình khác ở Nam bộ, người ta còn thấy khá nhiều những

hiện vật quý hiếm cũng như các tác phẩm mỹ thuật, thậm chí là những tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu cho nghệ thuật chạm gỗ Nam bộ! Có thể kể đến các hiện vật như: sắc thần, lổ bộ, bát bửu, tam sự, mõ, chiêng... được sản sinh từ thế kỷ trước, hàm chứa nhiều nội dung thông tin cần thiết cho các ngành khoa học. Hay các bao lam, hoành phi, liễn đối, bình phong, ngựa gỗ... do các nghệ nhân đã từng chăm chút gia công, vừa mang tính nghệ thuật vừa mang tính lịch sử...

Điểm gần như tương đồng ở các ngôi đình toàn thành phố Hồ Chí Minh là sự gìn giữ các nghi lễ cúng tế tương đối toàn vẹn, đặc biệt là trong lễ Kỳ yên - một lễ thức lớn nhất của đình Nam bộ. Nơi nào cũng là lễ túc yết, lễ đoàn cả, lễ tiền vãng, rồi lễ xây chầu đại bội, hát bội, lễ tôn vương, lễ hồi chầu... với ban nghi lễ vận quốc phục áo dài khăn đóng cùng với những đào thài, lễ sinh xúng xính trong trang phục cổ truyền, chân bước theo hình chữ tâm giữa những tiếng nhạc lễ truyền thống... Trong thời gian tổ chức lễ Kỳ yên theo cổ lệ ở các ngôi đình toàn thành phố Hồ Chí Minh có khác nhau nhưng tập trung là ba tháng cuối năm âm lịch và ba tháng đầu năm âm lịch. Trong đó, tháng 11 và tháng 02 âm lịch là hai tháng có nhiều lễ Kỳ yên được tổ chức ở các ngôi đình trong thành phố nhất.

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu toàn bộ địa chỉ của những ngôi đình và lịch lễ hội ở những ngôi đình đó.

QUẬN MỘT

1. *Đình Nhơn Hòa* (đình Cầu Muối): số 27, đường Cô Giang, phường Cầu ông Lãnh.

   Lễ kỳ yên: 15, 16, 17 thánh 2 âm lịch

   Lễ vía Bà Ngũ Hành: 19 tháng 2 âm lịch

   Lễ giỗ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng: 15 tháng 5 âm lịch

2. *Đình Nam Chơn*: số 29, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định.

   Lễ kỳ yên: 16 tháng 6 âm lịch

3. *Đình Phú Hòa*: số 159, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định

   Lễ kỳ yên: 15, 16, 17 tháng 10 âm lịch

   Lễ vía Bà Ngũ Hành: 23 tháng 2 âm lịch

4. *Đình Hòa Mỹ*: số 2, đường Hòa Mỹ, phường Đa Kao

   Lễ kỳ yên: 13 tháng 10 âm lịch

   Lễ vía Bà Ngũ Hành: 17 tháng 4 âm lịch

5. *Đình Tân An*: số 26 bis, đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đa Kao

   Lễ kỳ yên: 17 tháng 3 âm lịch

6. *Đình Sơn Trà*: số 113A, đường Nguyễn Phi Khanh, phường Tân Định

   Lễ kỳ yên: 11, 12, 13 tháng 10 âm lịch

7. *Đình Phú Hòa Vạn*: số 4, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định
   Lễ kỳ yên: 15 tháng 8 âm lịch
8. *Đình Nghĩa Hòa*: (chùa Dọn Bàn, chùa Ông): số 124, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định
   Lễ vía sinh: 13 tháng giêng âm lịch
   Lễ vía tử: 24 tháng 6 âm lịch
9. *Đình Tân Hòa:* số 112, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh.
   Lễ kỳ yên: 16 tháng 3 âm lịch
10. *Đình Thái Hưng* (đình Cầu Quan): số 119, đường Yersin, phường Phạm Ngũ Lão
    Lễ kỳ yên: 12, 13, 14 tháng 2 âm lịch

QUẬN BA

1. *Đình Xuân Hòa*: số 129, đường Lý Chính Thắng, quận 3
   Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 2 âm lịch
2. *Đình Phú Thạnh*: số 199C, đường Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3
   Lễ kỳ yên: 13, 14, 15 tháng 3 âm lịch

QUẬN TƯ

1. *Đình Khánh Hòa*: số 71-73, đường Nguyễn Tất Thành, phường 13

Lễ kỳ yên: 16, 17 tháng 2 âm lịch

2. *Đình Khánh Long* (đình Vĩnh Quới): số 241, Bến Vân Đồn, phường 5

Lễ kỳ yên: 12, 13, 14, 15 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà Ngũ Hành: 23 tháng 9 âm lịch

3. *Đình Lý Nhơn* (đình Nam Tiến): số 170/4, Bến Vân Đồn, P.6

Lễ kỳ yên: 11 tháng giêng âm lịch

Lễ vía Quan Công: 13 tháng giêng âm lịch

Lễ vía Bà Mẹ Sanh: 19 tháng 3 âm lịch

4. Đình Hòa Hiệp (Hòa Hiệp Tự, chùa Bà): số 320/60, đường Đoàn Văn Bơ, phường 10

Lễ vía Bà Thiên Hậu: 21, 22, 23 tháng 3 âm lịch

QUẬN NĂM

1. *Đình Tân Kiểng*: số 718/10, đường Trần Hưng Đạo A, phường 2

Lễ kỳ yên: 17 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà Ngũ Hành: 17 tháng 8 âm lịch

2. *Đình Minh Hương Gia Thạnh*: số 380, đường Trần Hưng Đạo B, phường 11

Lễ kỳ yên: 16 tháng giêng âm lịch

Lễ vía năm Bà Ngũ hành và Bà Mẹ Thai Sanh: 19 tháng 3 âm lịch

Lễ giỗ hậu vợ chồng ông Trương Công Sĩ: 29 tháng 6 âm lịch và 14, 15, 16 tháng 7 âm lịch.

3. *Đình Nghĩa Nhuận* (chùa Nghĩa Nhuận, chùa Quan Thánh): số 27, đường Phan Văn Khỏe, phường 13
   Lễ kỳ yên: 17 tháng 8 âm lịch
   Lễ vía Quan Công: 13 tháng giêng âm lịch
   Lễ vía Bà Thiên Hậu: 23 tháng 3 âm lịch
   Lễ vía Châu Xương: 30 tháng 10 âm lịch
   Lễ vía Quan Bình: 13 tháng 5 âm lịch
   Lễ vía Quan Công vô chùa: 24 tháng 6 âm lịch

QUẬN SÁU

1. *Đình Bình Hòa*: số 703, đường Phạm Văn Chí, phường 7
   Lễ kỳ yên: 15, 16, 17 tháng 2 âm lịch
   Lễ vía Linh Sơn Thánh Mẫu: 5, 6 tháng 5 âm lịch
2. *Đình Bình An* (1): số 242, đường Trần Văn Kiểu, phường 3
   Lễ kỳ yên: 24, 25 tháng 7 âm lịch
   Lễ vía Quan Công: 24 tháng 6 âm lịch
3. *Đình Bình Tây*: số 219/24, đường Mai Xuân Thưởng, phường 6
   Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch
4. *Đình Bình Tiên:* số 122, đường Minh Phụng, phường 6
   Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng giêng âm lịch
5. *Đình Bình An* (2): số 133/20A, đường Văn Thân, phường 8

Lễ kỳ yên: 15, 16, 17 tháng 3 âm lịch

6. *Đình Phú Lâm*: số 47, đường Phạm Văn Thân, phường 9

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng giêng âm lịch

7. *Đình Phú Định*: số 131, đường Nguyễn Văn Luông, phường 10

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

8. *Đình Phú Hòa*: số 357/32/19, đường Hậu Giang, phường 11

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

9. *Đình Tân Hòa Đông*: số 137, đường Tân Hòa Đông, phường 14

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng giêng âm lịch

Lễ vía Bà: 18 tháng 8 âm lịch

QUẬN TÁM

1. *Đình Bình Long*: số 37, đường Dương Bá Trạc, phường 1

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà Ngũ hành: 18, 19 tháng 3 âm lịch

2. *Đình Khánh Bình*: số 28, đường Âu Dương Lân, phường 3

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

3. *Đình Thái Phong*: số 1107/6, đường Phạm Thế Hiển, phường 5

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

4. *Đình Bình Đông*: Cù lao, phường 7

Lễ kỳ yên: 12, 13 tháng 2 âm lịch

Lễ vía năm Bà Ngũ hành: 16 tháng 3 âm lịch

Lễ vía Linh Thần: 11 tháng 5 âm lịch

Lễ vía Thần Nông: 16 tháng 9 âm lịch

5. *Đình Tứ Xuân*: số 57/3, đường Hưng Phú, phường 8

Lễ kỳ yên: 11 tháng 11 âm lịch

Lễ vía năm Bà Ngũ hành: 19 tháng 3 âm lịch

6. *Đình Hưng Phú* (1): số 617/19, Bến Ba Đình, phường 9

Lễ kỳ yên: 29, 30 tháng 11 và 1 tháng chạp âm lịch

7. *Đình Long Phú*: số 318/118, Bến Nguyễn Duy, phường 9

Lễ kỳ yên: 14, 15 tháng 2 âm lịch

8. *Đình Hưng Phú* (2): số 556, đường Hưng Phú, phường 9

Lễ kỳ yên: 10, 11, 12 tháng 10 âm lịch

9. *Đình An Hòa* (miếu An Hòa): số 502/20, đường Hưng Phú, phường 9

Lễ vía Bà Thiên Hậu: 23 tháng 3 âm lịch

10. *Đình Long Vĩnh*: số 989, Bến Nguyễn Duy, phường 10

Lễ kỳ yên: 14, 15 tháng giêng âm lịch

11. *Đình Ưu Long*: số 118, đường Ưu Long, phường 11

Lễ kỳ yên: 16, 17 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà Ngũ hành: 17 tháng 7 âm lịch

12. Đình Phong Phú: số 46, đường Phong Phú, phường 12

Lễ kỳ yên: 17 tháng giêng âm lịch

Lễ vía Bà Chúa Thai Sanh: 17 tháng 3 âm lịch

Lễ vía Quan Thánh: 20 tháng 6 âm lịch

Lễ vía năm Bà Ngũ hành: 17 tháng 7 âm lịch

13. *Đình Tân Xuân*: số 812, Bến Nguyễn Duy, phường 12

Lễ kỳ yên: 11 tháng 2 âm lịch

14. *Đình Lương Hòa*: số 82, đường Nguyễn Chế Nghĩa, phường 13

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

15. *Đình Vĩnh Hội*: số 42, đường Bình Hòa, phường 13

Lễ kỳ yên: 15 tháng giêng âm lịch

16. *Đình Đông Phú* (đình Bình Đông Phú Hội): số 60, Bến Phú Định, tổ dân phố 15, phường 16

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà Ngũ hành: 16 tháng 3 âm lịch

Lễ cúng Ông nhậm chức: 11 tháng 5 âm lịch

Lễ Thần Nông: 16 tháng 9 âm lịch

17. *Đình Hòa Lục:* số 20, đường Nguyễn Ngọc Cung, tổ dân phố 24, phường 16

Lễ kỳ yên: 18, 19 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà Ngũ hành: 26 tháng 7 âm lịch

18. *Đình An Tài*: tổ dân phố 20, đường Phạm Thế Hiển, phường 7

Lễ kỳ yên: 17 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bốn Cô: 20 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 10 âm lịch

19. *Đình Phong Đước* (đình Cầu Sập): tổ dân phố 25, đường Ba Tơ, phường 7

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Tiên Sư: 12 tháng 3 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 9 âm lịch

20. *Đình An Phú Tây*: tổ dân phố 26, phường 7

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ hạ điền: 16 tháng 7 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 10 âm lịch

21. *Đình Hiệp Ân*: số 1293, đường Phạm Thế Hiển, phường 5

Lễ kỳ yên: 20 thháng giêng âm lịch

Lễ vía Quan Công: 10 tháng 7 âm lịch

22. *Đình Linh Phước*: số 852, Bến Nguyễn Duy,phường 12

Lễ vía Ông: 29 tháng 3 âm lịch

QUẬN MƯỜI

1. *Đình Chí Hòa*: số 475, đường Cách mạng Tháng Tám, quận 10

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

2. *Đình Thành Hoàng* (miếu Thành Hoàng): 528/17, đường Điện Biên Phủ, tổ dân phố 27, phường 11

Lễ kỳ yên: 17, 18 tháng giêng âm lịch

3. *Đình Vĩnh Viễn*: 615, đường Bà Hạt, phường 8

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cúng cô hồn: 16 tháng 7 âm lịch

4. *Đình Vân Chàng* (đền thờ tổ nghề rèn): 96, đường Bà Hạt, phường 9

Lễ Tổ: 15, 16 tháng 11 âm lịch

QUẬN MƯỜI MỘT

1. *Đình Long Quới*: số 66, đường Hùng Vương, phường 16

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

2. *Đình Bình Thới*: số 161/2, đường Lạc Long Quân, phường 3

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

3. *Đình Minh Phụng* : số 80, đường Hùng Vương, quận 11

Lễ kỳ yên: 16 tháng giêng âm lịch

Lễ vía Bà: 19 tháng 5 âm lịch

Lễ vía Thành Hoàng: 11 tháng 5 âm lịch

Lễ vía Quan Đế: 13 tháng 5 âm lịch

QUẬN GÒ VẤP

1. *Đình Thông Tây Hội* (đình Hanh Thông Tây): số 107/1, đường Nguyễn Văn Lượng, tổ 36, P.11

Lễ kỳ yên: 14, 15 tháng 8 âm lịch

2. *Đình An Nhơn*: đường Nguyễn Thái Sơn, phường 17

Lễ vía Thần: 3 tháng 3 âm lịch

Lễ kỳ yên: 15 tháng 8 âm lịch

3. *Đình Hanh Thông* (đình Gò Vấp): đường Nguyễn Thái Sơn, phường 7

Lễ vía Thần: 1, 2 tháng 2 âm lịch

Lễ kỳ yên: 15 tháng 8 âm lịch

4. *Đình Trung Thành* (chùa Ông Trung Thành Tự): số 489, đường Lê Quang Định, phường 1

Lễ kỳ yên: 13 tháng giêng âm lịch

Lễ an vị: 13 tháng 8 âm lịch

5. *Đình An Hội* (miếu Võ): tổ 34, phường 12

Lễ vía Quan Công: 13 tháng giêng âm lịch

QUẬN PHÚ NHUẬN

1. *Đình Phú Nhuận*: số 10, đường Mai Văn Ngọc, Phú Nhuận

Lễ kỳ yên: 16, 17, 18 tháng giêng âm lịch

Lễ Tiên Sư: 16 tháng 10 âm lịch

QUẬN BÌNH THẠNH

1. *Đình Bình Hòa*: số 15/77, đường Chu Văn An, phường 12

Lễ kỳ yên: 10, 11 tháng 9 âm lịch

2. *Đình Phú An*: số 192/33/11, đường Ngô Tất Tố, phường 22

Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch

3. *Đình Cầu Sơn*: số 218, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26
Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch
Lễ Liệt Sĩ: 27 tháng 7 dương lịch
4. *Đình Bình Quới*: tổ 19, phường 28
Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch
5. *Đình Bình Lợi*: số 477/43, đường Nơ Trang Long, Phường 13
Lễ kỳ yên: 14, 15 tháng 3 âm lịch
6. *Đình Liên Ứng* (Liên Ứng Từ): số 237/75, đường Nguyễn Văn Đậu
Lễ vía Thành Hoàng: 8 tháng 2 âm lịch
8 tháng 6 âm lịch
8 tháng 11 âm lịch

QUẬN TÂN BÌNH

1. *Đình Tân Sơn Hòa*: hẻm số 40, đường Phạm Văn Hai, tổ dân phố 35, phường 3
Lễ kỳ yên: 15 tháng 3 âm lịch
Lễ vía tiên sư: 28 tháng 3 âm lịch
2. Đình Phú Trung: số 174B, đường Lạc Long Quân, tổ 45, Phường 8
Lễ khai hạ: 7 tháng giêng âm lịch
Lễ vía tiên sư: 16 tháng 3 âm lịch
Lễ kỳ yên: 16, 17 tháng 4 âm lịch

Lễ giỗ Ông: 11 tháng 5 âm lịch

Lễ đưa Thần: 25 tháng chạp âm lịch

Lễ rước Thần: 30 tháng chạp âm lịch

3. *Đình Tân Thành*: hẻm Tân Thành, đường Cách Mạng Tháng Tám, tổ dân phố 13, phường 14

Lễ vía ông Bổn (Phúc đức chính thần): 2 tháng 2 âm lịch

Lễ vía năm Bà Ngũ hành: 18 tháng 3 âm lịch

Lễ kỳ yên: 16 tháng 8 âm lịch

4. *Đình Tân Sơn Nhì* (đình Bà Quẹo): tổ 48, phường 14, đường Tân Kỳ Tân Quý.

Lễ vía năm Bà Ngũ hành: 18 tháng 2 âm lịch

Lễ kỳ yên Thần Tân Sơn Nhì: 16 tháng 3 âm lịch

Lễ kỳ yên Thần Tân Kỳ: 16 tháng 8 âm lịch

5. *Đình Tân Thới*: khu phố 1, phường 16, đường Tân Kỳ Tân Quý

Lễ khai sơn: 7 tháng giêng âm lịch

Lễ đưa khách: 16 tháng giêng âm lịch

Lễ vía năm Bà Ngũ hành: 18 tháng 2 âm lịch

Lễ kỳ yên: 12 tháng 3 âm lịch

Lễ tất niên: 20 tháng chạp âm lịch

6. *Đình Phú Thạnh*: tổ dân phố 59, phường 18

Lễ vía Bà Chúa Xứ: 17, 18 tháng 3 âm lịch

Lễ kỳ yên: 17, 18 tháng 8 âm lịch

7. *Đình Hòa Thạnh*: số 378, hương lộ 14, phường 19

Lễ Quốc Tổ Hùng Vương: 10 tháng 3 âm lịch

Lễ vía Quan Thánh Đế Quân: 24 tháng 6 âm lịch
Lễ vía năm Bà Ngũ hành: 17, 18 tháng 8 âm lịch
Lễ kỳ yên: 16, 17 tháng 11 âm lịch

8. *Đình Tân Hòa Tây* (đình Hòa Tây): tổ dân phố 3, phường 20
Lễ vía Quan Thánh Đế Quân: 24 tháng 6 âm lịch
Lễ vía Bà Linh Sơn: 15 tháng 5 âm lịch
Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch
9. *Đình Tân Phước*: số 18/98, đường Âu Cơ, phường 9
Lễ kỳ yên: 16 tháng 3 âm lịch
Lễ vía Bà: 17 tháng 8 âm lịch

HUYỆN CẦN GIỜ

1. *Đình Bình Khánh*: ấp Bình Trung, xã Bình Khánh
Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch
2. *Đình Long Thạnh*: ấp Long Thạnh, xã Long Hòa
Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch
3. *Đình Cần Thạnh*: ấp Phong Thạnh, xã Đồng Hòa
Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch
4. *Đình Đồng Hòa*: ấp Đồng Hòa, xã Đồng Hòa
Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch
5. *Đình An Thới Đông*: ấp An Bình, xã An Thới Đông
Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch
6. *Đình Tam Thôn Hiệp*: ấp Trần Hưng Đạo, xã Tam Thôn Hiệp

Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch

7. *Đình Thạnh An*: ấp Thạnh An, xã Tân An

Lễ kỳ yên: 10 tháng 02 âm lịch

8. *Đình Lý Nhơn*: ấp Lý Hòa Hiệp, xã Lý Nhơn

Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch

HUYỆN NHÀ BÈ

• ***Thị trấn Nhà Bè:***

1. *Đình Phú Xuân*: khu phố 5

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 10 âm lịch

• ***Xã Phú Xuân:***

2. *Đình Đức Hưng* (đình Mương Chuối): ấp 1

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ hạ điền: 16 tháng 5 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 9 âm lịch

3. *Đình Đức Hưng* (đình Phước Hải, đình Bờ Băng): ấp 2

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 10 âm lịch

4. *Đình Mỹ Hội* (đình ấp 4): ấp 4

Lễ kỳ yên: 12 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 12 tháng 10 âm lịch

• ***Xã Phú Mỹ:***

5. *Đình Phú Mỹ*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông: 15, 16 tháng 10 âm lịch

- ***Xã Tân Thuận Đông:***

6. *Đình Tân Thuận*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 15 tháng giêng âm lịch

Lễ hạ điền: 15 tháng 7 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 10 âm lịch

- ***Xã Tân Qui Đông:***

7. *Đình Tân Qui*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ hạ điền: 16 tháng 5 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 10 âm lịch

- ***Xã Nhơn Đức:***

8. *Đình Phú Lễ*: ấp 4

Lễ đưa khách: 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 29, 30 tháng 9 âm lịch

Lễ kỳ yên: 12 tháng chạp âm lịch

9. *Đình Nhơn Đức*: ấp 2

Lễ đưa khách: 16 tháng giêng âm lịch

Lễ hạ điền: 16 tháng 5 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 10 âm lịch

Lễ kỳ yên: 16 tháng chạp âm lịch

- ***Xã Hiệp Phước:***

10. *Đình Hiệp Phước*: ấp 1

Lễ đưa khách: 15 tháng 2 âm lịch

Lễ hạ điền: 15, 16 tháng 6 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 9 âm lịch

Lễ kỳ yên: 15 tháng chạp âm lịch

11. *Đình Thế Hiệp* (đình Cầu Nhum): ấp 1

Lễ hạ điền: 16 tháng 5 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 9 âm lịch

Lễ kỳ yên: 16 tháng chạp âm lịch

12. *Đình Long Thành* (đình Cá Chốt): ấp 1

Lễ đưa khách: 15 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 9 âm lịch

Lễ kỳ yên: 16 tháng chạp âm lịch

• ***Xã Long Thới:***

13. *Đình Long Thới* (1): ấp 3

Lễ đưa khách: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 9 âm lịch

Lễ kỳ yên: 16 tháng chạp âm lịch

14. *Đình Long Thới* (2): ấp 1

Lễ kỳ yên: 16 tháng chạp âm lịch

• ***Xã Phước Kiểng:***

15. *Đình Phước Kiểng*: ấp 2

Lễ đưa khách: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ hạ điền: 16 tháng 9 âm lịch

Lễ kỳ yên: 16 tháng chạp âm lịch

16. *Đình Phước Long*: ấp 4

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 10 âm lịch

17. *Đình Phước Hiền*: ấp 4

Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 10 âm lịch

• ***Xã Phước Lộc:***

18. *Đình Phước Lộc*: ấp 4

Lễ đưa khách: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ kỳ yên: 16 tháng 3 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 10 âm lịch

HUYỆN HÓC MÔN

• ***Thị trấn Hóc Môn:***

1. *Đình Khánh Diên* (đình Tân Thới Nhì): đường Lý Nam Đế, khu phố 5.

Lễ kỳ yên: 14, 15 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Bà Điểm:***

2. *Đình Tân Thới Nhứt*: 126/1, ấp Tây Lân

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 15, 16 tháng 6 âm lịch

3. *Đình Phan Công Hớn* (đền Phan Công Hớn): ấp Tây Bắc Lân

Lễ giỗ: 24, 25 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Thới Tam Thôn:***

4. *Đình Tân Thới Tam*: ấp Nam Thới

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 3 âm lịch

5. *Đình Tân Thới Tứ*: ấp Thới Tứ

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 3 âm lịch

6. *Đình Thới Tam Đông*: ấp Tam Đông

Lễ kỳ yên: 14, 15 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Thạnh Lộc:***

7. *Đình An Phước*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

8. *Đình Thạnh Phước*: ấp 6

Lễ kỳ yên: 6 tháng 10 âm lịch

9. *Đình Quới An*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 11, 12 tháng 3 âm lịch

10. *Đình Quới Xuân*: ấp 7

Lễ kỳ yên: 23 tháng 3 âm lịch

11. *Đình Giao Khẩu*: ấp 4

Lễ kỳ yên: 16 tháng 3 âm lịch

• ***Xã An Phú Đông:***

12. *Đình Hạnh Phú* (đình An Phú): ấp 5

Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch

13. *Đình Trung Nhứt*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Tân Thới Hiệp:***

14. *Đình Thới An*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 20 tháng 8 âm lịch

15. *Đình Tân Hưng*: ấp 4

Lễ kỳ yên: 16 tháng 3 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 8 âm lịch

• ***Xã Đông Hưng Thuận:***

16. *Đình Nguyễn Ảnh Thủ* (đền thờ Nguyễn Ảnh Thủ, dinh Ông): ấp Hàng Sao

Lễ giỗ: 10, 11 tháng 5 âm lịch

17. *Đình Đồng Tiến*: ấp Đồng Tiến

Lễ kỳ yên: 16 tháng 11 âm lịch

Lễ vía Bà: 23 tháng 3 âm lịch

18. *Đình Cây Sọp*: ấp Cây Sọp

Lễ vía Bà: 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Ông: 13 tháng 5 âm lịch

19. *Đình Tân Hội*: ấp Bàu Nai

Lễ kỳ yên: 16 tháng 11 âm lịch

Lễ vía Linh Sơn Thánh Mẫu: 23 tháng 3 âm lịch

• ***Xã Tân Thới Nhứt:***

20. *Đình Thuận Kiều*: ấp Thuận Kiều

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

21. *Đình Nguyễn Ảnh Thủ* (đền thờ Nguyễn Ảnh Thủ, dinh Ông): ấp Thuận Hòa

Lễ giỗ: 13 tháng 5 âm lịch

• ***Xã Tân Xuân:***

22. *Đình Mỹ Hòa*: ấp Mỹ Hòa

Lễ kỳ yên: 14 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 14 tháng 8 âm lịch

23. *Đình Tân Thới Trung*: ấp Đình

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 3 âm lịch

24. *Đình Xuân Thới Đông*: ấp Xuân Thới Đông

Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 8 âm lịch

- ***Xã Xuân Thới Sơn:***

25. *Đình Hòa Bình*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch

Lễ đưa khách: 15 tháng 4 âm lịch

26. *Đình ấp 4*: ấp 4

Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch

- ***Xã Xuân Thới Thượng:***

27. *Đình Xuân Thới Tây*: ấp 4

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 5 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 8 âm lịch

28. *Đình Thới Thượng*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch

- ***Xã Tân Chánh Hiệp:***

29. *Đình Tân Đông Thượng*: ấp Hàng Sao

Lễ kỳ yên: 14 tháng 2 âm lịch

30. *Đình Trung Mỹ Tây*: ấp Đông

Lễ kỳ yên: 14 tháng 3 âm lịch

Lễ vía Bà: 18 tháng 6 âm lịch

31. *Đình Trung Chánh Tây*: ấp Chánh Tây 1

Lễ vía Bà: 18 tháng 6 âm lịch (bà Chúa Xứ).

- ***Xã Tân Hiệp:***

32. *Đình Thới Tây*: ấp Thới Tây 2

Lễ kỳ yên: 15 tháng 3 âm lịch

33. *Đình Thới Đông*: ấp Tân Thới 2

Lễ kỳ yên: 14, 15 tháng 3 âm lịch

• ***Xã Nhị Bình:***

34. *Đình Bình Nhan*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 16 tháng 3 âm lịch

35. *Đình Bình Xuân*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 16 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Đông Thạnh:***

36. *Đình Bình Lý*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 13 tháng âm lịch

Lễ cầu bông: 13 tháng 8 âm lịch

37. *Đình Tân Đông*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 14 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà: 14 tháng 8 âm lịch

38. *Đình Khánh Long*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 14, 15 tháng 2 âm lịch

39. *Đình Thới Thuận*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

HUYỆN THỦ ĐỨC

• ***Thị trấn Thủ Đức:***

1. *Đình Linh Trung*: 38/2A, đường Võ Văn Ngân

Lễ kỳ yên: 16 tháng 11 âm lịch

2. *Đình Linh Đông*: 40/1A, đường Võ Văn Ngân, khu phố 5

Lễ kỳ yên: 16 tháng 10 âm lịch

3. *Đình Linh Tây* (đình Sắc Tứ Linh Chiểu Tây): 16/11, đường Kha Vạng Cân, khu phố 2.

Lễ kỳ yên: 16 tháng 10 âm lịch

• ***Xã Tăng Nhơn Phú:***

4. *Đình Phong Phú*: ấp Phong Phú

Lễ kỳ yên: 13, 14, 15 tháng 11 âm lịch

5. *Đình Tăng Phú*: ấp Tăng Phú

Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Phước Long:***

6. *Đình Trường Thọ*: ấp Trường Thọ

Lễ kỳ yên: 16, 17 tháng 2 âm lịch

7. *Đình Bình Thọ*: ấp Bình Thọ

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

8. *Đình Phú Thọ*: ấp Nam Hòa

Lễ kỳ yên: 17 tháng 2 âm lịch

9. *Đình Bình Thái*: ấp Xóm Mới

Lễ kỳ yên: 12 tháng 2 âm lịch

Lễ tống xuân: 9 tháng 3 âm lịch

• ***Xã Long Trường:***

10. *Đình Long Tân*: ấp Trường Sơn

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

11. *Đình Trường Lộc*: ấp Tam Đa

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

12. *Đình Ông Nhiêu*: ấp Ông Nhiêu

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 2 âm lịch

13. *Đình Phước Hiệp*: ấp Phước Hiệp

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

14. *Đình Ích Thạnh*: ấp Ích Thạnh

Lễ kỳ yên: 14 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Long Phước:***

15. *Đình Long Đại*: ấp Long Đại

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

16. *Đình Long Thuận*: ấp Long Thuận

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

17. *Đình Phước Hậu*: ấp Phước Hậu

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

18. *Đình Trường Khánh*: ấp Trường Khánh

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Phú Hữu:***

19. *Đình Tân Điền*: ấp Tân Điền A

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

20. *Đình Gò Cát*: ấp Tân Điền B

Lễ kỳ yên: 12 tháng 2 âm lịch

21. *Đình Bà Thiếc*: ấp Tân Điền B

Lễ Kỳ yên: 12 tháng 2 âm lịch

22. *Đình Chủ Chiếu*: ấp Tân Điền A

Lễ kỳ yên: 20 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Bình Trưng:***

23. *Đình Bình Trưng*: ấp Trung

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 2 âm lịch

24. *Đình Tân Đông* (đình Tân Lập): ấp Bình Trưng

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Thạnh Mỹ Lợi:***

25. *Đình Bình Thạnh*: ấp Bình Thạnh 1

Lễ kỳ yên: 18, 19, 20 tháng 2 âm lịch

26. *Đình Mỹ Thủy*: ấp Mỹ Thủy

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

27. *Đình Bình Lợi*: ấp Bình Lợi

Lễ kỳ yên: 17 tháng 2 âm lịch

• ***Xã An Phú:***

28. *Đình Đông Phú*: ấp An Phú

Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch

29. *Đình An Phú*: ấp An Phú

Lễ kỳ yên: 10, 11, 12 tháng 2 âm lịch

30. *Đình Ích Phú* (đình Thảo Điền): ấp Thảo Điền

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Long Thạnh Mỹ:***

31. *Đình Mỹ Thành* (đình Mỹ Thiềng): ấp Mỹ Thành

Lễ kỳ yên: 13, 14, 15 tháng 11 âm lịch

32. *Đình Long Hòa*: ấp Long Hòa

Lễ kỳ yên: 15 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Long Bình:***

33. *Đình Long Bửu* (đình Long Bình): ấp Bến Đò

Lễ kỳ yên: 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

34. *Đình Thái Bình*: ấp Thái Bình

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 11 âm lịch

35. *Đình Phước Thiện*: ấp Phước Thiện

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Tân Phú:***

36. *Đình Tân Nhơn*: ấp Tân Nhơn

Lễ kỳ yên: 16, 17 tháng 11 âm lịch

37. *Đình An Lộc*: ấp Tân Hòa

Lễ kỳ yên: 18 tháng 3 âm lịch

• ***Xã Thủ Thiêm:***

38. *Đình An Lợi Đông*: ấp An Lợi Đông

Lễ kỳ yên: 16, 17, 1 tháng giêng âm lịch

Lễ Khai Sơn: 6 tháng giêng âm lịch

Lễ hạ điền: 16 tháng 6 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 10 âm lịch

• ***Xã An Khánh:***

39. *Đình Bình Khánh*: ấp Bình Khánh 1

Lễ kỳ yên: 15 tháng 3 âm lịch

40. *Đình An Khánh*: ấp Đình

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Linh Trung:***

41. *Đình Xuân Vinh*: ấp 4

Lễ kỳ yên: 17, 18 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Linh Xuân:***

42. *Đình Xuân Hiệp* (đình Xuân Trường): ấp Xuân Hiệp 2

Lễ kỳ yên: 15, 16, 17 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Linh Đông:***

43. *Đình Bình Quới*: ấp Bình Quới

Lễ kỳ yên: 16, 17 tháng 3 âm lịch

• ***Xã Tam Phú:***

44. *Đình Bình Phú*: ấp Bình Phú

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 3 âm lịch

45. *Đình Bình Đức*: ấp Phú Châu

Lễ kỳ yên: 10, 11 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Tam Bình:***

46. *Đình Bình Chiểu*: ấp Bình Chiểu

Lễ kỳ yên: 16 tháng 11 âm lịch

47. *Đình Bình Thủy*: ấp Gò Dưa

Lễ kỳ yên: 16 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Hiệp Bình Chánh:***

48. *Đình Bình Chánh*: ấp Bình Chánh 2

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Hiệp Bình Phước:***

49. *Đình Bình Phước*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 12, 13 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 13 tháng 8 âm lịch

Lễ chạp miễu: 13 tháng 11 âm lịch

50. *Đình Bình Triệu*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 13 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 8 âm lịch

Lễ chạp miễu: 15 tháng chạp âm lịch

HUYỆN BÌNH CHÁNH

- ***Xã Bình Chánh:***

1. *Đình Bình Chánh*: ấp 1

Lễ đưa khách: 13, 14 tháng 2 âm lịch

Lễ hạ điền: 10 tháng 4 âm lịch

Lễ cầu bông: 10 tháng 10 âm lịch

Lễ kỳ yên: 13, 14, 15 tháng chạp âm lịch

2. *Đình Bình Trường*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 16, 17 tháng giêng âm lịch

Lễ hạ điền: 12 tháng 4 âm lịch

Lễ cầu bông: 12 tháng 10 âm lịch

3. *Đình Bình Thượng*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 11 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông: 9, 10 tháng 10 âm lịch

- ***Xã Tân Túc:***

4. *Đình Tân Túc*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 16 tháng 11 âm lịch

5. *Đình Thạnh Hòa Đông*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 17 tháng giêng âm lịch

6. *Đình Long Bình*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 16 tháng giêng âm lịch

7. *Đình Bình Điền*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 18 tháng giêng âm lịch

8. *Đình Tân Tảo*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

9. *Đình Tân Hồ*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 16 tháng giêng âm lịch

Lễ hạ điền: 10 tháng 4 âm lịch

Lễ cầu bông: 10 tháng 9 âm lịch

10. *Đình Đại Thạnh*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Tân Quí Tây:***

11. *Đình Tân Quí Tây*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 15 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 9 âm lịch

12. *Đình Phước Bình*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông: 15, 16 tháng 10 âm lịch

13. *Đình Tân Quí*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 16 tháng giêng âm lịch

Lễ hạ điền: 16 tháng 9 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng chạp âm lịch

• ***Xã Bình Trị Đông:***

14. *Đình An Lạc*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà: 26 tháng 3 âm lịch

Lễ Thần Nông: 16 tháng 9 âm lịch

15. *Đình Bình Trị Đông*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà: 15, 16 tháng 3 âm lịch

16. *Đình Tân Khai*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 20 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà: 18 tháng 3 âm lịch

17. *Đình Nghi Xuân*: ấp 4

Lễ kỳ yên: 17 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà: 18 tháng 8 âm lịch

18. *Đình Tân Thới*: ấp 6

Lễ kỳ yên: 18 tháng 2 âm lịch

- ***Xã Bình Hưng Hòa:***

19. *Đình Bình Hưng*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

20. *Đình Bình Khánh*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 14 tháng 3 âm lịch

21. *Đình Bình Đông* (miếu Bà): ấp 4

Lễ kỳ yên: 11 tháng 5 âm lịch

Lễ cúng Bà: 16 tháng 3 âm lịch

Lễ vía Bà: 18 tháng 8 âm lịch

- ***Xã Bình Hưng:***

22. *Đình Bình Đăng*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà: 18 tháng 3 âm lịch

Lễ Thần Nông: 16 tháng 10 âm lịch

23. *Đình Quang Phục*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 16 tháng 3 âm lịch

24. *Đình Bình Lộc*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà: 16 tháng 3 âm lịch

Lễ hạ điền: 5 tháng 5 âm lịch

Lễ Thần Nông: 16 tháng 10 âm lịch

• ***Xã Phong Phú:***

25. *Đình Phú Lạc*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ Thần Nông: 16 tháng 10 âm lịch

Lễ Tiên Sư: 16 tháng chạp âm lịch

26. *Đình Tân Liêm*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 13 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 9 âm lịch

Lễ chạp miễu: 15 tháng chạp âm lịch

27. *Đình An Phú*: ấp 1

Lễ kỳ yên: 13 tháng giêng âm lịch

Lễ vía Bà: 16 tháng 3 âm lịch

Lễ cẩu bông: 16 tháng 9 âm lịch

• ***Xã Qui Đức:***

28. *Đình Qui Đức*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 15 tháng giêng âm lịch

Lễ tiên sư: 28 tháng 8 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 10 âm lịch

Lễ chạp miễu: 16 tháng chạp âm lịch

29. *Đình Phú Nhiêu*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 15 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 10 âm lịch

Lễ chạp miễu: 16 tháng chạp âm lịch

• ***Xã Đa Phước:***

30. *Đình Chánh Đa Phước*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 9 âm lịch

Lễ chạp miễu: 16 tháng 11 âm lịch

31. *Đình Tân Liêm*: ấp 5

Lễ kỳ yên: 13 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 12, 13 tháng 9 âm lịch

32. *Đình Tân Lạc* (đình Ông Cọp): ấp 4

Lễ kỳ yên: 13 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 13 tháng 10 âm lịch

33. *Đình ấp 3*: ấp 3

Lễ kỳ yên: 16 tháng 2 âm lịch

Lễ hạ điền: 6 tháng 4 âm lịch

Lễ cầu bông: 16 tháng 9 âm lịch

34. *Đình Phước Cơ*: ấp 2

Lễ kỳ yên: 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông: 15, 16 tháng 9 âm lịch

• ***Xã Tân Nhựt :***

35. *Đình Tân Đông* : ấp 6

Lễ kỳ yên : 17 tháng 2 âm lịch

36. *Đình Tân Xuân* : ấp 4

Lễ kỳ yên : 17 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 17 tháng 9 âm lịch

37. *Đình Tân Chương* : ấp 4

Lễ kỳ yên : 19 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 19 tháng 9 âm lịch

38. *Đình Phục Đước* : ấp 6

Lễ kỳ yên : 17 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 17 tháng 9 âm lịch

39. *Đình Tân Nhựt* : ấp 2

Lễ kỳ yên : 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 16 tháng 9 âm lịch

• ***Xã An Phú Tây :***

40. *Đình Tân Thủy* : ấp 1

Lễ kỳ yên : 12 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 12 tháng 9 âm lịch

41. *Đình Châu Thới* : ấp 3

Lễ kỳ yên : 8 tháng 2 âm lịch

42. *Đình Tân Nhiễu* : ấp 2

Lễ kỳ yên : 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 25 tháng 9 âm lịch

43. *Đình Tân Kiều* : ấp 3

Lễ kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 10 âm lịch

Xã Hưng Long :

44. *Đình Tân Liễu* : ấp 2

Lễ kỳ yên : 15 tháng giêng âm lịch

Lễ tiên sư : 8 tháng 4 âm lịch

Lễ cầu bông: 15 tháng 9 âm lịch

45. *Đình Hưng Long* : ấp 5

Lễ kỳ yên : 15 tháng giêng âm lịch

Lễ tiên sư : 8 tháng 4 âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 9 âm lịch

46. *Đình Hậu Mỹ* (đình Quán Cơm) : ấp 6

Lễ kỳ yên : 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà : 17 tháng 3 âm lịch

Lễ cầu bông : 16 tháng 9 âm lịch

47. *Đình Bình Giao* : ấp 5

Lễ kỳ yên : 15 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 9 âm lịch

• ***Xã Tân Tạo :***

48. Đình Tân Tạo : ấp 3

Lễ kỳ yên : 16 tháng giêng âm lịch

Lễ hạ điền : 15, 16 tháng 5 âm lịch

• ***Xã Bình Lợi :***

49. *Đình Bình Lợi* : ấp 2

Lễ kỳ yên : 15, 16 tháng giêng âm lịch

• ***Xã Tân Kiên :***

50. *Đình Hưng Thái* : ấp 1

Lễ kỳ yên : 13 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông : 16 tháng 9 âm lịch

51. *Đình Tri Hòa* : ấp 3

Lễ kỳ yên : 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 12 tháng 9 âm lịch

52. *Đình Hưng Nhơn* : ấp 2

Lễ kỳ yên : 16 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông : 9 tháng 9 âm lịch

53. *Đình Tân Kiên* : ấp 4

Lễ kỳ yên : 15, 16 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông : 16 tháng 9 âm lịch

54. *Đình Mỹ Phú* : ấp 4

Lễ kỳ yên : 13 tháng giêng âm lịch

Lễ cầu bông : 16 tháng 9 âm lịch

• ***Xã Vĩnh Lộc A :***

55. *Đình Xuân Hòa* (đình Tân Hoà 1) : ấp 4

Lễ kỳ yên : 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 15, 16 tháng 9 âm lịch

56. *Đình Tân Hòa* (đình Tân Hoà 2) : ấp 5

Lễ kỳ yên : 16 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà : 16 tháng 3 âm lịch

Lễ hạ điền: 8 tháng 8 âm lịch

• ***Thị trấn An Lạc :***

57. *Đình Nghi Hòa* : số 72, đường An Dương Vương, khu phố 5

Lễ kỳ yên : 12, 13 tháng 2 âm lịch

Lễ vía Bà : 17, 18 tháng 3 âm lịch

HUYỆN CỦ CHI

• ***Xã Tân Phú Trung :***

1. *Đình Tân Phú Trung* : ấp Đình

Lễ kỳ yên : 14, 15, 16 tháng 11 âm lịch

• ***Xã Tân Thông Hội***

2. *Đình Ấp Chánh* : ấp Trung

Lễ kỳ yên : 15, 16 tháng 2 âm lịch

3. *Đình Ấp Thượng* (đình Mật Cật) : ấp Thượng

Lễ kỳ yên : 15, 16 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Tân An Hội:***

4. *Đình Bàu Tre* : ấp Bàu Tre 1

Lễ kỳ yên : 16 tháng 11 âm lịch

Lễ vía năm Bà Ngũ hành : 16 tháng 8 âm lịch

5. *Đình Cây Xộp* : ấp Cây Xộp

Lễ kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

6. *Đình Xóm Huế* : ấp Xóm Huế

Lễ kỳ yên cổ lệ : 15, 16 tháng 2 âm lịch

Lễ kỳ yên nay : 12 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Phước Hiệp :***

7. *Đình Phước Hiệp* (đình Mũi Côn) : ấp Mũi Côn Tiểu

Lễ kỳ yên : 15 tháng chạp âm lịch

Lễ vía Bà : 15 tháng 8 âm lịch

• ***Xã Thái Mỹ :***

8. *Đình Bình Thượng* : ấp Bình Thượng

Lễ kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

9. *Đình Mỹ Khánh* : ấp Mỹ Khánh

Lễ kỳ yên : 11, 12 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Phú Hòa Đông :***

10. *Đình Phú Hòa* : Xã Phú Hòa Đông

Lễ Kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Trung An :***

11. Đình Trung An (đình Bốn Phú) : ấp Bốn Phú

Lễ kỳ yên : 16 tháng 7 âm lịch

• ***Xã Tân Thạnh Đông:***

12. *Đình Tân Thạnh Đông* : ấp 1

Lễ kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 8 âm lịch

13. *Đình Láng The* : ấp 3

Lễ kỳ yên : 14 tháng 11 âm lịch

Lễ cầu bông : 14 tháng 6 âm lịch

• ***Xã Hòa Phú*** :

14. *Đình Hòa Phú* : xã Hòa Phú

Lễ kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 8 âm lịch

• ***Xã Bình Mỹ*** :

15. *Đình Bình Mỹ* : ấp 1

Lễ kỳ yên : 15 tháng 9 âm lịch

16. *Đình Cây Dương* : ấp 5

Lễ kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 8 âm lịch

17. *Đình Tân Mỹ Đông* : ấp 7

Lễ kỳ yên : 16 tháng 2 âm lịch

• ***Xã Phước Vĩnh An*** :

18. *Đình Bà Giã* : ấp Bà Giã

Lễ kỳ yên : 14 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 8 âm lịch

19. *Đình Bù Hốc* : ấp 3

Lễ kỳ yên : 16 tháng 2 âm lịch

20. *Đình Phước Vĩnh An* (đình Cây Bài) : ấp 5

Lễ kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 8 âm lịch

• ***Xã Nhuận Đức*** :

21. *Đình Nhuận Đức* : ấp Bàu Trăng

Lễ kỳ yên : 15 tháng 2 âm lịch

Lễ cầu bông : 15 tháng 8 âm lịch

PHỤ LỤC III

VĂN TẾ TRONG LỄ KỲ YÊN

Trong lễ Kỳ yên ở đình Nam bộ luôn có bài văn tế viết bằng chữ Hán để cúng thần Thành hoàng cũng như cúng các vị Tiền hiền hậu hiền. Sau này nhiều bài văn tế đã được phiên âm bằng chữ quốc ngữ La tinh để phù hợp với tình hình số lượng người biết chữ Hán ngày một hiếm. Tuy vậy, không có ngôi đình nào lại dùng văn tế nôm để cúng tế cả.

Nói chung, bài văn tế chia làm hai phần :

- *Lòng linh* là phần liệt kê danh hiệu các thần được mời đến chứng lễ. Danh mục các thần này nhiều ít không chừng, tùy theo mỗi đình.

- *Lòng văn* (còn gọi là *lòng chúc*) là những lời tán tụng công đức của thần. Sau đó là tỏ bày lòng tri ân của dân làng đối với thần và cầu xin thần ban cho sự bình yên, tốt đẹp trong năm tới.

Trong những năm gần đây, một số đình đã thay bài văn tế bằng một bài đọc khấn nguyện viết bằng chữ quốc ngữ, gồm các nội dung : ca tụng công đức của thần, cầu nguyện sự giúp đỡ của thần cho mọi người. Nguyên nhân

đơn giản là chỉ vì không biết làm văn tế cũng như không biết chữ nho. Việc làm này cũng có đình chấp nhận, nhưng đồng thời cũng có không ít đình chưa đồng tình...

Để bạn đọc có thể tham khảo, đối chiếu, chúng tôi xin giới thiệu ba bài văn tế viết bằng chữ Hán, được trình bày ở đây hai phần phiên âm và dịch nghĩa.

Bài văn tế thứ nhất của đình Nam Chơn (quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) dùng tế thần, được sao lại từ bản chánh viết từ năm Gia Long thứ tám, tức năm 1809. Bài văn tế thứ hai dùng tế Tiền hiền Hậu hiền của đình Phú Long (huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Bài văn tế thứ ba được viết từ năm 1885, dùng tế một vị vừa có công lãnh đạo nghĩa quân kháng Pháp vừa có công lập làng Vĩnh Hòa (Tân Châu, Châu Đốc).

VĂN TẾ THẦN THÀNH HOÀNG

(Đình Nam Chơn, phường Tân Định, quận 1, TP.HCM)

PHIÊN ÂM :

Duy : Tuế thứ... niên, kiến ... nguyệt, ... sóc việt nhựt. Nam Chơn đình hội tịnh bổn hội viên quan viên chức nam nữ đại tiểu đẳng cẩn dĩ : cang lạp, tư thạnh, hương đăng, hoa quả, thanh chước, thứ phẩm chi nghi

Cẩn chiếu cáo vu :

- Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương Vương hộ quốc tí dân công đức gia tặng Hàm Hoằng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hóa thượng đẳng thần.

- Cao Các Quảng Độ Đại Vương gia tặng Hồng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu thượng đẳng thần.

- Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi gia tặng Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Diệu Thông Mặc Tướng thượng đẳng thần.

- Quan Thánh Đế Quân gia tặng Hộ Quốc Tí Dân Hiển Hữu Công thượng đẳng thần.

- Dương Phi Phu Nhân gia tặng Hoàng Phu Quảng Tế Trang Nhu Thụy Tú thượng đẳng thần.

- Bắc Quân Đô Đốc Phủ Chưởng Phủ Sự gia tặng Thái Bảo Trấn Quận Công Hoằng Mô Vĩ Lược Nhẫm Trứ Linh Ứng thượng đẳng thần.

- Kỷ mùi khoa Tấn sĩ Trấn Nam Dinh Phó Đô Tướng Mai Quý Phủ gia tặng Khuông Quốc Tịnh Biên Thì Trung Duyệt Dõng trung đẳng thần.

- Cửu Thiên Huyền Nữ thánh phi tôn thần.

- Kim Niên Hành Khiển Hành Binh tôn thần.

- Tam Vị Oai Minh sung tước lộc Đô Nguyên Soái kiêm tri Lưỡng Lộ Thành Hoàng Đại Vương gia tặng Hoằng Hựu trung đẳng thần.

- Kim Đức Thánh Phi tôn thần gia tặng Hiển hiệu trung đẳng thần.

- Mộc Đức Thánh Phi tôn thần gia tặng Thanh Tú Kiên Trực trung đẳng thần.

- Thủy Đức Thánh Phi tôn thần gia tặng Dương Trạc Hiển Linh trung đẳng thần.

- Hỏa Đức Thánh Phi tôn thần gia tặng Ôn Hậu Quang Ứng trung đẳng thần.

- Thổ Đức Thánh Phi tôn thần gia tặng Hoằng Đại Quảng Tế trung đẳng thần.

- Thủy Long Thánh Phi tôn thần gia tặng Linh Diệu Chiêu Ứng trung đẳng thần.

- Bo Bo Phu Nhân tôn thần gia tặng Mỹ Đức Phục Hành trung đẳng thần.

- Hà Bá Thủy Quan tôn thần gia tặng Hoằng Ân Quảng Trạch trung đẳng thần.

- Chúa Động Thánh Phi tôn thần gia tặng An Tế Linh Cảm trung đẳng thần..

- Thái Giám Bạch Mã tôn thần gia tặng Bảo An Lợi Vật trung đẳng thần.

- Đương Cảnh Thổ Địa tôn thần gia tặng Hậu Tế Diệu Ứng trung đẳng thần.

- Tả Đông Chinh Thành Hoàng Đại Vương gia tặng Trợ Oai chi thần.

- Hữu Đông Chinh Thành Hoàng Đại Vương gia tặng Hoan Nhơn chi thần.

- Tả Dực Thánh Thành Hoàng Đại Vương gia tặng Hựu Thuận chi thần.

- Hữu Dực Thánh Thành Hoàng Đại Vương gia tặng Tế Túc chi thần.

- Cao Sơn tôn thần gia tặng Hiệu Linh chi thần.

- Đông Hải Cự Tộc Ngọc Lân gia tặng Trọng Huệ chi thần.

- Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân gia tặng Từ Tế chi thần.

- Khổng Lồ Giác Hải tông thần gia tặng Trọng Huệ chi thần.

- Đông Nam Sát Hải Lang Lại Nhị Đại Tướng Quân gia tặng Dõng Mẫn chi thần.

- Ngũ Phương Hành Khiển, Ngũ Đạo Hành Binh chi thần.

- A Na Nhị Tú công tôn chi thần.

- Chúa Sơn Lâm Bạch Hổ chi thần.

- Sắc phong Long Vân chi thần.

- Tam giáo đạo sư, Thánh hiền tiên sư chi thần.

- Đông Trù Tư Mạng Táo Quân chi thần.

- Ngũ Phương Thổ Công, Thổ Chủ, Thổ Phủ, Thổ Địa thần quan chi thần.

- Vị Phi Phu Nhân gia tặng Phục Thiện chi thần.

- Chúa Ngung Man Nương chi thần.
- Tả Ban bổn xứ chư vị tôn thần.
- Hữu Ban bổn xứ chư vị tôn thần.
- Tiền khai, Hậu khẩn, Tiền xã, Hậu thôn chi thần.
- Thập loại cô hồn cập hữu danh vô vị hữu vị vô danh

Đẳng chư linh thần đồng lai phối hưởng.

Viết :

Cung duy tôn thần :

Sơn xuyên giáng tú, hà hải chung linh

Quá giả hóa tồn giả thần, nguy nguy mạc trạng; thính phất văn thị phất kiến

Lãng lãng nan danh

Viên thành vạn vật dĩ vô di, công tham hóa dục; Phạm vi thiên địa nhi bất hóa

Đức mậu thi sanh

Hộ hữu quốc, tí hữu dân, quân triêm tải trạch; Cảm tất thông kỳ tất ứng, mạc bất vi thành

Tư nhân đông chi, giai tiết kiền phùng; Kỳ an lệ đáo, khắc thiệu tiền trình

Phỉ nghi liêu tiến; Thứ biểu vi tình

Nguyện kỳ giám cách; Tích dĩ khang ninh

Vật phụ dân an, tỷ hựu tỷ xương nhi tỷ xí; Xuân đài thọ vực, lai vi lai hạ dĩ lai thành

Ngưỡng lại tôn thần chi gia huệ dã

Phục duy cẩn cáo

(Gia Long đệ bát niên, lục nguyệt, thập ngũ nhật - Ngô Hữu Đồng phụng soạn)

TẠM DỊCH :

Ngày rằm, tháng .., năm ... Hội đình Nam Chơn gồm bổn hội viên quan viên chức nam nữ lớn nhỏ đều kính bày: heo, xôi, nhang đèn, bông trái, rượu ngon cùng vài vật phụ.

Kính cẩn thưa với :

- Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương Vương, công đức giúp nước phò dân, được tặng thêm Hàm Hoằng Quang Đại Chí Đức Phổ Báo Hiển Hóa thượng đẳng thần.

- (...)

- Thập loại cô hồn có tên không nơi, có nơi không tên

Hãy cùng chư thần đồng về phối hưởng!

Rằng :

Non sông đúc khí, Sông bổ un linh

Đi là hóa, ở là thần, không hề để bóng; Lắng chẳng nghe, nhìn chẳng thấy.

Khó nỗi nên danh

Tác thành muôn vật chẳng lầm phai, công cùng tạo hóa; Giới hạn đất trời không vượt quá

Đức khắp quần sanh

Giúp thì nước, cứu thì dân; thảy nhờ ơn lớn; cảm ắt thông, cầu ắt ứng, ai chẳng tâm thành.

Rày nhân đông tới, ngày tốt giờ lành; Kỳ yên lệ đến, theo trước tâu trình

Cúi dâng lễ mọn, tỏ chút lòng thành

Xin cầu chứng giám, giúp được khang ninh

Vật phụ dân an, chốn chốn mừng vui ca hát; Đài xuân cõi thọ, nơi nơi no ấm yên lành

Ngẫng nhờ tôn thần ban ân huệ vậy.

Phục duy cẩn cáo

(Gia Long năm thứ 8 - 1809 - tháng 6 ngày rằm - Ngô Hữu Đồng phụng soạn)

VĂN TẾ TIỀN HIỀN HẬU HIỀN

(Đình Phú Long, Cai Lậy, Tiền Giang)

PHIÊN ÂM :

Duy : Tuế thứ ... niên,... nguyệt, ... sóc ... việt nhật, lương thời. Kiến đăng huyện, Phú long thôn, bổn thôn hương chức đại tiểu đẳng cẩn dĩ cang lạp, tư thạnh, hương đăng, trà quả, thực thú phẩm chi nghi. Cảm chiếu cáo vu:

- Tiền hiền khai khẩn chi linh
- Hậu hiền khai cơ chi linh
- Quá vãng thần kỳ chi vị
- Tiền vãng cố hương chức chi vị

Đồng lai phối hưởng

Viết :

Mộc hữu bổn, thủy hữu nguyên, ư kim cố hữu

Vảng giả quá, lai giả tục, tự cổ giai nhiên

Phỉ vi tiền độc

Thừa khải hậu nhân

Suất tuần cựu điển tự sự, Khổng Minh an cư lạc nghiệp

Khái nhỉ y quan vân tập đôn nhiên trở đậu hinh hương

Xứ xứ vịnh ung ung chi vận

Gia gia ca hoặc chi thiên

Tam tuần tửu hiến, thứ biểu thôn hương

Sổ bôi thanh chước, tạc thử phương diên

Tam hiến chung hoàn

Bá tánh bình yên

Phục duy cẩn cáo

TẠM DỊCH :

Duy : Tuế thứ ... niên,... nguyệt, ... sóc ... việt nhật, lương thời. Kiến đăng huyện, Phú Long, bổn thôn hương chức lớn nhỏ đều kính bày : lợn, xôi, hương đăng, trà quả, thức ăn cùng các lễ vật phụ, Cảm cbiếu cáo vu:

- Tiền hiền khai khẩn chi linh vị
- Hậu hiền khai cơ chi linh vị
- Quá vãng thần kỳ chi vị
- Tiền vãng cố hương chức chi vị

Đồng lai phối hưởng

Rằng :

Cây có gốc, nước có nguồn, hôm nay có vững

Qua là đã qua, đến là tiếp nối, tự xưa đều vậy

To lớn bền chặt con ngòi trước

Nương dựa mở mang cho người sau

Noi dựa theo điển cũ kể chuyện Khổng Minh, an cư lạc nghiệp

Cảm động thấy áo mũ vân tập, đời sau thay ly chén (cúng tế) thơm tho

Xứ xứ ngâm vận "hòa hòa ..."

Nhà nhà ca thiên "có có..."

Ba tuần rượu hiến, trong ngoài xóm làng (đều đủ)

Vài chén rót mời, ghi lấy tiệc thơm (này đây)

Ba lần hiến đã xong

(Cầu) bá tánh đều bình yên.

Phục duy cẩn cáo

VĂN TẾ LÃNH BINH TRẦN HỮU HẠNH

LTG : Lãnh binh Trần Hữu Hạnh (1820-1883) quê ở Vĩnh Hòa, Tân Châu, Châu Đốc. Lúc thiếu thời, ông từng nổi tiếng tài kiêm văn võ. Tòng quân trong quân đội triều Thiệu Trị, lập được nhiều công trạng, được thăng chức "Suất Đội Trưởng". Khi Pháp xâm lược nước ta, ông Trần Hữu Hạnh được nhân dân tôn làm Lãnh Binh, lãnh đạo cuộc kháng chiến tại quê nhà. Tuy nhiên qua cuộc đọ sức giữa lực lượng nghĩa quân và quân Pháp, nhận thấy cuộc kháng chiến sẽ chỉ mang lại sự tổn thất lớn cho nhân dân, vì trang bị của Pháp quá tối tân còn của nghĩa quân thì quá lạc hậu, ông đã quyết định giải tán nghĩa quân, trở về cuộc sống dân dã và lập ra xã Vĩnh Hòa. Khi ông mất, nhân dân thờ ông ở ngôi Tiền hiền và Hậu hiền của ngôi đình xã Vĩnh Hòa. Hằng năm, đến lệ kỳ yên, nhân dân xã Vĩnh Hòa cúng tế ông như một vị tôn thần và có đọc bài văn tế sau :

Phiên âm :

Tư nhân tiết trực trọng đông, kiết nhựt lương thần. Cẩn dĩ hương đăng bàn soạn, tư thạnh thanh chước, thanh trà, thứ phẩm nghi.

Cẩn chiếu cáo vu :

Cung duy Lãnh Binh Tướng Quân cập chư bộ hạ hàm lai phối hưởng.

Cáo viết :

Tích niên nghĩa vụ đáo kỳ, thi hành Nguyễn triều Thiệu Trị sắc phong "Suất Đội Trưởng", mãn hạn vinh qui điền viên an lạc.

Hốt nhiên Âu châu Pháp tặc hữu kỳ binh địch tự tiện xâm lược. Nam kỳ lục tỉnh thất thủ, tình thế Nam quân bất lợi. Nguyễn Triều Tự Đức, vị ngoại tông phụng sự, tương nhân hòa ước bất công Nhâm Tuất, dĩ hoán nhi bá mẫu nhượng điền lưu Hồ, Phạm chi hương.

Ô hô! thương tâm tai! Quốc phó gia vong chi cảnh. Hàng dữ tai! Chiến dữ tai! Hàng hỉ tai! Chung thân di dịch! Chiến hỉ tai! Bộc cốt sa lịch! Thốn động trắc ẩn chi tâm, dữ hiệp quần anh kiếm khách chi dõng, khởi nghĩa cần vương Lãnh binh chi tướng.

Dữ Pháp tặc thụ chiến giao chinh. Lưỡng quân túc hề sanh tử quyết, thương tâm thảm mục! Khả thắng ngôn tai! Thi điền cự cản chi ngạn, huyết mãn trường thành chi quật. Vô quí vô tiến đồng vi khô cốt, chỉ vị ái quốc chi tâm.

Ô hô! Y hy! Thời da! Mệnh da! Tùng cổ nhi tư, vi chi nại hà!

Bất hàng thụ hưởng ngoại bang bổng lộc như các đương thời bại tướng. Thường văn ngạn ngữ "Vương pháp bất như hương lệ". Nãi tựu chúng Vĩnh Hòa thôn trạng hậu hiền khai cơ chi vị.

Phục duy cẩn cáo.

Ất Dậu niên mạnh đông (1885)

Tạm dịch :

Nhân tiết trọng đông, ngày lành giờ tốt, chúng tôi kính lập cỗ bàn có đủ phẩm vật nghiêm trang gồm: hương, đèn, trà, quả, chè xôi và rượu thịt.

Dám xin cáo đến :

Kính thỉnh Lãnh Binh Tướng Quân cùng bộ hạ trở về dự hưởng.

Thưa rằng:

Năm xưa, đến kỳ, thi hành nghĩa vụ quân sự. Được vua Thiệu Trị triều Nguyễn sắc phong "Suất Đội Trưởng"! Hết hạn, được giải ngũ để về quê vui thú điền viên.

Bỗng đâu giặc Pháp bên trời Âu ngang nhiên đem quân hùng mạnh xâm lược. Sáu tỉnh Nam kỳ thất thủ. Trước tình thế chẳng thuận lợi của Nam quân, Nguyễn triều Tự Đức, vì việc thờ cúng bên ngoại mà đành nhận tờ hòa ước bất công năm Nhâm Tuất (1862), để đổi lấy hai trăm mẫu đất làm hương hỏa cho họ Hồ và họ Phạm do Pháp nhường lại cho triều đình.

Than ôi! Đau lòng thay! Trước cảnh nước mất nhà tan : Đầu hàng ư ? Chiến đấu ư ? Đầu hàng thì trọn đời làm nô lệ! Chiến đấu thì xương khô phơi nơi bãi sa trường!

Động mối thương tâm, bèn hiệp cùng các tay kiếm khách anh hùng khởi nghĩa cần vương với nhiệm vụ "Lãnh binh chủ tướng".

Cùng giặc Pháp đối trận giao tranh. Quân đôi bên quyết thề sống thác. Trông thấy cảnh khổ đau lòng! Biết nói sao cho cùng!... Thây lấp cả hào rộng, máu ngập có hố

thành dài ! Chẳng luận sang hèn đều là đống xương khô vô định. Chỉ vì lòng yêu nước mà thôi.

Chẳng đầu hàng kẻ ngoại bang để hưởng bổng lộc như các tướng bại trận đương thời. Vả lại lời ngạn ngữ thường nói : "Phép vua thua lệ làng". Bèn nhóm họp dân chúng lập nên xã Vĩnh Hòa. Ở ngôi hậu hiền ngày nay.

Cúi xin kỉnh cáo

Mùa Đông năm Ất Dậu (1885)

(Theo *Việt Long Giang, Tinh thần người Tân Châu*, tập 1, bản chép tay, 1983)

PHỤ LỤC IV

VÀI SẮC THẦN CỦA TRIỀU NGUYỄN

1. Sắc thần do vua Minh Mạng (1820-1840) sắc phong :

Dưới đây là sắc thần của đình Lý Nhơn (còn gọi là đình Nam Tiến - số 170, Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh) lưu giữ. Sắc thần hiện đã bị rách mất một số chữ cho nên hơi khó khăn trong việc dịch nghĩa. Những từ trong ngoặc đơn là do chúng tôi đoán thay cho các chữ đã mất.

Phiên âm :

Sắc Nam Hải Cự Tộc Ngọc (Lân) chi thần, hộ quốc tí dân hiển trứ công đức. (Tích) ngã (Thế) Tổ Cao Hoàng (Đế) (?) (?) khánh bí (?) nhân tứ. Kim quang thiệu hồng (ân) (miễn) niệm thần hưu, hạp long ân điển, khả gia (tặng) (Phổ) Tế chi thần. Chuẩn Hứa Trường Đà các đội (y) cựu phụng sự thần. Kỳ hiệu linh lợi hữu du (tế). Khâm tai.

Minh Mạng ngũ niên thất nguyệt (?) nhật.

(Sắc mệnh chi bảo)

Phỏng dịch:

Sắc phong cho thần Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân (tức cá voi) giúp nước phò dân công đức sáng tỏ. Xưa, Thế Tổ Cao Hoàng Đế của trẫm (tức vua Gia Long) (chẳng may bị nạn) đã gặp điềm lành là thần cứu kịp lúc. Nay, được sự soi sáng của hồng ân, trẫm liên miên suy nghĩ đến công ơn thần hợp với sách ghi ơn lớn, nên tặng thêm là Thần Phổ Tế. Chuẩn cho những đội Trường Đà (tức những đội canh giữ cửa sông) y như cũ mà thờ phụng thần. Còn thần thì linh ứng giúp ích (cho những người trên sông nước). Kính vậy thay.

Ngày ... tháng 7 năm Minh Mạng thứ năm (1825)

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)

2. Sắc thần do vua Thiệu Trị (1841-1847) sắc phong:

Cũng như các sắc phong của triều Minh Mạng, các sắc phong của triều Thiệu Trị mà những đình ở Nam bộ còn lưu giữ được thuộc vào loại tương đối hiếm hoi. Chúng tôi xin giới thiệu sắc thần của đình Trà Tân (huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) do vua Thiệu Trị sắc phong.

Phiên âm:

Sắc Trà Tân Bảo An Thành Hoàng chi Thần, hộ quốc tí dân nhẫm trứ linh ứng. Minh Mạng nhị thập nhất niên tự ngã Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế ngũ tuần đại khánh tiết. Khâm phụng bửu chiếu Đàm ân lễ long đăng trật tứ. Kim phi ưng cảnh mệnh miễn niệm thần hưu, khả gia tặng Bảo An Chánh Trực chi Thần. Nhưng chuẩn Kiến Đăng huyện, Trà Tân thôn y cựu phụng sự Thần. Kỳ tương hựu bảo ngã lề dân. Khâm tai.

Thiệu Trị ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập thất nhật.

(Sắc mệnh chi bảo)

Tạm dịch:

Sắc phong cho thần Trà Tân Bảo An Thành Hoàng, giúp nước phò dân linh ứng tính đã lâu. Vào năm Minh Mạng thứ 21 (1840) gặp lễ Ngũ tuần đại khánh tiết của Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế ta, kính vâng bửu chiếu Đàm ân thăng cao trật bày. Nay ta ít đức lãnh sứ mạng lớn, liên miên nghĩ đến công ơn thần nên gia tặng là Thần Bảo An Chính Trực. Chuẩn cho thôn Trà Tân, huyện Kiến Đăng thờ phụng thần như cũ. Còn thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của ta. Kính vậy thay.

Ngày 27 tháng 11 năm Thiệu Trị thứ năm (1845)

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)

3. Sắc thần do vua Tự Đức (1848-1883) sắc phong:

Phiên âm:

Sắc Bổn Cảnh Thành Hoàng chi Thần, nguyên tặng Quảng Hậu Chính Trực Hữu Thiện chi Thần, hộ quốc tí dân, nhẫm trứ linh ứng tứ. Kim phi ưng cảnh mệnh miễn niệm thần hưu, khả gia tặng Quảng Hậu Chính Trực Hữu Thiện Đôn Ngưng chi Thần. Nhưng chuẩn Bình Dương huyện Vĩnh Quí thôn y cựu phụng sự Thần. Kỳ tương hữu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cửu nhật

(Sắc mệnh chi bảo)

Tạm dịch:

Sắc phong cho Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh, trước tặng là Thần Quảng Hậu Chính Trực Hữu Thiện, giúp nước phò dân linh ứng tính đã lâu. Nay ta ít đức lãnh sứ mạng lớn, liên miên nghĩ đến công ơn thần, nên gia tặng: Thần Quảng Hậu Chính Trực Hữu Thiện Đôn Ngưng. Chuẩn cho thôn Vĩnh Quí huyện Bình Dương thờ phụng Thần như cũ. Còn Thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của ta. Kính vậy thay.

Ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ năm (1852)

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)

Trên là sắc thần của đình Vĩnh Hội (tức đình Khánh Long) ở số 241, Bến Vân Đồn, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Hầu hết các đình ở Nam bộ cũng như ở thành phố Hồ Chí Minh đều có sắc thần của vua Tự Đức phong năm thứ năm tức năm 1852, nội dung y như bản sắc thần này, chỉ khác là tên thôn và tên huyện.

4. Sắc thần do vua Duy Tân (1907-1916) sắc phong:

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu một sắc thần của đình Tân An (ở số 26bis, đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) do vua Duy Tân sắc phong.

Phiên âm:

Sắc Sài Côn thành phố, Hòa Mỹ hộ, Tân An ấp phụng sự Bổn Cảnh Thành Hoàng chi Thần, hộ quốc tí dân nhẫm trứ linh ứng. Hướng lai vị mông kỳ cấp sắc văn tứ.

Kim phi ưng cảnh mện miễn niệm thần hưu trứ phong vi Bảo An Chính Trực Hữu Thiện Đôn Ngưng Dực Bảo Trung Hưng chi Thần. Đặc chuẩn y cựu phụng sự Thần. Kỳ tương hữu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Duy Tân ngũ niên nhuận lục nguyệt sơ bát nhật.

(Sắc mệnh chi bảo)

Tạm dịch:

Sắc phong cho thành phố Sài Gòn, hộ Hòa Mỹ, ấp Tân An thờ phụng Thần Bổn Cảnh Thành Hoàng, giúp nước phò dân linh ứng tính đã lâu. Hướng về tương lai trẫm cấp sắc văn ghi ân. Nay trẫm ít đức lãnh sứ mạng lớn, liên miên nghĩ đến công ơn thần, phong cho làm: Thần Bảo An Chính Trực Hữu Thiện Đôn Ngưng Dực Bảo Trung Hưng. Hãy y như cũ mà thờ phụng Thần. Còn Thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của ta. Kính vậy thay.

Ngày 8 tháng 6 nhuần năm Duy Tân thứ năm (1911)

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)

5. Sắc thần do vua Bảo Đại (1926-1945) sắc phong:

Cuối cùng, chúng tôi xin giới thiệu sắc thần của đình Bình Thọ (ấp Bình Thọ, xã Phước Long, huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) do vua Bảo Đại - vị vua cuối cùng của triều Nguyễn - sắc phong.

Phiên âm:

Sắc Gia Định tỉnh, Thủ Đức quận, An Điền tổng, Bình Thọ thôn, phụng sự Bổn Cảnh Thành Hoàng tôn Thần, hộ quốc tí dân nhẫm trứ linh ứng tứ. Kim phi ưng cảnh

mệnh miễn niệm Thần hưu trứ phong vi Đôn Ngưng Dực Bảo Trung Hưng tôn Thần. Chuẩn kỳ phụng sự thứ cơ Thần. Kỳ tương hữu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Bảo Đại bát niên lục nguyệt sơ thập nhật

(Sắc mệnh chi bảo)

Tạm dịch:

Sắc phong cho thôn Bình Thọ, tổng An Điền, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định, thờ phụng Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh, giúp nước phò dân linh ứng tính đã lâu. Nay ta ít đức lãnh sứ mệnh lớn, liên miên nghĩ đến công ơn Thần, nên phong rõ là Thần Đôn Ngưng Dực Bảo Trung Hưng. Chuẩn cho thôn hãy phụng thờ thật tốt Thần. Còn Thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của ta. Kính vậy thay.

Ngày 10 tháng 6 năm Bảo Đại thứ tám (1939)

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)

PHỤ LỤC V

TƯ LIỆU VỀ ĐÀO THÀI, LỄ XÂY CHẦU VÀ LỄ ĐẠI BỘI

Trong quá trình nghiên cứu, chuẩn bị nội dung quyển sách này, chúng tôi có tiếp xúc với nghệ sĩ nhân dân hát bội Thành Tôn, và đã được ông trao cho tập tư liệu về: đào thài, lễ xây chầu và lễ đại bội. Tư liệu này đã gắn bó với nghệ sĩ nhân dân Thành Tôn trên dưới sáu mươi năm, trong suốt cuộc đời phục vụ nghệ thuật hát bội của ông.

Để bạn đọc có tài liệu đối chiếu, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu các tư liệu nói trên:

LỄ XÂY CHẦU

Sau khi lễ tế chấm dứt với phần đốt văn tế, hai học trò lễ bắt đầu khiêng trống chầu lên sân khấu, đặt trên cái giá, có dùi trống gác ngang giá. Mặt trống đậy bằng một vuông vải đỏ.

Lễ xây chầu bắt đầu với việc ông chấp sự mặc áo rộng khăn đen bước lên sân khấu, hướng dẫn việc đặt trống sao cho khi đánh đúng hướng ngũ quỉ là tốt, bởi việc Xây chầu có ba điều kị là :

1. Kị đánh roi chầu ngay lên chánh điện của đình.

2. Kị đánh roi chầu ngay xuống bàn thờ tổ hát bội.

3. Kị đánh ngay hướng sinh khí tuổi mình.

Sau đó, học trò lễ đem khay trầu rượu lên sân khấu, đốt liền hai cây đèn cầy, rót ba chung rượu đặt trong khay và đốt ba cây nhang trao cho ông chấp sự. Ông này khấn :

- *Thiên hoàng, địa hoàng, nhơn hoàng*. (Ngày, tháng, năm làm lễ Xây chầu). *Kinh thiên động địa, tam hoàng chứng độ.*

Tiếp theo, ông chấp sự bước đến bên trống, đưa tay giở tấm vải đỏ đang phủ mặt trống, xếp mảnh vải lại rồi quấn roi trống giữa chỗ tay cầm, xá ba xá, xong ông lui lại và dùng roi trống vẽ dưới sàn sân khấu 5 gạch ngang và 4 gạch dọc (tứ tung ngũ hoành). Sau đó, ông bước chân trái lên tạo với chân phải đứng sau thành chữ nhân, đứng thẳng người và bắt đầu đánh trống.

Trước hết, ông dùng roi trống điểm lên mặt trống ở vị trí Đông rồi nói lớn:

- *Đông phương giáp ất mộc*

Tiếp, điểm lên mặt trống ở vị trí Nam, ông nói :

- *Nam phương bính đinh hỏa*

Liền theo, ông điểm lên mặt trống ở vị trí Tây và nói :

- *Tây phương canh tân kim*

Ông tiếp tục điểm lên mặt trống ở vị trí Bắc và nói:

- *Bắc phương nhâm quí thủy*

Cuối cùng, ông điểm ở giữa mặt trống và nói:

- Trung ương mậu kỷ thổ

Thị chi ngũ hành tương khắc

Huân sanh vạn đạo hào quang

Điểm xong năm điểm trên mặt trống, ông chấp sự mới cầm roi chầu vẽ trên mặt trống chữ Án (xem hình vẽ) xong đánh roi vào trống 3 tiếng nhỏ, 1 tiếng lớn: tùng tùng tùng đùng! và nói:

- Án trung thiên Quảng đế thiên thần

Ca tốc giáng cấp như lực lịnh

Ông chấp sự đánh 1 tiếng mạnh, 3 tiếng nhẹ và 1 tiếng mạnh : đùng tùng tùng tùng đùng.

Ông chấp sự lại nói lớn:

- Nhứt đả cổ, thiên hạ thái bình

Rồi ông đánh một hồi trống, lại 3 tiếng nhỏ và 1 tiếng lớn (tùng tùng tùng đùng).

Ông chấp sự nói lớn tiếp :

- Nhị đả cổ, xã tắc khương ninh

Ông đánh tiếp một hồi trống, lại 3 tiếng nhỏ và 1 tiếng lớn.

Ông chấp sự nói lớn lần thứ ba :

- Tam đả cổ, lê dân hoan lạc

Bá gia thọ thọ phước

Ông đánh tiếp liền theo 1 hồi trống, lại thêm 3 tiếng nhỏ.

Ông chấp sự lại nói:

- Nhạc lễ gia công, tiếp lễ khai tràng

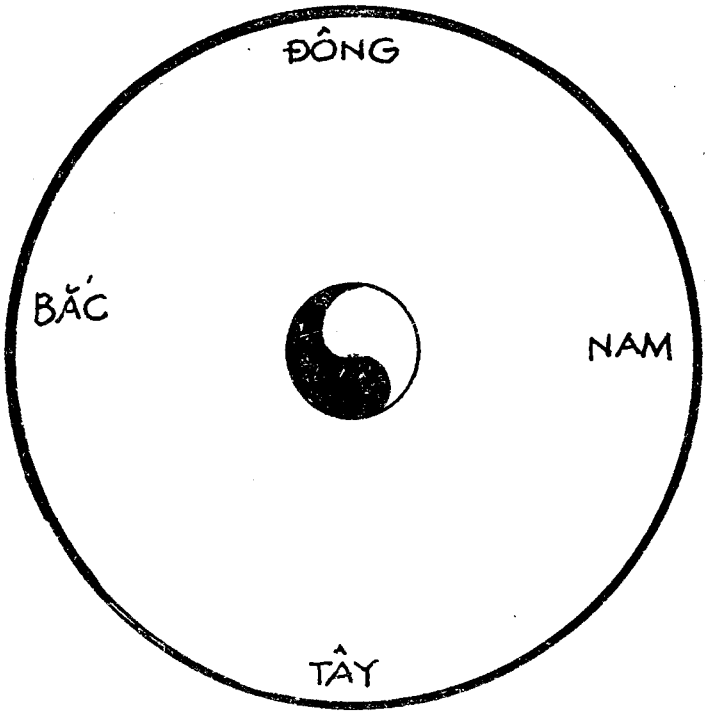

Các vị trí trên mặt trống dùng trong Lễ xây chầu

Chữ "ÁN" vẽ trong Lễ xây chầu

Nhạc của đoàn hát bội tiếp kèn trống khai tràng. Đến đây là dứt lễ xây chầu. Hai học trò lễ lại khiêng trống xuống trước sân khấu, phía tay phải nhìn lên, để bắt đầu cho việc cầm chầu (đã trình bày ở phần trước).

ĐÀO THÀI

Đào thài do nữ diễn viên của đoàn hát bội đảm trách, đông hay ít tùy theo hợp đồng. Tất cả đào thài đều trang điểm và y phục như các cung nữ trong những tuồng hát bội, dĩ nhiên mỗi người đều có sắc thái riêng, tay cầm quạt.

Đào thài phải có mặt tại chánh điện của ngôi đình trước giờ lễ tế bắt đầu, cùng với lễ sinh và ban nhạc.

Khởi đầu là lễ sinh xướng các nghi cho ban tế lễ thực hiện:

- 3 hồi đại mõ, 3 hồi đại cô, 3 hồi đại chiêng, nhạc lễ tiếp liền 3 lớp xổ

- chừng nào nghe tiếng: "Truyền áp hầu", hát bội đồng dạ, 4 quân hầu lên hầu Thần và 4 đào thài ra đứng hầu bàn hương án nghi lễ học trò xướng lễ.

- học trò lễ đi 2 hàng, người đi đầu cầm đèn, người kế dưng lễ vật. Đào hát đi sau theo nhịp điệu hát nhạc phụ họa đệm đờn Nam Dựng đi lên, Nam Bụa đi xuống.

Bài một đi lên, nhạc đờn Đảo Ngũ Cung, hát Nam Dựng:

Tuần 1:

Trời Nam vận mở thanh bình

Khuê tinh chói rạng, thánh minh rỡ ràng

Bạch đàng khói tỏa cung tiên

Mùi hương thạnh đức hây hây chín trùng

Qui dưng lễ xong, lên bàn cúng. Xuống hát Bụa, gọi Nam Bụa, Nhạc Bụa...

Hát Bụa:

Hương thượng hiến lễ dưng thượng hiến

Hiến tuần hương là hiến tuần hương

Tuần 2: Lên:

Kiêm triêu đước đải thinh danh

Phất văng phất kiến hữu thành lai lâm

Kính châu thượng lê cung trần

Sơ tuần lễ hiến thiện tâm nghinh thần

Xuống Bụa:

Sơ hiến lễ lễ dưng sơ hiến

Hiến tuần sơ là hiến tuần sơ

Tuần 3: Lên:

Tuy văn vô xú vô thinh

Vương vương như tại thánh minh vu thần

Chỉnh thành mãn tiệc viên nghi

Trung tuần tế hiến nhứt viên cụ trần

Xuống Bụa:

Trung hiến lễ lễ dưng trung hiến

Hiến tuần trung là hiến tuần trung

Tuần 4: Lên:

Kim triêu trạc trạc khiết linh

Kỳ yên hưởng phúc anh danh thượng thì

Tâm thành cam lạp thủy nghi

Chung tuần tế hiến cầu thần giáng linh

Xuống Bụa:

Chung hiến lễ lễ dưng chung hiến

Hiến tuần chung là hiến tuần chung

Lễ đọc sớ. Xong, lên đứng hát:

Hiến dưng lễ tạ tam tuần

Lê dân hoan lạc trẻ già bình an

Vơi vơi chén ngọc ve vàng

Ô lân phất nhiễu bạch đàng dưng lên

Hiệp hòa tứ thú tứ linh

Thân thành thọ hưởng mộc anh vô cùng

Ẩm phước thọ nhờ ơn thần thánh

Thọ tợ rày bá tánh bình an

Hát chúc xong, lạy. Dứt lạy xong, nhạc dứt lễ cúng.

LỄ ĐẠI BỘI

Lễ Đại Bội được những nghệ nhân, nghệ sĩ hát bội trực tiếp cử hành. Đây là phần cụ thể hóa tư tưởng của Lễ Xây Chầu.

1. Đầu tiên, một nghệ nhân hát bội thủ vai ông Bàn Cổ, tượng trưng cho ngôi Thái Cực, bước ra sân khấu, mặc

võ phục và múa những bộ rất mạnh, phân chia Âm và Dương: Trời và Đất. Trên tay ông cầm một bó nhang, sau khi ông múa xong, nhang được đem lên bàn thờ Thần - người ta gọi là "điềm hương". Nghệ nhân trong vai ông Bàn Cổ nói:

- Càn khôn giao hóa, vũ trụ chuyển khai, lưỡng nghi tam tài, ngũ hành bát quái.

Nói xong nghệ nhân bước vô hậu trường. Phần này gọi là lễ Khai Thiên Tịch Địa, hay dân gian thường gọi là Mở Cửa Trời.

2. Tiếp theo là lễ Xang Nhật Nguyệt, mà dân gian gọi là lễ Xang Mặt, tượng trưng cho Lưỡng Nghi là Âm, Dương. Theo Kinh Dịch, Âm Dương giao hòa để sinh ra vạn vật. Do đó phần này sẽ có một nam diễn viên tượng trưng cho Dương, cầm một cái chén bịt vải đỏ, ý chỉ mặt trời, và một nữ diễn viên tượng trưng cho Âm, cầm một cái chén bịt vải trắng, ý chỉ mặt trăng.

Khi nam diễn viên trong vai Mặt Nhựt ra sân khấu, diễn viên này sẽ hát theo điệu Xướng Vịnh Bạch:

- Thiên khai nhựt ảnh chiếu huy hoàng
Địa tịch hành phong võ lộ đoan
Hỗn độn sơ khai chơn khí tượng
Càn khôn giao thới thế gian quang

Rồi nữ diễn viên trong vai Mặt Nguyệt ra sân khấu, diễn viên này sẽ hát tiếp, cũng theo điệu Xướng Vịnh Bạch:

- Nguyệt phách tinh quang thông thế giới

Âm dương tương khắc thị bình bang
Nam bắc tương phân chơn bách lý
Đông tây phối hiệp tứ thập giang

Xong hai diễn viên trong vai Mặt Nhựt và Mặt Nguyệt sẽ ra múa Nhựt Nguyệt, trong đó múa cho hai cái chén cụng nhau ba lần gọi là Âm Dương Tương Hợp. Đây là biểu tượng cho ngôi Lưỡng Nghi

3. Kế đó là lễ Tam Tài, còn gọi là Tam Đa, Tam Tinh hay Tam Hiền, tượng trưng cho ba vì sao Phước, Lộc, Thọ do Thiên đình sai xuống ban phước, lộc, thọ cho nhân gian.

Trước hết là một diễn viên nam trong vai một ông quan đội mão, râu đen dài, mặc cẩm bào, một tay bồng hài nhi, một tay cầm quạt, tượng trưng cho ông Phước.

Kế đó là một diễn viên nam khác trong vai một ông đội mão, râu đen dài, một tay cầm bình hoa, tay kia cầm quạt, tượng trưng cho ông Lộc

Sau đó là một nam diễn viên nữa trong vai một ông đầu bạc trắng, tay cầm gậy có bầu rượu, tượng trưng cho ông Thọ.

Cả ba ông Phước, Lộc, Thọ cùng hát một bài chúc. Trước hết, cả ba diễn viên cùng hát rập bài Đởm Viết:

- Thanh lang, truyền tín, hỷ phang phang
Lộng phù quân tiên, hội thiên thai
Nam san bắc hải, tân kim liên
Ca diêu mơn mơn, hỷ phang phang

Tiếp đó cả ba cùng nói lối:

- Đồng nhan phối ngẫu

Bạch phát phi sương

Thọ tam tài, dư vạn tải niên

Phước, Lộc, Thọ, tam tinh trưng tấn bửu

Kim hữu thôn lân khân đảo

Kỳ yên lễ tạ tôn thần

Đông Phương Sóc biến báo chư tiên

Thỉnh liệt vị đồng đăng bửu tọa

Hè, hòa chi hảo giả, hảo giả

Huề thủ đồng hành, đồng hành, hò hò

Sau đó, cả ba đồng hát khách phú (tiên):

- Nhơn gian vĩnh phước tăng huê xứ

Thế thượng thùy nhơn chiếu mãn đường

Cuối cùng cả ba cùng hát phú:

- Thọ tỷ nam san, Phước Lộc Thọ tam tinh trưng chi tấn bửu

Nhơn sanh hòe quế, tràng lưu thạnh mậu tập giai tiền

4. Tiếp theo là lễ Tứ Thiên Vương, tượng trưng cho ngôi Tứ Tượng, gồm bốn võ tướng mặt trắng, đầu đội kim khôi, chân đi hia, lưng mang cờ lịnh, lần lượt ra múa chung với nhau. Các điệu múa tượng trưng cho những chuyển động biến dịch để sanh ra Bát Quái. Múa xong, Tứ Trụ Thiên Thần chụm lại, quay mặt về bốn phương trời, cùng dâng bốn câu liễn, có nội dung cầu chúc những điều may mắn:

Dân Giàu, Nước Mạnh, Thạnh Vượng, Thọ Tường. Trong khi dâng liễn, từng nghệ sĩ đóng vai Tứ Thiên Vương sẽ tuần tự nói lối bốn cặp câu sau đây:

- Đông phương giáp ất Mộc
Thiên Vương Ma Lễ Hồng
- Tây phương canh tân kim
Thiên Vương Ma Lễ Hải
- Nam phương bính đinh hỏa
Ma Lễ Thọ Thiên Vương
- Bắc phương nhâm quí thủy
Thiên Vương Ma Lễ Bưu

Cần nói thêm rằng bốn tấm liễn, xưa kia, do chính làng xã viết rồi đưa cho Hát Bội. Tuy nhiên, ngày nay, hầu hết đều là liễn của Hát Bội làm sẵn. Khi diễn xong thì Hát Bội lấy đi.

5. Sau đó là Lễ Đứng Cái tượng trưng cho ngôi Ngũ Hành, với hình tượng một kép nam đứng giữa gọi là Cái, bốn đào trẻ đứng bốn bên gọi là Con, biểu tượng cho ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Thổ làm trung tâm để điều hòa Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và điều hòa cả bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Các cô tiên nữ tượng trưng cho bốn mùa trong năm, mặc xiêm áo rực rỡ, tay cầm quạt múa phe phẩy, nhẹ nhàng, hát chúc tụng cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, cây cối đâm chồi nẩy lộc. Ngôn ngữ của Hát Bội gọi phần này là Lễ Đại Bội. Đầu tiên, bốn đào Con ra trước, hành lễ lạy xong thì đứng hàng ngang, nói lối xưng tên rồi hát: Tất cả nói rập:

- Dòng mã viên tam đại trung thần

1) Đông mai - 2) Thu cúc - 3) Xuân lan - 4) Hạ trúc

Tiếp trống kèn gày vô hát nam xuân dựng:

1) *Âu vàng vững đặt báu ngôi*

Trên vua khai rạng dưới tôi trung thần

(Để phù hợp đề nghị đổi:

Quốc gia khai rạng khắp dân trung thần)

2. *Đạo quân thần là dân cá nước*

(Đề nghị đổi: *Đạo trung thành quân dân cá nước*)

Minh lương dầy vạn phước tề trăng

3. *Lào lào tiết chói Nghiêu thiên*

Hây hây Thuận nhựt vua lên trị đời

(Đề nghị đổi: *Hây hây Thuấn nhựt nhân ra trị đời*)

4. *Muôn muôn năm hưởng lộc trời*

Cõi nam chống vững đời đời hưng vương

(Đề nghị đổi: *Cõi nam chống khỏe đời đời hưng long*)

5. *Mừng vua rày đã lên ngôi*

(Đề nghị đổi: *Mừng vua ngày nước chánh ngôi*)

Chắp tay xủ áo ngự trên ngai vàng

(Đề nghị đổi: *Nắm tay xủ áo nơi nơi thanh nhàn*)

6) *Nhà an thì nước liền an*

Ba quân thâu vẹn bắt phang phục tùng

7. *Phá nguỵ cừu dài công dục nhựt*

Vua thái bình mỗi nước gần xa

(Đề nghị đổi: *Nước thái bình mỗi nước gần xa*)

8. *An dân an nước an nhà*

Đã an chư tướng khỏe hòa ba quân

Kế tiếp một kép đứng Cái ra, đi vòng sen kiểm, nói lối:

- *Vận mở trung hưng đức Thuấn*

Đàn quang bảo vệ nhân Nghiêu

Nghe ba tiếng kêu dạ dạ dạ

Chúc hoàng triều vạn vạn tuế

(Đề nghị đổi: *Chúc sơn hà vạn vạn tuế*)

Roi truyền kế thế, long tử long tôn

Ngã thị Mã viên thị giả

Đến đây, kép đứng Cái hát Nam Xuân Dựng:

1. *Giúp nên nghiệp cả trung hưng*

Phước còn roi dấu đượm nhuần cháu con

2. *Đức ân dài càng thêm phúc thọ*

Đắp xây nền Thang Võ ngàn thu

3. *Thánh ứng xương kỳ, đền nam thánh ứng xương kỳ*

Dẹp an bắc ngụy, thâu hồi nam kinh

4. *Tám phang gió bụi quét thinh*

Công Cao khai rạng nghiệp hườn trung hưng

5. *Rồng bay cao ngự đền phuông*

Mưa tuôn đức Thuấn, gió hòa nhân Nghiêu

6. *Tam đa ngưởn chúc hoàng triều*

(Đề nghị đổi: *Tam đa ngưởn chúc ngàn điều*)

Thần truyền Thánh kế, lễ dân thái bình

Bốn đào thủ vai Con ra hát múa bài Vận Mở (nhịp lăng):

1. *Vận mở trùng ngươn* (2 lần)

2. *Rày mừng thấy nam phang sinh thánh an*

3. *Dẹp phô loài bắc địch, diệt khử tà qui chánh đòi nơi*

4. *Nguyễn Vương lên sửa trị thiên hạ ca chơi thái bình*

(Đề nghị đổi: *Nghĩa dân lên sửa trị thiên hạ ca chơi thái bình*)

5. *Xỉ lang dâng khói tắt tư bề hải yến hà thanh*

6. *Ngư, tiều, canh mục tiến bình định ngủ canh muôn đời*

Kép đứng Cái dạ ba dạ ba giọng, rồi quì xuống chắp tay, nói lối chúc:

Kim thừa ca xướng viên khai

Ngu đẳng khấu đầu dương thượng thọ

1. *Chúc đức hoàng thượng đăng ngươn càng ngũ*

Vạn dư niên thọ khảo như san

Chúc tuổi chúa mang mang

Dư muôn tuổi dư muôn tuổi thọ

(Đề nghị đổi: Chúc tổ quốc miên trường vĩnh cửu)

Vạn dư niên thọ khảo nam san

Chúc tuổi khắp dân gian

Dư muôn tuổi dư muôn tuổi thọ)

2. *Dạ dạ dạ, xin chúc quan Tổng Trấn*

Quận Công oai dẹp loạn

(Đề nghị đổi: *Địa phương dương oai dẹp loạn)*

Động giai con giác, trị an cửu trạch

Xua đảng dữ, cứu dân lành, chống bắc man

Đắc tước lộc giang san

Dư ngàn tuổi dư ngàn tuổi thọ

3. *Dạ dạ dạ chúc nội áng tiệc này*

Được gặp hội rồng mây

Nhược khuôn phò vương vận

(Đề nghị đổi: *Nhược khuôn phò quốc vận)*

Đánh thành tan bát trận

Thâu mầu nhiệm cầm binh

Chúc bên văn phẩm trực thái bình

Chúc bên võ thượng trị hạ loạn

Vui dầy tiệc nhạn, chén ngọc lê say

Đắc phú quí về tay

Dư trăm tuổi dư trăm tuổi thọ

Đến đây, kép đứng Cái đứng lên hát Niêu Bài:

Là lê, lê là, là lê Nguyễn Hòa

(Đề nghị đổi: *Là lê, lê là, là lên dân hòa*)

Chúc tuổi chúa mơng mơng trị đời

(Đề nghị đổi: *Chúc tổ quốc minh minh trị đời)*

Tới đây vô bài:

Một mừng hội cả dân lành (2 lần)

Chư tướng sẵn dành có ngôi

Các đào Con hát:

Mừng vua, tôi phải điệu thời lên (2 lần)

(Đề nghị đổi: *Mừng công, dân phải điệu thời lên*-2 lần)

Kép đứng Cái hát:

Hai mừng tướng mạnh binh bền (2 lần)

Nếu đánh ắt là nên công

Các đào Con hát:

Ắt phen này thâu vẹn cõi đông (2 lần)

Kép đứng Cái hát:

Ba mừng vận mở đền phuông (2 lần)

Man mụi một lòng kỉnh tin

Các đào Con hát:

Mừng khê san hà hải bốn phang (2 lần)

Kép đứng Cái hát:

Điềm ứng trinh tường (2 lần)

Xã tắc phuông cương khỏe bền

Các đào Con hát:

Lập công nên, cơ hội vầy nên (2 lần)

Kép đứng Cái hát:

Vầy nên cá nước một nhà (2 lần)

Địa lợi nhơn hòa vẹn hai

Các đào Con hát:

Quốc gia mừng Nam Việt chánh ngôi (2 lần)

Kép đứng cái hát:

Chánh ngôi càn tượng mở đồ (2 lần)

Dượt võ khuôn phò nam kinh

Các đào Con hát:

Dâng đước mừng đơn tự hồ tương (2 lần)

Kép đứng Cái hát:

Hồ tương cổ tích đặt điều (2 lần)

Áo dê càng trước sớm chầu thủy tân

Các đào Con hát:

Sĩ chờ thời mây áng thanh sơn (2 lần)

Kép đứng Cái hát:

Thanh sơn tạc để đài mây (2 lần)

Kép đứng Cái chuyển ra Nam:

Hai mươi tám tướng xây tay dẹp loàn

Các đào Con hát:

Thâu bản chương dẹp bắc phò nam

Thâu bản chương dẹp bắc phò nam

Sau đó là lễ Bát Tiên Hiến Thọ mà hiện nay hầu như không còn thấy trình diễn. Ý nghĩa lễ Bát Tiên Hiến Thọ à chúc thọ cho dân làng. Theo nghệ sĩ lão thành Thành Tôn thì phần Bát Tiên Hiến Thọ này có bài bản, nhịp điệu súc tích, âm giai rắc rối, hay lạ và trong nghề Hát Bội gọi à Bài Bông, Bài Tổ.

Trước hết, một nam diễn viên đóng vai Đông Phương Sóc bước ra sân khấu nói:

- Hảo thanh phong, hồ

Sau đó diễn viên này hát bài Vịnh Bạch Tiên:

- Thạch đàm chiếu diệu ánh hào quang

Tịnh tọa bồ đoàn luyện kim cang

Thiên địa tuần hoàn thâu nhứt điểm

Dưỡng tánh tu tâm tựu bình ban

Tiếp theo diễn viên này nói lối:

- *Thông tứ linh tam giác qui nguyên*

Quyên quảng bá tánh Đông Phương Sóc

Thông tín chư tiên à (tá hạ)

Bàn đào đại hội lẩm tuyền

Bố hóa dân gian ban phúc, a

Diễn viên hát khách tiên một câu:

- *Phất phất thừa phuông liễu mạch còn*

Cao trương hỏa tốc lộ hành vân

Một diễn viên khác trong vai Thanh Đồng bước ra sân khấu, vừa đi vừa nói:

- *Thừa ngọc sắc quan mang*

Báo chư tiên hội diện, hồ

Diễn viên Thanh Đồng hát thủ bài long môn. Trước hết vô thủ:

- *Long môn, đốn thủ*

Tiếp theo vô bài:

- *Phụng kim bài á kim bài*

Dõng dượt phiên thân phóng bí khai phóng bí khai

á a à ạ

Diệu diệu nguyên thiên tùng phong hỏa tùng

phong hỏa á a à ạ

Quan mang đạt lộ tẩu san nhai

Cuối cùng diễn viên hát ra dĩ khách:

- *Tẩu san nhai*

Diễn viên Thanh Đồng tiếp hát khách thi (tiên):

- *Khâm thừa ngọc sắc vãng chư tiên*

Bàn đào đại hội thưởng hương huyền

Diễn viên Thanh Đồng gọi dậm:

- *Bá ban tài tử nghe à*

Rồi hát khách thi tiếp:

- *Lịnh truyền giữ bá ban tài tử*

Khúc dao cầm nhã nhạc cung tiên

Tám diễn viên thủ vai bát tiên lần lượt từng cặp bước ra sân khấu, mỗi cặp hát bài Xướng Viết từng câu sau đây:

- *Thể triệt huy hoàng chiếu đẩu cung*
- *Luyện đơn hấp khí long nham tiền*
- *Thần ưng trạm trạm tinh ngân lãng*
- *Thừa yết linh tiêu đáo đàn tràng*

Khi trên sân khấu đã đủ tám người thì tám người mới dàn ra thành hàng ngang trên sân khấu. Sau đó mỗi người nói lối bốn câu sau đây:

- *Quá hải đảo bát tiên đệ nhứt*

Nơi đông lai tánh Lý Ngân Vương

Binh thơ thiên mạng đắc tường

Đạo hiệu danh xưng Thiết Quả

- Hớn Chung Ly thị giả
Ngô đạo hiệu Văn Phòng
Phạm luật trời đọa thế hườn công
Nhờ Lý lão đắc thành vương vị

- Hai mươi tuổi lánh mùi phú quí
Gặp huỳnh long tại chốn lư đàng
Giữa biển đông mình cởi hạc vàng
Ngô đạo hiệu tánh Trương hóa Lão

- Từ Bắc hải Nam san thường dạo
Ngã tự Lâm đạo hiệu Thế Hòa
Trong bát tiên đều nhượng tài ca
Tây Vương Hẫu đã yêu nghề giỏi

- Rồi đạo đức rèn lòng tiết chói
Nhờ Lý, Lâm nhị vị độ thành
Thiếp tánh Hà Tố Nữ nãi danh
Nay đắc đạo Tiên Cô mỹ hiệu

- Nhờ Hớn, Lữ cõi trần thoát liễu
Luyện tiên phong đạo cất thành hình
Ẩn non bồng vui thú kệ kinh
Ngô lão tự tánh Hàn Tương Tử

- Gẫm cuộc thế hãy còn ưu lự
Xuất gia tài bố thí bần nhơn
Ngã tánh Tào Quốc Cựu nãi danh

Nhờ tiên trưởng đắc thành chánh quả

Tiếp đó tám diễn viên thủ vai bát tiên đồng nói rập:

- *Hòa chi hảo giả hảo giả*

Huề thủ phi hành phi hành

Rồi tám vị cùng xòe quạt đưa lên phất phất biểu tượng ay, rồi đồng hát khách thi (tiên):

- *Tương tùy bửu pháp hội lai triều*

Thợi thảo kỳ huê tứ sắc diêu

Mãng tỉ hương phù nghinh vũ trụ

Trân châu hòa khí đáo đàn trung

Xong tám vị cùng đi vào trong hậu trường. Một diễn iên nữ đóng vai bà Nữ Oa Nương Nương bước ra, có hai gọc nữ hầu cầm bông và trái. Diễn viên thủ vai bà Nữ)a nói:

- *Hảo thanh phong minh nguyệt, hồ*

Tiếp theo diễn viên này hát bài Đởm Viết:

- *Thủ đắc kỳ tư ới vị khang*

Bát phang cang kỷ tàn nghiệp chướng

Chí dục thừa long ngã xuất hình

Diễn viên thủ vai Bà Nữ Oa nói lối:

- *Ngao du tứ hải, thông thỏa bồng lai*

Bát quái tụ tam tài, hiệu Oa Nương Thánh Mẫu

Kim hữu thôn lân khẩn đảo

Kỳ yên lễ tạ tôn Thần

Đông Phương Sóc ân cần

Thỉnh đại hội chư tiên giáng phước

Âu là cấp cấp thừa phuông giá

Mang mang giáng hạ trần

Diễn viên trong vai Bà Nữ Oa hát khách tiên (dĩ vần sây):

1. *Thừa phuông giá võ giáng hạ trần*

Cùng chư tiên tử hội huê đăng

2. *Liễu tất tàn chi suy phuông*

Khai đàm tiếu chi huê

Đoái võ số trà my chi đóa

Bồi hồi ngã ới na lý vô thiên áo não phiền

Dứt tọa vị, diễn viên thủ vai Bà Nữ Oa nói:

- *Thanh đồng ngọc nữ*

Thỉnh đẳng đẳng chư tiên

Nhập yến viên ẩm phước

Đến đây tám diễn viên thủ vai Bát Tiên đồng bước ra sân khấu cùng nói:

- *Đẳng đẳng bát tiên hội diện*

Chúc mừng Thánh Mẫu vô cương

Rồi tám diễn viên thủ vai Bát Tiên đồng hát bài vạn thọ:

1. *Vạn thọ vạn thọ huê phụng hiến*

Tăng thánh thọ vô cương

2. *Nguyễn Vương Nguyễn Vương tu đức hóa*

(Đề nghị đổi lại: *Nghĩa nhân nghĩa nhân tu đức hóa*)

Tăng phước thọ vô cương

3. *Minh trường minh trường tu vĩnh bảo*

Tăng đức thọ vô cương

4. *Chư tiên chư tiên lai hội yến*

Vạn thọ hưởng vô cùng

Tới đây, diễn viên thủ vai Bà Nữ Oa nói:

- *Thượng hạ đẳng đồng đăng tọa vị*

Thanh đồng ngọc nữ (tá hạ)

Châm chuốc lưu ly, chư tiên hoan lạc

Từ hậu trường dọn bánh trái trà rượi thật (do làng đãi) ra sân khấu để các diễn viên ăn uống thật. Tất cả đồng hát bài Yên Lung. Thủ bài:

- *Yên lung bích thọ lạc hà giữ cố*

Rồi vô bài (nhịp ba):

- *Ngọc tề phi*

Lão tận hàm đàm, thu thủy cộng tràng thiên nhứt sắc

Ngư châu xướng vạn hưởng cung bành

Lễ tri tân, lễ tri tân

Vạn trận khinh hàm thinh đoạn

Hoàng vang chi phó

Tiếp theo bốn nam bốn nữ cùng ra múa, các diễn viên qua bài Tứ Quí, đồng hát rập:

- *Hảo nhứt mai bả xuyên khai*

Quang thiên tri tiền lai

Yến ca tẩu uyên huê

Tiết đàm phi kỳ hương

Đáo lai sơ xuân yên hương quân

Vạn giả nghinh tân (2 lần)

Nhạc hòa âm. Các diễn viên vô hát lại:

- *Đối khai huê đăng xuyên mạnh đầu xuyên*

Túy quân phan phan ly phiên phiên bảo ứng

Mã thiên lồ triều khai

Tăng niên thọ nhơn nhơn đồng thọ

Đến dứt đãi tiệc hiệp hai không có múa. Các diễn viên đồng hát bài Thị Hồ Hoàng Cân. Thủ bài:

- *Thị hồ hoàng cân* (kể Tam Quốc)

Tiếp vô bài nhịp ba rơi:

- *Khởi phân phân*

Nhiễu hề lương dân loạn phong trần

Chiêu bang khử ngụy quân

Tảo tịnh tịnh, tịnh tảo tịnh an dân

Lưu sứ quân phân lực phủ vĩ ngưởn toàn thân

Lưu tống đăng trình đáo khán bản văn

Đương xuất công phò nguy chỉ hận vô nhân

Đồng tâm trừ chi ngộ Trương Phi

Tiếu hi hi thỉnh đồng qui

Tam khai viên chước lâm ly

Phụng hoàng khiết hồi thi

Hỷ đồng tâm minh kết nghĩa đào viên

Ứng nhân nhân phò Hớn trào đảo điên

Nghĩa lăng thiên giữ nhựt tranh quyền

Khấu vang oai

Đến đây là ba ngược:

Mã gia tiên

Kiến lai xà nhân tương liên

Tảo lão tận phi yên, siêu tài quần lãng

Trú chi đảo quyền, băng giải lưởu hội thiên

Hớn trào du đảo điên

Công thượng chấn trung hưng trị mơn mơn

Đến đây lại trở ba xuôi:

- *Ngâm nhứt thi*

Dứt hát là múa bài bông cảnh tiên ăn uống. Diễn viên thủ vai Bà Nữ Oa hát bài Tiếu ngâm ngâm. Thủ bài:

- *Tiếu ngâm ngâm thời khí thiêng*

Nghi hung nghi quân tơ tẩn

Tiếp vô bài nhịp đàng thảng:

- *Hoa hào*

Thiên di thiên khiến á lan á chi

Tiết châu lang hoàn kim thượng tử á hoa hào

Kiêm nhứt gia tề thụ á hoàng á ân

Vĩnh huê mông tơ tẩn hoa hào

Tràng phuông cương hổ bái chúc hoàng ân

Tiếp Bát Tiên hát qua nhịp một (bài):

- *Xi phuông thăng thăng, vĩnh thanh quanh quanh*

Điều chi yêu yêu hường điệp trăng trăng

Tới đây qua dĩ khách:

- Diệp ư ư trăng trăng

Rồi đồng hát khách thi:

1. *Đăng đẳng chư tiên đồng hội yến*

Chánh ngự xuân tiêu lễ hạ viên

Qua bài:

- Chước lưu ly quảng nga my

Hân hoan kỳ nhạn lạc vô cùng

Dĩ khách:

- Lạc vô cùng

Khách:

2. *Xuy phuông phất phất triều đơn phụng*

Võ lộ sum sum yến thưởng loan

Qua bài:

- Ca thinh tế tế kỳ hương yến yến

Giai hòa hảo hội đoàn viên

Dĩ khách:

- Hội đoàn viên

Khách:

3. *Nam nữ chư tiên chơn khoái lạc*

Nhân nhân tài tử thậm hoan tình

Qua bài:

- Thoại ứng cảnh tinh du đế đức

Canh trường hóa nhựt lạc vương gia

Ân thi nhựt nguyệt như thiện đạo

Đước cập càn khôn phối nhị thiên

Dĩ khách:

- *Phối nhị thiên*

Khách:

4. *Phước như đông hải phước vĩnh thạnh*

Thọ khảo nam san thọ khảo tràng

Đến đây là đãi phần cuối. Nhạc hòa âm. Đúng ra là có vũ đạo nhưng bỏ lâu rồi. Diễn viên thủ vai Bà Nữ Oa nói:

- *Đăng đẳng chư tiên*

Lễ qui hồi hướng

Bát Tiên cùng nói:

- *Bát đức cửu huyền ban thưởng*

Thôn lân vạn hưởng phước lành

Tất cả diễn viên đang có mặt trên sân khấu đồng hát bài Đường Đường, nhịp lăng:

- *Đường đường hiến thoại hoán kim liên*

Chiếu diệu hào quang thấu cửu thiên

Tam đồ thoát lưởu giai ưu lệ

Lục đạo siêu thăng mãn tạ giai

Phước đẳng hằng hà sa số Phật

Hồi đầu vọng bái tạ giai tiền

Cuối cùng là lễ Gia Quan Tấn Tước còn gọi là Gia Quan Phổ Tước. Có người nói rằng lễ này không thuộc lễ Đại Bội mà là một lễ phụ, nhưng cũng có người khác lại cho rằng

lễ này biểu tượng một vị thiên quan nhận lời cầu nguyện của lễ Xây Châu và lễ Đại Bội chuyển đạt lên Thần Linh.

Một diễn viên nam thủ vai ông Gia Quan (mà dân gian quen gọi là ông Địa) mặc cẩm bào, mang một mặt nạ, tay cầm quạt, ra múa những điệu bộ thật hài hước, sau đó cầm bút lông viết một câu liễn: "Gia Quan Tấn Tước". Do đó có người cho là lễ này cầu chúc cho dân làng được gia quan, tấn tước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, PQVKĐTVH xb, S., 1972.

- *Đại Nam thực lục*, bản dịch của nhiều dịch giả, Nxb Khoa học xã hội, H., 1972.

- *Minh điều hương ước* (bản chữ Hán - tài liệu riêng).

- Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, Nxb Khai Trí, S., 1973.

- Trúc Khê: *Vấn đề cải cách lễ tục Việt Nam*, Lê Cường xb, H., 1943.

- Đỗ Bằng Đoàn - Đỗ Trọng Huề: *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, Hoa Lư xb, S., 1968.

- Toan Ánh:

  • *Tín ngưỡng Việt Nam* (2 tập), Nam Chi tùng thư xb, S., 1967-1968.

  • *Làng xóm Việt Nam*, Nam Chi tùng thư xb, S., 1968.

  • *Hội hè đình đám*, Nam Chi tùng thư xb, S., 1969.

  • *Phong tục Việt Nam*, Khai Trí xb, S., 1969.

- Nhất Thanh: *Đất lề quê thói*, Cơ sở ấn loát Đường Sáng xb, S., 1968.

- Vũ Quốc Thông: *Pháp chế sử Việt* Nam, Tủ sách Đại học, S., 1968.

- Nguyễn Long Thao: *Nghiên cứu một ngôi đình miền Nam*: *Phú Nhuận đình*, Tiểu luận Cao học, Đại học Văn khoa Sài Gòn, 1974.

- Huỳnh Công Thạnh: *Quan hôn tang tế*, Sài gòn, Hội Thượng công quí tế ấn hành (ronéo), 1969

- Thân Văn Nguyễn Văn Quí: *Xây chầu đại hội* - trong "*Hát Bội - Théâtre traditionel du VietNam*", Sài gòn, Nam chi tùng thư xb, 1973.

- Trần Thị Ngọc Diệp: *Một ngôi đình miền Nam*, "Khảo cổ tập san", 1968, số 5, tr. 112-119.

- Lê Thọ Dực và các tác giả: *Quan hôn tang tế hội thông*, Sài gòn, Trung tâm sản xuất học liệu xb, 1974.

- Huỳnh Ngọc Trảng: *Các hình thức diễn xướng dân gian của Gia Định-Sài Gòn*, trong "Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, tập III, Nxb Tp. HCM, tr. 9-55.

- Huỳnh Ngọc Trảng: *Địa Nàng: chặp bóng tuồng hài Nam bộ*, Nxb Tp. HCM, 1992.

MỤC LỤC

- Lời nói đầu

Chương I: **Đặc điểm lịch sử của đình làng Nam bộ** 9

I- Khẩn hoang và dựng đình 11

1- Khẩn đất lập làng 11

2- Đình và thiết chế văn hóa tín ngưỡng làng 16

II- Đặc điểm của đình Nam bộ 23

1- Kiến trúc bài trí 23

2- Thần Thành hoàng và các đối tượng phối tự trong đình 35

a- Sự thờ phụng của đình Nam bộ trong lịch sử 35

b- Cơ cấu tín ngưỡng của đình Nam bộ 59

• Nhóm thứ nhất: 59

- Thần Thành hoàng
- Thần linh
- Tả ban, Hữu ban
- Bạch mã thái giám
- Hoàng đế
- Ngũ cốc
- Đối tượng thờ đặc biệt

• Nhóm thứ hai: 66

- Tiền hiền, Hậu hiền
- Tiên sư

- Anh hùng liệt sĩ, chiến sĩ trận vong
- Tổ hát bội
- Tổ nhạc lễ
- Táo quân
• Nhóm thứ ba: 70
- Thần Nông
- Thổ thần
- Thần Tài
- Thần Hổ
- Thanh long
- Ngũ Hành nương nương
- Quan Thánh đế quân
- Chúa Ngọc nương nương
Chúa Tiên nương nương
- Chúa Xứ nương nương
Linh Sơn thánh mẫu
- Cửu Thiên huyền nữ
- Thiên Hậu thánh mẫu
- Bà Mẹ thai sanh
- Nhị vị công tử
- Thủy Long thần nữ
- Hà bá
- Thập loại cô hồn
3- Hội hương - Hội đình - Ban quí tế 90
Chương II: **Nghi thức cúng tế của đình Nam bộ** 103
I- Lịch lễ 105

1- Các lễ đầu năm và cuối năm 105
2- Tam nguyên 107
3- Tứ thời tiết lạp 108
4- Lễ chính ở đình: Kỳ yên, Thượng điền và Hạ điền 108
5- Lễ cúng Tiên sư 110
6- Tạp tế 111
7- Giỗ hậu và giỗ các anh hùng lịch sử 112
II- Lễ vật 113
1- Lễ vật cúng mặn 113
2- Lễ vật cúng chay 114
3- Lễ vật đặc biệt 114
4- Lễ vật cúng thần Thành hoàng bổn cảnh 116
a- Xôi
b- Thịt
• Heo tế
• Con gỏi
• Heo cơm
c- Trà, rượu, bánh, trái
III- Nghi thức cúng tế 121
1- Nghi thức cúng 121
2- Nghi thức tế thần 122
a- Những qui định về nhân sự trong ban tế lễ 123
b- Các nghi thức tế lễ 125
• Lễ Tỉnh sanh 126
• Lễ Túc yết 131
• Lễ Đoàn cả (Đàn cả) 145

• Lễ Tiên hiền, Hậu hiền 146
3- Các nghi lễ khác trong lễ Kỳ yên 150
a- Nghi tụng kinh cầu an 151
b- Nghi lễ rước Tổ hát bội 152
c- Nghi Thỉnh sắc và Hồi sắc 153
d- Lễ Xây chầu 158
đ- Lễ Đại bội 166
e- Tục hát chầu và qui ước cầm chầu 181
• Chầu mở màn 183
• Chầu lễ (Chầu chào, chầu khai khẩu, chầu đưa) 185
• Chầu ấm đám 186
• Chầu thúc 186
• Chầu lơi 187
• Chầu thướng (chầu đôi, chầu ba, chầu tư, chầu sáu, chầu chín) 187
• Chầu phạt (chầu chê, chầu đuổi, Gõ dăm, Quăng roi chầu) 188
• Chầu vãn 190
g- Lễ Tôn vương 190
h- Lễ Hồi chầu 192
i- Lễ Đưa khách 194
k- Lễ Cúng miễu 196
• Lễ khai tràng
• Chầu mời, thỉnh tổ
• Dâng bông, dâng mâm

• Bán lộc
• An vị
• Mời tiên ra tuồng
• Phước lộc
• Trạng Nàng xuống huê viên
• Địa Nàng
- Phụ lục: 211
I- Danh sách vài ngôi đình được liệt hạng 213
II- Đình và lịch lễ đình ở thành phố Hồ Chí Minh 215
III- Văn tế cúng đình 255
IV- Vài sắc thần của triều Nguyễn 269
V- Tư liệu về Đào thài, lễ Xây chầu và lễ Đại bội 275
- Tài liệu tham khảo 303
- Mục lục